

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận án Tiến sĩ Xã hội học với đề tài: *Mâu thuẫn giữa học sinh Trung học phổ thông và cha mẹ trong giai đoạn hiện nay (Nghiên cứu trường hợp tại Hà Nội)* là công trình do chính tôi nghiên cứu và thực hiện. Các nội dung nghiên cứu và kết quả trong đề tài này là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất cứ công trình nghiên cứu nào trước đây. Những số liệu trong các bảng biểu phục vụ cho việc phân tích, nhận xét, đánh giá được chính tác giả thu thập từ các nguồn khác nhau có ghi trong phần tài liệu tham khảo.

Nếu có gì sai sót tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Tác giả luận án

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

LỜI CẢM ƠN

Với tấm lòng biết ơn sâu sắc, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới GS.TS. Nguyễn Hữu Minh và PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hà - người đã trực tiếp hướng dẫn, chỉ bảo cho tôi trong suốt quá trình làm luận án. Thầy cô đã giúp đỡ, truyền đạt cho tôi những tri thức quý báu từ bước đầu điều tra, phân tích, xử lý số liệu đến kỹ năng viết bài một cách khoa học, tường minh. Không chỉ hướng dẫn khoa học, sự tâm huyết, trách nhiệm của thầy cô đã truyền cho tôi thêm sự nỗ lực, quyết tâm hoàn thành luận án. Nhờ có thầy cô, tôi đã đi được đến ngày hôm nay với tình yêu ngành, yêu nghề ngày một lớn.

Tiếp đến, tôi xin cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa Xã hội học, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội đã hỗ trợ, giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập. Xin cảm ơn Lãnh đạo Viện và các anh chị em đồng nghiệp của tôi tại Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới đã tạo mọi điều kiện về thời gian cũng như bố trí công việc hợp lý để tôi có thể hoàn thành luận án.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới gia đình, người thân, bạn bè đã giúp đỡ và cổ vũ tôi, là nguồn sức mạnh tinh thần, là chỗ dựa cho tôi đi đến được ngày hôm nay.

Một lần nữa, tôi xin được bày tỏ sự trân quý, lòng biết ơn chân thành, lời cảm ơn sâu sắc đến tất cả những tình cảm, động viên, trợ giúp đó.

Tác giả luận án

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

LỜI CẢM ƠN

MỤC LỤC..... 1

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT 4

DANH MỤC BẢNG..... 5

DANH MỤC BIỂU ĐỒ 7

DANH SÁCH HỘP VÀ HÌNH..... 8

MỞ ĐẦU 9

1. Lý do chọn đề tài 9

2. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn 14

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu 15

4. Đối tượng, khách thể, phạm vi nghiên cứu 15

5. Câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu 17

6. Cấu trúc luận án 18

7. Những đóng góp mới của Luận án 19

8. Hạn chế của Luận án 19

Chương 1. TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU 21

1.1. Các lĩnh vực nảy sinh mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái 21

1.2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái 29

1.3. Hệ quả của mâu thuẫn cha mẹ - con cái 38

1.4. Các cách thức giải quyết mâu thuẫn 40

Tiểu kết Chương 1 43

Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN, CƠ SỞ THỰC TIỄN VÀ PHƯƠNG PHÁP

NGHIÊN CỨU 46

2.1. Khái niệm cơ bản 45

2.1.1. Khái niệm học sinh Trung học phổ thông 45

2.1.2. Khái niệm mối quan hệ cha mẹ - con cái 46

2.1.3. Khái niệm mâu thuẫn và mâu thuẫn cha mẹ - con cái 48

2.1.4. Khái niệm Lĩnh vực học tập 50

2.1.5. Khái niệm đời sống cá nhân của vị thành niên	50
2.1.6. Khái niệm tự lập tài chính của vị thành niên	51
2.2. Các lý thuyết nghiên cứu áp dụng cho đề tài	51
2.2.1. Lý thuyết xung đột	51
2.2.2. Lý thuyết Hành động xã hội	54
2.2.3. Lý thuyết vai trò.....	56
2.2.4. Khung phân tích	58
2.2.5. Hệ biến số.....	62
2.3. Phương pháp nghiên cứu	66
2.3.1. Phương pháp đo lường mâu thuẫn giữa cha mẹ- con cái qua các nghiên cứu trước đây	66
2.3.2. Phương pháp nghiên cứu của Luận án	68
Tiểu kết Chương 2	72
Chương 3. THỰC TRẠNG XẢY RA MÂU THUẤN GIỮA CHA MẸ VÀ CON CÁI VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG	74
3.1. Mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái trong học tập và những yếu tố ảnh hưởng	74
3.1.1. Tần suất xảy ra mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái trong học tập	74
3.1.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái trong học tập.....	80
3.2. Mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái về đời sống cá nhân và những yếu tố ảnh hưởng.....	89
3.2.1. Mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái về việc sử dụng Internet/Thiết bị công nghệ và các yếu tố ảnh hưởng.....	90
3.2.2. Mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái về hoạt động giao lưu bạn bè và những yếu tố ảnh hưởng	102
3.2.3. Mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái về hình thức bề ngoài của trẻ và các yếu tố ảnh hưởng	113
3.3. Mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái về việc tự lập tài chính và các yếu tố ảnh hưởng.....	116
3.3.1. Một vài nét về sự tự lập tài chính của học sinh trung học phổ thông hiện nay.....	116

3.3.2. Tàn suất xảy ra mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái về việc tự lập tài chính	119
3.3.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái về việc tự lập tài chính	121
Tiểu kết Chương 3	124
Chương 4. HỆ QUẢ CỦA MÂU THUẬN VÀ CÁCH THỨC PHẢN ỨNG, XỬ LÝ MÂU THUẬN GIỮA CHA MẸ VÀ CON CÁI.....	129
4.1. Hệ quả của mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái	129
4.1.1. Một vài nét về đặc điểm của lần mâu thuẫn xảy ra gần đây nhất giữa cha mẹ và con cái	129
4.1.2. Hệ quả của mâu thuẫn	131
4.2. Phản ứng của con cái và cha mẹ khi gặp mâu thuẫn	138
4.2.1. Phản ứng của con cái.....	138
4.2.2. Phản ứng của cha mẹ.....	143
4.3. Cách thức giải quyết mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái và các yếu tố ảnh hưởng.....	146
4.3.1. Cách thức giải quyết mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái.....	146
4.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến cách giải quyết mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái	149
4.3.3. Đánh giá của con cái về cách thức giải quyết mâu thuẫn	152
Tiểu kết Chương 4	161
KẾT LUẬN, KHUYẾN NGHỊ	163
A. Kết luận	163
B. Khuyến nghị.....	166
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	168
TÀI LIỆU THAM KHẢO	170
PHỤ LỤC	

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

NCS	Nghiên cứu sinh
THPT	Trung học phổ thông
TBCN	Thiết bị công nghệ
VTN	Vị thành niên

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Đặc điểm mẫu nghiên cứu định lượng.....	70
Bảng 2.2: Đặc điểm mẫu nghiên cứu định tính.....	71
Bảng 3.1: Tần suất xảy ra mâu thuẫn giữa con cái - cha mẹ liên quan đến học tập...	75
Bảng 3.2: Tỷ lệ trẻ có mâu thuẫn với cha mẹ trong các lĩnh vực học tập theo đặc điểm cá nhân của con cái.....	80
Bảng 3.3: Tỷ lệ trẻ gặp áp lực trong học tập chia theo khu vực sinh sống.....	82
Bảng 3.4: Tần suất xảy ra mâu thuẫn về học tập chia theo cặp giới tính.....	83
Bảng 3.5: Tỷ lệ trẻ có mâu thuẫn với cha mẹ trong các lĩnh vực học tập theo đặc điểm cá nhân của bố mẹ.....	85
Bảng 3.6: Kết quả mô hình hồi quy logistic về tác động của các biến số chọn lọc đến mâu thuẫn giữa học sinh THPT và mẹ liên quan đến vấn đề học tập.....	87
Bảng 3.7: Kết quả mô hình hồi quy logistic về tác động của các biến số chọn lọc đến mâu thuẫn giữa học sinh THPT và bố liên quan đến vấn đề học tập.....	88
Bảng 3.8: Tần suất xảy ra mâu thuẫn giữa con cái và cha mẹ về sử dụng Internet trong 01 tháng qua(%).....	94
Bảng 3.9: Tỷ lệ trẻ có mâu thuẫn với cha mẹ trong việc sử dụng Internet/TBCN theo các nhóm xã hội.....	96
Bảng 3.10: Tỷ lệ trẻ có mâu thuẫn với cha mẹ trong việc sử dụng Internet/TBCN theo thực trạng sở hữu/sử dụng Internet/TBCN của trẻ.....	99
Bảng 3.11: Kết quả mô hình hồi quy logistic về tác động của các biến số chọn lọc đến mâu thuẫn giữa học sinh THPT và bố, mẹ liên quan đến vấn đề sử dụng Internet/TBCN.....	101
Bảng 3.12: Tỷ lệ trẻ có mâu thuẫn với cha mẹ trong quan hệ bạn bè theo các nhóm xã hội (%).....	108
Bảng 3.13: Kết quả mô hình hồi quy logistic về tác động của các biến số chọn lọc đến mâu thuẫn giữa học sinh THPT và mẹ liên quan đến vấn đề bạn bè.....	111
Bảng 3.14: Tương quan tỷ lệ cha mẹ- con cái có mâu thuẫn về hình thức bề ngoài của con (%).....	113

Bảng 3.15: Kết quả mô hình hồi quy logistic về tác động của các biến số chọn lọc đến mâu thuẫn giữa học sinh THPT và mẹ liên quan đến vấn đề cách ăn mặc, kiểu tóc	115
Bảng 3.16: Tỷ lệ trẻ vị thành niên có mâu thuẫn với cha mẹ về việc tự lập tài chính (%).....	121
Bảng 4.1: Tỷ lệ các vấn đề liên quan đến mâu thuẫn gần đây nhất giữa vị thành niên với bố, mẹ (%).....	130
Bảng 4.2: Đánh giá về mức độ nghiêm trọng về mâu thuẫn gần đây nhất giữa vị thành niên với bố, mẹ theo từng lĩnh vực (%)	131
Bảng 4.3: Số lượng cảm xúc tiêu cực khi gặp mâu thuẫn.....	135
Bảng 4.4: Tỷ lệ trẻ có cảm xúc tiêu cực sau mâu thuẫn theo đặc điểm cá nhân và đặc điểm mâu thuẫn (%)	136
Bảng 4.5: Phản ứng của VTN trong lần mâu thuẫn với bố, mẹ gần đây nhất theo nội dung mâu thuẫn (%).....	141
Bảng 4.6: Phản ứng của VTN trong lần mâu thuẫn với bố, mẹ gần đây nhất theo khối lớp (%)	142
Bảng 4.7: Các yếu tố ảnh hưởng đến cách thức giải quyết mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái (%)	151
Bảng 4.8: Mức độ hài lòng của con cái với cách giải quyết mâu thuẫn với cha mẹ (%).....	155

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1: Tỷ lệ trẻ gặp áp lực phải đạt điểm cao từ cha mẹ (%).....	76
Biểu đồ 3.2: Tỷ lệ trẻ bị ép học khi mệt mỏi (%)	76
Biểu đồ 3.3: Tần suất cha mẹ nhắc nhở con cái trong học tập.....	79
Biểu đồ 3.4: Tỷ lệ con cái gặp mâu thuẫn với bố và với mẹ về việc sử dụng Internet (%)	99
Biểu đồ 3.5: Tần suất giao lưu cùng bạn bè	103
Biểu đồ 3.6: Tỷ lệ có mâu thuẫn giữa học sinh THPT với cha và mẹ về bạn bè (%)	106
Biểu đồ 3.7: Lý do khiến vị thành niên mong muốn đi làm thêm (%)	118
Biểu đồ 3.8: Tỷ lệ có mâu thuẫn giữa học sinh THPT với cha và mẹ về tự lập tài chính (%).....	119
Biểu đồ 4.1: Nội dung liên quan đến mâu thuẫn gần đây nhất giữa cha mẹ và trẻ vị thành niên (%)	130
Biểu đồ 4.2: Ảnh hưởng của mâu thuẫn tới các chiều cạnh tâm lý, đời sống của trẻ và mối quan hệ giữa cha mẹ- con cái.....	132
Biểu đồ 4.3: Phản ứng của trẻ vị thành niên khi gặp mâu thuẫn với cha mẹ lần gần đây nhất (%)	139
Biểu đồ 4.4: Phản ứng của trẻ vị thành niên khi gặp mâu thuẫn với cha mẹ trong lần gần đây nhất theo khu vực sống (%)	143
Biểu đồ 4.5: Phản ứng của cha mẹ trong lần mâu thuẫn gần đây nhất với trẻ (%) ..	144
Biểu đồ 4.6: Phản ứng của cha mẹ trong lần mâu thuẫn gần đây nhất với trẻ theo cách giáo dục gia đình (%).....	146
Biểu đồ 4.7: Các hình thức giải quyết mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái tuổi vị thành niên (N=706).....	147
Biểu đồ 4.8: Sự hài lòng của vị thành niên với cách giải quyết mâu thuẫn với cha mẹ.....	153
Biểu đồ 4.9: Tỷ lệ VTN có hài lòng với cách giải quyết của cha mẹ trong mâu thuẫn lần gần đây nhất theo cách thức giải quyết mâu thuẫn (%)	154

DANH SÁCH HỘP VÀ HÌNH

Hình 1: KHUNG PHÂN TÍCH.....	61
Hộp 1: Áp lực học tập và những tổn thương.....	77
Hộp 2: Một số trường hợp trẻ vị thành niên tự tử và tự làm hại bản thân khi gặp mâu thuẫn với cha mẹ	133

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Mâu thuẫn là một phần không thể tránh khỏi của các mối quan hệ xã hội nói chung và quan hệ giữa cha mẹ - con cái nói riêng. Các nghiên cứu cũng cho thấy bất đồng nảy sinh giữa cha mẹ và con cái trong gia đình là hiện tượng phổ biến và bình thường trong các gia đình ở mọi nền văn hóa (Laursen, 1993). Trong giai đoạn con cái bước vào tuổi vị thành niên, mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái thường có xu hướng xảy ra thường xuyên hơn và gay gắt hơn (Van Doorn và cộng sự, 2008; Moed và cộng sự, 2015). Nguyên nhân của sự gia tăng mâu thuẫn này một phần đến từ sự phát triển theo lứa tuổi. Theo các nhà tâm lý học lứa tuổi, khi bước vào tuổi vị thành niên (thông thường là 13-18 tuổi), thanh thiếu niên có xu hướng tìm kiếm sự độc lập với cha mẹ nhiều hơn, đồng thời có xu hướng tìm kiếm sự gần gũi và liên kết nhiều hơn với bạn bè đồng trang lứa (Branje, 2018). Bên cạnh đó, nhu cầu tìm kiếm bản sắc cá nhân và khẳng định cái tôi của thanh thiếu niên ở giai đoạn này cũng đặc biệt mạnh mẽ (Santrock, 2001¹). Chính vì những đặc trưng lứa tuổi như vậy (tìm cách độc lập khỏi cha mẹ và gần gũi hơn với bạn bè, muốn khẳng định bản sắc cái tôi), thanh thiếu niên ở giai đoạn vị thành niên thường nảy sinh nhiều mâu thuẫn với cha mẹ hơn so với các giai đoạn phát triển theo lứa tuổi khác.

Mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái không chỉ là một khía cạnh không thể tránh khỏi của cuộc sống gia đình, mâu thuẫn cha mẹ và con cái còn đóng vai trò chức năng là một thành tố thúc đẩy sự phát triển lành mạnh của các thành viên gia đình. Mâu thuẫn trong mối quan hệ cha mẹ và con cái có cả rủi ro và lợi ích tiềm tàng. Theo Shantz và Hobart (1989), mâu thuẫn tạo cơ hội cho sự phát triển và học hỏi trong mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái. Nó tạo điều kiện cho sự chuyển đổi của trẻ từ một thực thể bản năng sang một thực thể xã hội bằng cách giúp trẻ hiểu và học cách thích nghi với những khác biệt, học hỏi cách thương thuyết cũng như tuân thủ chuẩn mực xã hội, tiếp thu và phát triển các mô hình giải quyết mâu thuẫn và các kỹ năng cần thiết để chuẩn bị cho sự tham gia xã hội của trẻ sau này.

¹ Santrock, J.W. (2001) *Adolescence*. 8th Edition, McGraw-Hill, New York.

Vì vậy, có thể nói rằng mâu thuẫn cha mẹ và con cái không chỉ là một hiện tượng không tránh khỏi, mà còn là một yếu tố cần thiết cho sự phát triển lành mạnh của trẻ. Susan Branje (2018) nhấn mạnh rằng mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái có thể đóng vai trò là cơ chế thay đổi và phát triển trong mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái. Nếu cha mẹ và thanh thiếu niên có thể quản lý hiệu quả sự thay đổi cảm xúc trong các mâu thuẫn, thì những mâu thuẫn này có thể tạo cơ hội phát triển mối quan hệ và đáp ứng nhu cầu của thanh thiếu niên. Tuy nhiên, nếu cha mẹ thể hiện những hành vi và phản ứng tiêu cực trong các cuộc mâu thuẫn, thanh thiếu niên có thể tiếp thu những mô hình này và áp dụng các chiến lược tiêu cực để giải quyết mâu thuẫn. Mâu thuẫn quá mức trong thời niên thiếu có liên quan đến kết quả không thích nghi, bao gồm những khó khăn về hành vi và cảm xúc (Laursen, 1993; Moed và cộng sự, 2015).

Tóm lại, cách cha mẹ và thanh thiếu niên giải quyết mâu thuẫn có ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển của thanh thiếu niên. Mặc dù các nghiên cứu đã cho thấy tầm quan trọng của việc nghiên cứu mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái, và chủ đề này đã được xem xét trong nhiều bối cảnh xã hội khác nhau, tuy nhiên, các nghiên cứu về vấn đề này trong các gia đình Việt Nam thì vẫn còn tương đối vắng vẻ.

Bàn về xã hội Việt Nam hiện đại, có thể thấy, hiện nay gia đình Việt Nam đang chứng kiến sự biến đổi mạnh mẽ. Nếu trong xã hội truyền thống, mối quan hệ cha mẹ- con cái được định hình theo khuôn mẫu quan hệ giữa bề trên và kẻ dưới (cha mẹ là bề trên, con cái là kẻ dưới), hay nói cách khác, là mối quan hệ giữa người ra lệnh và kẻ phục tùng, giữa người thống trị và kẻ bị trị (Lê Ngọc Văn, 2012). Vị thế cha mẹ- con cái trong gia đình cũng được khắc họa qua các câu ca dao tục ngữ như: “Cá không ăn muối cá ươn, con không nghe lời cha mẹ trăm đường con hư”, “Con ơi muốn nên thân người, Lắng tai nghe lấy những lời mẹ cha”, “Cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy”... Nhưng giờ đây, xã hội đang chuyển mình cùng với sự hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ, sự phát triển kinh tế thị trường và sự mở cửa với các nền văn hóa, tư tưởng phương Tây. Đặc biệt, sự biến chuyển này ghi dấu cùng với sự phát triển của mạng Internet. Ngày 19/11/1997, Việt Nam chính thức hòa vào mạng lưới Internet toàn cầu với hơn 200.000 người sử dụng, và tính tới tháng 9/2022, sau 25

năm, theo số liệu thống kê của Bộ Thông tin và Truyền thông, số lượng người dùng Internet ở Việt Nam lên tới khoảng 70 triệu người.² Trong bối cảnh Internet, mạng xã hội ngày càng mở rộng, việc sở hữu các thiết bị công nghệ ngày một dễ dàng, nhiều nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, sự giao tiếp giữa con người với con người đang dần chuyển từ “trực tiếp” sang “trực tuyến” (offline to online, Bilieux, 2012). Đặc biệt sau đại dịch Covid-19, việc sử dụng Internet/thiết bị công nghệ tăng cao ở phạm vi toàn cầu và diễn ra ở mọi lứa tuổi, đặc biệt là nhóm trẻ vị thành niên. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, việc trẻ dành nhiều thời gian sử dụng Internet, mạng xã hội và thiết bị công nghệ sẽ làm giảm thời gian dành cho cha mẹ, gia đình (Lee, 2009). Chỉ cần một cú nhấp chuột, trẻ có thể tiếp cận dễ dàng với nguồn tài liệu tri thức phong phú, nhưng ngược lại, cũng chỉ cần một cú nhấp chuột, hàng loạt nguy cơ như văn hóa phẩm độc hại, bắt nạt trên mạng, nghiện game-online... cùng các rủi ro khác sẽ đe dọa đến sự phát triển lành mạnh về thể chất cũng như tinh thần của trẻ. Việc trẻ dành nhiều thời gian cho Internet có thể làm giảm tính chủ động, tăng tính thụ động của trẻ trong sinh hoạt hàng ngày, ảnh hưởng đến sức khỏe tinh thần và hành vi của trẻ nói riêng và mối quan hệ cha mẹ- con cái nói chung (Shek và cs, 2018, Li và cs, 2021). Đối với trẻ, việc sở hữu thiết bị công nghệ, truy cập vào mạng xã hội, Internet như một cách thức để trẻ tự do phát triển bản thân và tìm kiếm, khám phá thế giới xung quanh. Tuy nhiên, trong gia đình, cha mẹ vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý hành vi sử dụng Internet của trẻ (Shi và cs, 2017). Những lo lắng của cha mẹ khi không thể kiểm soát con trong thế giới mạng vốn được ví như con dao hai lưỡi có thể khiến cha mẹ phải tìm kiếm các biện pháp kiểm soát, thắt chặt phạm vi, thời gian sử dụng Internet, thiết bị công nghệ của con và vô hình chung tạo ra những mâu thuẫn ở nhiều mức độ khác nhau.

Hiểu về mâu thuẫn cha mẹ-con cái, đặc biệt trong bối cảnh xã hội hiện đại có tầm quan trọng rất lớn, vì nó giúp xác định các vấn đề hiện đại trong gia đình như mối quan tâm hiện tại và sự khác biệt trong mối quan tâm chính giữa cha mẹ và thanh thiếu niên, cách cha mẹ và thanh thiếu niên phản ứng với nhau trong các cuộc

² <https://dangcongsan.vn/bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang/tu-do-internet-o-viet-nam-la-mot-thuc-te-khong-the-phu-nhan-626055.html>

mâu thuẫn của họ, cách họ nhận thức về vai trò của mình với tư cách là thành viên trong gia đình và trong mối quan hệ với nhau. Về lâu dài, hiểu biết về các mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái trong gia đình Việt Nam hiện đại có thể giúp xác định những thay đổi trong gia đình với tư cách là một tổ chức xã hội và tác nhân xã hội hóa quan trọng đối với trẻ em trong bối cảnh xã hội có nhiều thay đổi.

Bên cạnh đó, Furman và Buhmester (1992) đã chỉ ra rằng, mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái ghi nhận thay đổi theo thời gian. Do vậy, bàn về mâu thuẫn cha mẹ - con cái cần lồng ghép yếu tố tuổi của con. Vị thành niên là giai đoạn chuyển giao giữa thời kỳ thơ ấu lên tuổi trưởng thành. Vào thời kỳ này, vị thành niên sẽ ghi nhận những thay đổi về thể chất, tâm sinh lý cũng như những thay đổi quan trọng trong nhận thức, hành vi và đảm nhiệm thêm những vai trò như một người trưởng thành. Thời kỳ vị thành niên thường được chia thành 03 giai đoạn: tiền vị thành niên (13-14 tuổi), trung vị thành niên (15-17 tuổi) và hậu vị thành niên (18-21 tuổi). Giai đoạn trung vị thành niên được coi là giai đoạn chuyển đổi. Trẻ vị thành niên trong giai đoạn này không muốn bị coi là “trẻ con”, không hiểu chuyện người lớn (Laursen và Collins, 1988, dẫn theo Comstock, 1994). Nghiên cứu của Fuligini (1998) cũng chỉ ra rằng, giai đoạn vị thành niên giữa là thời kỳ nảy sinh nhiều mâu thuẫn hơn cả, so với vị thành niên sớm (dẫn theo Ashraf, 2011) bởi trong giai đoạn này, vị thành niên không còn mong muốn phải phục tùng cha mẹ nữa, sự độc lập dần được khẳng định khi trẻ muốn thoát khỏi vòng kiểm soát của cha mẹ và quá trình cá nhân hóa diễn ra mạnh mẽ vì trẻ nhận thức được mình là cá thể duy nhất - độc lập (Steinberg, 1987). Do vậy, tìm hiểu mâu thuẫn cha mẹ - con cái ở lứa tuổi trung vị thành niên, đại diện là nhóm đang học cấp học Trung học phổ thông, sẽ mang lại ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tế sâu sắc.

Ở Việt Nam, mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái trong gia đình khá phổ biến và nảy sinh ở nhiều lĩnh vực/khía cạnh. Theo nghiên cứu của Bùi Hữu Mô, Châu Thị Hồng Nhựt (2016) có 81,2% học sinh cho biết có mâu thuẫn với cha mẹ, trong đó gần một nửa có mâu thuẫn với cha mẹ liên quan đến sinh hoạt hàng ngày, cách ăn mặc; 68,2% ngăn cấm kết bạn, 87,8% gây áp lực về việc học tập và 61,4% cho biết là mâu thuẫn do cha mẹ đối xử không công bằng. Tình trạng bạo lực trẻ em trong

gia đình cũng có xu hướng tăng cả về số lượng lẫn mức độ, và trong nhiều trường hợp bạo lực của cha mẹ với con cái thường xuất phát từ những mâu thuẫn, xung đột liên quan đến việc học tập, quan hệ bạn bè và các lĩnh vực liên quan đến đời sống cá nhân và xã hội của trẻ. Nhiều bậc cha mẹ thường áp dụng biện pháp giáo dục con cái bằng việc đánh đập, chửi mắng khi con cái mắc lỗi, có kết quả học tập kém, không tuân thủ theo các quy định sinh hoạt hàng ngày do cha mẹ đặt ra. Các nghiên cứu về trẻ em, về quan hệ cha mẹ con cái ở quốc tế và ở Việt Nam đã chỉ ra rằng trong các gia đình mà cha mẹ và con cái có tần suất/tỷ lệ mâu thuẫn cao sẽ góp phần làm phát triển các rối loạn chức năng cảm xúc xã hội ở trẻ em từ tuổi đi học đến tuổi vị thành niên (El-Sheikh, Elmore-Stratton, 2004). Sự xung đột, mâu thuẫn trong ứng xử giữa người lớn và trẻ em thường dẫn đến hậu quả xấu, thậm chí là nghiêm trọng đối với sự phát triển của trẻ. Sự rối loạn tâm lý, sự lệch chuẩn về hành vi và nhân cách phần lớn do những hệ quả của sự mâu thuẫn trong quan hệ với người lớn (Bùi Hữu Mô, Châu Thị Hồng Nhự, 2016).

Cho đến nay, ở Việt Nam đã có một số công trình khoa học nghiên cứu mâu thuẫn cha mẹ và con cái, chủ yếu từ lĩnh vực nghiên cứu như tâm lý học, xã hội học, giáo dục học... tuy nhiên, các công trình nghiên cứu này mới chỉ dừng lại ở việc phân tích hoặc đề cập đến một vài khía cạnh của mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái, còn ít các nghiên cứu thực nghiệm về thực trạng mâu thuẫn cha mẹ - con cái ở lứa tuổi vị thành niên, đo lường trực tiếp tần suất và mức độ phổ biến, các phản ứng của cha mẹ và con cái khi nảy sinh mâu thuẫn, làm rõ hệ quả cũng như xác định các yếu tố tác động. Việc đánh giá mâu thuẫn trên thực trạng hành vi của trẻ và các yếu tố tác động chưa được đề cập sâu sắc và toàn diện, đặc biệt là ở mâu thuẫn giữa cha mẹ với con cái đang học trung học phổ thông, là độ tuổi ở giai đoạn giữa và cuối của tuổi vị thành niên được ghi nhận có nhiều thay đổi quan trọng về tâm sinh lý và cảm xúc xã hội để sự chuẩn bị cho giai đoạn trưởng thành. Mặc dù mâu thuẫn chỉ là một chiều cạnh trong đời sống gia đình, mâu thuẫn có thể tiêu cực, nhưng cũng có thể thúc đẩy sự gắn gũi giữa cha mẹ - con cái, nhưng việc tìm hiểu góc nhìn của vị thành niên về chủ đề này đóng vai trò quan trọng trong việc tìm kiếm những luận cứ khoa học để thúc đẩy chất lượng mối quan hệ cha mẹ - con cái.

Từ những luận cứ trên, nghiên cứu sinh lựa chọn nghiên cứu vấn đề “Mâu thuẫn giữa học sinh trung học phổ thông và cha mẹ trong giai đoạn hiện nay (Nghiên cứu trường hợp tại Hà Nội)” với kì vọng sẽ có thể góp phần đánh giá toàn diện hơn về mâu thuẫn trong gia đình giữa cha mẹ và con cái đang học trung học phổ thông hiện nay, qua đó là cơ sở đề xuất một số khuyến nghị, giải pháp góp phần nâng cao nhận thức của gia đình và cộng đồng trong vấn đề giải quyết mâu thuẫn hướng tới hạn chế, giảm nhẹ mâu thuẫn, xung đột giữa cha mẹ và con cái, nhằm đảm bảo sự phát triển thể chất và tinh thần của trẻ em cũng thực hiện tốt hơn quyền trẻ em trong gia đình..

2. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

2.1. Ý nghĩa khoa học

Luận án này dựa vào cách tiếp cận lý thuyết xung đột, thuyết hành động xã hội nhằm xem xét và lý giải mâu thuẫn cha mẹ và con cái trong gia đình. Kết quả nghiên cứu của Luận án góp phần kiểm chứng sự phù hợp của các lý thuyết nghiên cứu nêu trên khi vận dụng nghiên cứu mâu thuẫn cha mẹ và con cái ở lứa tuổi học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu của luận án sẽ góp phần làm phong phú và hoàn thiện thêm tri thức khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu gia đình, cung cấp một cái nhìn khoa học mức độ mâu thuẫn, các phản ứng, cách ứng xử và hệ quả của mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái, cũng như xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái trong gia đình hiện nay. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu của luận án làm cơ sở cho những nghiên cứu tiếp theo về chủ đề này.

2.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần phản ánh thực trạng mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái trong gia đình ở Việt Nam hiện nay; đóng góp thêm các luận cứ khoa học đề xuất giải pháp nhằm hạn chế và làm giảm sự mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái hướng tới việc nâng cao chất lượng quan hệ cha mẹ - con cái và xây dựng gia đình bền vững.

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể được dùng làm tài liệu tham khảo cho nhà nghiên cứu, giảng dạy và học tập môn xã hội học gia đình. Những phát hiện và khuyến nghị của luận án là nguồn tham khảo cho các nhà quản lý, hoạch định chính

sách, các nhà nghiên cứu và những cơ quan, tổ chức có liên quan hoặc quan tâm tới vấn đề gia đình và trẻ em.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đánh giá thực trạng mâu thuẫn giữa con cái vị thành niên với cha mẹ, phản ứng của cha mẹ và con cái khi nảy sinh mâu thuẫn, phân tích hệ quả, cách giải quyết mâu thuẫn của cha mẹ, con cái và xác định các yếu tố tác động đến mâu thuẫn cha mẹ - con cái trong gia đình, trên cơ sở đó đề xuất các khuyến nghị nhằm hạn chế mâu thuẫn nảy sinh giữa cha mẹ - con cái, góp phần nâng cao chất lượng mối quan hệ gia đình.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa và xây dựng cơ sở lý luận của đề tài luận án. Cụ thể thao tác hoá và làm rõ các khái niệm công cụ chính liên quan và các lý thuyết, cách tiếp cận nghiên cứu có thể áp dụng để lý giải vấn đề mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái trong gia đình.

- Phân tích thực trạng xảy ra mâu thuẫn giữa cha mẹ con cái ở ba lĩnh vực: học tập, đời sống cá nhân, tự lập tài chính nhằm nhận diện mức độ phổ biến của mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái ở lứa tuổi học sinh trung học phổ thông;

- Phân tích phản ứng của cha mẹ và của con cái khi nảy sinh mâu thuẫn cũng như đánh giá hệ quả của mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái ở lứa tuổi học sinh trung học phổ thông;

- Phân tích cách thức giải quyết mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái ở lứa tuổi học sinh trung học phổ thông;

- Mô tả và làm rõ các yếu tố tác động đến mâu thuẫn cha mẹ-con cái ở lứa tuổi học sinh trung học phổ thông.

- Đề xuất khuyến nghị/giải pháp nhằm hạn chế mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái vị thành niên góp phần nâng cao chất lượng quan hệ cha mẹ - con cái trong gia đình.

4. Đối tượng, khách thể, phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái đang học Trung học phổ thông ở Hà Nội.

Khách thể nghiên cứu: học sinh đang học Trung học phổ thông.

Phạm vi nghiên cứu:

- *Phạm vi không gian:* Trong năm học 2019-2020, Hà Nội có 2099 trường Trung học phổ thông³. Do hạn chế về nguồn lực nên nghiên cứu được tiến hành tại hai trường THPT tại Hà Nội (một trường ở đô thị, một trường ở nông thôn) thông qua nghiên cứu các em học sinh đang học lớp 10-11-12.

Trường K. là trường đại diện cho khu vực đô thị Hà Nội, được thành lập từ những năm 1974, nằm ở quận Đống Đa- một trong 4 quận lõi của Thủ đô. Trường K. thực hiện mô hình giáo dục chất lượng cao, thuộc top 10 trường THPT hàng đầu của Hà Nội cũng như là 1 trong những trường công lập không thuộc hệ chuyên có tỉ lệ học sinh đỗ đại học cao nhất cả nước. Như vậy có thể nói, học sinh trường K. sẽ đại diện cho nhóm học sinh khá giỏi, gia đình mức sống nhìn chung là trung bình khá trở lên, học sinh được sự chăm sóc, sát cánh của bố mẹ và áp lực học tập nhìn chung tương đối lớn. Bên cạnh đó, Luận án tiến hành khảo sát tại trường M., thuộc huyện Quốc Oai, nằm ở phía Tây ngoại thành của Hà Nội để đối chiếu sự khác biệt trong quan hệ cha mẹ-con cái nói chung và mâu thuẫn cha mẹ- con cái giữa nông thôn và đô thị.

- *Phạm vi thời gian:* Nghiên cứu về mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái đang học Trung học phổ thông hiện nay nên đề tài tập trung tìm hiểu mâu thuẫn cha mẹ - con cái vào thời điểm hiện tại, cụ thể là thời gian thực hiện nghiên cứu từ 2020-2021.

Để đảm bảo độ tin cậy của thông tin về mâu thuẫn cha mẹ - con cái, nghiên cứu sẽ khai thác những mâu thuẫn đã nảy sinh giữa cha mẹ - con cái trong vòng 01 tháng tính đến thời điểm khảo sát.

Phạm vi nội dung:

+ Luận án nghiên cứu mâu thuẫn cha mẹ - con cái dựa trên góc nhìn từ phía con cái, vì vậy những quan điểm giáo dục cùng đánh giá từ phía cha mẹ sẽ chưa được đề cập trong Luận án.

+ Dựa theo cách phân nhóm theo lĩnh vực xảy ra mâu thuẫn giữa con cái và cha mẹ đã được các nghiên cứu quốc tế và Việt Nam thực hiện, nội dung phân tích của luận án sẽ tập trung vào nghiên cứu tàn suất, mức độ diễn ra mâu thuẫn, hệ quả, phản ứng và cách xử lý khi nảy sinh mâu thuẫn ở 3 lĩnh vực/vấn đề thường nảy sinh

³ <https://moet.gov.vn/thong-ke/Pages/Thong-ke-giao-duc-trung-hoc.aspx?ItemID=7387>

mâu thuẫn cha mẹ - con cái đã từng xảy ra trong 01 tháng qua tính đến thời điểm khảo sát, cụ thể là: 1) lĩnh vực học tập của con cái; 2) vấn đề liên quan đến đời sống cá nhân của con cái như giao lưu bạn bè, sử dụng Internet; và 3) hoạt động quản lý và tự lập tài chính của con cái. Đây là các lĩnh vực thường xảy ra mâu thuẫn, có liên quan chủ yếu và trực tiếp đến con cái ở lứa tuổi vị thành niên, cũng như là các vấn đề/lĩnh vực có ảnh hưởng trực tiếp đến mối quan hệ hàng ngày giữa cha mẹ và con cái. Do đó, trong phạm vi nghiên cứu của Luận án, những nội dung liên quan đến biểu hiện của mâu thuẫn sẽ chưa được đề cập đến.

+ Về đối tượng khảo sát: Luận án lựa chọn khảo sát nhóm học sinh ở hai trường công lập: một trường ở nông thôn, một trường ở đô thị và không mở rộng khảo sát đối với nhóm học sinh bỏ học hoặc nhóm học sinh ở các trường tư thục, quốc tế.

5. Câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu

5.1. Câu hỏi nghiên cứu

1. Thực trạng mâu thuẫn giữa cha mẹ- con cái hiện nay diễn ra như thế nào?
2. Những yếu tố nào tác động đến mâu thuẫn cha mẹ-con cái trong gia đình?
3. Hệ quả của mâu thuẫn là gì? Phản ứng và xu hướng giải quyết mâu thuẫn như thế nào?

5.2. Giả thuyết nghiên cứu

1. Thực trạng xảy ra mâu thuẫn cha mẹ- con cái thể hiện thông qua tỉ lệ mâu thuẫn ở các lĩnh vực như học tập, đời sống cá nhân và tự lập tài chính. Vì là các chủ đề liên quan đến sinh hoạt hàng ngày nên giả thuyết đặt ra rằng đa số con cái đều gặp mâu thuẫn với cha mẹ về ba lĩnh vực này, đặc biệt là lĩnh vực học tập và sử dụng Internet.
2. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến mâu thuẫn cha mẹ- con cái, nhưng trong đó những yếu tố có ảnh hưởng rõ nét là yếu tố khu vực sinh sống, giới tính, khối lớp, học vấn cha mẹ và phong cách giáo dục của cha mẹ.
3. Mâu thuẫn có tác động tích cực và tiêu cực lên mối quan hệ cha mẹ- con cái. Khi gặp mâu thuẫn, cha mẹ và con cái có thể có các phản ứng khác: Phản ứng của con cái mang tính né tránh, trong khi đó, bố mẹ thể hiện sự phân tích nhẹ nhàng nhiều hơn. Cách giải quyết mâu thuẫn phổ biến là cha mẹ-con cái đồng thuận.

6. Cấu trúc luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Khuyến nghị, nội dung chính của Luận án được kết cấu trong 04 chương như sau:

- Chương 1: *Tổng quan vấn đề nghiên cứu.*

Chương 1 tập trung diễn giải, phân tích những luận điểm chính của các nghiên cứu đi trước bàn về mâu thuẫn cha mẹ- con cái. Nghiên cứu sinh tìm hiểu các nghiên cứu về mâu thuẫn cha mẹ - con cái ở các khía cạnh sau: Các lĩnh vực thường xảy ra mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái, các yếu tố ảnh hưởng đến mâu thuẫn cha mẹ- con cái, hệ quả của mâu thuẫn, cách ứng phó với mâu thuẫn và phương pháp đo lường, đánh giá mâu thuẫn cha mẹ - con cái.

- Chương 2: *Cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn và phương pháp nghiên cứu.*

Trong chương này sẽ phân tích các khái niệm về quan hệ cha mẹ- con cái, mâu thuẫn, lĩnh vực học tập, đời sống cá nhân, sử dụng Internet/TBCN. Một số lý thuyết được áp dụng trong luận án bao gồm: lý thuyết vai trò, lý thuyết mâu thuẫn, lý thuyết hành động xã hội. Bên cạnh đó, nội dung về phương pháp nghiên cứu cũng sẽ được trình bày chi tiết trong Chương 2. Các phương pháp nghiên cứu được vận dụng trong Luận án, đó là: phân tích tài liệu, phỏng vấn sâu, điều tra bằng bảng hỏi.

- Chương 3: *Thực trạng xảy ra mâu thuẫn giữa cha mẹ -con cái và các yếu tố ảnh hưởng.*

Nội dung của Chương 3 nhằm mô tả tần suất xảy ra mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái ở ba lĩnh vực: học tập, đời sống cá nhân và tự lập tài chính. Các yếu tố tác động được xem xét gồm các yếu tố cộng đồng, yếu tố gia đình và yếu tố cá nhân.

- Chương 4: *Hệ quả của mâu thuẫn, cách thức phản ứng, xử lý mâu thuẫn giữa cha mẹ- con cái.*

Chương 4 tập trung mô tả về các hệ quả của mâu thuẫn, những phản ứng thường gặp của cha mẹ và con cái khi đối diện với mâu thuẫn và xu hướng giải quyết mâu thuẫn.

7. Những đóng góp mới của Luận án

Trước hết, quan hệ cha mẹ - con cái là một chủ đề nhận được nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu đến từ các lĩnh vực khác nhau như tâm lý học, xã hội học... Tuy nhiên, mâu thuẫn cha mẹ - con cái lại là một mảng nghiên cứu còn thiếu vắng dữ liệu thực nghiệm. Mặc dù dữ liệu nghiên cứu của Luận án cơ bản còn mang tính mô tả nhưng cũng đã đưa đến một bức tranh tương đối khái quát về thực trạng mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái đang học trung học phổ thông. Bên cạnh việc đánh giá tần suất mâu thuẫn, các thành tố chính của mâu thuẫn như: hệ quả mâu thuẫn và cách ứng phó với mâu thuẫn đều được đề cập chi tiết trong Luận án nhằm đưa ra bức tranh khái quát về chủ đề này.

Bên cạnh đó, việc đo lường mâu thuẫn dựa trên chính đánh giá của trẻ vị thành niên, tuy là một cách tiếp cận không mới mẻ ở nước ngoài, nhưng cũng ít được vận dụng trong các nghiên cứu ở Việt Nam về chủ đề mâu thuẫn. Bằng cách thức này, Luận án nhận diện được góc nhìn của trẻ vị thành niên về những khác biệt, mâu thuẫn với cha mẹ trong đời sống và tôn trọng sự đánh giá của các em. Bởi có thể, trong mắt người lớn, những sự kiện nhỏ mang tính nhắc nhở, tranh luận... có thể đơn thuần là biện pháp giáo dục, nhưng trong lăng kính của trẻ, chính những khác biệt đó đã nảy lên thành mâu thuẫn. Việc tìm hiểu về góc nhìn, cách đánh giá của trẻ vị thành niên không chỉ góp phần vào mô tả quan hệ cha mẹ - con cái nói chung hay mâu thuẫn nói riêng, mà còn là luận cứ để đưa ra những chương trình can thiệp phù hợp cho sự phát triển toàn diện của trẻ cũng như tăng cường sự gắn kết trong gia đình.

8. Hạn chế của Luận án

Về hạn chế của Luận án, kết quả nghiên cứu này chưa thể suy rộng và đại diện cho mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái vị thành niên ở nhóm tuổi trung học phổ thông ở Hà Nội nói riêng và Việt Nam nói chung, vì địa bàn nghiên cứu là khu vực có điều kiện kinh tế-xã hội và giáo dục phát triển, cũng như chưa làm rõ các hoạt động đời sống cá nhân của trẻ vị thành niên từ góc độ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục một cách toàn diện vì các hạn chế sau:

Trước hết, trong phạm vi nghiên cứu của Luận án, Luận án chỉ tập trung mô tả mâu thuẫn thông qua đánh giá tần suất xảy ra mâu thuẫn ở các lĩnh vực có liên quan và không đi vào tìm hiểu các biểu hiện của mâu thuẫn.

Thứ hai, mục tiêu nghiên cứu của Luận án là đánh giá tần suất xảy ra mâu thuẫn cha mẹ- con cái ở ba lĩnh vực: 1) Học tập (điểm số, việc học ở nhà, việc đi học thêm, chọn trường lớp), 2) Đời sống cá nhân của trẻ (thời gian sử dụng Internet/thiết bị công nghệ, nội dung các trang mạng trẻ truy cập, thời gian giao lưu với bạn bè, việc chọn bạn), 3) Hoạt động tự lập tài chính (đi làm thêm, sở hữu tiền, tiêu tiền). Do vậy một số lĩnh vực khác chưa được đề cập trong Luận án.

Thứ ba, thực trạng xảy ra mâu thuẫn giữa cha mẹ- con cái được đánh giá qua lăng kính, góc nhìn của học sinh THPT, do đó, Luận án sẽ chỉ đưa ra những nhận định từ góc nhìn của chính học sinh THPT mà chưa thể đề cập đến quan điểm, đánh giá của nhóm cha mẹ.

Thứ tư, khách thể nghiên cứu của Luận án là nhóm học sinh đang đi học các trường Trung học phổ thông công lập tại Hà Nội, vì thế nội dung của Luận án chưa thể bao quát cho mối quan hệ cha mẹ- con cái nói chung và mâu thuẫn cha mẹ- con cái nói riêng ở các nhóm trẻ vị thành niên bỏ học, hoặc học trường tư thục, trường quốc tế và ở các địa bàn vùng miền khác.

Chương 1. TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

Dẫn nhập

Nội dung Chương 1 nhằm mục tiêu rà soát, phân tích các tài liệu trong nước và nước ngoài về mâu thuẫn cha mẹ - con cái theo các chiều cạnh: 1) Các lĩnh vực nảy sinh mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái; 2) Các yếu tố ảnh hưởng tới mâu thuẫn cha mẹ- con cái; 3) Cách thức giải quyết mâu thuẫn; và 4) Hệ quả của mâu thuẫn. Qua đó, một mặt, nghiên cứu sinh có thể điếm lại những thành tựu mà những nghiên cứu đi trước đã đạt được để học hỏi, kế thừa. Mặt khác, những khoảng trống còn tồn tại cũng sẽ được bàn luận để mở ra hướng nghiên cứu mới liên quan đến mâu thuẫn cha mẹ- con cái.

1.1. Các lĩnh vực nảy sinh mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái

Từ những nghiên cứu vào giai đoạn 1930 cho đến những nghiên cứu mới đây trên thế giới, nội dung của những tranh cãi, mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái vẫn không ngừng được các nhà nghiên cứu tìm hiểu, khai thác và phân tích. Có hai đặc điểm đáng chú ý liên quan đến lĩnh vực thường xảy ra mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái vị thành niên. Thứ nhất, đó là cha mẹ và con cái thường ít khi tranh cãi về các chủ đề nhạy cảm như: tình dục, ma túy, tôn giáo, chính trị. Những khác biệt thế hệ giữa các thành viên trong gia đình về các chủ đề này không tạo ra mâu thuẫn có thể vì lập trường, quan điểm của cha mẹ và con cái không ảnh hưởng trực tiếp đến mối quan hệ hàng ngày giữa các thành viên trong gia đình. Cha mẹ và con cái đều cảm thấy rằng điều đó không liên quan đến đời sống gia đình thường nhật, không cần phải trao đổi, và chính điều này đã giảm thiểu nguy cơ mâu thuẫn. Thứ hai, đó là qua nhiều thời kỳ thì các chủ đề gây tranh cãi giữa cha mẹ và con cái cũng không thay đổi nhiều. Từ những năm 1929 và 1982, các nghiên cứu tại Mỹ đã đều chỉ ra rằng mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái thường xoay quanh các vấn đề gia đình thường ngày. Những tranh luận về các vấn đề nhức nhối vào những năm 1960 như chiến tranh Việt Nam, biểu tình ở các trường đại học cũng không bao giờ được nhắc tới như nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái. Theo Raymond Montemayor (1983), vào thời kỳ đó, vị thành niên cũng có những kiểu bất đồng,

mâu thuẫn với cha mẹ giống như cha mẹ họ từng có khi ở tuổi vị thành niên. Hiển nhiên rằng, gia đình hiện đại có nhiều khác biệt so với gia đình ở những thập kỷ về trước. Tuy nhiên, có một điều không thay đổi, đó là qua các thế hệ, các vấn đề tranh cãi - mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái vẫn xoay quanh các lĩnh vực sinh hoạt gia đình, nếp sống.

Từ những năm 1985, tác giả Robin đã nhận định, mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái là hiện tượng xảy ra thường xuyên trong sinh hoạt gia đình, vì cha mẹ luôn kì vọng con cái sẽ tuân theo định hướng của cha mẹ và không phạm phải những sai lầm mà cha mẹ từng mắc phải khi còn là vị thành niên. Ngược lại, vị thành niên thì luôn tìm kiếm và khao khát quyền tự chủ, được nắm quyền tự quyết định trong cuộc sống, được thay đổi luật lệ và khám phá giới hạn của các nguyên tắc. Tương tự như vậy, đứng trên khía cạnh quyền quyết định trong gia đình, việc cha mẹ xây dựng những nguyên tắc làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của trẻ vị thành niên và giới hạn cái tôi của trẻ cũng được coi là một trong những nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn (Sorkhabi, 2010). Các nhà nghiên cứu về lĩnh vực xã hội cũng chỉ ra rằng, việc bố mẹ quản lý khía cạnh đời sống nào của trẻ vị thành niên cũng đều có thể ảnh hưởng đến tần suất xảy ra mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái (Smetana và cs, 2005), hay nói cách khác, cha mẹ và con cái càng tương tác nhiều ở lĩnh vực nào thì nguy cơ xảy ra mâu thuẫn ở lĩnh vực đó càng cao.

Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, các mâu thuẫn liên cá nhân thường xoay quanh bốn lĩnh vực xã hội: (1) đạo đức (các hành động làm tổn thương/làm đau người khác, vi phạm quyền con người, ví dụ như: đánh nhau với anh chị em), (2) tập quán (các quy tắc xác định vai trò của các cá nhân trong gia đình), (3) các hoạt động gây hại cho bản thân chủ thể chứ ít gây hại cho người khác (ví dụ như sử dụng chất kích thích), (4) các hoạt động cá nhân (ví dụ như lựa chọn quần áo...). Theo các nhà nghiên cứu về lĩnh vực xã hội, việc kiểm soát của bố mẹ lên các lĩnh vực hoạt động cá nhân liên quan đến lựa chọn của con cái như kiểu tóc, thời trang, âm nhạc... thường ít dẫn đến mâu thuẫn cha mẹ - con cái nhưng lại có nguy cơ tác động xấu đến sự phát triển tính cá nhân - độc lập của trẻ (Hasebe và Nucci, 2004, dẫn theo Sorkhabi, 2010).

Nhiều nghiên cứu nước ngoài đã phân loại các loại hình mâu thuẫn, phần lớn đều cho thấy những mâu thuẫn này thường xoay quanh cuộc sống hàng ngày như: việc nhà, việc học tập; sinh hoạt; quan hệ anh chị em ruột; việc chăm sóc cá nhân... (Hill và Holmbeck, 1987; Montemayor 1986; Steinberg 1981, dẫn theo Krishnan, 2004). Một số nhà nghiên cứu đã kết luận rằng, các dạng thức mâu thuẫn, tranh cãi này chính là các chỉ báo cho nhu cầu độc lập và tự quyết ngày càng mạnh mẽ của trẻ vị thành niên. Một xu hướng khác cho rằng, mâu thuẫn chính là thể hiện nỗ lực của các bậc cha mẹ trong việc thiết lập các nội quy xã hội, gia đình cho trẻ vị thành niên. Và chính công việc này đã tạo ra những căng thẳng không thể tránh được giữa người xã hội hóa và người bị xã hội hóa (Montemayor, 1983).

Để tìm hiểu về mâu thuẫn giữa vị thành niên và cha mẹ, vào những năm 80, tác giả Montemayor đã sử dụng phương pháp phỏng vấn qua điện thoại. Điều đáng chú ý là trong nghiên cứu của mình, về mặt phương pháp, tác giả đã gọi điện tới từng đối tượng trong ba tối ngẫu nhiên vào ba tuần để hỏi về mâu thuẫn, tác giả đã sử dụng cách hỏi gián tiếp như: “Em có bao giờ quấy rầy cha mẹ hoặc cha mẹ quấy rầy em không; Sự khác biệt về quan điểm giữa em và cha mẹ; có bao giờ em hoặc cha mẹ nổi điên vì một lí do nào đó không; em và cha mẹ có cãi nhau hay tranh luận không; hoặc có đánh nhau không”. Tác giả đã kết luận rằng, việc đánh giá tần suất tranh cãi giữa cha mẹ, và con cái có liên hệ trực tiếp với phương pháp thu thập thông tin. Nếu chỉ hỏi mâu thuẫn ở các mức độ chung chung thì cha mẹ và con cái sẽ nói rằng họ hiếm khi cãi nhau. Nhưng khi có những phép đo mâu thuẫn cụ thể hơn thì tần suất tranh cãi cũng được thể hiện chính xác hơn (Montemayor, 1983).

Có nhiều cách phân nhóm dựa trên lĩnh vực xảy ra mâu thuẫn giữa con cái và cha mẹ. Nghiên cứu của Smetana (1989) phân nhóm 10 loại hình mâu thuẫn: điểm số, ngoại hình, các vấn đề liên quan đến cử chỉ- hành vi, kết quả học tập, các mối quan hệ xã hội, các hoạt động chung, giờ giới nghiêm, sức khỏe và tài chính. Những nghiên cứu tương tự về vị thành niên Trung Quốc tại Hồng Kông thì chỉ nhóm thành 8 loại hình mâu thuẫn: sinh hoạt, việc nhà, việc học tập, các mối quan hệ liên cá nhân, các vấn đề của cha mẹ, sức khỏe và ngoại hình. Cách phân nhóm này cũng có nhiều nét tương đồng với nghiên cứu đi trước, tuy nhiên nghiên cứu này đã đặt ra

một yếu tố mới, đó là mâu thuẫn liên quan đến các vấn đề của cha mẹ. Trong khi đó, nghiên cứu của Papini (1987) sử dụng Bảng liệt kê hành vi (behavior checklist) để phân nhóm mâu thuẫn thành bảy nhóm: việc học tập, việc nhà, việc dọn dẹp phòng, ngoại hình, giải trí, thời gian biểu, các mối quan tâm... Nghiên cứu của Kimberly Renk (2004) thì chia thành 10 nhóm cụ thể:

1. Hoạt động cá nhân (chỉ những lĩnh vực hoạt động mà con cái vị thành niên muốn khác biệt với cha mẹ: ngoại hình, quần áo, âm nhạc...)
2. Sự độc lập (tính cá nhân, thời gian dành cho gia đình, việc tự quản...)
3. Quan hệ bạn bè
4. Học tập, trường lớp
5. Các mối quan hệ trong gia đình
6. Việc nhà và trách nhiệm gia đình
7. Các hoạt động ngoại khóa
8. Giá trị (nhân cách, bài học cuộc sống...)
9. Hành vi của cha mẹ
10. Việc sở hữu tài sản.

Trong nghiên cứu của mình, tác giả tiến hành điều tra trên cả ba nhóm vị thành niên: vị thành niên sớm, vị thành niên giữa và vị thành niên muộn. Nhìn chung, những mâu thuẫn liên quan đến các hoạt động cá nhân như quần áo, trang phục vẫn tiếp tục từ tuổi vị thành niên sớm đến vị thành niên giữa và chỉ dừng lại khi trẻ đến lứa tuổi vị thành niên muộn. Bên cạnh đó, nhóm vị thành niên giữa trong diện khảo sát có tỉ lệ mâu thuẫn với mẹ về các quan hệ bạn bè cao nhất so với hai nhóm còn lại. Nhóm vị thành niên muộn là nhóm ít gặp mâu thuẫn với cha mẹ về các chủ đề liên quan đến việc nhà và các công việc liên quan đến trách nhiệm gia đình nhất, trong khi đó nhóm vị thành niên sớm thì chỉ gặp mâu thuẫn về chủ đề này với mẹ, còn nhóm vị thành niên giữa thì lại mâu thuẫn với bố (Renk và cs, 2004). Đối với cách nhóm gộp này, ngoài các lĩnh vực về sinh hoạt, học tập, gia đình thì một yếu tố khác là “giá trị” đã được bổ sung để khai thác những khác biệt cũng như mâu thuẫn giữa cha mẹ, con cái. Ngắn gọn hơn, một số nghiên cứu khác thì nhóm thành bốn nhóm: việc học, việc nhà, trách nhiệm với bản thân và các mối quan tâm (Papina,

Clark, Barnett và Savage, 1989, dẫn theo Krishnan, 2004). Vào năm 2001, nghiên cứu của Adams và Laursen tìm hiểu mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái vị thành niên dựa trên Bảng liệt kê vấn đề (Issues Checklist) và chỉ nhóm mâu thuẫn thành ba nhóm chính là các tranh cãi hàng ngày, quyền tự quản (autonomy), và các mối quan hệ (Krishnan, 2004).

Đối với các nghiên cứu trong nước, nghiên cứu của tác giả Đỗ Hạnh Nga (2006) đã chỉ ra bảy lĩnh vực chính thể hiện sự khác biệt nhận thức giữa cha mẹ và con cái lứa tuổi trung học cơ sở trong học tập, sinh hoạt hàng ngày và là nội dung xung đột tâm lý giữa cha mẹ và con cái, đó là:

- Nhận thức về hình thức bên ngoài của con (cách ăn mặc, trang điểm, đi đứng, kiểu tóc...). Hình thức bên ngoài là một mặt quan trọng của đời sống và tuổi học sinh trung học cơ sở đã bắt đầu có những hành vi phản kháng lại sự sắp xếp của cha mẹ trong việc mua sắm quần áo, cách để kiểu tóc...
- Nhận thức về sử dụng thời gian của con. Ở lứa tuổi trung học cơ sở, trẻ bắt đầu ý thức được những điều mình “được quyền” làm và “không được quyền”, do đó, các em muốn được tự chủ trong việc thực hiện thời gian sinh hoạt. Xét về mặt phát triển khả năng tự ý thức, tuổi trung học cơ sở bắt đầu dành thời gian nhiều hơn cho các hoạt động cá nhân, khám phá bản thân như viết nhật ký, chăm sóc cơ thể... tuy nhiên khoảng thời gian bổ sung này đã vượt quá giới hạn thời gian biểu hàng ngày do cha mẹ đặt ra. Do bị thúc ép về giờ giấc, trẻ có thể có những hành vi không nghe lời, chống đối, tạo nên xung đột cha mẹ - con cái.
- Nhận thức về quan hệ bạn bè của con. Trong lĩnh vực này, trẻ vị thành niên và bố mẹ có thể có xung đột với nhau trong việc lựa chọn bạn bè, quan hệ với bạn khác giới, giao lưu - đi chơi với bạn bè.
- Nhận thức về vấn đề sử dụng tiền của con (ví dụ như con muốn có khoản tiền riêng, muốn được tự quyết định việc mua sắm cho nhu cầu cá nhân...).
- Nhận thức về cách ứng xử trong gia đình của con. Do đặc điểm tâm lý lứa tuổi, các em thích được độc lập, muốn làm khác cha mẹ, mặc dù vẫn biết làm thế là sai, hoặc là do muốn thể hiện tính người lớn của mình nên các em

muốn được tham gia đóng góp ý kiến với cha mẹ, cho dù theo phép ứng xử trong gia đình con không nên làm vậy.

- Nhận thức về sở thích hứng thú của con.
- Nhận thức về vấn đề học tập (Đỗ Hạnh Nga, 2006).

Một cách nhóm gộp khác được tác giả Saxena (2011) sử dụng đó là phân nhóm các bất đồng giữa cha mẹ và con cái thành ba nhóm dựa trên môi trường hoạt động của trẻ:

- Các bất đồng liên quan đến gia đình
- Các bất đồng liên quan đến trường học
- Các bất đồng liên quan đến xã hội

Trong số các lĩnh vực xảy ra mâu thuẫn, nhiều nghiên cứu đã tìm kiếm nhóm mâu thuẫn phổ biến nhất giữa cha mẹ và con cái. Nghiên cứu của Yau và cs (1996) chỉ ra rằng, trong số các nhóm nguyên nhân gây mâu thuẫn thì vấn đề kỷ luật của trẻ vị thành niên là nguyên nhân phổ biến nhất, sau đó đến công việc nhà, rồi đến việc học tập, và các mối quan hệ liên cá nhân. Tác giả sử dụng kỹ thuật phân tích ANOVA để tìm hiểu về độ tuổi, giới, mô hình mâu thuẫn và kết luận rằng tuổi, giới tính không có ý nghĩa thống kê với các nguyên nhân gây mâu thuẫn (Yau và cs, 1996).

Trong khi đó, nghiên cứu của Onongha (2015) cho rằng, kết quả học tập có thể được coi là nguyên nhân phổ biến nhất gây ra căng thẳng và mâu thuẫn trong gia đình, và mâu thuẫn sẽ dần tăng cao khi trẻ vị thành niên không đạt được thành tích như cha mẹ kỳ vọng (dẫn theo Marzoka và cs, 2016). Nghiên cứu so sánh của Yau (2003) về mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái ở Hồng Kông và Thẩm Quyển cho thấy, ở Hồng Kông, tỉ lệ mâu thuẫn xung quanh về việc nhà và các mối quan hệ liên cá nhân cao hơn ở Thẩm Quyển, trong khi đó, ở Thẩm Quyển, mâu thuẫn chủ yếu liên quan đến việc học tập. Theo lập luận của Yau, có thể do ở Hồng Kông đang áp dụng chính sách một con, do đó, áp lực về thành công của con cái trở nên mạnh mẽ hơn, trách nhiệm của con cái tham gia vào việc nhà được giảm bớt và thời gian dành cho học tập được tập trung hơn (Yau, 2003). Bên cạnh đó, môi trường sống ở Hồng Kông được đánh giá là có nhiều nguy cơ, vậy nên, vị thành niên có nhiều mong muốn được tự quyết định các hoạt động ngoài gia đình của mình, và điều này có thể đi ngược lại với mong muốn giữ con an toàn của cha mẹ (Yau, 2003).

Bên cạnh đó, khác biệt với kết quả của hai nghiên cứu trên, nghiên cứu của Marzoka và cs (2016) chỉ ra rằng, trong số các chủ đề như: gây tiếng ồn trong nhà; xem tivi/ sử dụng Internet; lau dọn phòng ngủ; giờ ngủ; sắp xếp quần áo; hoàn thành bài tập; mối quan hệ bạn bè; tranh cãi với anh chị em thì việc gây tiếng ồn trong nhà và tranh cãi với anh chị em là hai lĩnh vực hay gây mâu thuẫn nặng nhất giữa cha mẹ - con cái.

Xét về mức độ xung đột tâm lý giữa cha mẹ và con cái về nhu cầu độc lập, nghiên cứu của tác giả Đỗ Hạnh Nga (2006) đã chỉ ra ba mức độ xung đột, đó là:

- Mức độ 1. xung đột tâm lý ở mức độ thấp: xung đột tâm lý chuyển từ trạng thái tiềm ẩn sang đối đầu công khai giữa cha mẹ và con. Ở mức độ này, việc giải quyết xung đột mở ra nhiều phương án, và mức độ tổn thương của cả hai bên đều không quá trầm trọng.
- Mức độ 2. xung đột tâm lý ở mức độ trung bình: xung đột tiếp tục leo thang đến chỗ đối đầu. Ở mức độ này, cha mẹ và con cái đều chịu sự tổn thương đáng kể.
- Mức độ 3. xung đột tâm lý ở mức độ cao: cha mẹ và con cái không còn kiểm soát được hành vi, dẫn đến sự xô xát nặng nề và cả hai bên đều chịu tổn thương sâu sắc. (Đỗ Hạnh Nga, 2006).

Trong nghiên cứu của Saxena (2011), để phân loại mức độ xảy ra mâu thuẫn, tác giả phân chia thành hai nhóm: nghiêm trọng và bình thường. Phần lớn vị thành niên ở các gia đình trung lưu cho rằng mâu thuẫn thường xuyên ở mức độ nghiêm trọng, còn ở các gia đình tầng lớp thấp, các mâu thuẫn ở mức độ bình thường diễn ra thường xuyên hơn các mâu thuẫn ở mức độ nghiêm trọng (Saxena, 2011).

Dựa trên tần suất và mức độ xảy ra mâu thuẫn cha mẹ - con cái, Smetana (1996) từng phân chia thành ba nhóm gia đình: Gia đình yên bình là nhóm gia đình ít xảy ra mâu thuẫn, và nếu có thì mâu thuẫn diễn ra nhẹ nhàng; Gia đình dữ dội có tần suất và mức độ xảy ra mâu thuẫn nặng nề nhất; Gia đình thường mâu thuẫn thì có tần suất và mức độ xung đột ở mức trung bình. Đặc điểm của các nhóm gia đình trên liên quan đến phong cách làm cha mẹ, cách giải quyết mâu thuẫn, hậu quả của mâu thuẫn và số lượng mâu thuẫn diễn ra trong gia đình (Smetana, 1996). Tuy

nhiên, mức độ của mâu thuẫn có thể thay đổi trong cùng một mối quan hệ hoặc trong các gia đình khác nhau. Có những cặp cha mẹ - con cái thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và mức độ ngày càng leo thang, trong khi đó, có các cặp cha mẹ - con cái khác thì có mức độ mâu thuẫn nhẹ hơn và ổn định hơn trong suốt thời kỳ vị thành niên (Hadiwijaya và cs, 2017, dẫn theo Mastrotheodoros, 2020).

Có thể nói, mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái có thể diễn ra hàng giờ, hàng ngày, hàng tuần... bởi cha mẹ luôn mong muốn con cái đi theo đường lối dẫn dắt của mình, mong con tránh được những lỗi lầm mà cha mẹ từng mắc phải khi ở tuổi vị thành niên. Trong khi đó, vị thành niên lại mong muốn quyền tự quyết, tự chủ và thay đổi - giới hạn quy tắc trong gia đình (Robin, 1985). Smetana (1989) cho rằng, cho dù cha mẹ và vị thành niên có thể đồng tình về các lĩnh vực xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên, cha mẹ và con cái lại khó có chung ý kiến về bản chất của các sự việc đó. Tác giả nhận định rằng, trẻ vị thành niên coi mâu thuẫn chỉ là hành vi mang tính cá nhân của mình, trong khi đó, đối với cha mẹ, mâu thuẫn lại là việc thiết lập quyền tự quyết, điều hành gia đình và giữ nề nếp của gia đình (dẫn theo Susan K. Riesch, 2000).

Như vậy, từ việc tổng quan tài liệu trên đây/nêu trên, có thể thấy mâu thuẫn cha mẹ - con cái thường xoay quanh những vấn đề liên quan đến đời sống hàng ngày của con cái. Phần lớn các nghiên cứu đều phân nhóm mâu thuẫn dựa trên nội dung của mâu thuẫn, trong đó học tập và đời sống cá nhân là những lĩnh vực xảy ra nhiều mâu thuẫn nhất. Theo đó, Luận án lựa chọn phân tích, tìm hiểu mâu thuẫn cha mẹ- con cái ở các lĩnh vực sau:

- 1) Học tập, gồm các chỉ báo: điểm số, việc học thêm, việc học ở nhà, việc chọn trường lớp;*
- 2) Đời sống cá nhân, gồm các chỉ báo: thời gian sử dụng Internet/Thiết bị công nghệ, nội dung các trang mạng truy cập, thời gian giao lưu cùng bạn bè, việc chọn bạn, hình thức bề ngoài của trẻ;*
- 3) Tự lập tài chính, gồm các chỉ báo: việc đi làm thêm, việc sở hữu tiền, việc tiêu tiền.*

Bên cạnh những kế thừa từ các nghiên cứu đi trước, Luận án không chỉ tập trung mô tả những mâu thuẫn phổ biến giữa cha mẹ - con cái mà còn phân tích

những hệ quả và cách giải quyết giữa cha mẹ- con cái khi gặp mâu thuẫn. Những nội dung này sẽ được tổng hợp giúp làm sáng tỏ thêm bức tranh về quan hệ cha mẹ- con cái ở Việt Nam hiện nay.

1.2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái

Mâu thuẫn cha mẹ- con cái chịu nhiều ảnh hưởng bởi các yếu tố cá nhân, yếu tố gia đình. Phần viết dưới đây sẽ trình bày các yếu tố chính ảnh hưởng đến mâu thuẫn cha mẹ - con cái qua quá trình tổng lược tài liệu nghiên cứu trong nước và quốc tế đi trước:

Yếu tố giới

Rất nhiều nghiên cứu đã chỉ ra mối liên hệ chặt chẽ giữa yếu tố giới và mâu thuẫn cha mẹ - con cái. Yếu tố giới được thể hiện qua giới tính qua con cái, giới tính người chăm sóc (bố = nam, mẹ = nữ), các cặp cha mẹ - con cái xét theo giới tính (mẹ - con gái, bố - con trai, mẹ - con trai, bố - con gái).

Trước hết, ***giới tính của con cái*** được xác định là có tác động đến quá trình mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái. Nhiều nghiên cứu cho thấy con gái thường cởi mở trong giao tiếp với cha mẹ hơn, do đó nhận được sự quan tâm, tình cảm hơn từ cha mẹ, ít bị phạt và nhận được nhiều động viên hơn (Fitzpatric và Marshall, 1996, dẫn theo Ashraf, 2011). Xét theo tỉ lệ gặp mâu thuẫn với cha mẹ, có hai luồng nhận định về mối quan hệ giữa giới tính của trẻ vị thành niên với mâu thuẫn cha mẹ - con cái. Một số nghiên cứu cho rằng nữ vị thành niên gặp ít mâu thuẫn với cha mẹ hơn, tuy nhiên một số nghiên cứu khác cho rằng, nữ vị thành niên lại gặp nhiều bất đồng, mâu thuẫn với cha mẹ hơn nam vị thành niên. Nghiên cứu của Yau và cs (1996) cũng cho thấy, nữ vị thành niên thường có xu hướng mâu thuẫn với mẹ cao hơn so với nam vị thành niên, trong khi đó, nam vị thành niên thì có vẻ có xung đột với cả bố và mẹ nhiều hơn nữ vị thành niên (Yau và cs, 1996). Điều này có thể được giải thích là do vị thành niên thường gần gũi với mẹ hơn với bố, do đó, khi tương tác nhiều với nhau, khả năng xảy ra hiểu nhầm dẫn tới mâu thuẫn sẽ cao hơn. Ngoài ra, nam vị thành niên thì ít phục tùng hơn và trong quan hệ gia đình, cán cân quyền lực nghiêng tạm thời về phía con trai trong suốt thời kỳ vị thành niên, do đó, tỉ lệ mâu thuẫn là thấp hơn so với con gái (Steinbeg, 1981, dẫn theo Krishnan, 2004). Giới

tính của con cái không chỉ tác động đến mật độ cũng như cường độ mâu thuẫn với cha mẹ, mà còn có mối liên hệ với nội dung xảy ra mâu thuẫn. Kết quả nghiên cứu của Renk và cộng sự (2005) cho thấy, con trai thường mâu thuẫn với bố và mẹ về hành vi cá nhân của mình, và đặc biệt, đối với bố, con trai còn thường nảy sinh mâu thuẫn liên quan đến việc sở hữu tài sản (như điện thoại, máy tính) (Renk và cs, 2005). Cũng trong nghiên cứu này, tác giả cho biết, dựa trên nhận định từ cha mẹ thì đối với người mẹ, mâu thuẫn về hành vi thường xảy ra với con trai nhiều hơn so với con gái, trong khi đó, đối với bố thì chủ đề mâu thuẫn xoay quanh bạn bè (chọn bạn, đi chơi gặp gỡ bạn bè...) thường xảy ra với con gái nhiều hơn so với con trai (Renk và cs, 2005). Trong khi đó, nghiên cứu của Cipuinska (2014) chỉ ra rằng, các nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa mẹ và con gái thường là: thái độ của con đối với cha mẹ, việc lạm dụng điện thoại, ăn kiêng và sử dụng thực phẩm chức năng giảm cân. Trong khi đó, con trai thì thường có mâu thuẫn với mẹ xoay quanh các chuyện như: bị điểm kém ở trường, thái độ thiếu tích cực với việc học tập, thời gian học tại nhà và nhận xét của thầy cô giáo. Như vậy có thể thấy, mâu thuẫn giữa mẹ và con gái thường liên quan đến lối sống, trong khi đó, mâu thuẫn giữa mẹ và con trai thì chủ yếu xoay quanh chuyện học tập (Ciupinska, 2014).

Ngoài ra, giới tính con cái cũng thể hiện sự khác biệt trong cách ứng phó với mâu thuẫn. Nghiên cứu của Osterman và cộng sự (1997) đã chỉ ra rằng, nữ vị thành niên thường giải quyết xung đột ôn hòa và nhờ sự can thiệp của bên thứ ba hơn là nam vị thành niên. Một số nghiên cứu khác cũng có đồng kết luận rằng nữ vị thành niên thường tìm kiếm sự hỗ trợ xã hội hơn nam vị thành niên (Frydenberd và Lewis, 1991, Feldman và cs, 1995, dẫn theo Zhao và cs, 2015). Trong nghiên cứu của mình, tác giả Zhao và cs (2015) cho rằng, trong giải quyết mâu thuẫn với bố, tỉ lệ nam vị thành niên nhờ đến sự can thiệp của bên thứ ba cao hơn nữ vị thành niên, trong khi đó, khi có mâu thuẫn, nữ vị thành niên thường lẩn tránh bố mẹ hơn là nam. Khi xử lý mâu thuẫn với mẹ, nam vị thành niên thường có xu hướng hòa giải và ít né tránh hơn so với bố. Còn đối với nữ vị thành niên, khi giải quyết mâu thuẫn với mẹ thì thường nhờ bên thứ ba can thiệp hơn so với khi giải quyết mâu thuẫn với bố (Zhao và cs, 2015). Nghiên cứu của Tessor và cộng sự (1989) cũng chỉ ra rằng,

tuy không ghi nhận sự khác biệt giới rõ nét trong mâu thuẫn cha mẹ - con cái, nhưng kết quả nghiên cứu cho thấy, trong cách giải quyết mâu thuẫn, con gái thường có xu hướng thảo luận ôn hòa với cha mẹ hơn, trong khi con trai thường dễ nổi nóng và cáu giận. Đối với mẹ, dù là con trai hay con gái, việc đối thoại thường trở nên nhẹ nhàng hơn so với bố.

Giới tính bố/mẹ cũng được coi là có ảnh hưởng tới mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, trong số các mâu thuẫn giữa vị thành niên với các thành viên trong gia đình (bố mẹ, anh chị em) thì mâu thuẫn thường xảy ra nhất là mâu thuẫn với mẹ (Montemayor, 1983; Yau, 2003; Steinberg, 1987). Việc các em vị thành niên thường mâu thuẫn với mẹ có thể phản ánh định nghĩa về vai trò làm cha mẹ khác nhau cũng như việc tham gia của cha mẹ ở các mức độ khác nhau trong hoạt động thường ngày của con cái. Nhìn chung, trong gia đình, người mẹ thường hay là người dành nhiều thời gian hơn cho con cái, là người đề ra kỷ luật gia đình, đảm nhiệm vai trò chăm sóc và tham gia tích cực vào các hoạt động sinh hoạt, học tập của con, trong khi đó, người cha thường ít tham gia vào quá trình xã hội hóa của con cái, mà chủ yếu dành thời gian với con nhiều hơn ở các hoạt động giải trí (Collins, 1991). Vì vậy nên khi trẻ mắc lỗi, người mẹ thường hay nhắc nhở, trách phạt, do đó, tỉ lệ mâu thuẫn với mẹ sẽ cao hơn so với bố (Montemayor, 1983). Ngoài ra, Youniss và Ketterlinus giải thích rằng, quan hệ giữa con cái vị thành niên với bố thường xa cách hơn so với mẹ, đặc biệt là ở các gia đình viên chức hoặc với các gia đình có bố phải sống xa nhà (Steinberg, 1987). Điều này cũng đồng nhất với một số quan điểm nghiên cứu ở Việt Nam. Theo tác giả Mai Huy Bích (2004), trong gia đình người Kinh truyền thống, nền văn hóa phân biệt giới tạo ra một khoảng cách cố ý giữa cha và con. Khoảng cách ấy xuất hiện là do “tính chất tôn ti, thứ bậc sâu sắc theo thế hệ, lứa tuổi và giới tính trong gia đình Việt Nam và khoảng cách đó rất cần thiết để người cha duy trì tôn ti, thứ bậc và uy quyền của mình” (Mai Huy Bích, 2004). Chính vì vậy, khả năng trẻ vị thành niên gặp mâu thuẫn với mẹ sẽ cao hơn so với bố.

Đặc biệt, ở giai đoạn giữa vị thành niên, các mối quan hệ cùng giới đối với vị thành niên sẽ gặp nhiều khó khăn hơn so với các mối quan hệ khác giới, điều này

được áp dụng trong cả mối quan hệ giữa vị thành niên và cha mẹ. Theo quan điểm này, người cha thường mong muốn được củng cố vai trò là người điều khiển hướng cho con trai, do đó sẽ dành nhiều thời gian cho con trai nhiều hơn và có sự thiên vị hơn cho con trai. Bên cạnh đó, nhiều tác giả theo trường phái nữ quyền thì nhận định rằng, mối quan hệ giữa mẹ và con gái thường căng thẳng hơn các cặp cha mẹ - con cái khác, khiến mối quan hệ này trở nên căng thẳng, dễ xung đột hơn (Collins và cs, 1991).

Nghiên cứu của Yau và cs (2003) thực hiện nghiên cứu về mâu thuẫn giữa cha mẹ và vị thành niên dựa trên sự so sánh hai nền văn hóa ở Hồng Kông, Thẩm Quyển cũng cho thấy, tỉ lệ vị thành niên gặp mâu thuẫn với mẹ cao hơn với bố hoặc với cả bố và mẹ. Tuy nhiên, tỉ lệ này ở Hồng Kông cao hơn ở Thẩm Quyển, trong khi đó, ở Thẩm Quyển, mâu thuẫn giữa trẻ vị thành niên với cả hai bố mẹ cao hơn ở Hồng Kông. Kết quả nghiên cứu này cũng trùng khớp với các nghiên cứu ở phương Tây, nhưng theo lập luận của tác giả, sự khác biệt này có thể được giải thích vì tỉ lệ người mẹ ở nhà tại Hồng Kông cao hơn Thẩm Quyển, do đó, có điều kiện quan tâm sát sao tới hoạt động của trẻ hơn (Yau và cs, 2003).

So với mâu thuẫn giữa mẹ và vị thành niên thì mâu thuẫn giữa bố và vị thành niên được đánh giá là có ảnh hưởng mạnh mẽ hơn đến đời sống tâm lý của trẻ vị thành niên. Điều này có thể được giải thích là do trong mối quan hệ với bố, trẻ vị thành niên thường có xu hướng tranh cãi, lập luận, do đó dễ nảy sinh mâu thuẫn hơn.

Bên cạnh đó, khi xét theo các cặp cha mẹ - con cái, nhiều nghiên cứu cho thấy, cặp quan hệ mẹ - con gái thường xảy ra mâu thuẫn nhiều hơn các cặp quan hệ cha mẹ - con cái khác (Smetana, 1988, Smith và Forehand, 1986, dẫn theo Krishnan, 2004). Cũng có sự khác biệt trong việc ghi nhận cường độ xảy ra mâu thuẫn cha mẹ - con cái giữa cặp mẹ - con và cặp bố con. Trong cặp mẹ - con, tỉ lệ trẻ vị thành niên ghi nhận mâu thuẫn với bố mẹ cao hơn tỉ lệ người mẹ thừa nhận có mâu thuẫn với con cái. Ngược lại, các cặp bố - con được khảo sát lại thể hiện sự tương đồng trong đánh giá về cường độ mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái (Mastrotheodoros và cs, 2020).

Phong cách làm cha mẹ

Nghiên cứu của Smetana (1995) về phong cách làm cha mẹ (parenting style) đối với trẻ vị thành niên tiến hành năm 1995 với 110 đối tượng học sinh trung học và 200 bậc phụ huynh. Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn các thành viên trong gia đình về mức độ phổ biến xảy ra mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái trong 02 tuần gần nhất về 24 nội dung mâu thuẫn trên thang đo ba điểm: chưa bao giờ cho đến thỉnh thoảng, và đo tần suất trên thang đo 5 điểm, từ rất nhẹ nhàng (1) cho đến rất giận dữ (5). Kết quả nghiên cứu cho thấy, vị thành niên sinh sống trong gia đình có bố mẹ độc đoán (authoritative) thì có tần suất và mức độ mâu thuẫn cao hơn, gắn kết cha mẹ- con cái thấp hơn các mẫu gia đình khác (Smetana, 1995). Cường độ mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái ở các gia đình có cha mẹ độc đoán hoặc lạnh nhạt cao hơn so với các gia đình có bố mẹ hay nuông chiều. Điều này có thể được giải thích là do các kiểu cha mẹ nuông chiều (indulgent) thì ít khi đòi hỏi cao về chuẩn mực hành vi ở con cái vị thành niên, để con tự do hơn, trong khi đó, các cha mẹ lạnh nhạt (neglectful) thì được mô tả là thiếu tình cảm, sự dịu dàng, còn cha mẹ độc đoán thì luôn yêu cầu đòi hỏi cao về sự nghe lời, phục tùng từ con cái. Mâu thuẫn có thể trầm trọng ở các gia đình có bố mẹ theo kiểu mẫu lạnh nhạt vì vị thành niên luôn đặt kỳ vọng, đòi hỏi ở cha mẹ, trong khi cha mẹ lại luôn từ chối hoặc đánh giá thấp những nguyện vọng đó của trẻ. Tuy nhiên, đối với các gia đình có cha mẹ kiểu độc đoán thì trẻ vị thành niên cũng có những bất mãn với các luật lệ, giới hạn nghiêm ngặt mà cha mẹ đặt ra, và đó có thể coi là nguồn cơn của các mâu thuẫn (Bi, X. và cs, 2018).

Như nghiên cứu của Yau và Smetana đã chỉ ra, trẻ vị thành niên ở Hồng Kông mâu thuẫn với bố mẹ ở nhiều chủ đề khác nhau hơn so với vị thành niên ở Thẩm Quyển, điều này có thể được giải thích một phần là do những khác biệt trong cách làm cha mẹ giữa hai cộng đồng trên. Dù chưa có những nghiên cứu làm rõ cách làm mẹ của phụ nữ Thẩm Quyển, nhưng đối với Hồng Kông, nghiên cứu của Brendt và cs (1993) cũng chỉ ra rằng, những người mẹ ở Hồng Kông được nhận xét là có tính kiểm soát cao hơn và ít tình cảm hơn những người mẹ ở Bắc Kinh (Yau và cs, 2003).

Nghiên cứu của Dekovic (1999), bằng các mô hình hồi quy đa biến cho thấy, các hành vi nuôi dạy con cái của cha mẹ không làm tăng/giảm tần suất xảy ra mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái. Điều làm gia tăng mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái đó chính là sự nghiêm khắc của cha mẹ. Điều này cũng trùng khớp với nghiên cứu của Smetana (1995) khi cho rằng mâu thuẫn cha mẹ - con cái xảy ra chủ yếu ở các gia đình có bố mẹ có phong cách độc đoán (authoritarian parents). Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, sự nghiêm khắc của người mẹ có thể là điều kiện thúc đẩy phản ứng gây mâu thuẫn của nữ vị thành niên (Dekovic, 1999).

Mức sống

Yếu tố mức sống có thể được coi là có tác động đến chủ đề mâu thuẫn giữa cha mẹ con cái. Nghiên cứu về các bất đồng giữa vị thành niên và cha mẹ trong gia đình trung lưu và hạ lưu tại Ấn Độ cho thấy, phần lớn các cặp cha mẹ đến từ tầng lớp trung lưu nhận định rằng mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái đều xoay quanh cả ba nhóm vấn đề: gia đình, trường học và xã hội. Trong khi đó, phần lớn các cha mẹ đến từ tầng lớp thấp lại nhận định mâu thuẫn chủ yếu xoay quanh các chủ đề liên quan đến gia đình. Khi hỏi đối tượng vị thành niên, nhóm vị thành niên ở các gia đình trung lưu cho rằng các mâu thuẫn thường bắt nguồn từ việc học tập; còn nhóm vị thành niên ở tầng lớp thấp thì ghi nhận mâu thuẫn từ các chuyện gia đình. Các bậc cha mẹ và vị thành niên ở tầng lớp trung lưu đều cho biết mâu thuẫn cha mẹ - con cái diễn ra hàng tuần, phổ biến ở mức 2-3 lần/1 tuần, trong khi đó, ở các gia đình tầng lớp thấp, cha mẹ cho rằng mâu thuẫn diễn ra hàng ngày còn vị thành niên thì nghĩ chỉ diễn ra ở mức hàng tuần (Saxena, 2011).

Khu vực sinh sống

Trong nghiên cứu, việc sử dụng thuật ngữ “nông thôn” thể hiện hai khía cạnh: khía cạnh địa lý và khía cạnh xã hội. Khía cạnh địa lý muốn nói đến mật độ dân số; khoảng cách; và đặc điểm cụ thể của nền kinh tế, nghề nghiệp. Trong khi đó, khía cạnh xã hội muốn nhấn mạnh vào nhận thức, bản sắc, giá trị và lối sống của dân cư, gắn liền với giáo dục và cơ hội việc làm hạn chế (Gadsden & Dixon-Román, 2017; Oncescu & Giles, 2012). Trong khi các khu vực đô thị lại được xác định bởi các tiêu

chí nhân khẩu học, sinh thái, lịch sử, pháp lý, kinh tế, xã hội học (Onceescu & Giles, 2012). Do đó, không gian đô thị được quan niệm là giàu năng lượng hơn, không quá truyền thống, tiên tiến và hiện đại. Vì thế, cha mẹ ở khu vực thành thị phải đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm hạn chế về thời gian, mất cân bằng giữa công việc và cuộc sống, và các áp lực kinh tế thị trường (Hendriati & Okvitawanli, 2019). Như LeVine (1988) đã nêu, yếu tố khu vực sống, là thành thị hay nông thôn cũng có thể tạo ra điều kiện thuận lợi, hoặc là yếu tố hạn chế cho các mục tiêu mà cha mẹ đặt ra cho con cái của họ. Như vậy, cha mẹ ở nông thôn thường ít quan tâm đến việc chăm sóc con cái hơn so với cha mẹ ở thành thị (Hossain, 2018) và ở khu vực thành thị, thanh thiếu niên có xu hướng bị cha mẹ giám sát chặt chẽ hơn ở khu vực nông thôn (Bradley, 2012, dẫn theo Morales và cs, 2023), từ đó dễ xảy ra bất đồng giữa con cái - cha mẹ hơn.

Sự khác biệt trong quan hệ cha mẹ - con cái giữa nông thôn và đô thị còn thể hiện qua chiều cạnh mâu thuẫn cha mẹ - con cái. Nghiên cứu của Chen (2012) về mâu thuẫn cha mẹ- con cái tại Quảng Châu (là thành phố kinh tế phát triển) và Thương Nam một huyện nông thôn tập trung làm nông nghiệp và kinh tế kém phát triển, đã chỉ ra rằng vị thành niên ở đô thị có mâu thuẫn với cha mẹ nhiều hơn nhóm ở nông thôn.

Học vấn của cha mẹ

Theo lý thuyết sinh thái, đặc điểm gia đình (như mâu thuẫn cha mẹ- con cái) và các yếu tố hoàn cảnh (chẳng hạn như trình độ học vấn của cha mẹ) có tương tác với nhau và ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ. Ví dụ, cha mẹ có thể lập luận và phản ứng khác nhau về các vấn đề liên quan đến học tập của con cái tùy thuộc vào nền tảng giáo dục của họ (Dotterer, 2008). Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, tình trạng kinh tế xã hội gia đình có ảnh hưởng mạnh mẽ đến cách thức và mức độ cha mẹ giáo dục con cái (Lu và cs, 2021; Tan và cs, 2020). Cha mẹ có học vấn thấp thì mặc dù họ có động lực tham gia vào việc giáo dục con cái, nhưng do hạn chế về nguồn lực buộc họ phải dành nhiều thời gian và năng lượng hơn cho hoạt động tạo thu nhập, vì vậy họ không thể tham gia tích cực vào việc giáo dục học tập của con cái.

Bên cạnh đó, so với cha mẹ có học vấn cao thì nhóm cha mẹ có học vấn thấp sẽ không coi trọng việc giáo dục ở trường và tách biệt vai trò của họ với tư cách là cha mẹ với vai trò là nhà giáo dục (Duan, 2018). Nghiên cứu của Yau và Smetana (2003) cũng gợi ý rằng, địa vị kinh tế xã hội, giáo dục càng cao thì sự thỏa hiệp với con cái của cha mẹ trong gia đình càng cao, con cái sẽ có tiếng nói cởi mở, tự do thể hiện quan điểm cá nhân hơn và nguy cơ xảy ra bất đồng, mâu thuẫn cũng cao hơn. Bên cạnh đó, các nghiên cứu đi trước cũng đã gợi ý rằng các bậc cha mẹ có trình độ học vấn cao hơn sẽ có nhiều kiến thức trong nuôi dạy con hơn có xu hướng nuôi dạy con cái tích cực hơn (Bornstein & Bradley, 2003), và mâu thuẫn cha mẹ- con cái có tính xây dựng tích cực hơn là mâu thuẫn âm tính (Hoff và cộng sự, 2002).

Hughes và Perry-Jenkins (1996) cũng đưa ra một giải thích cho tác động của học vấn cha mẹ đến mâu thuẫn cha mẹ - con cái, đặc biệt là với mâu thuẫn về học tập, đó là các gia đình gán các ý nghĩa và giá trị khác nhau cho các hành vi và hoàn cảnh sống của họ như là một chức năng của tầng lớp xã hội. Do đó, phản ứng của cha mẹ đối với thành tích học tập của con cái họ có thể khác nhau, tùy thuộc vào nền tảng giáo dục của cha mẹ. Ví dụ, cha mẹ có trình độ học vấn cao hơn thường đặt kỳ vọng cao hơn về thành tích của con cái họ. Khi con không đạt được những kỳ vọng này, cha mẹ có thể phản ứng tiêu cực và mâu thuẫn nảy sinh (dẫn theo Dotterer, 2008).

Học lực của con cái

Có hai luồng nhận định liên quan đến tác động của biến số học lực đến mâu thuẫn cha mẹ - con cái. Nghiên cứu của Marzoka và cs (2016) có đề cập đến yếu tố học lực của trẻ vị thành niên, theo đó, tần suất xảy ra mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái xảy ra thường xuyên hơn đối với nhóm vị thành niên đi học có điểm số cao ở trường, nhóm chỉ sống cùng bố hoặc mẹ và nhóm sống ở nông thôn. Điều này khá trái ngược với kết quả nghiên cứu của Onongha (2015), khi kết quả phân tích của tác giả này cho rằng, học sinh có thành tích học tập kém thì thường xảy ra mâu thuẫn với bố mẹ nhiều hơn. Việc các kết quả nghiên cứu đi trước chưa đồng thuận về sự ảnh hưởng của học lực con cái tới mâu thuẫn với cha mẹ cũng gợi ý rằng cần có thêm những nghiên cứu kiểm chứng mối liên hệ giữa hai biến số này.

Mối quan hệ bạn bè của con cái

Ở giai đoạn vị thành niên, trẻ có xu hướng dành thời gian cho bạn bè nhiều hơn gia đình (De Goede và cs, 2009). Sự tác động mạnh mẽ của nhóm bạn đồng trang lứa có thể đặt ra các thách thức cho cha mẹ trong việc định hướng các giá trị đạo đức lối sống và mâu thuẫn cha mẹ - con cái có thể nảy sinh từ sự bất đồng quan điểm, giữa một bên là quan điểm của cha mẹ và một bên là quan điểm được tiếp nhận từ bạn bè (Đặng Bích Thủy, 2012).

Các giá trị xoay quanh việc hẹn hò, tình dục, lựa chọn bạn đời ở các nước Châu Á có nhiều điểm khác biệt so với các nước phương Tây. Tuy nhiên, trong xu hướng toàn cầu hóa cùng với sự phát triển của các phương tiện truyền thông đại chúng, giới trẻ dần tìm đến các giá trị phương Tây. Chính sự cởi mở của giới trẻ với các giá trị mới và sự bảo thủ với các giá trị truyền thống của cha mẹ đã dẫn đến nhiều mâu thuẫn. Trong hai trường hợp nghiên cứu định tính của mình, Shah (2016) cũng cho thấy, mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái vị thành niên chủ yếu xoay quanh chuyện gặp gỡ bạn bè khác giới. Việc sử dụng công nghệ thông tin được coi như cầu nối cho các hoạt động hẹn hò với bạn bè và điều này được coi là một vấn đề khá nghiêm trọng trong mối quan hệ giữa cha mẹ - con cái (Shah, 2016).

Như vậy, quá trình tổng quan tài liệu từ các nghiên cứu đi trước, có thể thấy mâu thuẫn cha mẹ - con cái chịu ảnh hưởng bởi sự tác động của nhiều biến số. Từ đó, trong phạm vi của Luận án, Luận án lựa chọn các biến số để đưa vào phân tích như sau:

- ***Khu vực sinh sống: nông thôn, đô thị***
- ***Yếu tố giới***
- ***Học vấn của cha mẹ***
- ***Phong cách giáo dục của cha mẹ***
- ***Học lực của con cái***
- ***Mối quan hệ bạn bè của con***

Phần luận giải chi tiết các biến số sử dụng sẽ được Luận án trình bày cụ thể trong phần Khung phân tích(mục 2.3.5) và Hệ biến số (mục 2.3.6).

1.3. Hệ quả của mâu thuẫn cha mẹ - con cái

Dựa trên tính chất hai mặt của mâu thuẫn, một số nghiên cứu đã tiến hành khảo sát hệ quả của mâu thuẫn cha mẹ - con cái thông qua ba đặc điểm, đó là:

- Sự cam chịu, đau khổ (Frustration)
- Tiến tới sự đối đầu (Escalation)
- Sự gằn gữ (Elvira Cicognani và cs, 2010)

Nghiên cứu của Phinney và cs (2002) đã chỉ ra rằng, sự khác biệt giữa vị thành niên và cha mẹ có thể ảnh hưởng tiêu cực đến sự hài lòng với cuộc sống của trẻ vị thành niên (Phinney và cs, 2002).

Cách thức cha mẹ, con cái giao tiếp và trao đổi trong quá trình mâu thuẫn có tác động mạnh mẽ tới việc giải quyết mâu thuẫn sẽ mang tính xây dựng hay hủy hoại (destructive). Một mâu thuẫn có tính chất xây dựng đòi hỏi chiến lược thúc đẩy sự hợp tác, sự tăng cường quan hệ và có ảnh hưởng tích cực (Sillars, 1980; Sillars và cs.1982; dẫn theo Comstock, 1994). Trong khi đó, mâu thuẫn mang tính tiêu cực sẽ diễn ra dưới hai dạng thức: mâu thuẫn tiêu cực quan sát được (overt) và mâu thuẫn tiêu cực tiềm ẩn (covert) (Galvin và Brommel,1996, dẫn theo Comstock, 1994). Mâu thuẫn tiêu cực quan sát được phản ánh sự đối đầu về quyền lực, cách giao tiếp không phù hợp và mang lại những tác động tiêu cực. Phần lớn các mâu thuẫn tiêu cực tiềm ẩn đều để lại những căng thẳng không thể giải quyết và tạo nền tảng cho các mâu thuẫn tiêu cực quan sát được trong tương lai. Mâu thuẫn tiêu cực tiềm ẩn bao hàm sự né tránh (Jamestock, 1994).

Nghiên cứu của Onongha (2015) đã xem xét yếu tố thành tích học tập như một biến phụ thuộc của mâu thuẫn cha mẹ - con cái và ngược lại. Theo đó, trong câu hỏi nghiên cứu của tác giả đặt ra là: Mâu thuẫn cha mẹ - con cái tác động như thế nào đến thành tích học tập của trẻ?, Và với việc sử dụng phương pháp phân tích ANOVA, kết quả phân tích cho thấy việc mâu thuẫn với cha mẹ có tác động tiêu cực đến việc học tập của trẻ vị thành niên. Tác giả Razali (2013) nhận định rằng mâu thuẫn luôn tồn tại trong mối quan hệ giữa trẻ vị thành niên và cha mẹ, tuy nhiên khi trẻ không nhận được sự hỗ trợ của cha mẹ, trẻ sẽ có hoài nghi về vai trò và sự xuất hiện của mình như một thành viên trong gia đình. Chính những mâu thuẫn với cha mẹ làm nảy sinh

nguy cơ trẻ có các hành vi lệch chuẩn, bỏ nhà ra đi, thiếu gắn bó với gia đình và thành tích học tập sụt giảm. Khi xem xét đến yếu tố giới của trẻ vị thành niên, tác giả sử dụng phương pháp phân tích hồi quy với hai mô hình: mô hình thứ nhất, mâu thuẫn cha mẹ - con cái tác động đến thành tích học tập của nam vị thành niên, và mô hình thứ hai là mâu thuẫn cha mẹ - con cái tác động đến thành tích học tập của nữ vị thành niên. Kết quả phân tích cho thấy, việc mâu thuẫn với cha mẹ đều có ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả học tập của cả nam và nữ vị thành niên.

Nghiên cứu của Holmes (2012) cho thấy, hơn 90% các bà mẹ và trẻ vị thành niên trong diện phỏng vấn đều nêu ra được các điểm tích cực của mâu thuẫn trên bốn khía cạnh chính, đó là: lợi ích về nhận thức/hiểu biết; thúc đẩy quan hệ; có lợi cho sự phát triển của bản thân; tăng cường kỹ năng giải quyết vấn đề. Tuy nhiên, cũng có hơn một nửa số số người mẹ và trẻ vị thành niên đưa ra mặt trái của mâu thuẫn trên ba nhóm hậu quả: căng thẳng tâm lý cá nhân, ảnh hưởng xấu đến quan hệ và lãng phí thời gian (Holmes và cs, 2012).

Dekovic (1999) cho rằng, mâu thuẫn có tỉ lệ nghịch với chất lượng mối quan hệ giữa cha mẹ con cái. Mặc dù có một số nghiên cứu cho rằng cha mẹ và con cái càng gần gũi nhau thì càng dễ nảy sinh mâu thuẫn do mật độ tương tác thường xuyên hơn và có sự tự do bày tỏ cảm xúc, quan điểm trong quá trình trò chuyện, nhưng Dekovic lại cho rằng, những cặp cha mẹ - con cái có chất lượng quan hệ kém thì thường xảy ra mâu thuẫn thường xuyên hơn. Trong mô hình hồi quy tác giả sử dụng trong phân tích, khi đưa hai biến số là tác động của mâu thuẫn và chất lượng của mối quan hệ cha mẹ - con cái vào mô hình, kết quả phân tích cho thấy những hậu quả tiêu cực mà trẻ vị thành niên gặp phải như thiếu tự tin, trầm cảm xuất phát từ chất lượng mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái, chứ không phải từ mật độ xảy ra mâu thuẫn thường xuyên giữa cha mẹ và con cái. Đáng chú ý là mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái có ảnh hưởng tiêu cực đến bố mẹ hơn là đến trẻ vị thành niên. Điều này có thể xuất phát từ sự khác biệt trong quan điểm của cha mẹ và con cái về mâu thuẫn. Nghiên cứu của Smetana chỉ ra rằng, đối với trẻ vị thành niên, mâu thuẫn với bố mẹ chủ yếu liên quan đến quyền cá nhân của trẻ, trong khi đó, cha mẹ lại cho rằng mâu thuẫn bắt nguồn từ quyền lực của cha mẹ (authority) (Smetana, 1995).

1.4. Các cách thức giải quyết mâu thuẫn

Theo Vulchirich (1990), có 05 hình thức giải quyết mâu thuẫn, đó là: khuất phục, thỏa hiệp, xa cách, lảng tránh, sự tham gia của bên thứ ba (Brett Laursen và cs, 1994).

Theo nghiên cứu của Yau (1996), khi thảo luận về các phương thức giải quyết mâu thuẫn, phần lớn vị thành niên cho biết bố mẹ là người đưa ra quyết định chính, trong khi đó, khi hỏi về quan điểm của vị thành niên về việc giải quyết mâu thuẫn thì đa phần đối tượng được hỏi đều cho rằng bản thân các em cũng nên được phép đưa ra quyết định trong việc xử lý mâu thuẫn. Nghiên cứu của Yau dựa trên ba nhóm vị thành niên và kết quả phân tích cũng cho thấy, tỉ lệ vị thành niên sớm và vị thành niên muộn cảm thấy quyết định của bố mẹ đưa ra công bằng cao hơn so với nhóm vị thành niên giữa. Xét theo giới tính, tỉ lệ này ở nhóm nam cũng cao hơn ở nhóm nữ.

Nghiên cứu của Moed (2015) tìm hiểu mâu thuẫn như một quá trình, trong đó sẽ có người bắt đầu mâu thuẫn và người kết thúc mâu thuẫn. Tác giả xây dựng bốn cặp mâu thuẫn dựa theo việc bắt đầu/kết thúc mâu thuẫn: Cha mẹ bắt đầu - Con kết thúc, Cha mẹ bắt đầu - cha mẹ kết thúc, Con cái bắt đầu - Con cái kết thúc, Con cái bắt đầu - Cha mẹ kết thúc. Theo đó, các mô hình trên đều có mối liên hệ trực tiếp với chiều dài của mâu thuẫn (Moed, A. và cs, 2015). Đối với hai mô hình mà con cái là người kết thúc mâu thuẫn kéo dài lâu hơn, và nghiên cứu cũng chỉ ra rằng mâu thuẫn kéo dài như thế nào là phụ thuộc vào người kết thúc mâu thuẫn chứ không phụ thuộc vào người khởi đầu mâu thuẫn.

Trong khi đó, Sillars (1980) thì đưa ra ba mô hình để phân loại cách giải quyết mâu thuẫn: trốn tránh, đối đầu và hợp tác. Mô hình *trốn tránh* muốn mô tả trạng thái bị động - trong đó, một người lảng tránh người kia, không muốn trò chuyện về chủ đề gây ra mâu thuẫn. Còn *sự đối đầu* thì thể hiện sự đối kháng giữa các cá nhân trong quá trình mâu thuẫn, trong khi đó, *sự giải quyết mang tính hợp tác* thì có tính ôn hòa, cùng bàn bạc về mâu thuẫn, chia sẻ quan điểm cởi mở, các cá nhân lắng nghe ý kiến lẫn nhau... (Sillars, 1980, dẫn theo Shearman, 2011).

Trong nghiên cứu của Missotten và cộng sự (2017), các tác giả phân tích cách ứng phó của trẻ vị thành niên với cha mẹ khi gặp mâu thuẫn dựa trên bốn mô hình:

- Cách giải quyết vấn đề tích cực: khi hai bên cùng lắng nghe ý kiến, quan điểm của nhau và trao đổi để tìm ra tiếng nói chung.

- Gây hấn: mô tả việc xử lý mâu thuẫn bằng những hành vi tấn công bằng lời nói, không có tính hợp tác hoặc mất kiểm soát.

- Trốn tránh: mô tả việc trốn tránh bàn bạc, không muốn nói chuyện, trở nên xa cách.

- Nghe lời: không thể hiện ý kiến cá nhân mà tuân thủ/ nghe lời bên kia.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, khi cha mẹ giải quyết mâu thuẫn một cách tích cực thì thể hiện sự giao tiếp tình cảm, hiệu quả giữa cha mẹ - con cái, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng cách giải quyết này thường diễn ra ở các cặp cha mẹ - con cái có mối quan hệ gắn kết tích cực. Trẻ vị thành niên sinh trưởng trong môi trường xảy ra nhiều mâu thuẫn thì có nguy cơ xử lý mâu thuẫn một cách sai lầm trong tương lai. Đối với các vị thành niên thường sử dụng biện pháp lảng tránh khi gặp mâu thuẫn thì được dự đoán rằng trong tương lai sẽ ít có khả năng giải quyết mâu thuẫn tích cực (Missotten và cs, 2017).

Một số nghiên cứu khác như nghiên cứu của Yau và cs (1996) lại tìm hiểu phương thức giải quyết mâu thuẫn dựa trên ba phương án mang tính lựa chọn thắng/thua:

- Vị thành niên thắng
- Bố mẹ thắng
- Thỏa hiệp

Tuy nhiên, ngoài việc phân nhóm các phương án như trên, trong nghiên cứu của mình, tác giả cũng khai thác thêm hai thông tin khác từ vị thành niên: 1) vị thành niên đánh giá cách giải quyết trên có công bằng hay không (thang đo 3); 2) Người đưa ra cách giải quyết trên (vị thành niên, cha mẹ hay cả hai). Kết quả nghiên cứu cho thấy, bố mẹ vẫn là người chủ yếu ra phương sách giải quyết cho các mâu thuẫn nảy sinh giữa cha mẹ - con cái. Tỷ lệ cha mẹ quyết định ở vị thành niên sớm, vị thành niên giữa cao hơn vị thành niên muộn. Và nhóm vị thành niên giữa cũng chính là nhóm ghi nhận tỷ lệ cao vị thành niên coi cách giải quyết mâu thuẫn trên là không công bằng (Yau và cs, 1996).

Ngoài ra, một cách phân nhóm phương án giải quyết mâu thuẫn khác được thể hiện trong nghiên cứu của Saxena (2011), đó là:

- 1) Mắng mỏ
- 2) Né tránh

3) Giải quyết bằng tình cảm, yêu thương

Trong nghiên cứu của mình, khi được hỏi về cách giải quyết mong muốn khi cha mẹ - con cái gặp mâu thuẫn, các bậc cha mẹ ở cả hai tầng lớp xã hội đều không coi né tránh là một lựa chọn tốt. Tuy nhiên, ở gia đình trung lưu, tỉ lệ cha mẹ lựa chọn cách giải quyết bằng mắng mỏ và yêu thương đều tương đương nhau, trong khi đó, ở các gia đình tầng lớp thấp, tỉ lệ cha mẹ lựa chọn phương án mắng mỏ lại cao hơn. Còn đối với nhóm vị thành niên ở cả hai tầng lớp, các em đều lựa chọn cách giải quyết mâu thuẫn bằng yêu thương hoặc né tránh, gần như không có vị thành niên mong muốn mâu thuẫn được giải quyết bằng cách mắng mỏ (Saxena, 2011).

Nhiều nghiên cứu đã coi việc con cái phạm lỗi là một trong những nguyên do dẫn đến mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái. Trong nghiên cứu của mình, tác giả Nguyễn Thị Nguyệt (2007) đã tìm hiểu cách cha mẹ phản ứng khi con cái phạm lỗi với các lựa chọn như: đánh đập gây thương tích; phạt, bắt làm việc (hoặc không cho ăn); đuổi ra khỏi nhà; trói trong phòng; bạt tai, véo tai...; mắng là đồ ngốc/đồ lười; dọa đánh (nhưng không đánh); dọa không cho đi học; tước bỏ quyền lợi; dọa tống ra khỏi nhà; làm kiểm điểm; khuyên bảo, giải thích; cho tự xử lý; không tỏ thái độ gì. Trong đó, phương án “khuyên bảo” là phương án được nhiều bậc phụ huynh lựa chọn nhất. Các hình thức phạt nặng, bạo lực, có tính cực đoan được ít các phụ huynh áp dụng trong việc điều chỉnh hành vi của con. Trong số các gia đình có đánh đập con gây thương tích, phạt nặng thì rơi vào các gia đình có đông con, kinh tế gia đình khó khăn, bố mẹ có trình độ văn hóa thấp... đó cũng là các gia đình thường xảy ra xung đột, cãi cọ. Tìm hiểu về phản ứng của trẻ khi bị cha mẹ phạt/đánh/quát... đa phần các em nữ cảm thấy buồn, đau khổ hoặc tủi thân, trong khi đó, ở các em trai thì xuất hiện cảm giác “oán trách bố mẹ” (Nguyễn Thị Nguyệt, 2007).

Tóm lại, cách phân loại hình thức giải quyết mâu thuẫn giữa cha mẹ- con cái là khá đa dạng. Trong khuôn khổ của Luận án, cách thức giải quyết mâu thuẫn được Luận án kế thừa từ mô hình 05 hình thức giải quyết mâu thuẫn của Vulchirich, đó là: khuất phục, thỏa hiệp, xa cách, lảng tránh, sự tham gia của bên thứ ba.

Tiểu kết Chương 1

Trên cơ sở rà soát, hệ thống hóa và tổng quan các tài liệu trong nước vào quốc tế liên quan đến chủ đề nghiên cứu, Chương này tập trung vào phân tích bốn nội dung tương ứng với nội dung nghiên cứu. Đó là: 1) Các lĩnh vực nảy sinh mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái; 2) Các yếu tố ảnh hưởng tới mâu thuẫn cha mẹ- con cái; 3) Cách thức giải quyết mâu thuẫn; và 4) Hệ quả của mâu thuẫn. Có thể nói, cho đến nay có khá nhiều công trình khoa học nghiên cứu từ góc độ tâm lý học và xã hội học nghiên cứu về mâu thuẫn cha mẹ và con cái, đặc biệt là các nghiên cứu quốc tế. Quá trình rà soát tài liệu đã chỉ ra những thành tựu về mặt nội dung cũng như phương pháp mà Luận án có thể kế thừa.

Trước hết, về mặt nội dung, các nghiên cứu về mâu thuẫn cha mẹ và con cái, đặc biệt là các nghiên cứu quốc tế, đã làm rõ được các chủ đề thường xảy ra mâu thuẫn giữa cha mẹ- con cái, mức độ phổ biến, phản ứng, cách thức giải quyết mâu thuẫn cũng như hệ quả nảy sinh từ mâu thuẫn cùng các yếu tố tác động. Theo đó, mâu thuẫn cha mẹ- con cái chủ yếu xoay quanh các chủ đề liên quan đến đời sống hàng ngày và các yếu tố được xem xét có tác động đến mâu thuẫn cha mẹ - con cái là các yếu tố cá nhân của trẻ, yếu tố liên quan đến đặc trưng gia đình. Mâu thuẫn nếu không được giải quyết một cách tích cực sẽ để lại những tác động âm tính/tiêu cực lên mối quan hệ cha mẹ - con cái.

Nghiên cứu về quan hệ cha mẹ - con cái ở Việt Nam khá phong phú, tuy nhiên lượng nghiên cứu tập trung chủ đích vào mâu thuẫn cha mẹ và con cái hiện còn khá ít ỏi. Có thể thấy một số khoảng trống quan trọng trong nghiên cứu mâu thuẫn cha mẹ- con cái ở Việt Nam đó là: 1) Còn thiếu vắng các nghiên cứu đề cập đến thực trạng xảy ra mâu thuẫn cha mẹ- con cái, vì vậy chưa có luận cứ khoa học để đánh giá xem liệu cha mẹ - con cái thường hay mâu thuẫn về vấn đề gì, cha mẹ - con cái thường giải quyết mâu thuẫn như thế nào? Mâu thuẫn đó có tác động như thế nào đến quan hệ cha mẹ con cái nói chung và cá nhân trẻ nói riêng; đặc biệt là ở mâu thuẫn giữa cha mẹ với con cái ở lứa tuổi trung học phổ thông, là độ tuổi ở giai đoạn giữa và cuối của tuổi vị thành niên được ghi nhận có nhiều thay đổi quan trọng về tâm sinh lý và cảm xúc xã hội để chuẩn bị cho giai đoạn trưởng thành; 2) Chưa có

nhiều nghiên cứu lồng ghép yếu tố cộng đồng thông qua đánh giá sự khác biệt trong mâu thuẫn cha mẹ- con cái giữa hai khu vực nông thôn, đô thị.

Mâu thuẫn cha mẹ - con cái diễn ra ở mọi gia đình, mọi nền văn hóa. Mâu thuẫn có thể thúc đẩy sự thấu hiểu giữa cha mẹ - con cái, nhưng cũng có thể tác động tiêu cực đến đời sống tinh thần của trẻ, và nếu không được giải quyết đúng đắn, mâu thuẫn có thể làm mối quan hệ cha mẹ - con cái rạn nứt. Do số lượng nghiên cứu về chủ đề mâu thuẫn cha mẹ-con cái ở Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng còn tương đối thiếu vắng, vì vậy Luận án mong muốn góp phần bù đắp vào sự thiếu hụt đó thông qua nghiên cứu mâu thuẫn cha mẹ - con cái ở Hà Nội bởi Hà Nội là một thành phố lớn, nơi diễn ra quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa mạnh mẽ, nơi đón nhận những làn sóng văn hóa du nhập từ nước ngoài khiến quan hệ cha mẹ- con cái gặp nhiều thách thức hơn.

Do Luận án không thể bao quát hết các mảng nội dung liên quan đến mâu thuẫn nên trong phạm vi Luận án, những nội dung được chọn lọc phân tích, đó là:

1) Mô tả tần suất diễn ra mâu thuẫn cha mẹ- con cái vị thành niên trên ba lĩnh vực: học tập, đời sống cá nhân, tự lập tài chính. Bên cạnh đó, Luận án cũng tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng: yếu tố cá nhân (giới tính, khối lớp, học lực), yếu tố gia đình (học vấn cha mẹ, tuổi cha mẹ, phong cách giáo dục trong gia đình), yếu tố khu vực cư trú... đến mâu thuẫn cha mẹ - con cái.

2) Hệ quả của mâu thuẫn

3) Phản ứng, cách ứng phó với mâu thuẫn cha mẹ - con cái vị thành niên.

Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN, CƠ SỞ THỰC TIỄN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Dẫn nhập

Trên cơ sở tổng quan các nghiên cứu liên quan đến mâu thuẫn cha mẹ - con cái nói riêng và mâu thuẫn gia đình nói chung ở Chương 1, trong Chương này, Luận án sẽ làm rõ hệ khái niệm công cụ và các lý thuyết được vận dụng trong giải thích mâu thuẫn cha mẹ - con cái. Bên cạnh đó, trong Chương 2, Luận án cũng sẽ trình bày chi tiết về phương pháp nghiên cứu thông qua hai mục nhỏ là điểm lại các phương pháp đo lường mâu thuẫn cha mẹ - con cái từng được các nghiên cứu đi trước áp dụng và phương pháp nghiên cứu thực tế của Luận án.

2.1. Khái niệm cơ bản

2.1.1. Khái niệm học sinh Trung học phổ thông

Học sinh Trung học phổ thông là đối tượng học sinh học lớp 10, 11, 12, có độ tuổi tương đương 15-17 tuổi, thuộc nhóm tuổi vị thành niên. Đây là giai đoạn chuyển tiếp từ trẻ thơ lên trưởng thành với những biến đổi về mặt sinh lý, nhận thức và cảm xúc xã hội đặc thù.

Xét về mặt sinh học, xã hội, thì tuổi vị thành niên là giai đoạn ghi nhận những thay đổi mạnh mẽ nhất về sinh học, nhận thức, tư duy. Điều này có tác động quan trọng đến hoạt động tâm lý xã hội của trẻ vị thành niên và các mối quan hệ xã hội. Gắn liền với khái niệm về vị thành niên là lý thuyết của Erickson (1998) về các giai đoạn phát triển tâm lý theo độ tuổi. Theo đó tác giả chia quá trình phát triển của cá nhân thành 8 giai đoạn – 8 cột mốc trải qua các khủng hoảng tâm lý khác nhau. Theo lý thuyết này, các cuộc khủng hoảng này diễn ra ở tại những giai đoạn phát triển nhất định của cá nhân, nhu cầu tâm lý mâu thuẫn với nhu cầu của xã hội. Theo tính chất phát triển, các giai đoạn có liên hệ với nhau, việc giải quyết được khủng hoảng ở giai đoạn này sẽ là tiền đề cho sự phát triển tâm lý ở giai đoạn sau và ngược lại sẽ gây ra những rủi ro và rối loạn nhất định trong giai đoạn tiếp theo. Mỗi giai đoạn trong lý thuyết của Erikson được thể hiện bởi một cặp sự lựa chọn hoặc sự thay thế. Erikson đề cập tới sự phát triển của tâm lý, nhân cách vị thành niên trong giai đoạn thứ 5 - định hình cái tôi và sự lẩn lộn về vai trò (Identity vs. Confusion).

Quá trình này được đặc trưng bởi những sự kiện quan trọng như xây dựng và định hình các mối quan hệ xã hội và mục tiêu về nhân cách được hình thành ở giai đoạn này là tính trung thực (fidelity).

Trong giai đoạn này, vị thành niên hình thành cảm nhận về bản thân. Nếu thành công trải qua khủng hoảng của giai đoạn thành, vị thành niên sẽ trả lời được câu hỏi “tôi là ai, tôi muốn trở thành ai”, còn ngược lại sẽ tạo nên sự bối rối, rối loạn và xung đột vai trò của bản thân và thấy bản thân kém cỏi. Đây là giai đoạn vị thành niên tìm hiểu những vai trò mà họ cần chiếm giữ như người trưởng thành (hình mẫu trẻ mong muốn trở thành). Kết quả nên có sau giai đoạn này là cảm giác hoà hợp giữa nhu cầu hoà nhập của trẻ và mong đợi của xã hội về việc thực hiện vai trò của trẻ. Thất bại trong việc thiết lập một ý thức về bản sắc trong xã hội có thể dẫn đến nhầm lẫn vai trò. Nhầm lẫn vai trò liên quan đến các cá nhân không được chắc chắn về bản thân hoặc vị trí của mình trong xã hội.

Trong giai đoạn này, trẻ muốn thể hiện mình trưởng thành, do vậy lòng tự trọng của trẻ cũng rất lớn. Thái độ và hành vi thể hiện sự không tôn trọng trẻ hay những lời quở trách, phê phán đối với trẻ dễ làm cho trẻ tự ái hay dỗi hờn.

Để giải quyết vấn đề nhầm lẫn vai trò hoặc khủng hoảng bản dạng, một người vị thành niên có thể trải nghiệm nhiều lối sống khác nhau (ví dụ: công việc, học tập, hoặc các hoạt động liên quan tới chính trị). Đồng thời, việc tạo áp lực bắt một người chấp nhận một bản dạng có thể gây ra sự phản kháng dưới dạng chấp nhận những bản dạng tiêu cực, cộng thêm cảm giác không hạnh phúc.

Khách thể nghiên cứu của Luận án là học sinh trung học phổ thông, lứa tuổi gắn liền với những đặc trưng của giai đoạn tuổi vị thành niên. Vì vậy, trong quá trình phân tích, mô tả, bên cạnh sử dụng thuật ngữ “trẻ vị thành niên” để nhấn mạnh tính chủ quan của đáp viên, Luận án sẽ sử dụng thuật ngữ “con cái” để mô tả rõ nét hơn vị thế của trẻ trong mối quan hệ với cha mẹ.

2.1.2. Khái niệm mối quan hệ cha mẹ - con cái

Gia đình và môi quan hệ gần gũi với cha mẹ là yếu tố bảo vệ quan trọng đối với thanh thiếu niên. Trong xã hội, cha mẹ là người chịu trách nhiệm chính trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ từ lúc trẻ còn ấu thơ cho đến tuổi trưởng thành. Các quan

niệm, kỳ vọng, cách thức giáo dục, ứng xử khác nhau của cha mẹ và điều kiện chăm sóc riêng biệt của các gia đình ảnh hưởng mạnh đến sự phát triển thể chất, tinh thần của trẻ em. Trong xã hội hiện nay, mối quan hệ cha mẹ - con cái ngày càng bớt tính áp đặt hơn, trong gia đình, vị thế của con cái đã dần tăng lên. Tuy nhiên, mối quan hệ cha mẹ - con cái về cơ bản vẫn tuân thủ tôn ti trật tự truyền thống, cha mẹ vẫn là người quyết định những công việc liên quan đến con cái (Nguyễn Hữu Minh, 2012).

Vai trò tình cảm và định hướng của gia đình với vị thành niên đã được nói tới trong nhiều nghiên cứu (xem mục 1.3). Sự gắn bó của con cái đối với gia đình và cụ thể là với cha mẹ sẽ là bước đệm cho trẻ để thích nghi, hoà nhập với cộng đồng, cũng như tạo lập cho trẻ những nền tảng về lòng tin cậy, sự quan tâm, sự chia sẻ để phát triển những mối quan hệ khác trong xã hội.

Tuy nhiên trong thời kì thơ ấu, cha mẹ là chiếc nôi bao bọc của trẻ, trẻ lắng nghe, tuân thủ và đi theo sự chỉ dẫn của cha mẹ, thì đến khi trẻ dần lớn lên, đặc biệt khi bước vào giai đoạn vị thành niên - giai đoạn chuyển giao giữa thời kỳ thơ ấu lên tuổi trưởng thành, sẽ ghi nhận những thay đổi của trẻ về thể chất, tâm sinh lý cũng như những thay đổi quan trọng trong nhận thức, hành vi và đảm nhiệm thêm những vai trò như một người trưởng thành. Steinberg và Silverberg (1986) cho rằng, trong giai đoạn này, vị thành niên không còn mong muốn phải phục tùng cha mẹ nữa, sự độc lập dần được khẳng định khi trẻ muốn thoát khỏi vòng kiểm soát của cha mẹ và quá trình cá nhân hóa diễn ra mạnh mẽ vì trẻ nhận thức được mình là cá thể duy nhất - độc lập (dẫn theo Hofer và cs, 1999). Chính điều này tạo ra nhiều nguy cơ nảy sinh mâu thuẫn giữa trẻ vị thành niên với chính những người gần gũi nhất, đó là cha mẹ.

Trong phần lớn các công trình nghiên cứu, người ta nhận thấy các xung đột cha mẹ - con cái cơ bản nhất thường liên quan đến sinh hoạt hàng ngày, những nguyên tắc phải tuân thủ trong gia đình, như vậy, ngay cả trong hoàn cảnh bình thường, không có dấu hiệu chia ly, ly hôn, các em tuổi vị thành niên đã gặp không ít khó khăn trong quan hệ với cha mẹ (Luu Song Hà, 2004).

Đề tài của Luận án tiến hành nghiên cứu đối tượng vị thành niên học Trung học phổ thông, đang sống cùng bố mẹ hoặc thiếu bố/ thiếu mẹ. Các trường hợp không sống cùng cả bố và mẹ (do bố mẹ đi làm xa, tranh chấp con cái trong thời gian dài...)

không thuộc đối tượng nghiên cứu của đề tài. Đối với trường hợp vị thành niên chỉ sống cùng bố hoặc mẹ nhưng có mẹ kế/ bố dượng và thời gian sống trên 01 năm, khái niệm “mẹ” được hiểu là mẹ đẻ và mẹ kế, “bố” được hiểu là bố đẻ và bố dượng, “bố mẹ” bao hàm cả bố dượng/mẹ kế và bố mẹ đẻ.

2.1.3. Khái niệm mâu thuẫn và mâu thuẫn cha mẹ - con cái

Mâu thuẫn gia đình ám chỉ sự đối lập giữa các thành viên gia đình. Mâu thuẫn có thể diễn ra ở nhiều dạng thức, bao gồm lời nói, hành động, tình dục hoặc tâm lý. Mâu thuẫn có thể xảy ra đối với mọi thành viên trong gia đình, mọi mối quan hệ liên cá nhân trong gia đình: giữa vợ chồng, giữa bố mẹ- con cái, giữa anh chị em... Mọi mâu thuẫn liên cá nhân dù xảy ra đối với các thành viên trong gia đình, đối với các cặp tình nhân hay các nhóm xã hội đều có nhiều điểm chung. Một trong các định nghĩa phổ biến nhất của mâu thuẫn đó là từ tác giả Coser (1956), theo đó, mâu thuẫn được tác giả định nghĩa là “mâu thuẫn là một cuộc đấu tranh về các giá trị và yêu cầu về vị thế, quyền lực và nguồn lực, trong đó mục tiêu của các bên là để vô hiệu hóa, gây thương tích hoặc loại bỏ bên đối nghịch”. Năm 1973, Deutsch nêu quan điểm rằng mâu thuẫn “tồn tại vào mọi thời điểm mà các hành động đối nghịch diễn ra”. Một số định nghĩa khác cũng bổ sung thêm về tính xung khắc của hành động liên quan đến nhận thức. Còn theo Pruitt và Rubin (1986) thì mâu thuẫn là sự khác nhau về lợi ích, và niềm tin rằng nguyện vọng của các bên liên quan không thể được đáp ứng một cách đồng thời. Việc nhận thức về thực tế cũng như về bản thân, về người khác và về mối quan hệ đều liên quan đến mâu thuẫn.

Và mâu thuẫn cha mẹ- con cái cũng là một hiện tượng không thể tránh khỏi. Nhìn mâu thuẫn từ cách tiếp cận sinh học và phát triển, theo Steiberg (1989) và Montemayor (1983), mâu thuẫn cha mẹ - con cái là sự bất hoà không thể tránh được trong quá trình dậy thì. Theo các tác giả, mâu thuẫn cha mẹ - con cái xuất phát từ đòi hỏi sinh học của trẻ vị thành niên- đối tượng đang mong muốn giao lưu với bạn bè, xã hội ngoài gia đình nhiều hơn với cha mẹ (dẫn theo Min Chen, 2010). Mâu thuẫn cha mẹ - con cái có thể khởi nguồn từ những chuyện rất nhỏ. Janet Saltzman Chafetz (1981) từng nhìn nhận “bất cứ hành vi công khai nào, bao gồm cả lời nói, bởi một cá nhân nhằm vào một hoặc nhiều thành viên trong gia đình nhằm thể hiện

phản ứng tiêu cực về việc phân phối bất cứ nguồn tài nguyên quý hiếm, giá trị nào trong gia đình”. Một ví dụ nhỏ tác giả gọi tên là mâu thuẫn bắt nguồn “Con không nghĩ thế là công bằng khi mà Jonhny có miếng bánh to hơn của con”, hoặc mâu thuẫn cũng có thể hiện bằng việc sử dụng bạo lực (Janet Saltzman Chafetz, 1981).

Theo đó, dựa trên định nghĩa của Shantz (1987), mâu thuẫn được định nghĩa là “Bạn và một ai đó có khác biệt ý kiến, bạn phản đối điều mà một ai đó nói hay làm hoặc một ai đó phản đối điều bạn nói hoặc làm, hoặc bạn và một ai đó có tranh luận và cãi vã” (dẫn theo Brett Laursen, 2009).

Tuy nhiên, một trường phái khác (Yahu & Smetana, 1993, 1996; Fuligni, 1998) thì coi mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái phản ánh quá trình phát triển cái tôi của trẻ vị thành niên. Mâu thuẫn được nhìn nhận như một hình thức để thúc đẩy sự chuyển đổi mối quan hệ cha mẹ - con cái từ phụ thuộc, tuân lệnh sang tôn trọng, bình đẳng hơn (dẫn theo Min Chen, 2010).

Nói cách khác, mâu thuẫn được coi là xảy ra khi hệ giá trị, niềm tin của hai người khác nhau. Xuất phát từ góc nhìn này, thì cả cha mẹ và con cái đều phải đối mặt với nhiều mâu thuẫn. Từ phía của vị thành niên, mâu thuẫn xảy ra khi cha mẹ không ứng xử tình cảm như trẻ kỳ vọng, hoặc vì cha mẹ nghĩ rằng trẻ không đáp ứng được kỳ vọng của cha mẹ, hoặc vì thiếu sự đồng thuận trong gia đình. Như vậy, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn rất phong phú từ những khác biệt về giá trị đến cách ứng xử và chất lượng giao tiếp giữa cha mẹ - con cái (Onongha và cộng sự, 2015).

Mọi lý thuyết về phát triển vị thành niên đều trực tiếp hoặc gián tiếp nhấn mạnh rằng mâu thuẫn cha mẹ - con cái có mức độ thường xuyên, nghiêm trọng cao hơn so với các mối quan hệ khác (anh chị em, bạn bè...) (Laursen, 1994).

Theo Shantz (1987), mâu thuẫn gồm có các đặc điểm riêng biệt, đó là: tần suất và mức độ của mâu thuẫn, chủ đề của mâu thuẫn, các hành vi khơi mào mâu thuẫn, các hành vi kết thúc mâu thuẫn và hậu quả của mâu thuẫn.

Từ các định nghĩa nêu trên, mâu thuẫn cha mẹ - con cái nhìn chung có thể được hiểu là sự khác biệt, bất đồng trong quan điểm, lời nói, hành vi giữa cha mẹ và con cái. Trong phạm vi nghiên cứu của Luận án, Luận án chỉ tập trung nhận diện mâu thuẫn cha mẹ- con cái thông qua đánh giá của học sinh THPT về các chiều cạnh sau của mâu thuẫn:

1) *Tần suất xảy ra mâu thuẫn với cha mẹ ở ba lĩnh vực là: i) Lĩnh vực học tập, ii)Đời sống cá nhân của trẻ, iii)Hoạt động tự lập tài chính.*

2) *Hệ quả của mâu thuẫn.*

3) *Phản ứng và cách thức giải quyết mâu thuẫn của cha mẹ và con cái.*

2.1.4. Khái niệm Lĩnh vực học tập

Học tập là nhiệm vụ quan trọng của học sinh trung học phổ thông. Nhiều nghiên cứu cho thấy, học tập chính là lĩnh vực xảy ra mâu thuẫn nhiều nhất giữa cha mẹ và con cái (Yau và cs, 1996, Onongha,2015, Marzoka và cs,2016). Trong phạm vi nghiên cứu của Luận án, các lĩnh vực học tập được đề cập, đó là:

- Điểm số
- Học thêm
- Chọn trường lớp
- Học ở nhà

2.1.5. Khái niệm đời sống cá nhân của vị thành niên

Đời sống cá nhân bao gồm những sự việc, những mối quan hệ liên quan đến cá nhân, điều mà họ muốn thể hiện một cách chủ động, tự do và muốn tự mình thực hiện để phục vụ cho đời sống của mình. Khác với giai đoạn thơ ấu, ở giai đoạn vị thành niên, trẻ mở rộng nhiều mối quan hệ xã hội, coi trọng quan hệ bạn bè, thậm chí ở một số lĩnh vực, đối với trẻ, mối quan hệ với bạn bè còn có phần quan trọng hơn so với quan hệ với cha mẹ (Crosnoe, 2000; Cynthia, 2003). Đặc biệt trong thời đại công nghệ thông tin phát triển nở rộ, khi việc truy cập Internet ngày một thuận tiện, việc sở hữu thiết bị công nghệ ngày một phổ biến thì trẻ càng có nhiều nguy cơ phải đối mặt với những tác hại của việc lạm dụng thiết bị công nghệ. Ngoài ra, mâu thuẫn cha mẹ - con cái tuổi vị thành niên về hình thức bề ngoài xảy ra tương đối phổ biến vì đây là giai đoạn trẻ muốn thể hiện bản sắc cá nhân qua sự lựa chọn trang phục, kiểu tóc.

Vì vậy, mặc dù đời sống cá nhân là một phạm trù khá rộng, trong khuôn khổ phạm vi của Luận án, đời sống cá nhân của vị thành niên được đề cập đến là những hoạt động và mối quan hệ liên quan đến vị thành niên, những hoạt động và mối quan hệ mà trẻ em chủ động, tự do và tự mình thực hiện để phục vụ cho đời sống cá

nhân của vị thành niên ở lứa tuổi THPT ở ba nhóm hoạt động sau: (1) Sử dụng Internet/thiết bị công nghệ: thời gian sử dụng Internet/thiết bị công nghệ, và nội dung truy cập Internet/thiết bị công nghệ. Theo đó các thiết bị công nghệ được đo lường là: điện thoại di động, điện thoại di động thông minh, máy tính xách tay, máy tính để bàn, máy tính bảng, sách điện tử, đồng hồ đeo tay thông minh; (2) Quan hệ bạn bè: việc chọn bạn, thời gian giao lưu cùng bạn; (3) Lựa chọn hình thức bề ngoài/ngoại hình của bản thân như cách ăn mặc và kiểu tóc.

2.1.6. Khái niệm tự lập tài chính của vị thành niên

Tự lập chính là một cách sống tự quyết định, tự hành động, tự lựa chọn cho mình một con đường để đi. Giai đoạn trẻ vị thành niên ở nhóm tuổi THPT có thể bắt đầu tự lập trong một số hoạt động của cuộc sống trong đó có tự lập tài chính. Lợi ích cơ bản để trẻ/con cái tự quản lý/tự lập về tài chính đó là dạy trẻ hiểu được giá trị tiền bạc, giá trị của sức lao động, giảm nguy cơ nợ nần khi trưởng thành. Mọi trẻ em đều có quyền học các kỹ năng sống quan trọng bao gồm cách quản lý tiền bạc một cách khôn ngoan và đúng đắn. Cha mẹ cần phải nhận thức được rằng cần ủng hộ bằng những hành động thiết thực như để trẻ em tham gia việc đi làm thêm, tự lập kiếm tiền, tự quản lý chi tiêu cho cá nhân trong phạm vi cho phép. Vì vậy, trong Luận án này, việc tự lập tài chính của vị thành niên được hiểu là việc vị thành niên ở nhóm tuổi THPT tự mình tìm kiếm việc làm để có thêm thu nhập mà không trông chờ phụ thuộc vào cha mẹ, biết tự mình lo liệu quản lý/giữ tiền và sử dụng tiền cho các chi tiêu cá nhân. Các chủ đề được nghiên cứu trong hoạt động tự lập tài chính gồm: (1) Việc đi làm thêm, (2) Việc sở hữu tiền, (3) Cách tiêu tiền.

2.2. Các lý thuyết nghiên cứu áp dụng cho đề tài

2.2.1. Lý thuyết xung đột

Lý thuyết xung đột nhìn nhận sự tồn tại của các bên đối nghịch trong xã hội. Ở tầng vĩ mô, mâu thuẫn tồn tại trong các thể chế chính trị, xã hội và kinh tế. Ở cấp độ vi mô, mâu thuẫn tồn tại bên trong từng gia đình. Lý thuyết xung đột dùng để đánh giá xem ở những bối cảnh nào gia đình trở nên ổn định hoặc mất cân bằng, và gia đình quản lý khủng hoảng, xung đột về sự khác biệt như thế nào để giữ vững sự ổn định và thống nhất. Lewis Coser (1956), một nhà xã hội học người Mỹ, nhấn mạnh

giá trị giao tiếp qua việc mâu thuẫn trong các mối quan hệ xã hội. Theo Coser, mâu thuẫn có thể thúc đẩy sự gắn kết và thích ứng trong một nhóm cũng như góp phần xoá bỏ ranh giới giữa các nhóm. Học giả đương đại có đóng góp quan trọng nhất trong việc nhấn mạnh mức độ cần thiết của việc hiểu biết về mâu thuẫn trong gia đình, đó chính là Jetse Sprey. Trong tác phẩm mang tên “Gia đình như một hệ thống xã hội trong xung đột”, Sprey (1969) đã lưu ý về sự cần thiết của việc nhìn nhận gia đình như một hệ thống xung đột, trong đó, mục tiêu phải là quản lý xung đột chứ không phải loại trừ những khác biệt trong gia đình. Công trình của Sprey đã góp phần mang lại nhiều ấn phẩm về các hình thức mâu thuẫn gia đình trong suốt những năm 1970.

Trong xã hội học hiện đại, sự tồn tại mang tính đối lập nhau của những đánh giá về vai trò lịch sử của xung đột xã hội là một hiện thực đương nhiên và không thể phủ nhận. Chẳng hạn, thuyết chức năng coi xung đột xã hội là tiêu cực đối với một xã hội lành mạnh, còn thuyết tương tác xã hội luôn nhấn mạnh trật tự xã hội hơn là xung đột xã hội vì xung đột xã hội sẽ phá vỡ trật tự xã hội. Trong khi đó, thuyết xung đột xã hội khẳng định rằng xung đột giúp tăng cường tính thích ứng của tổ chức xã hội và phát triển xã hội (Đỗ Văn Quân, 2014).

Theo góc nhìn xã hội học, xung đột có thể xảy ra ở cấp độ vĩ mô, và ở cả cấp độ vi mô. Trong gia đình, xung đột có thể nhìn thấy ở các mối quan hệ giữa vợ và chồng, cha mẹ và con cái.

Cách tiếp cận xung đột xã hội cho thấy mâu thuẫn tồn tại ở mọi nơi, trong tất cả các hình thức tương tác xã hội và ở mọi cấp độ của thiết chế xã hội, và gia đình cũng là một thiết chế xã hội như vậy. Theo các nhà lý thuyết xung đột xã hội, nguyên nhân cơ bản của mâu thuẫn trong hay ngoài gia đình, đó là các cá nhân (hoặc các nhóm cá nhân) có xu hướng làm những gì có lợi cho bản thân cá nhân mình mình, tuy nhiên, không phải mọi cá nhân, mọi nhóm đều có chung một suy nghĩ, mong muốn, và không phải cá nhân nào cũng có cách ứng xử đồng nhất, phù hợp nhất với những gì được cho là tốt nhất cho trật tự xã hội lớn hơn. Những nhà lý thuyết xung đột bắt đầu với cách nhìn rằng mỗi cá nhân là một thực thể độc lập, riêng biệt với trật tự xã hội đó.

Cụ thể, các nhà lý thuyết xung đột đưa ra hai giả thuyết xảy ra mâu thuẫn giữa các cá nhân/ nhóm. Trước hết, đó là khi các cá nhân/ nhóm có những mong muốn khác nhau. Trong tình huống này, các cá nhân có những mục tiêu, giá trị, nhu cầu không giống nhau và thậm chí là trái ngược. Loại tình huống mâu thuẫn này được xem là có hại cho hệ thống gia đình. Ví dụ như cha mẹ muốn con đi học thêm vào chủ nhật nhưng con thì lại muốn đi xem phim cùng bạn bè.

Khả năng thứ hai xảy ra mâu thuẫn đó là khi những cá nhân/nhóm khác nhau có cùng một mong muốn trong khi nguồn cung lại có hạn. Trong trường hợp này, các cá nhân/nhóm có chung một mục đích, nhưng lại không được đáp ứng đầy đủ. Khả năng này cũng thường xảy ra trong gia đình khi các thành viên cùng mong muốn về tình cảm, sự quan tâm, quyền lực, hoặc tài chính.

Lý thuyết xung đột không coi gia đình là nhân tố đóng góp cho sự ổn định của xã hội mà là tấm gương phản chiếu sự bất bình đẳng về của cải và quyền lực của một xã hội rộng lớn hơn. Cách tiếp cận này coi xã hội về cơ bản không mang tính hợp tác mà là chia rẽ.

Mâu thuẫn trong các mối quan hệ tương tác giữa con người với nhau là một điều tự nhiên, khó tránh khỏi, bởi gia đình bao gồm những cá nhân có nhân cách, lý tưởng, giá trị, sở thích và mục đích khác nhau. Các gia đình thường có bất đồng, từ nhỏ đến lớn, chỉ khác về tần số, mức độ, tính chất và cách giải quyết xung đột. Chính vì vậy, cách tiếp cận xung đột không tin xung đột là tồi tệ, mà coi nó là một bộ phận tự nhiên của đời sống gia đình. Từ đó, người ta tập trung nghiên cứu về nguồn gốc của xung đột gia đình, cách kiểm soát và giải quyết các xung đột gia đình.

Theo cách tiếp cận xung đột, yếu tố quyền lực có vai trò chi phối. Quyền lực được thể hiện qua vị trí trong gia đình, tiền bạc mà các cá nhân nắm giữ. Trong gia đình cá nhân nào nắm quyền lực cao nhất sẽ đạt được lợi thế trong cuộc xung đột vì xung đột gia đình thường được coi là bình thường và được giải quyết thông qua giao tiếp, mặc cả và thương lượng.

Lý thuyết xung đột dựa quá nhiều vào quan niệm về chính trị, nơi lợi ích riêng, thói vị kỷ và cạnh tranh là những yếu tố chủ đạo, nhưng trong gia đình, ngoài

xung đột, con người ta còn có sự tự hi sinh và hợp tác. Gia đình không thể tồn tại nếu xung đột lấn át sự hi sinh và hợp tác; 2) Cách tiếp cận này cho rằng những khác biệt dẫn đến xung đột, nhưng thực ra khác biệt có thể được chấp nhận mà không nhất thiết phải dẫn đến xung đột; 3) Việc đo lường xung độ gia đình không dễ dàng, nhất là với người ngoài gia đình hay nhà nghiên cứu (Mai Huy Bích, 2011).

Vận dụng quan điểm của lý thuyết xung đột trong nghiên cứu này trước hết là phân tích nội dung mâu thuẫn, cách phản ứng, cách giải quyết và hệ quả; hai là, phân tích và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến mâu thuẫn cha mẹ con cái, từ những yếu tố có liên quan, đề xuất các khuyến nghị nhằm hạn chế và giảm nhẹ mâu thuẫn cha mẹ - con cái ở lứa tuổi vị thành niên.

Việc vận dụng các lý thuyết và cách tiếp cận nêu trên không chỉ cho phép luận án tìm hiểu được bản chất quan hệ cha mẹ và con cái ở chiều cạnh mâu thuẫn xung đột, mà còn cho phép nhận diện và lý giải những yếu tố liên quan có thể làm hạn chế và giảm nhẹ các tác động từ mâu thuẫn nảy sinh trong mối quan hệ này.

2.2.2. Lý thuyết Hành động xã hội

Theo Marshall (1998), có ba quan niệm về đối tượng của xã hội học. Quan niệm thứ nhất, đối tượng của xã hội học là cấu trúc xã hội. Quan điểm thứ hai, đối tượng của xã hội học là những ý niệm tập thể. Quan điểm thứ ba, đối tượng của xã hội học là hành động xã hội có ý nghĩa (Bùi Thế Cường, 2006).

Thuyết hành động xã hội có nguồn gốc từ thuyết kinh tế của Smith, Bentham và James. Theo đó, con người theo đuổi mục đích cá nhân duy lý của mình. Tuy nhiên, dù lý thuyết có chung nguồn gốc nhưng Marx thì nhấn mạnh vai trò của cấu trúc xã hội: cơ sở hạ tầng quyết định cấu trúc thượng tầng, trong khi đó Weber coi hành động xã hội là nền tảng tạo ra xã hội. Theo Weber, “hành động xã hội là hành động của chủ thể tương quan với hành động của người khác và định hướng vào hành động của người đó theo ý nghĩa chủ quan của mình về mục đích đã được dự tính từ trước”. Hành động xã hội là hành động định hướng vào hành vi quá khứ, hiện tại, và mong đợi từ phía người khác (Vũ Hào Quang, 2016).

Hành động xã hội là một khái niệm cơ bản trong xã hội học. Max Weber (1947:88) cho rằng xã hội học là một ngành khoa học hướng tới việc tìm hiểu ý

nghĩa của hành động xã hội, để từ đó đưa ra được các giải thích nhân - quả về nguyên nhân và hệ quả của nó. Theo định nghĩa của từ điển Longman, hành động là tiến trình làm một việc gì đó, đặc biệt để đạt một mục đích nhất định. Vẫn theo từ điển này, hành động khác hành vi ở chỗ, hành vi chỉ thuần túy là điều mà con người hay động vật làm. Như vậy, nếu như hành vi chỉ đơn giản là điều mà chúng ta làm – bất kể có ý thức hay không, thì khái niệm hành động bao hàm yếu tố chủ quan của chủ thể. Hành động có tính xã hội, theo Weber, khi chủ thể hành động gán cho hành động của mình ý nghĩa chủ quan có tính đến người khác, và do đó tiến trình hành động của anh ta được định hướng tới người khác. Và, hành động xã hội, dù là ở dạng không-hành-động hay là sự thuận theo một cách thụ động, thì tính chất định-hướng-tới-người-khác vẫn là một thành tố cốt lõi. Sự định hướng này có thể xuất phát từ quá khứ (mỗi lần có mâu thuẫn với bố mẹ, em đều to tiếng cãi vã, vì bố mẹ từng thường xuyên to tiếng khi bất hoà), có thể là định hướng tới một hành động hiện tại của người khác (em không cãi lại bố mẹ vì sẽ làm bố mẹ buồn), hoặc định hướng tới một hành động tương lai của người khác (em nghe theo lời của bố mẹ vì em muốn bố mẹ không phản ánh với cô giáo).

Max Weber (1947) cũng đồng thời chỉ ra bốn loại hành động xã hội: hành động duy lý – mục đích, hành động duy lý – giá trị, hành động duy lý – truyền thống, và hành động duy cảm. Ba loại hành động đầu tiên có chung một đặc điểm là tính duy lý. Tuy nhiên, nếu như hành động duy lý - mục đích là hành động được thực hiện với sự cân nhắc, tính toán, lựa chọn công cụ, phương tiện, sao cho có hiệu quả cao nhất để đạt mục đích duy lý, hành động duy lý - giá trị lại là những hành động hướng tới các giá trị. Mặc dù việc thực hiện hành động cũng có sự tính toán cân nhắc hợp lý, nhưng cái đích của loại hành động thứ hai lại là một giá trị, bất kể nó hợp lý hay không hợp lý.

Nếu như ba loại hành động đầu tiên đặc trưng bởi tính duy lý, tức là có sự cân nhắc, tính toán một cách hợp lý, thì hành động thứ tư là hành động thuần túy cảm xúc, do các cảm xúc bột phát gây ra, không dựa trên việc xem xét, phân tích về tính hợp lý hay tính khả thi của hành động. Điển hình của loại hành động này là việc các em có thể bỏ nhà đi khi có mâu thuẫn với cha mẹ.

Cũng cần lưu ý rằng, bốn loại hành động nêu trên đều là các mô hình lý tưởng. Trên thực tế, cũng như chính Weber nhận xét, rất hiếm hành động xã hội nào thuần túy thuộc về chỉ một mô hình. Đa số hành động xã hội sẽ là tổ hợp các loại hành động khác nhau. Một hành động có thể vừa là duy lý - giá trị, vừa có thể là duy lý - truyền thống, lại vừa có yếu tố cảm xúc.

Với cách tiếp cận này, đề tài sẽ đặt vấn đề giải quyết mâu thuẫn trong bối cảnh tác động của các yếu tố có tính văn hóa - cá nhân như giá trị, chuẩn mực... và những yếu tố liên quan đến mối quan hệ cha mẹ con cái.

2.2.3. Lý thuyết vai trò

Vai trò xã hội xác định một tập hợp các hành vi được mong đợi ở một người giữ một địa vị cụ thể. Mỗi vị thế đều có một tập hợp các vai trò được mong đợi (Trịnh Văn Tùng và cộng sự, 2016: 174). Kỳ vọng về vai trò có thể thay đổi theo thời gian và cũng khác nhau giữa các nền văn hóa.

Lý thuyết vai trò liên quan đến xu hướng hành vi của con người, hình thành các khuôn mẫu đặc trưng có thể được dự đoán nếu biết bối cảnh xã hội mà các hành vi đó xuất hiện. Nó giải thích các mẫu hành vi, (hoặc vai trò) bằng cách giả định rằng cá nhân trong mỗi bối cảnh có bản sắc xã hội được công nhận và rằng họ và những người khác có những kỳ vọng nhất định về các hành vi và vai trò của nhau (Barnett, 2014: 5591).

Các nhà nghiên cứu đã ghi nhận tầm quan trọng của người trưởng thành trong cuộc sống của thanh thiếu niên, đặc biệt là những hình mẫu mà thanh thiếu niên “ngưỡng mộ” và muốn trở thành, khi họ đang định hình bản sắc. Pleiss và Feldhusen (1995) đề xuất một hình mẫu/khuôn mẫu là một người được những người khác coi là đáng để bắt chước. Mặt khác, các mô hình vai trò có thể thúc đẩy sự phát triển của thanh thiếu niên, mô hình hóa thái độ, giá trị và hành vi, mà từ hình mẫu đó, trẻ vị thành niên có thể đưa vào thái độ, giá trị và hành vi của chính mình.

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra mối liên hệ giữa sự phù hợp về giới và việc lựa chọn hình mẫu vai trò. Theo đó, nữ giới thường tìm kiếm các hình mẫu của nữ giới và nam giới cũng như vậy. Đối với thanh thiếu niên, các mô hình vai trò phù hợp về giới có thể có tác động tích cực đến thu nhập, kết quả học tập, thành tích, sự hứng

thú với các hoạt động và định hướng tương lai (Zirkel, 2002; Hurd, 2009). Tương tự, các nghiên cứu của Galbo (1983), Hendry và cộng sự (1992), và Werner (1995) chỉ ra rằng thanh thiếu niên khi cố gắng định hình bản sắc của mình, thường lựa chọn mô hình vai trò mẫu giống cha hoặc mẹ mình, tương ứng với giới tính của trẻ; tức là trẻ em gái sẽ muốn giống mẹ và trẻ em trai muốn giống bố.

Xung đột vai trò xảy ra khi một người có nhiều vai trò và trong cuộc sống cá nhân, anh ta và phải đối mặt với sự xung đột do nhiều vai trò mà anh ta phải đóng. Những vai trò này có thể trở nên mâu thuẫn trong tự nhiên, đòi hỏi người đó phải đưa ra lựa chọn ưu tiên giữa những vai trò phải thực hiện tại một thời điểm.

Căng thẳng vai trò là khi một người đối mặt với căng thẳng trong một vai trò mà anh ta đóng. Anh ta có thể có nhiều nhiệm vụ phải làm trong một vai trò và không thể cân bằng tất cả các nhiệm vụ trong vai trò đó, hoặc anh ta có thể phải đối mặt với các quyết định mâu thuẫn trong cùng một vai trò.

Như đã nói ở trên, vai trò xã hội xác định một tập hợp các hành vi được mong đợi ở một người giữ một vị thế xã hội cụ thể. Khía cạnh giới thường có ảnh hưởng lớn tới việc thực hiện các vai trò không chỉ ở việc con cái thường học theo mô hình vai trò của người lớn có cùng giới tính với mình mà còn thể hiện ở việc bản thân cha mẹ cũng có những kỳ vọng giới nhất định vào con cái - có cùng giới tính với họ. Rất dễ hiểu khi con gái coi mẹ là hình mẫu vai trò về giới, người mẹ sẽ gần gũi con gái để hướng dẫn và xã hội hoá các mô hình vai trò này và do đó người mẹ cũng sẽ áp đặt những kỳ vọng giới nhất định lên con gái, nhiều hơn là con trai. Điều ngược lại xảy ra với mối quan hệ con trai và bố. Xung đột nội vai trò (Intra-role conflict) là khái niệm chỉ các xung đột của những người nắm giữ vai trò tương tự giống nhau nhưng có kỳ vọng vai trò khác nhau. Ví dụ: mẹ và con gái có cùng vai trò là người nội trợ trong gia đình. Tuy nhiên, nếu người mẹ kì vọng con gái mình thực hiện vai trò này giống như mình, trong khi con gái không thể thực hiện được như kỳ vọng thì sẽ dễ dẫn tới xung đột. Trong quá trình tương tác giữa các thành viên trong gia đình sẽ dễ dẫn tới các xung đột vai trò như vậy. Áp dụng các khái niệm xung đột vai trò và căng thẳng vai trò vào nghiên cứu, dễ thấy trẻ vị thành niên đang dần hình thành đời sống cá nhân của mình, cũng phải thực hiện hàng loạt

các vai trò, mỗi vai trò bao gồm nhiều nhiệm vụ khác nhau, dễ dẫn tới trẻ cũng thấy hoang mang với việc thực hiện vai trò của mình. Cha mẹ nếu không đứng ở địa vị của trẻ, không chia sẻ, cảm thông và thấu hiểu trẻ thì mối quan hệ giữa cha mẹ và trẻ khó có được tiếng nói chung và khó xây dựng được sự gắn bó, tin tưởng ở trẻ.

2.2.4. Khung phân tích

Từ việc phân tích các đặc điểm của mâu thuẫn cha mẹ - con cái, các lý thuyết được vận dụng cũng như tổng quan tài liệu liên quan đến mâu thuẫn cha mẹ- con cái, khung phân tích của Luận được thể hiện ở Hình 1 như sau:

Các chỉ báo đo lường mâu thuẫn cha mẹ - con cái về học tập bao gồm: điểm số, học thêm, việc chọn trường lớp, việc học ở nhà.

Các chỉ báo đo lường mâu thuẫn cha mẹ - con cái về đời sống cá nhân bao gồm: quan hệ bạn bè (chọn bạn và thời gian giao lưu), việc sử dụng Internet (thời gian sử dụng Internet/thiết bị công nghệ, nội dung truy cập-sử dụng Internet/thiết bị công nghệ); và hình thức bề ngoài (chuyện ăn mặc và kiểu tóc).

Các chỉ báo đo lường hoạt động tự lập tài chính bao gồm: đi làm thêm, sở hữu/giữ tiền, và việc tiêu tiền.

Các yếu tố tác động đến mâu thuẫn cha mẹ - con cái bao gồm các yếu tố cộng đồng (đô thị và nông thôn), yếu tố cá nhân (giới tính, khối lớp, học lực, số anh chị em, thời gian giao lưu với bạn bè) và yếu tố gia đình (độ tuổi, học vấn của cha mẹ, phong cách giáo dục của cha mẹ). Tùy từng lĩnh vực phân tích mà các yếu tố tác động sẽ được vận dụng để đưa vào mô hình phân tích. Ở nội dung cách giải quyết mâu thuẫn, một số biến số khác liên quan đến lần mâu thuẫn đó sẽ được đưa vào phân tích, đó là: lĩnh vực xảy ra mâu thuẫn, đối tượng xảy ra mâu thuẫn (với bố hay với mẹ), và mức độ nghiêm trọng của mâu thuẫn.

Các yếu tố tác động đến mâu thuẫn cha mẹ- con cái

a) Các yếu tố cá nhân của trẻ vị thành niên

Qua rà soát tài liệu tổng quan, có thể thấy tồn tại sự khác biệt giới trong mâu thuẫn cha mẹ - con cái. Biến số “Giới tính vị thành niên” đóng vai trò quan trọng để kiểm chứng giả thuyết rằng nam vị thành niên có xu hướng mâu thuẫn với cha mẹ nhiều hơn so với nữ vị thành niên. Trong cách giải quyết mâu thuẫn, nữ vị thành niên lại có cách ứng xử ôn hòa hơn.

Yếu tố khối lớp cần được xem xét đặc biệt trong lĩnh vực mâu thuẫn với học tập, bởi theo hệ thống giáo dục của Việt Nam, lớp 12 là năm học bản lề để chuẩn bị cho kỳ thi Đại học, vì vậy học sinh khối lớp 12 sẽ phải đối mặt với nhiều căng thẳng, trong đó có áp lực từ phía cha mẹ. Vì vậy Luận án muốn xem xét liệu áp lực học tập tăng có tác động đến mâu thuẫn cha mẹ - con cái không.

Bên cạnh đó, yếu tố “học lực” cũng được Luận án tìm hiểu để đánh giá xem việc con cái học giỏi- được coi là đáp ứng được 1 trong những kì vọng của cha mẹ thì nguy cơ xảy ra mâu thuẫn có thấp hơn so với nhóm học lực thấp hơn không.

Ngoài ra, ở giai đoạn vị thành niên, trẻ chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi các quan hệ nhóm bạn. Ở nhiều khía cạnh, trẻ gắn bó với bạn bè hơn so với cha mẹ. Các tác động của nhóm bạn có thể tạo cho cha mẹ các thách thức trong việc định hướng lối sống và quan hệ cha mẹ con cái có thể đối mặt với nhiều mâu thuẫn khi có những bất đồng về quan điểm, giữa một bên là quan điểm của cha mẹ và một bên là quan điểm trẻ tiếp nhận từ bạn bè (Đặng Bích Thủy, 2012). Chính vì vậy, thông qua biến số “*thời gian vui chơi cùng bạn bè*”, Luận án giả thuyết rằng việc trẻ dành nhiều thời gian cho bạn bè có khả năng gia tăng hành vi mâu thuẫn giữa trẻ và cha mẹ, đặc biệt là ở lĩnh vực quan hệ bạn bè của trẻ.

Biến số “Số anh chị em trong gia đình” với giả định rằng ở gia đình một con, mọi sự quan tâm, nguồn lực sẽ tập trung vào một mình trẻ. Điều này có thể ảnh hưởng tới hai điều: 1) Việc quan tâm quá mức, hoặc kỳ vọng cao của cha mẹ dành cho trẻ có thể khiến mâu thuẫn nảy sinh nhiều hơn, 2) Tuy nhiên, về mặt xử lý mâu thuẫn, do trẻ sớm nhận thức được sự đáp ứng của cha mẹ và ý thức được vị trí của mình trong gia đình, trẻ sẽ ít có xu hướng đồng thuận với cha mẹ hơn mà thiên về hướng ứng xử mang tính đề cao cá nhân.

b) Yếu tố gia đình

Biến số “Tuổi của cha mẹ”: Biến số “tuổi của cha mẹ” được xây dựng từ lập luận rằng, khoảng cách tuổi giữa cha mẹ - con cái càng lớn thì sự khác biệt thế hệ càng lớn và mâu thuẫn sẽ nảy sinh nhiều hơn.

Biến số “Học vấn của cha/mẹ”: Theo lý thuyết sinh thái, như mâu thuẫn cha mẹ- con cái chịu ảnh hưởng của trình độ học vấn của cha mẹ (Dotterer, 2008). Cha mẹ có học vấn thấp thì ít coi trọng việc học ở trường lớp hơn. Trong khi đó, cha mẹ

có học vấn cao có nhiều kiến thức, nguồn lực trong việc đồng hành cùng con học tập (Bornstein & Bradley, 2003) nhưng cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn với con về học tập hơn vì có kì vọng cao ở thành tích học tập và khi con không đạt được kết quả như ý thì sẽ xảy ra nhiều mâu thuẫn.

Biến số “Phong cách giáo dục gia đình”: Ở giai đoạn vị thành niên, tính độc lập của trẻ phát triển mạnh mẽ. Santrock (2006) cho rằng, sự độc lập ở trẻ vị thành niên thể hiện ở xu hướng kháng lại những ảnh hưởng của cha mẹ, dứt bỏ sự phụ thuộc vào cha mẹ. Vì vậy, sự áp đặt của cha mẹ đối với trẻ vị thành niên có thể được coi là kích thích tố khiến mâu thuẫn cha mẹ - con cái xuất hiện nhiều hơn.

c) *Yếu tố cộng đồng*

Biến số “Khu vực sinh sống” là một biến số cộng đồng được vận dụng từ cách tiếp cận văn hóa. Đô thị là nơi diễn ra quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa mạnh mẽ và tiếp cận nhiều hơn với các luồng văn hóa phương tây. Ở một mức độ nào đó, sự tiếp cận của trẻ em đô thị với các giá trị mới cũng như sự bình đẳng, quyền trẻ em, .. là khá cởi mở. Trong khi đó, ở nông thôn, các giá trị văn hóa truyền thống được bảo lưu hơn, nếp ứng xử giữa cha mẹ- con cái vẫn đậm nét tôn ti thứ bậc. Bên cạnh đó, tài liệu tổng quan chỉ ra rằng, ở đô thị, cha mẹ có xu hướng giám sát con chặt chẽ hơn, đặt nhiều kỳ vọng ở con hơn, tỉ lệ mâu thuẫn cha mẹ-con cái ở đô thị cao hơn nông thôn. Chính vì vậy, Luận án giả định rằng, trẻ em ở khu vực nông thôn sẽ có xu hướng thuận theo cha mẹ nhiều hơn và mâu thuẫn giữa cha mẹ- con cái cũng xảy ra ít hơn so với ở đô thị.

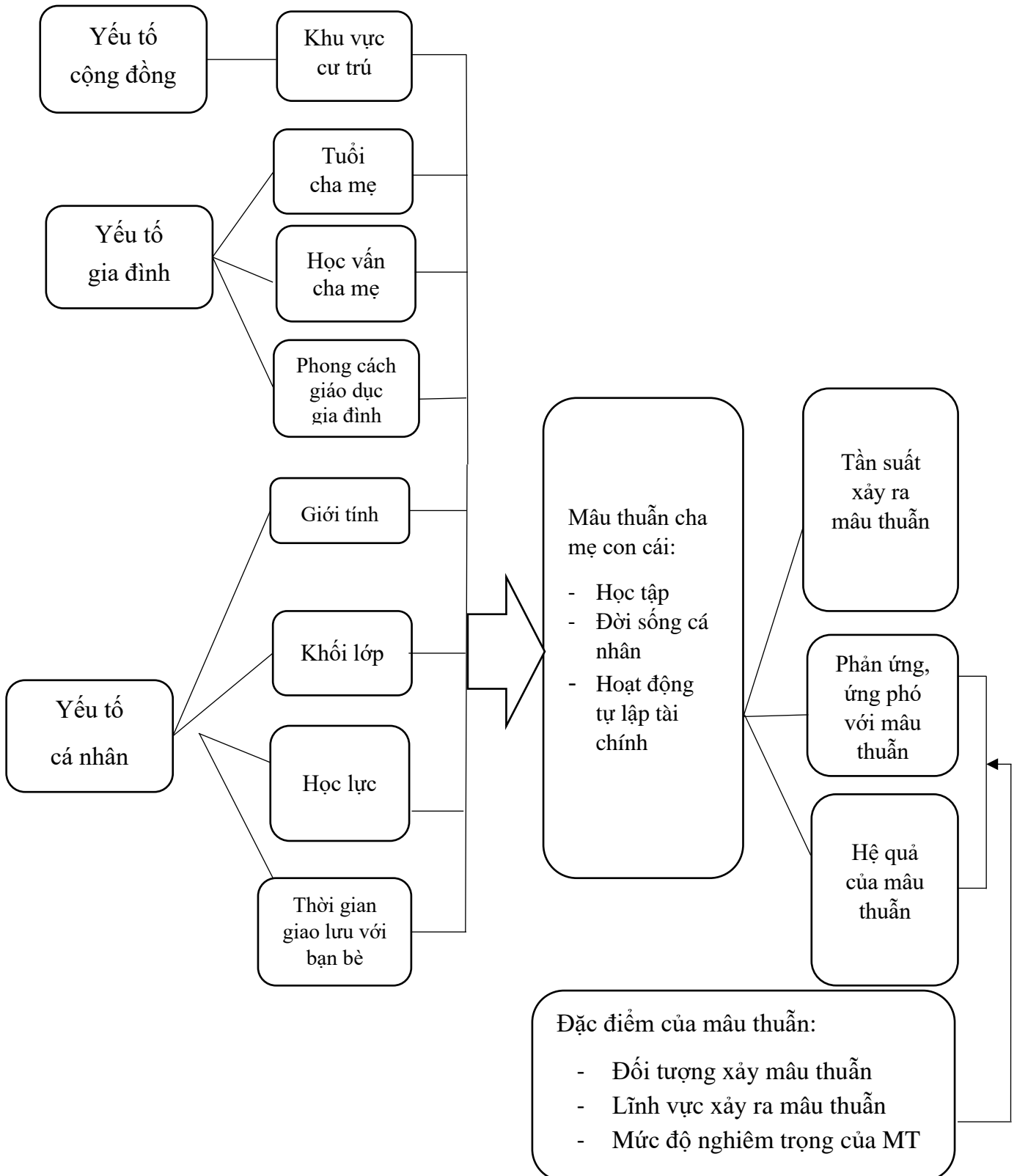
d) *Yếu tố liên quan đến đặc điểm của mâu thuẫn*

Vì mâu thuẫn có thể diễn ra ở nhiều dạng thức khác nhau với nhiều mức độ, hình thái khác nhau, do đó, để đánh giá hệ quả, phản ứng và cách thức giải quyết mâu thuẫn cần gắn chúng với một mâu thuẫn cụ thể. Nội dung này được Luận án phân tích dựa trên *lần mâu thuẫn xảy ra gần đây nhất giữa trẻ VTN và cha mẹ*. Các yếu tố được xem xét đến gồm:

- Đối tượng xảy ra mâu thuẫn
- Lĩnh vực xảy ra mâu thuẫn
- Mức độ nghiêm trọng của mâu thuẫn

Trên đây là một vài tóm lược cơ bản về các yếu tố tác động quan trọng được đưa vào khung phân tích. Về cơ bản, khung phân tích được thể hiện như sau:

Hình 1: KHUNG PHÂN TÍCH



2.2.5. Hệ biến số

a) Biến số phụ thuộc liên quan đến tần suất xảy ra mâu thuẫn

Biến số phụ thuộc là biến số được sử dụng để mô tả hoặc đo lường vấn đề nghiên cứu. Trong đề tài này biến số phụ thuộc là “Mâu thuẫn giữa học sinh trung học phổ thông và cha mẹ trong một giai đoạn cụ thể trước khi khảo sát” được xây dựng từ 10 câu hỏi để sử dụng hỏi học sinh trung học phổ thông, tập trung vào ba chủ đề/lĩnh vực chính dựa trên môi trường hoạt động và là những vấn đề gần gũi với lứa tuổi, dễ hoặc thường nảy sinh bất đồng, xung đột giữa cha mẹ - con cái.

Các biến số về mâu thuẫn được xây dựng từ các câu hỏi: *Nếu hiểu mâu thuẫn là sự khác biệt, bất đồng trong quan điểm, lời nói, hành vi thì trong một tháng vừa qua, em và bố, mẹ có thường xảy ra mâu thuẫn ở các lĩnh vực sau không?*”. Đối với các câu hỏi về vấn đề/nội dung mâu thuẫn này, đề tài sử dụng thang đo 4 điểm để đo tần suất mâu thuẫn từ 0) Không có mâu thuẫn đến 3) Hàng ngày.

Nhóm biến số phụ thuộc liên quan tới mâu thuẫn giữa con cái và cha mẹ về chủ đề học tập: được xây dựng từ các câu hỏi: Trong một tháng qua, em và bố mẹ có xảy ra mâu thuẫn ở các lĩnh vực như: điểm số học tập, việc học ở nhà, học thêm, chọn trường không?.

Nhóm biến số phụ thuộc liên quan tới Mâu thuẫn cha mẹ- con cái về đời sống cá nhân của trẻ: vì xét về mặt phát triển khả năng tự ý thức, tuổi trung học phổ thông bắt đầu dành thời gian nhiều hơn cho các hoạt động cá nhân. Biến số này được xây dựng từ các câu hỏi: Trong tháng vừa qua, em và bố mẹ có thường xảy ra mâu thuẫn ở các lĩnh vực sau: (1) Việc sử dụng Internet (gồm thời gian sử dụng thiết bị công nghệ, Internet; nội dung sử dụng thiết bị công nghệ, khi truy cập Internet). Đây là vấn đề đang đặt ra nhiều thách thức đối với việc quản lý của cha mẹ, trong bối cảnh công nghệ hóa diễn ra mạnh mẽ từ nông thôn đến thành thị với tỷ lệ sở hữu và sử dụng các thiết bị công nghệ có kết nối Internet ngày càng gia tăng trong gia đình và cá nhân vị thành niên nên mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái về thời gian và mức độ sử dụng thiết bị công nghệ/ Internet là rất đáng lưu ý; (2) Quan hệ bạn bè là lĩnh vực này thường xảy ra xung đột giữa trẻ vị thành niên và bố mẹ trong lựa chọn bạn bè, thời gian giao lưu với bạn bè; (3) hình thức bên ngoài của con gồm cách ăn mặc, kiểu tóc, là vấn đề quan trọng ở nhóm tuổi vị thành niên, ở

độ tuổi này con cái đã bắt đầu có những hành vi phản kháng lại sự sắp xếp của cha mẹ trong việc ăn mặc kiểu quần áo, để kiểu tóc...

Nhóm biến số phụ thuộc liên quan tới mâu thuẫn cha mẹ - con cái về việc tự lập tài chính của trẻ. Biến số này được xây dựng từ các câu hỏi: Trong học kỳ vừa qua, em và bố mẹ có thường xảy ra mâu thuẫn ở các lĩnh vực sau: việc sử dụng/tiêu tiền (như trẻ có khoản tiền riêng, muốn được tự quyết định việc mua sắm cho nhu cầu cá nhân...); đi làm thêm và được giữ/sở hữu tiền. Đây là lĩnh vực ít được đề cập, nhưng có khả năng là vấn đề dễ gây bất hoà trong quan hệ cha mẹ con cái, vì vậy việc nghiên cứu sẽ góp phần bổ sung về thực trạng của vấn đề này.

Nhóm biến số phụ thuộc về phản ứng của cha mẹ và vị thành niên, cách xử lý mâu thuẫn và hệ quả từ mâu thuẫn được xây dựng từ các câu hỏi liên quan đến mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái xảy ra trong lần gần đây nhất.

Ngoài việc tính toán tần suất xảy ra mâu thuẫn, để đánh giá thực trạng xảy ra mâu thuẫn bằng thống kê mô tả tỷ lệ, các biến số phụ thuộc này sẽ được nhóm gộp thành 2 nhóm/giá trị: 1= Có mâu thuẫn (bao gồm từ mức hàng ngày đến vài lần một tháng); 0= Không có mâu thuẫn nào.

Để thực hiện các tính toán phân tích sâu hơn nhằm xác định vai trò của từng yếu tố riêng biệt đến mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái, luận án sử dụng phương pháp phân tích hồi quy logistic. Từ các chỉ báo riêng lẻ ở từng lĩnh vực/nội dung đề tài đã tiến hành xây dựng các biến số tổng hợp từng lĩnh vực nhằm tính toán làm rõ và so sánh thực trạng xảy ra mâu thuẫn giữa con cái vị thành niên với cha so với người mẹ trong gia đình. Ngoài ra, đề tài chỉ lựa chọn các biến số có ý nghĩa thống kê trong phân tích hai biến sử dụng đưa vào phân tích mô hình hồi quy logistic về tác động của các biến số chọn lọc đến mâu thuẫn giữa con cái với bố và với mẹ. Các biến số phụ thuộc được phân loại là biến số nhị nguyên với giá trị bằng 1 nếu thỏa mãn được điều kiện của chỉ tiêu và bằng 0 trong trường hợp ngược lại. Các biến số này được xây dựng cụ thể như sau:

- 1) Biến phụ thuộc 1: mâu thuẫn giữa con cái với cha, mẹ liên quan đến vấn đề học tập được tính toán/tổng hợp từ 4 chỉ báo là điểm số học tập, việc học ở nhà, học thêm, chọn trường, sau đó chia thành 2 giá trị: 1= có mâu thuẫn; 0= không có mâu thuẫn.

- 2) Biến phụ thuộc 2: mâu thuẫn giữa con cái với cha, mẹ liên quan đến sử dụng Internet được tính toán/tổng hợp từ 2 chỉ báo là thời gian sử dụng thiết bị công nghệ, Internet và nội dung sử dụng thiết bị công nghệ, khi truy cập Internet sau đó chia thành 2 giá trị: 1= có mâu thuẫn; 0= không có mâu thuẫn.
- 3) Biến phụ thuộc 3: mâu thuẫn giữa con cái với cha, mẹ liên quan đến quan hệ bạn bè được tính toán/tổng hợp từ 2 chỉ báo lựa chọn bạn bè, thời gian giao lưu với bạn bè, sau đó chia thành 2 giá trị: 1= có mâu thuẫn; 0= không có mâu thuẫn.
- 4) Biến phụ thuộc 4: mâu thuẫn giữa con cái với cha, mẹ liên quan đến vấn đề hình thức bề ngoài được tính toán/tổng hợp từ chỉ báo cách ăn mặc, kiểu tóc, sau đó chia thành 2 giá trị: 1= có mâu thuẫn; 0= không có mâu thuẫn.
- 5) Biến phụ thuộc 5: mâu thuẫn giữa con cái với cha, mẹ liên quan đến việc tự lập tài chính được tính toán/tổng hợp từ 3 chỉ báo là việc sử dụng/tiêu tiền tiền, đi làm thêm và được giữ/sở hữu tiền, sau đó chia thành 2 giá trị: 1= có mâu thuẫn; 0= không có mâu thuẫn.

b) Biến số phụ thuộc liên quan đến cách thức giải quyết mâu thuẫn

Dựa trên thang đo giải quyết mâu thuẫn của Vulchirich (1987), cách thức giải quyết được chia thành 5 nhóm:

- 1) Em và bố mẹ lảng tránh, không đề cập đến chuyện mâu thuẫn đó
- 2) Em nghe theo lời bố mẹ
- 3) Bố mẹ thuận theo ý em
- 4) Em và bố mẹ cùng đồng thuận giải quyết
- 5) Em và bố mẹ nhờ người thứ ba phân xử

2.4.3.2 Biến số độc lập

Các biến số độc lập là các biến số được sử dụng để mô tả hoặc đo lường các yếu tố được giả định là gây ra hoặc ít nhất là làm ảnh hưởng đến vấn đề nghiên cứu. Các biến số độc lập được xây dựng trong nghiên cứu này dựa trên kết quả rà soát và tổng quan nghiên cứu về các yếu tố tác động đến mâu thuẫn cha mẹ - con cái từ các

nghiên cứu quốc tế và ở Việt Nam đi trước. Cụ thể các biến số độc lập sẽ được xây dựng như sau:

A) Các biến số đặc trưng cá nhân học sinh phổ thông trung học

- Giới tính được chia thành 2 giá trị: 1= nam và 2= nữ;
- Khối lớp chia thành 3 nhóm: 1=Lớp 10; 2= Lớp 11; và 3= Lớp 12;
- Học lực: chia thành 2 nhóm gồm: 1 = Không phải học sinh giỏi và 2= Học sinh giỏi
- Số anh chị em trong gia đình (ACE): biến số này được chia thành 2 giá trị/nhóm: 1= Có 1-2 ACE; 2= 3 ACE trở lên
- Mức độ sử dụng Internet: biến số này chia thành 3 nhóm: 1= Ít tự do, và 2= Tự do; 3= Rất tự do.

B) Các biến số đặc trưng gia đình: gồm các biến số mô tả đặc điểm cá nhân của cha mẹ và phong cách giáo dục trong gia đình

- Phong cách giáo dục của gia đình: Một số nghiên cứu chỉ ra rằng mâu thuẫn cha mẹ - con cái xảy ra chủ yếu ở các gia đình có bố mẹ có phong cách độc đoán (authoritarian parents), vì vậy đề tài của Luận án xây dựng biến số phản ánh gia đình có bố mẹ mang phong cách độc đoán từ câu hỏi “Bố mẹ hay áp đặt cho cuộc sống của em”. Biến số này được nhóm thành 2 nhóm 1=có; 2=không.

*** Các biến số đặc trưng nhân khẩu của người bố**

- Tuổi của người bố nhận ba giá trị: 1: <45; 2:45-50; 3: >50
- Học vấn của người bố/cha: biến số này được chia thành 3 giá trị/nhóm/thang đo, thể hiện 3 cấp học: 1= <Trung học phổ thông; 2= Đại học; và 3= Trên Đại học;

*** Các biến số đặc trưng nhân khẩu của người mẹ:**

- Tuổi của người mẹ được chia thành 3 giá trị/nhóm/thang đo: 1= <45; 2= 45-50; 3= >50;
- Học vấn của người mẹ: biến số này được chia thành 3 giá trị/nhóm/thang đo, thể hiện 3 cấp học: 1= <Cấp 3; 2= Đại học; và 3= >Đại học

C) Biến số cộng đồng

- Khu vực sinh sống biến số này được chia thành 2 giá trị/nhóm/thang đo: 1= đô thị; 2= nông thôn;

D) Biến số liên quan đến đặc điểm của mâu thuẫn

Việc phân tích hệ quả, phản ứng và cách giải quyết mâu thuẫn giữa cha mẹ- con cái trong Luận án sẽ gắn với “*mâu thuẫn xảy ra gần đây nhất giữa cha mẹ, con cái*”. Do vậy, trong phân tích này, một số biến số độc lập khác được sử dụng, đó là:

- Lĩnh vực xảy ra mâu thuẫn gồm 3 nhóm: 1= Học tập, 2=Đời sống cá nhân, 3=Tự lập tài chính.

- Mức độ nghiêm trọng của mâu thuẫn gồm 3 nhóm: 1= Không nghiêm trọng, 2=Ít nghiêm trọng, 3= Nghiêm trọng và rất nghiêm trọng.

- Đối tượng xảy ra mâu thuẫn gồm 3 nhóm: 1= Mâu thuẫn với bố, 2= Mâu thuẫn với mẹ, 3= Mâu thuẫn với cả bố và mẹ.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Phương pháp đo lường mâu thuẫn giữa cha mẹ- con cái qua các nghiên cứu trước đây

Nghiên cứu về mâu thuẫn cha mẹ - con cái nói riêng hay mâu thuẫn gia đình nói chung là một chủ đề quen thuộc của xã hội học, tâm lý học. Để mô tả về mâu thuẫn, nhìn chung, các nghiên cứu thường đi theo hướng: mô tả về chủ đề diễn ra mâu thuẫn, tần suất/ cường độ xảy ra mâu thuẫn, cách ứng phó với mâu thuẫn, và ở một số nghiên cứu thì có khai thác thêm những thông tin về hậu quả của mâu thuẫn, thời gian kéo dài của mâu thuẫn. Dựa trên nguồn tài liệu mà Luận án tiếp cận được, phần viết dưới đây nhằm mô tả tóm lược về các phương pháp, công cụ đã được sử dụng để tiến hành nghiên cứu về những nội dung trên.

Trước hết, một trong những chỉ báo quan trọng để mô tả về mâu thuẫn, đó là đo lường nội dung và tần suất xảy ra mâu thuẫn. Dựa trên các tài liệu đã tiếp cận được, có thể nói phương pháp phổ biến đó là liệt kê danh mục các hành vi, chủ đề có thể gây nên mâu thuẫn để người trả lời có thể tự xác định mâu thuẫn của mình có xảy ra ở lĩnh vực này không, nếu có thì tần suất diễn ra mâu thuẫn ở mức độ nào. Tuy nhiên, ở mỗi nghiên cứu, danh mục này có thể khác nhau và thang đo tần suất cũng có thể khác nhau tùy theo mục tiêu, phạm vi nghiên cứu. Ví dụ như nghiên cứu của Ashraf (2011) sử dụng thang đo của Prinz, Foster, Kent và O’Leary (1979), bao gồm 44 lĩnh vực có khả năng xảy ra mâu thuẫn (ví dụ như làm bài tập về nhà,

dọn dẹp quần áo...). Ở mỗi lĩnh vực, vị thành niên và cha mẹ sẽ được yêu cầu để chỉ ra đâu là chủ đề xảy ra mâu thuẫn trong tháng vừa qua. Đây là một thang đo được nhiều nhà nghiên cứu sử dụng để tìm hiểu, phân tích thực trạng mâu thuẫn- cha mẹ con cái, ví dụ như nghiên cứu của Brett Laursen (2005). Hay như nghiên cứu của De Goede và cộng sự (2009) thì đo lường tần suất xảy ra mâu thuẫn dựa trên Bảng hỏi mâu thuẫn liên cá nhân của Laursen, 1993 gồm 35 chủ đề đo lường trên thang đo tần suất 5 điểm. Trong nghiên cứu của Brian K. Barber (1994), tác giả lại mô tả mâu thuẫn dựa trên 10 chủ đề với thang đo 6 điểm từ không bao giờ đến hàng ngày trong khoảng thời gian 1 năm. Một ví dụ khác đó là nghiên cứu của Atya Mohammed Hasan và cộng sự (2016) sử dụng Bảng liệt kê hành vi của cha mẹ - con cái (Parent-Adolescent Issues checklist) của Robin và Foster (1989), theo đó, vị thành niên được lựa chọn xem có bao nhiêu chủ đề gây mâu thuẫn giữa bản thân và cha mẹ trong số 44 chủ đề được liệt kê, Tuy nhiên, khác với một số nghiên cứu khác, trong phương pháp này, vị thành niên chỉ cần lựa chọn “Có mâu thuẫn” hay “Không có mâu thuẫn”, theo đó, trường hợp có từ 13 mâu thuẫn trở lên sẽ được quy định là “thường xuyên có mâu thuẫn”.

Nhưng đôi khi, một số nghiên cứu thì khai thác nội dung mâu thuẫn dựa trên câu hỏi mở, ví dụ như trong nghiên cứu của Min Chen (2010), người trả lời cũng được yêu cầu mô tả về mâu thuẫn (hình thức mâu thuẫn, tần suất và cường độ) dựa trên câu hỏi “Hãy nhớ về mâu thuẫn giữa bố mẹ và bạn (hoặc giữa bạn và con bạn) trong hai tuần trước”, theo đó, tác giả cũng mô tả với người trả lời “mâu thuẫn được hiểu là bất cứ sự bất đồng nào giữa hai người, dù nhỏ hay lớn”. Theo đó, người trả lời sẽ đánh giá tần suất của mỗi mâu thuẫn dựa trên thang đo 5 điểm từ 1) hiếm khi đến 5) rất thường xuyên.

Nghiên cứu của Yau và cs (1996) cũng mô tả các chủ đề của mâu thuẫn dựa vào việc liệt kê của vị thành niên về những bất đồng xảy ra giữa vị thành niên và cha mẹ trong tháng vừa qua, dù là nhỏ hay lớn, sau đó, các mô tả về mâu thuẫn này sẽ được nhóm thành bảy nhóm dựa trên nghiên cứu đi trước của Smetana (1995). Ngoài các chủ đề mâu thuẫn, vị thành niên cũng sẽ được yêu cầu mô tả về tần suất và cường độ xảy ra mâu thuẫn dựa trên thang đo 5 điểm.

Như vậy, để đo lường tần suất xảy ra mâu thuẫn, các nghiên cứu đi trước chủ yếu sử dụng bảng liệt kê hành vi để vị thành niên tự lựa chọn những mâu thuẫn nào đã từng xảy ra giữa các em và cha mẹ, theo đó, nhà nghiên cứu sẽ sử dụng phương pháp tính tần suất - là số lần xảy ra mâu thuẫn (hoặc cách tính tỷ lệ có diễn ra mâu thuẫn) để đánh giá mức độ diễn ra mâu thuẫn. Một số ít nghiên cứu thì tiếp cận dựa trên câu hỏi mở. Kế thừa phương pháp của các nghiên cứu đi trước, Luận án nhận diện mâu thuẫn giữa cha mẹ- con cái dựa trên các bảng liệt kê hành vi với phương pháp phát bảng hỏi tự thuật, theo đó, các nhóm hành vi trong phân tích bao gồm:

- 1) Nhóm hành vi liên quan đến học tập
- 2) Nhóm hành vi liên quan đến đời sống cá nhân của trẻ
- 3) Nhóm hành vi liên quan đến việc tự lập tài chính

2.3.2. Phương pháp nghiên cứu của Luận án

2.3.2.1. Phân tích tài liệu

Mục đích: Hệ thống hóa khái niệm, thang đo công cụ phục vụ cho nghiên cứu của đề tài như: các vấn đề lý luận về quan hệ cha mẹ - con cái, mâu thuẫn cha mẹ - con cái, các yếu tố liên quan đến mâu thuẫn cha mẹ- con cái và các thang đo, phương pháp được sử dụng trong lĩnh vực nghiên cứu này.

Cách thức tiến hành: Luận án tìm kiếm tài liệu dựa trên các từ khóa bằng tiếng Việt, tiếng Anh như “mâu thuẫn, mâu thuẫn cha mẹ - con cái, mâu thuẫn giữa trẻ vị thành niên và gia đình, trẻ vị thành niên, adolescent, parent-adolescent conflict...”, và tìm hiểu các nghiên cứu, lý thuyết về mâu thuẫn cha mẹ- con cái trong nước và nước ngoài qua các công trình nghiên cứu đã thực hiện, các bài báo, tạp chí đã công bố, các văn bản pháp lý liên quan, các tài liệu thống kê số liệu về vấn đề trẻ em, quan hệ cha mẹ - con cái; mâu thuẫn cha mẹ - con cái. Trên cơ sở đó, Luận án tiến hành tổng hợp, phân tích các cách tiếp cận cách thức đo lường mâu thuẫn, các yếu tố ảnh hưởng đến mâu thuẫn cha mẹ- con cái để làm cơ sở lý luận cho việc xây dựng khung lý thuyết cũng như khung phân tích cho Luận án.

2.3.2.2. Phương pháp thu thập dữ liệu định lượng

Do chủ đề mâu thuẫn cha mẹ- con cái chưa được khai thác nhiều ở Việt Nam nên nghiên cứu này áp dụng phương pháp tiếp cận khám phá để tìm hiểu sâu hơn về

những mâu thuẫn giữa học sinh trung học phổ thông và cha mẹ trong các gia đình Việt Nam hiện đại. Nghiên cứu sử dụng hai phương pháp: phỏng vấn bán cấu trúc và điều tra bằng bảng câu hỏi. Nghiên cứu được triển khai thành hai giai đoạn tại hai điểm trường Trung học phổ thông: một trường trung học đô thị và một trường trung học nông thôn.

Trong giai đoạn đầu, nghiên cứu viên đã tiến hành 16 cuộc phỏng vấn bán cấu trúc với học sinh trung học phổ thông, 06 cuộc phỏng vấn phụ huynh và 04 cuộc phỏng vấn giáo viên chủ nhiệm trung học phổ thông. Mẫu phỏng vấn được lựa chọn có chủ đích. Các nhà nghiên cứu đã yêu cầu giáo viên chủ nhiệm ở mỗi trường giới thiệu và kết nối một số học sinh và phụ huynh của những học sinh thường gặp rắc rối ở trường, và một số học sinh và phụ huynh của những học sinh có thành tích tốt ở trường. Tất cả các cuộc phỏng vấn đều được tiến hành trực tiếp (giữa nghiên cứu viên và người được phỏng vấn) tại phòng tư vấn tâm lý của trường nhằm đảm bảo sự an toàn, riêng tư và thoải mái cho người được phỏng vấn. Các cuộc phỏng vấn được ghi âm khi có sự đồng ý của người được phỏng vấn. Mỗi cuộc phỏng vấn thường kéo dài 60 phút. Trên cơ sở phân tích nội dung của các cuộc phỏng vấn sâu này, Luận án xây dựng bảng hỏi tự điền dành cho học sinh. Luận án cũng tiến hành khảo sát thí điểm với 30 học sinh trước khi bảng câu hỏi được hoàn thiện.

Ở giai đoạn thứ hai, nghiên cứu mời học sinh ở hai trường trung học phổ thông tham gia điều tra bằng bảng câu hỏi. Các trường phổ thông ở Việt Nam có ba lớp: 10, 11 và 12. Ở các trường đô thị, mỗi khối có 8 lớp, mỗi lớp có khoảng 50 học sinh. Trường nông thôn có 7 lớp, mỗi lớp có khoảng 40 học sinh. Tại mỗi trường, Luận án chọn ngẫu nhiên hai lớp từ mỗi khối, sử dụng phương pháp bốc thăm. Sau đó Luận án mời tất cả học sinh trong lớp được chọn để tham gia khảo sát. Để đảm bảo tính đại diện của mẫu, Luận án dự kiến chỉ thực hiện khảo sát tại lớp đã chọn nếu (1) dưới 10% học sinh từ chối tham gia khảo sát; và (2) không có đặc điểm điển hình của các học sinh từ chối (ví dụ: hầu hết các em có học lực kém; hoặc tập trung nhiều học sinh "cá biệt" theo đánh giá của giáo viên). Tuy nhiên, tất cả các học sinh đều đồng ý tham gia cuộc khảo sát. Tổng cộng có 706 học sinh tham gia và hoàn thành bảng câu hỏi khảo sát.

Nghiên cứu định lượng được thực hiện thông qua trưng cầu ý kiến bằng bảng hỏi học sinh. Bảng hỏi cấu trúc bao hàm các nội dung nghiên cứu, gồm các phần chính sau: 1) Thông tin chung về đặc điểm cá nhân học sinh và gia đình; 2) Việc học tập của trẻ em; 3) Việc sử dụng thời gian rỗi của trẻ em; 4) Vấn đề quan hệ bạn bè của trẻ em; 4) Hoạt động chi tiêu của trẻ em; 5) Quan hệ giữa trẻ em và bố mẹ (mức độ tương tác, mâu thuẫn; phản ứng của con cái/trẻ em; của bố và của mẹ, cách giải quyết); 6) Thông tin chung về cha, mẹ học sinh và gia đình.

Về cơ bản, đặc điểm mẫu nghiên cứu được phân bố như sau:

Bảng 2.1: Đặc điểm mẫu nghiên cứu định lượng

	Tỉ lệ	N =706
Giới tính		
Nam	40,4	285
Nữ	59,6	421
Khu vực sinh sống		
Nông thôn	46,6	329
Đô thị	53,4	377
Khối lớp học		
Lớp 10	34,3	242
Lớp 11	35,3	249
Lớp 12	30,5	215

2.3.2.3. Phương pháp thu thập dữ liệu định tính

Đối với phương pháp định tính, nghiên cứu áp dụng chiến lược chọn mẫu có chủ đích, lựa chọn các học sinh đại diện cho từng khối lớp, và học sinh đã từng có mâu thuẫn với bố mẹ trong 6 tháng qua để khai thác thông tin nhằm giúp phân tích và lý giải làm rõ nội dung chủ đề nghiên cứu và số liệu định lượng. Cụ thể, phương pháp nghiên cứu định tính được sử dụng trong nghiên cứu này là phỏng vấn sâu nhằm tìm hiểu sâu các suy nghĩ, quan điểm, phản ứng và các giải quyết của học sinh khi các em có vấn đề nảy sinh mâu thuẫn với bố mẹ trong học tập, quan hệ bạn bè, sử dụng thời gian rỗi cũng như trong hoạt động chi tiêu của cá nhân.

Tổng số mẫu định tính là 16 phỏng vấn. Bảng dưới đây trình bày tiêu chí và cơ cấu chọn mẫu định tính của Luận án.

Bảng 2.2: Đặc điểm mẫu nghiên cứu định tính

	Học sinh gương mẫu	Học sinh “cá biệt” theo đánh giá, quan sát của giáo viên: hay cãi nhau với bố mẹ, từng bỏ nhà ra đi..)	Học sinh có gia đình hạnh phúc	Học sinh có hoàn cảnh gia đình “đặc biệt” (bố mẹ hay cãi vã, ly thân,..)	Tổng số
Nam	2	2	2	2	8
Nữ	2	2	2	2	8

2.3.2.4. Phương pháp phân tích

Để trả lời cho hỏi câu hỏi nghiên cứu và chứng minh cho các giả thuyết nghiên cứu, các kỹ thuật/phương pháp phân tích dữ liệu định lượng chủ yếu được sử dụng trong nghiên cứu này bao gồm phân tích tỷ lệ phần trăm, tính điểm/giá trị trung bình số lượng các mâu thuẫn, phân tích tương quan và mô hình hồi quy logistic.

Các phương pháp phân tích tần suất (số lần diễn ra mâu thuẫn), tỷ lệ phần trăm, tính giá trị trung bình số lượng mâu thuẫn nhằm mô tả và làm rõ thực trạng mâu thuẫn, mức độ phổ biến và nghiêm trọng, phản ứng của vị thành niên khi xảy ra mâu thuẫn với cha mẹ, cách thức giải quyết/xử lý mâu thuẫn và các hậu quả từ những mâu thuẫn với cha mẹ về việc học tập, vui chơi giải trí, quan hệ với bạn bè và trong hoạt động tài chính của cá nhân.

Các phân tích tương quan hai biến và kiểm định tương quan sẽ giúp cho việc xác định liệu có hay không mối quan hệ giữa các đặc điểm gia đình và cá nhân của cha mẹ và con cái với việc nảy sinh mâu thuẫn, cũng như giúp cho việc xem xét sự tương đồng và khác biệt giữa vai trò giới tính cha mẹ trong các mâu thuẫn và cũng như cách xử lý mâu thuẫn với con cái của người cha và người mẹ.

Mô hình hồi quy logistic được sử dụng để xác định sự ảnh hưởng của các biến số độc lập đối với khả năng xảy ra mâu thuẫn giữa học sinh trung học phổ thông và cha, mẹ. Dựa vào kết quả kiểm định tương quan, Luận án này chỉ thực hiện tính toán mô hình hồi quy logistic về tác động của các biến số chọn lọc đến

mâu thuẫn giữa con cái và bố, mẹ ở 3 nội dung liên quan đến học tập, hình thức bên ngoài và quan hệ bạn bè.

Mẫu phân tích ở mô hình hồi quy logistic chỉ bao gồm những học sinh THPT hiện sống cùng với cả cha và mẹ để đảm bảo sự thống nhất trong phân tích mâu thuẫn giữa vị thành niên với cha và với mẹ trong gia đình đầy đủ. Kết quả của mô hình phân tích hồi quy được sử dụng giải thích bằng trị số OR (odds ratio - tỷ số chênh) với khoảng tin cậy 95%, có mức ý nghĩa thống kê với giá trị $P < 0,05$. Cách thức tiến hành phân tích hồi quy và cách diễn giải kết quả mô hình phân tích hồi quy sẽ được trình bày cụ thể ở phần các yếu tố ảnh hưởng của Chương 3 và phần Phụ lục.

Tiểu kết Chương 2

Nội dung của Chương 2 tập trung vào các vấn đề cơ sở lý luận, cách tiếp cận và lý thuyết nghiên cứu, và phương pháp nghiên cứu. Cụ thể phần đầu của Chương 2, nghiên cứu sinh đã tập trung trình bày và thao tác hóa các khái niệm công cụ then chốt/quan trọng để phục vụ cho nghiên cứu mâu thuẫn cha mẹ - con cái như khái niệm gia đình, quan hệ cha mẹ - con cái; mâu thuẫn; mẫu thuẫn cha mẹ - con cái; vị thành niên, đời sống cá nhân của vị thành niên, hoạt động quản lý và tự lập tài chính của vị thành niên... Trong Chương này nghiên cứu sinh cũng dành một phần trọng tâm để trình bày và mô tả việc lựa chọn và vận dụng các lý thuyết nhằm áp dụng lý giải về mâu thuẫn cha mẹ - con cái vị thành niên, đó là các lý thuyết cấu trúc chức năng, lý thuyết xung đột, lý thuyết dành động xã hội, thuyết vai trò. Dựa trên sự kế thừa và tham khảo các nghiên cứu đi trước cũng như căn cứ vào thực tiễn của đối tượng nghiên cứu, đề tài lựa chọn lý thuyết vai trò, lý thuyết xung đột để giải thích mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái và lý thuyết hành động xã hội để giải thích cách thức giải quyết của mâu thuẫn, cách nhìn nhận gia đình như một tổng thể trong đó phản ứng của các thành viên luôn xảy ra trong sự tương tác với phản ứng của những thành viên còn lại trong gia đình. Điều này cũng giải thích vì sao trong cùng một gia đình, khi có cùng một dạng mâu thuẫn xảy ra, nhưng phản ứng của bố mẹ với người con này có thể khác với cách bố mẹ phản ứng với người con khác.

Phần nội dung cuối cùng và không kém phần quan trọng của Chương 2 đó là làm rõ và trình bày một cách tường minh về phương pháp nghiên cứu như cách thức chọn mẫu nghiên cứu, công cụ nghiên cứu, các biến số, phương án phân tích và xử lý thông tin của nghiên cứu này. Mâu thuẫn cha mẹ - con cái là một chủ đề rất rộng nên các nghiên cứu đi trước chủ yếu sử dụng Bảng liệt kê hành vi với tổng số các hành vi từ 10 đến 40 hành vi liên quan đến sinh hoạt, ứng xử trong gia đình. Trong phạm vi đề tài của Luận án, dựa trên tài liệu tổng quan, Luận án tập trung tìm hiểu mâu thuẫn liên quan đến ba nhóm hoạt động/lĩnh vực liên quan đến học sinh THPT đó là: lĩnh vực học tập, quan hệ bạn bè và sử dụng Internet, và hoạt động quản lý và tự lập tài chính thông qua việc đi làm thêm, việc sử dụng tiền và quản lý/giữ tiền..

Việc đo lường mâu thuẫn giữa các thành viên trong gia đình là rất phức tạp, đặc biệt đo lường mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái độ tuổi học sinh THPT. Chính vì vậy, NCS đã sử dụng phương pháp nghiên cứu kết hợp định lượng và định tính, tham khảo và áp dụng các thang đo lường đã được các nghiên cứu trong nước và quốc tế sử dụng đối với trẻ em. Việc thiết kế bộ công cụ câu hỏi được xây dựng và tiến hành hỏi thử bảng hỏi trước khi khảo sát đại trà tại các trường học. Ngoài ra, khi nghiên cứu về trẻ em, NCS đảm bảo dựa trên nguyên tắc đạo đức nghiên cứu, được sự chấp thuận của trẻ em và thầy cô giáo và nhà trường, đặc biệt đối với nghiên cứu mâu thuẫn vốn là một vấn đề rất nhạy cảm.

Những thảo luận về hệ thống khái niệm công cụ, các lý thuyết vận dụng và phương pháp nghiên cứu ở Chương này chính là luận điểm khoa học xuyên suốt và là nền tảng để NCS thực hiện đề tài nghiên cứu mâu thuẫn cha mẹ - con cái VTN, và nội dung tiếp theo sau đây của Luận án là Chương 3 sẽ tập trung mô tả, phân tích, bàn luận và diễn giải kết quả nghiên cứu về thực trạng xảy ra mâu thuẫn cha mẹ - con cái VTN và các yếu tố tác động được rút ra từ dữ liệu định lượng và định tính của đề tài.

Chương 3. THỰC TRẠNG XẢY RA MÂU THUẤN GIỮA CHA MẸ VÀ CON CÁI VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG

Dẫn nhập

Như đã thảo luận ở Chương 1 về lĩnh vực mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái VTN và các yếu tố tác động qua tổng quan từ các những nghiên cứu trong nước và quốc tế cho thấy mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái là việc không thể tránh khỏi trong gia đình, mâu thuẫn này có tính phổ biến, liên quan ở nhiều lĩnh vực/hoạt động và bị tác động bởi rất nhiều yếu tố. Trong nội dung của Chương này, Luận án lần lượt phân tích và làm rõ tần suất, mức độ nghiêm trọng của các mâu thuẫn này sinh giữa cha mẹ và con cái đang học THPT ở các nội dung sau

- 1) Mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái liên quan đến học tập và các yếu tố ảnh hưởng.
- 2) Mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái liên quan đến đời sống cá nhân gồm vấn đề sử dụng Internet, và quan hệ với bạn bè, vấn đề hình thức bề ngoài và các yếu tố ảnh hưởng.
- 3) Mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái liên quan đến việc tự lập tài chính của vị thành viên và các yếu tố ảnh hưởng.

3.1. Mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái trong học tập và những yếu tố ảnh hưởng

3.1.1. Tần suất xảy ra mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái trong học tập

Nếu như những chủ đề như thời sự, tôn giáo, chính trị... là những chủ đề ít gây tranh cãi trong gia đình, thì học tập được coi là một trong những nguyên nhân phổ biến nhất dẫn đến mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái. Ở giai đoạn 15-17 tuổi, các em vẫn ngồi trong ghế nhà trường và học tập được coi là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Đặc biệt trong gia đình Châu Á nói chung cũng như gia đình Việt Nam nói riêng, vấn đề thành tích và điểm số vẫn diễn ra khá nặng nề. Marzoka và cộng sự (2016) cho rằng kết quả học tập có thể được coi là nguyên nhân phổ biến nhất gây ra căng thẳng và mâu thuẫn trong gia đình, và mâu thuẫn sẽ dần tăng cao khi trẻ vị thành niên không đạt được thành tích như cha mẹ kỳ vọng. Ở Việt Nam, đối với các em học sinh phổ thông trung học, đây là giai đoạn quan trọng khi các em phải chuẩn bị cho các kỳ thi (thi giữa kỳ, thi học kỳ, thi tốt nghiệp, thi thử, thi đại học) cũng như số lượng giờ học thêm/giờ học chính thức khá lớn. Nghiên cứu của Đỗ

Thị Lệ Hằng (2013) cũng chỉ ra học tập chính là nguyên nhân gây nhiều căng thẳng nhất tới học sinh trung học phổ thông. Trong bối cảnh đó, các em phải đối diện với những áp lực học tập từ bố mẹ, điều đó khiến mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái liên quan đến học tập trở nên phổ biến hơn.

Nhìn chung, tỉ lệ trẻ có mâu thuẫn với cha mẹ về học tập trong một tháng trước khảo sát là khá cao, đối với bố, tỉ lệ gặp mâu thuẫn trung bình là khoảng 43%, còn với mẹ, tỉ lệ gặp mâu thuẫn là khoảng 51%.

Bảng 3.1: Tần suất xảy ra mâu thuẫn giữa con cái - cha mẹ liên quan đến học tập

Lĩnh vực xảy ra mâu thuẫn	Tần suất mâu thuẫn với bố trong 01 tháng trước khảo sát (%)			N	Tần suất mâu thuẫn với mẹ trong 01 tháng trước khảo sát (%)			N
	Không mâu thuẫn	Vài lần một tháng	Hàng tuần/hàng ngày		Không MT	Vài lần một tháng	Hàng tuần/hàng ngày	
Điểm số	47,5	41,1	11,4	706	37	46,2	16,9	706
Học thêm	65,2	27	7,7	706	57,8	31,4	10,8	706
Chọn trường lớp	68,1	26,9	5	706	62,5	30	7,5	706
Học ở nhà	45,4	35,6	19	706	36,7	37,5	25,8	706

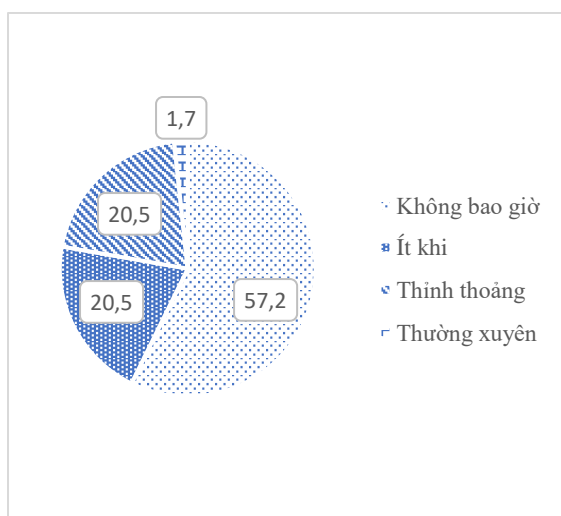
Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020

Số liệu ở Bảng 3.1 thể hiện tần suất trẻ vị thành niên gặp mâu thuẫn với bố, mẹ ở các nội dung liên quan đến học tập trong tháng vừa qua. Trong các nội dung liên quan đến học tập, mâu thuẫn về việc học ở nhà là phổ biến nhất. Sau giờ học chính khóa, học thêm và ngoại khóa, thời gian học ở nhà là lúc các em hoàn thiện bài tập trên lớp, làm bài tập về nhà, ôn tập kiến thức cũ và rà soát kiến thức mới, vậy nên trong thời gian ở nhà, việc các em có học bài không, dùng thời gian ở nhà để học ra sao cũng là những câu chuyện thường nhật có thể tạo ra mâu thuẫn giữa các em và cha mẹ. Tỉ lệ trẻ có mâu thuẫn với mẹ về việc học ở nhà là 63,3% và tỉ lệ gặp mâu thuẫn với bố về chủ đề này là 54,6%. Trong đó, tỉ lệ trẻ gặp mâu thuẫn với

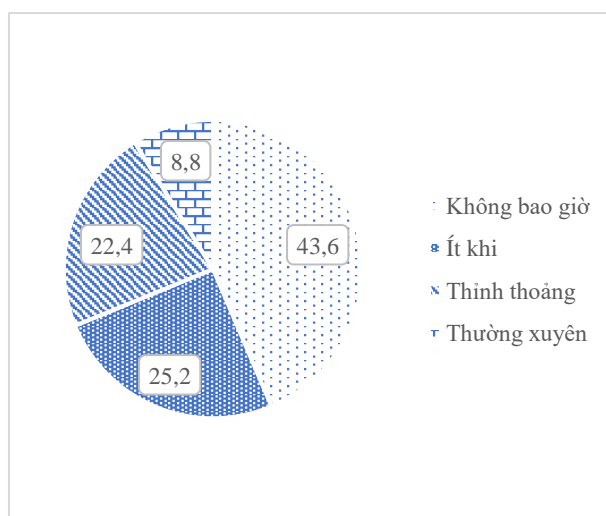
bố ở mức vài lần một tuần đến hàng ngày là 19%, còn với mẹ là 25,5%. Lĩnh vực xảy ra mâu thuẫn phổ biến thứ hai, đó là điểm số. Tỷ lệ trẻ vị thành niên có mâu thuẫn với bố về điểm số ở mức vài lần một tháng là 41,1%, ở mức hàng tuần đến hàng ngày là 11,4%; tỷ lệ này ở nhóm có mâu thuẫn với mẹ lần lượt là 46,2% và 16,9%. Học thêm và chọn trường lớp là hai lĩnh vực ít xảy ra mâu thuẫn hơn so với việc học ở nhà và điểm số. Khoảng 35% trẻ vị thành niên có mâu thuẫn với bố về học thêm và tỷ lệ với mẹ là khoảng 42%.

Lý giải cho mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái về việc học tập, số liệu định lượng và dữ liệu định tính cho thấy điều này có thể bắt nguồn từ hai nguyên nhân chính: thứ nhất, đó là vì áp lực học tập mà cha mẹ tạo cho con cái; thứ hai, là vì trẻ vị thành niên không chia sẻ được với cha mẹ về những khó khăn trong học tập của các em.

Biểu đồ 3.2: Tỷ lệ trẻ bị ép học khi mệt mỏi (%)



Biểu đồ 3.1: Tỷ lệ trẻ gặp áp lực phải đạt điểm cao từ cha mẹ (%)



Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020

Phân tích số liệu cho thấy, 42,8% trẻ vị thành niên cho biết từng bị bố mẹ ép học ngay cả khi em mệt. Xấp xỉ 57% các em chia sẻ rằng mình bị bố mẹ gây áp lực về việc đạt điểm cao, mặc dù ở mức độ thường xuyên chỉ khoảng 10% nhưng ở mức thỉnh thoảng thì chiếm 47%. Ủng hộ cho dữ liệu định lượng, trong quá trình phỏng vấn định tính, một số vị thành niên cũng tâm sự những lí do dẫn đến mâu thuẫn về

học tập với bố mẹ, nếu như với mẹ thì bắt nguồn từ việc mẹ quá sát sao và kỳ vọng trong học tập của con cái:

“Mẹ em quản em kinh cực, suốt ngày gọi điện cho lớp trưởng với cô giáo dạy môn Toán. Em mà bị điểm kém mẹ em phát hiện ra đầu tiên, lúc đấy chạy đâu cho thoát. Mẹ kèm cặp em kinh lắm, cô giáo bảo đấy là quan tâm, em sướng nhất vì có mẹ kèm, nhưng em thấy áp lực nặng nề lắm”.

(Nữ, lớp 12, đô thị)

Câu chuyện của H. ở Hộp 1 dưới đây cũng sẽ minh họa rõ nét cho những áp lực học tập các em phải đối mặt và hệ quả của nó:

Hộp 1: Áp lực học tập và những tổn thương

H. là học sinh lớp 12, trường K., ở khu vực đô thị. Em là học sinh giỏi của lớp, đạt nhiều giải thưởng trong các kỳ thi cấp Quận, Thành phố và Quốc gia. Tuy nhiên, những thành tích, giấy khen em mang về cho bố mẹ lại không thể “thỏa mãn” những kỳ vọng mà mẹ dành cho em. Những áp lực mẹ tạo cho em không chỉ thể hiện qua những buổi học thêm tăng cường, lượng bài tập... mà còn ở cách thức mẹ giao tiếp với em. Bằng những câu nói “công kích”, mẹ muốn tạo động lực cho em học, nhưng vô hình chung, lại làm tổn thương em và những mâu thuẫn giữa em và mẹ không ngừng xảy ra. Bản thân em cũng không biết rốt cuộc, mục tiêu học tập của mình là gì và mất phương hướng trong học tập:

“Mẹ em đặt mục tiêu, kì vọng rất cao cho cả em và em trai em. Nhiều khi cái kì vọng, áp lực đấy làm mẹ hay công kích, mĩa mai để muốn em cố lên. Ngay đối với em trai, nhiều khi hai chị em nói chuyện với nhau, em ấy cũng bảo rằng em sợ mẹ nói như thế, nghe buồn lắm. Như kiểu là thi không được mẹ sẽ bảo ôi dôi học kém quá, dốt như này như nọ, mẹ nói các kiểu để kích em lên. Nhưng nhiều khi nó lại có 2 mặt của nó, có thể có người này người ta ấy thì người ta sẽ bứt lên. Còn có một số người người ta tổn thương, như hai chị em thì tổn thương lắm. Có một đợt em đã nói chuyện với mẹ là: “Mẹ ơi mẹ đừng nói kiểu thế với con, con thấy rất là buồn. Khi mà con cố gắng rồi thì mẹ cũng khen con đi hoặc là mẹ hãy ghi nhận cái sự cố gắng đấy của con chứ mẹ đừng nói con như thế con sẽ rất là buồn, rất là nản. Con cảm thấy sự cố gắng của con cố gắng mãi mà nó chưa có một cái gì, con sẽ không muốn cố gắng nữa, con bị nản.”

Áp lực học tập mà bố mẹ đặt lên vai con cái có thể biểu hiện qua chiều cạnh tâm lý, cũng có thể bằng những biện pháp “cứng rắn” và có phần cực đoan, hoặc cả hai. Như trường hợp dưới đây, em cảm thấy những biện pháp quá cứng rắn của bố làm nảy sinh mâu thuẫn trong gia đình, khiến em cảm thấy mình “như trẻ con”:

“Đợt đấy em nhớ là em bị điểm kém ý. Bố em đi họp phụ huynh xong phát hiện điểm em không cao lắm nên về bố em mớí cáu em. Sau đó bố kèm từ sáng đến tối đi học đi đâu bố cũng chở, xong bố không cho đi với ai bạn bè đến cũng không cho gặp. Bố em mắng em các thứ xong rồi kiếu chì chiết xong rồi đấy kiếu màỳ không học thì bây giờ màỳ làm thế nào, màỳ không chú tâm vào học hành xong rồi màỳ thế nọ thế kia...”

(Nữ, lớp 12, đô thị)

Hoặc nếu có mâu thuẫn về việc chọn lớp học, thì xuất phát từ quan điểm trái ngược nhau giữa bố mẹ và con cái, như trong trường hợp dưới đây, theo chia sẻ của nữ vị thành niên, việc con không theo học được ở các lớp học do mẹ chọn là do bản thân con, còn đối với em, đó là do sự không phù hợp về phương pháp:

“Thường thì là đi học thêm ngày trước là do mẹ quyết định và mẹ tìm thầy nhưng mà thực ra thì các thầy cô giáo có phù hợp với mình không tùy theo cách giải dạy của người ta, nên là thời gian đầu khi mà mẹ tìm cho con thì phải nói là không hợp và cũng rất là khó để báo với mẹ cho con đổi lớp nhé vì mẹ rất là khó tính. Sau rồi mãi hai mẹ con phải cãi nhau mấy lần rồi thế là mẹ mới đồng ý cho chuyển lớp khác để học cho áy hơn. Tại vì mẹ quan điểm là không phải do cách dạy của cô mà do cách học của mình chứ còn mình học kém là do mình chưa cố gắng chứ không phải là do các cô hay không. Nhưng mà theo bọn con thấy thì việc học các thầy cô nào cũng giỏi, có trình độ nhưng mà tùy từng người từng cá tính mà mình có hợp với nhau không”

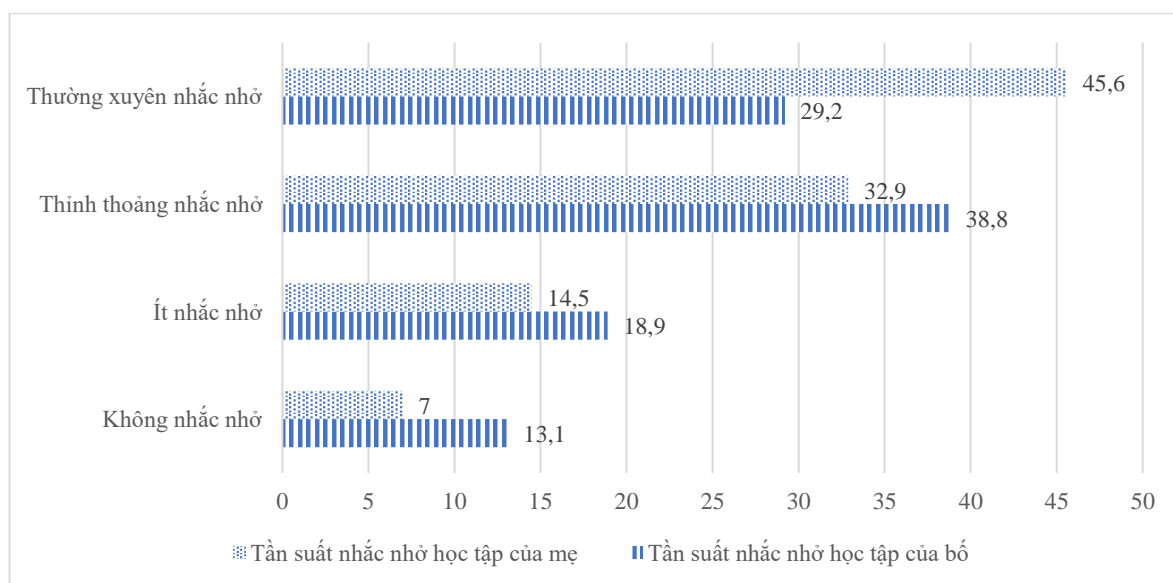
(Nữ, lớp 12, đô thị)

Không chỉ vậy, mâu thuẫn còn có thể bắt nguồn từ việc các em gặp khó khăn trong việc chia sẻ với bố mẹ về những vấn đề trong học tập của mình. Số liệu điều tra cho thấy, tỉ lệ trẻ vị thành niên không chia sẻ hoặc ít khi chia sẻ với mẹ về các khó khăn trong học tập xấp xỉ 45%. Đối với bố, có tới 26% trẻ cho biết các em không hề chia sẻ với bố những khó khăn trong học tập và tỉ lệ ít chia sẻ lên tới 34%. Điều này

cho thấy việc giao tiếp giữa cha mẹ và con cái trong lĩnh vực học tập còn hạn chế và có thể là một trong những nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái.

Số liệu phân tích chỉ ra rằng tỉ lệ trẻ vị thành niên gặp mâu thuẫn với mẹ cao hơn tỉ lệ gặp mâu thuẫn với bố. 80% trẻ vị thành niên cho biết có gặp mâu thuẫn với mẹ về học tập trong 01 tháng qua, và tỉ lệ này ở nhóm nam vị thành niên thấp hơn khoảng 15%. Điều này có thể được giải thích bởi trong gia đình, mẹ là người có vai trò chăm sóc chính cho trẻ, vì vậy nguy cơ nảy sinh mâu thuẫn với mẹ cũng cao hơn so với bố. Biểu đồ 2.3 cho thấy, dựa trên đánh giá của trẻ vị thành niên, tỉ lệ người bố không nhắc nhở con cái trong học tập chiếm khoảng 13%, tỉ lệ ít nhắc nhở trên 19% và tỉ lệ thường xuyên nhắc nhở chưa đến 30%, trong khi đó, tỉ lệ thường xuyên bảo ban con học tập ở người mẹ chiếm 45,6%.

Biểu đồ 3.3: Tần suất cha mẹ nhắc nhở con cái trong học tập



Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020

Như đã trình bày ở phần phương pháp nghiên cứu (Chương 2), từ các chỉ báo riêng lẻ ở từng lĩnh vực/nội dung, đề tài đã tiến hành xây dựng các biến số tổng hợp từng lĩnh vực nhằm tính toán làm rõ và so sánh thực trạng xảy ra mâu thuẫn giữa con cái vị thành niên với cha so với người mẹ trong gia đình. Kết quả phân tích sâu cho thấy tỷ lệ xảy ra mâu thuẫn giữa học sinh trung học phổ thông với người mẹ liên quan đến vấn đề học tập nói chung cao hơn đáng kể so với người cha, sự cách biệt này tương đương với 12,3 điểm phần trăm.

Kết quả này cũng ủng hộ cho các nghiên cứu đi trước chỉ ra rằng vị thành niên thường mâu thuẫn với mẹ, điều này phản ánh về vai trò cũng như việc tham gia ở các mức độ khác nhau của cha mẹ trong hoạt động thường ngày của con cái. Trong gia đình, người mẹ thường hay là người dành nhiều thời gian hơn cho con cái, là người đề ra kỷ luật gia đình, đảm nhiệm vai trò chăm sóc và tham gia tích cực vào các hoạt động sinh hoạt, học tập của con nhiều hơn người cha, nên khi trẻ mắc lỗi, người mẹ thường hay nhắc nhở, trách phạt, do đó, tỉ lệ mâu thuẫn với mẹ sẽ cao hơn so với bố (Collins và cs, 1991; Montemayor, 1983).

3.1.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái trong học tập

Tìm hiểu về các yếu tố ảnh hưởng đến mâu thuẫn giữa vị thành niên và cha mẹ về chủ đề học tập, Bảng 3.2 thể hiện tỉ lệ phần trăm gặp mâu thuẫn với cha mẹ trong bốn lĩnh vực học tập chia **đặc điểm cá nhân của trẻ vị thành niên**. Nhìn chung, sự khác biệt giữa các nhóm xã hội thể hiện tương đối rõ ràng.

Bảng 3.2: Tỉ lệ trẻ có mâu thuẫn với cha mẹ trong các lĩnh vực học tập theo đặc điểm cá nhân của con cái (%)

	Mâu thuẫn với bố				Mâu thuẫn với mẹ			
	MT về điểm số	MT về việc đi học thêm	MT về chọn trường lớp	MT về việc học ở nhà	MT về điểm số	MT về việc đi học thêm	MT về chọn trường lớp	MT về việc học ở nhà
Chung	52,5	34,8	31,9	54,6	63,0	42,1	37,4	36,7
Đặc điểm con cái								
Giới tính	**			**	*			
Nam	59,2	38,7	35,8	60,6	67,6	43,3	38,4	66,9
Nữ	48	32,1	29,3	50,3	59,9	41,3	36,8	60,8
Khu vực sinh sống	***	***	***	***	***	***	***	***
Nông thôn	41,6	22,7	17,1	46,9	49,7	27,7	21,0	54,0
Đô thị	61,8	45,1	44,6	61,3	74,5	54,6	51,7	71,4
Khối lớp		*	***			*	***	
Lớp 10	52,5	31,4	25,6	53,7	59,9	38,4	28,9	63,2

	Mâu thuẫn với bố				Mâu thuẫn với mẹ			
	MT về điểm số	MT về việc đi học thêm	MT về chọn trường lớp	MT về việc học ở nhà	MT về điểm số	MT về việc đi học thêm	MT về chọn trường lớp	MT về việc học ở nhà
Lớp 11	52,5	32,2	29,8	53,3	61,3	39,5	30,6	59,3
Lớp 12	52,6	41,4	41,4	57,2	68,4	49,3	54,9	67,9
Học lực	*	***	***		**	***	***	*
Không phải HSG	47,3	24,1	20	50,5	56,6	29,6	23,5	57,1
Học sinh giỏi	54,9	39,8	37,7	56,4	66,1	48,4	44,4	66,1
Số ACE	*	**	***	*	***	**	***	**
1-2 ACE	55,6	39,1	37,5	57,9	67,5	46,7	42,6	67,5
3 ACE trở lên	47,6	27,7	22,8	49,4	55,6	34,7	29,1	56,3

Mức ý nghĩa thống kê: *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$; ***: $p < 0,001$

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020

Trước hết, có thể thấy **khu vực sinh sống** là yếu tố có mối liên hệ chặt chẽ với việc xảy ra mâu thuẫn với bố, mẹ về cả bốn chủ đề trong học tập. Theo đó, *tỉ lệ trẻ vị thành niên ở đô thị có mâu thuẫn với bố, mẹ về học tập đều cao hơn hẳn so với tỉ lệ này ở nông thôn*. Trong khi tỉ lệ trẻ vị thành niên ở nông thôn gặp mâu thuẫn với bố, mẹ về điểm số lần lượt là 41,6% và 49,7% thì tỉ lệ này ở đô thị cao gấp khoảng 1,5 lần, là 61,8% và 74,5%. Tương tự như vậy, chỉ có 22,7% vị thành niên ở nông thôn gặp mâu thuẫn với bố về việc đi học thêm, tuy nhiên, con số này ở đô thị lên tới 45,1%. Ở khu vực nông thôn, mâu thuẫn giữa vị thành niên và mẹ về việc chọn trường lớp chiếm 21%, và ở đô thị, tỉ lệ này cao gấp gần 2,5 lần, đạt 51,7%. Con số này phần nào gợi ý rằng ở đô thị- mảnh đất của trường chuyên lớp chọn, nơi nở rộ những trung tâm học thêm, những lò luyện thi, các khóa học ôn cấp tốc, áp lực học tập của trẻ vị thành niên cao hơn so với ở nông thôn. Tìm hiểu về tỉ lệ trẻ bị cha mẹ ép học tập ngay cả khi mệt mỏi, và tỉ lệ trẻ gặp áp lực về điểm số, dữ liệu khảo sát cho thấy sự khác biệt rõ nét giữa khu vực nông thôn và đô thị, theo đó, trẻ vị thành niên ở khu vực đô thị gặp nhiều áp lực hơn nhóm trẻ ở khu vực nông thôn. Tỉ lệ trẻ

vị thành niên bị cha mẹ ép học ngay cả khi mệt ở khu vực đô thị là xấp xỉ 50%, trong đó tỉ lệ ở mức thỉnh thoảng đến thường xuyên là 27,6%. Trong khi đó, ở nông thôn, chỉ khoảng 35% cho biết từng bị cha mẹ ép học. Tương tự như vậy, đối với vấn đề áp lực điểm số, nếu ở nông thôn, tỉ lệ thỉnh thoảng/thường xuyên bị cha mẹ gây áp lực về điểm số là 24,6% thì ở đô thị, con số này lên tới 37%. Sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê này cho thấy môi trường học tập ở đô thị có phần ganh đua, mang tính “thành tích” hơn, và đó cũng là nguyên nhân khiến cha mẹ - con cái dễ nảy sinh mâu thuẫn nhiều hơn. Điều này hàm ý rằng việc giảm các kỳ vọng học vấn cũng như giảm áp lực học tập cho con sẽ góp phần hạn chế mâu thuẫn cha mẹ - con cái trong gia đình.

Bảng 3.3: Tỉ lệ trẻ gặp áp lực trong học tập chia theo khu vực sinh sống (%)

	Nông thôn	Đô thị	N
Tỉ lệ trẻ bị cha mẹ ép học ngay cả khi mệt			
Không bao giờ	64,4	50,9	404
Ít khi	19,5	21,5	145
Thỉnh thoảng/Thường xuyên	16,1	27,6	157
Tỉ lệ trẻ bị bố mẹ tạo áp lực về việc đạt điểm cao			
Không bao giờ	52,3	36	308
Ít khi	23,1	27,1	178
Thỉnh thoảng/Thường xuyên	24,6	36,9	220

Mức ý nghĩa thống kê: *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$; ***: $p < 0,001$

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020

Giới tính của trẻ vị thành niên cũng là yếu tố ghi nhận sự khác biệt trong việc gặp mâu thuẫn với bố, mẹ trong học tập, theo đó, *nam vị thành niên gặp mâu thuẫn với bố mẹ nhiều hơn nữ vị thành niên*. Tỉ lệ nam vị thành niên gặp mâu thuẫn với bố về điểm số là 59,2%, với mẹ là 67,6%, trong khi đó, con số này ở nữ vị thành niên lần lượt là 48% và 59,9%. Ngoài lĩnh vực điểm số, tỉ lệ nam vị thành niên gặp mâu thuẫn với bố về việc học ở nhà lên tới 60,6% và ở lĩnh vực này, chỉ 50,3% nữ vị thành niên gặp mâu thuẫn với bố.

Bảng 3.4 trình bày tần suất xảy ra mâu thuẫn về học tập chia theo cặp giới tính. Có thể thấy, bố-con trai thường xảy ra mâu thuẫn nhiều hơn so với bố với con

gái. Điều này có thể bắt nguồn từ việc trong mối quan hệ giữa bố và con trai, người bố thường mong muốn củng cố vai trò diu dắt, định hướng và đôi khi áp đặt những kỳ vọng cho con trai để “thay cha thực hiện giấc mơ” (trích PVS).

Bảng 3.4: Tỷ lệ có xảy ra mâu thuẫn về học tập chia theo cặp giới tính

	Cặp bố- con trai	Cặp bố- con gái	Cặp mẹ- con gái	Cặp mẹ-con trai
Chung	73,7	63,7	78,4	83,5
Điểm số học tập	59,2	48	59,9	67,6
Việc học thêm	38,7	32,1	41,3	43,3
Việc chọn trường lớp	35,8	29,3	36,8	38,4
Việc học ở nhà	60,6	50,6	60,8	66,9

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020.

Khối lớp cũng là biến số có liên hệ có ý nghĩa thống kê với mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái về việc học thêm và chọn trường lớp. Học sinh lớp 12 gặp mâu thuẫn với cha mẹ về việc học thêm cũng như chọn trường lớp cao hơn các em học khối 11, và tỉ lệ mâu thuẫn thấp nhất nằm ở nhóm học sinh học khối 10. Điều này có thể lí giải bởi khối 12 là giai đoạn gấp rút chuẩn bị thi đại học nên các em gặp nhiều lo lắng, áp lực trong học tập nên vô hình chung có nhiều mâu thuẫn hơn với cha mẹ.

Ngoài ra, **học lực** của trẻ vị thành niên ghi nhận mối liên hệ có ý nghĩa thống kê với việc gặp mâu thuẫn với cha mẹ. *Tỉ lệ học sinh giỏi có mâu thuẫn với cha mẹ trong cả bốn lĩnh vực học tập đều cao hơn hẳn so với nhóm không phải học sinh giỏi.* Gần 40% vị thành niên học lực giỏi gặp mâu thuẫn với bố về việc học thêm, cùng chủ đề này, tỉ lệ học giỏi gặp mâu thuẫn với mẹ là khoảng 48%. Tuy nhiên, tỉ lệ này ở nhóm vị thành niên không phải học giỏi lần lượt là 24% và 30%. Tương tự, tỉ lệ học sinh giỏi gặp mâu thuẫn với bố và mẹ về việc chọn trường lớp cao hơn khoảng 20 điểm phần trăm so với tỉ lệ học sinh không phải học sinh giỏi. Điều này có thể được giả định rằng đối với nhóm học sinh giỏi, kỳ vọng của bố mẹ cao hơn nên dễ nảy sinh mâu thuẫn hơn? Quá trình phỏng vấn sâu cũng ghi nhận những chia sẻ của các em vị thành niên về vấn đề này, với một lực học nhất định, trẻ đã được thiết lập tính tự quyết và xung đột với cha mẹ có thể bắt nguồn từ những khác biệt giá trị mà hai bên theo đuổi.

“Nó chả có liên quan gì chị ạ. Em làm Bí thư Đoàn thật đấy, nghe tưởng oách gương mẫu, chị hỏi em có hay mâu thuẫn với bố mẹ em không thì em có chứ. Em cũng học giỏi nhưng thế có đủ đâu chị. Kỳ vọng của bố mẹ thì vô cùng, lại còn thích em thi Y, riêng cái đấy cũng đủ để nhà em cãi nhau suốt mấy tháng vừa rồi. Nói chung, ở trường em là ai không quan trọng, về nhà với bố mẹ, vẫn là trẻ con vất mũi chưa sạch”.

(Nữ, lớp 11, đô thị).

Phân tích biến số **số anh chị em** cho thấy, nhóm vị thành niên có dưới hai anh chị em thì gặp mâu thuẫn với cha mẹ nhiều hơn nhóm có từ hai anh chị em trở lên. Ở các gia đình có từ ba anh chị em trở lên, tỉ lệ gặp mâu thuẫn với bố về điểm số, học thêm, chọn trường lớp, học ở nhà lần lượt là 47,6%, 27,7%, 22,8%, 49,4%, trong khi đó, tỉ lệ này ở nhóm gia đình có dưới 2 anh chị em cao hơn đáng kể, lần lượt là 55,6%, 39,1%, 37,5% và 57,9%. Tương tự như vậy, ở gia đình đông anh chị em, vị thành niên cũng gặp mâu thuẫn với mẹ về học tập nhiều hơn ở gia đình có ít anh chị em, có thể lý giải điều này rằng ở gia đình ít con thì sự tập trung của bố mẹ dành cho học tập của các con sẽ cao hơn và từ đó có thể dẫn đến nhiều nguy cơ xảy ra mâu thuẫn hơn. Phân tích thông tin phỏng vấn sâu cũng ghi nhận một nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn từ góc nhìn của một nữ vị thành niên là con út trong gia đình, em đối mặt với khá nhiều áp lực về học tập, nhất là khi có anh/chị học giỏi. Điều này cũng là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa em và bố mẹ:

“Em thì thấy như ở nhà em thì chị gái em học giỏi, mọi người toàn kiểu so sánh con L. (tên chị gái) với con M. các kiểu, nhiều lần em cũng cãi nhau với bố mẹ về việc học tập chỉ kiểu là vì lại lập luận là trước đây chị học lớp 10 chả bao giờ làm bố mẹ lo.”

(Nữ, lớp 10, nông thôn)

Xét đến các yếu tố liên quan đến cha mẹ, **học vấn của cha mẹ** là yếu tố có liên hệ chặt chẽ với việc xảy ra mâu thuẫn trong lĩnh vực học tập. Nhìn chung, cha mẹ có học vấn càng cao thì tỉ lệ gặp mâu thuẫn càng lớn. Tỉ lệ người bố có học vấn trên đại học gặp mâu thuẫn với con về điểm số là 67,6%, trong khi đó tỉ lệ này ở nhóm đại học và Trung học phổ thông lần lượt là 55%, 45,5%. Xu hướng này diễn ra ở cả ba nhóm lĩnh vực liên quan tới học tập còn lại. Tương tự như vậy, nhóm người mẹ

có học vấn cao cũng gặp mâu thuẫn với con cái nhiều hơn so với nhóm học vấn thấp. Điều này có thể bắt nguồn từ việc khi cha mẹ có học vấn cao, có vị thế nhất định trong xã hội thì càng có xu hướng áp đặt sự thành công cá nhân lên con cái, theo đó, sự kỳ vọng về thành tích học của con càng cao. Bên cạnh đó, cha mẹ có học vấn cao cũng sẽ có thêm nhiều nguồn lực để can thiệp, tác động tới quá trình học tập của con (ví dụ như tìm trường chuyên, lớp chọn, lớp học thêm, gia sư...), điều này vô hình chung cũng tạo thêm nhiều sức ép học tập cho trẻ.

Bảng 3.5: Tỷ lệ trẻ có mâu thuẫn với cha mẹ trong các lĩnh vực học tập theo đặc điểm cá nhân của bố mẹ

	Mâu thuẫn với bố				Mâu thuẫn với mẹ			
	MT về điểm số	MT về việc đi học thêm	MT về chọn trường lớp	MT về việc học ở nhà	MT về điểm số	MT về việc đi học thêm	MT về chọn trường lớp	MT về việc học ở nhà
Tuổi bố			*					
<45	51	29,9	26,5	54,7				
45-50	49,2	37,9	32,3	50,3				
>50	57,8	38,8	39,3	58,7				
Học vấn bố	***	***	***	***				
<Cấp 3	45,8	26,9	23,1	49				
Đại học	55	35,5	33,2	55,9				
>Đại học	67,6	52	52	67,6				
Tuổi mẹ								
<45					61,4	39,2	34,9	62,3
45-50					67,9	48,5	41,2	67,3
>50					61,7	45,7	44,4	60,5
Học vấn mẹ					***	***	***	***
<Cấp 3					55	30,5	26,7	57,5
Đại học					64	47,9	41,5	65,3
>Đại học					81,5	61,5	57,8	76,3

Mức ý nghĩa thống kê: *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$; ***: $p < 0,001$

(Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020).

Tuy nhiên, xét theo nhóm tuổi của cha mẹ thì tỉ lệ mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái về bốn chủ đề học tập là tương đối ngang bằng nhau. Với kết quả phân tích dữ liệu như vậy chưa đủ cơ sở để nói rằng cha mẹ trẻ hơn thì có cái nhìn cởi mở hơn về thành tích học tập của con cái, hay cha mẹ càng lớn tuổi thì càng có xu hướng áp đặt và mâu thuẫn với con cái về học tập nhiều hơn.

Bảng 3.6 trình bày kết quả mô hình hồi quy logistic các biến số chọn lọc đến mâu thuẫn về học tập, giữa học sinh THPT và mẹ đã xác nhận có sự ảnh hưởng của các yếu tố là khu vực sống, khối lớp, học lực của vị thành niên, học vấn của mẹ, sự quan tâm của mẹ tới việc học của con, sự tôn trọng và sự áp đặt của mẹ với con cái đến khả năng xảy ra mâu thuẫn.

Kết quả phân tích đa biến về cơ bản xác nhận những phát hiện từ phân tích tương quan hai biến đã nêu ở trên. Khả năng xảy ra mâu thuẫn giữa vị thành niên và người mẹ liên quan đến vấn đề học tập cao hơn ở nhóm ở đô thị, nhóm học sinh không phải học sinh giỏi, và khả năng xảy ra mâu thuẫn về học tập giảm đi ở nhóm học sinh ở 2 khối lớp thấp là lớp 10 và 11. Nhóm người mẹ có học vấn cao sẽ có khả năng xảy ra mâu thuẫn với con về học tập hơn nhóm học vấn thấp. Việc mẹ thường xuyên nhắc nhở con học tập cũng làm gia tăng mâu thuẫn. Ngược lại, ở các gia đình mà trẻ cảm nhận được sự tôn trọng của cha mẹ dành cho mình thì mâu thuẫn ít hơn so với các gia đình mà trẻ không nhận được sự tôn trọng. Trong thời kỳ thơ ấu, trẻ dễ dàng tuân theo mệnh lệnh, sự sắp đặt của cha mẹ, tuy nhiên, đến giai đoạn vị thành niên, trẻ tìm kiếm sự bình đẳng trong quyền đưa ra quyết định, khẳng định cái tôi và có nhu cầu mạnh mẽ về việc được lắng nghe, được tôn trọng. Mặc dù trong phạm vi của Luận án, những chiều cạnh khác liên quan đến chất lượng mối quan hệ cha mẹ - con cái nói chung và sự tôn trọng, thấu hiểu giữa cha mẹ - con cái nói riêng còn chưa được đưa vào khảo sát, nhưng kết quả phân tích trên cũng hàm ý rằng, sự tôn trọng của cha mẹ dành cho con cái chính là yếu tố bảo vệ, giúp giảm thiểu nguy cơ mâu thuẫn trong gia đình.

Bảng 3.6: Kết quả mô hình hồi quy logistic về tác động của các biến số chọn lọc đến mâu thuẫn giữa học sinh THPT và mẹ liên quan đến vấn đề học tập

Các biến số	Tỷ số chênh lệch (OR)*	N=632
Khu vực sinh sống	.	
Đô thị	3,808***	348
Nông thôn (biến so sánh)	1	284
Giới tính con cái		
Nam	0,776	222
Nữ(biến so sánh)	1	412
Khối lớp		
Lớp 10	0,514*	213
Lớp 11	0,546*	220
Lớp 12 (biến so sánh)	1	199
Học lực		
Không phải HSG	1,854*	191
Học sinh giỏi (biến so sánh)	1	441
Học vấn mẹ		
<Cấp 3	0,428*	295
Đại học	0,413*	217
>Đại học (biến so sánh)	1	120
Mức độ nhắc nhở học tập của mẹ với con		
Thường xuyên nhắc nhở	1,974***	497
Không/ít thường xuyên nhắc nhở (biến so sánh)	1	135
Phong cách giáo dục gia đình		
Gia đình áp đặt	1,628*	400
Gia đình không áp đặt (biến so sánh)	1	232
Nagelkerke R Square	.156	
Phần trăm dự đoán đúng (Overall Percentage)	80,7	

Mức ý nghĩa thống kê: *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$; ***: $p < 0,001$

Ghi chú: Mẫu phân tích hồi quy chỉ bao gồm những học sinh THPT hiện sống cùng với cả cha và mẹ.

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020

Cùng với xu hướng phân tích yếu tố tác động đến mâu thuẫn mẹ- con, kết quả mô hình hồi quy logistic các biến số chọn lọc đến mâu thuẫn giữa bố - con về vấn đề học tập tại Bảng 3.7 cũng xác nhận có sự ảnh hưởng của các biến số đến khả năng xảy ra mâu thuẫn đó là các yếu tố khu vực sống, học lực của vị thành niên, và kiểu/cách giáo dục gia đình, khả năng xảy ra mâu thuẫn về học tập giữa vị thành niên và người bố cao hơn ở nhóm ở đô thị, ở nhóm có bố thường xuyên nhắc nhở học tập.

Bảng 3.7: Kết quả mô hình hồi quy logistic về tác động của các biến số chọn lọc đến mâu thuẫn giữa học sinh THPT và bố liên quan đến vấn đề học tập

Các biến số	Tỷ số chênh lệch (OR)*	N=630
Khu vực sinh sống	.	
Đô thị	2,758***	349
Nông thôn	1	281
Giới tính con cái		
Nam	1,394	255
Nữ	1	375
Khối lớp		
Lớp 10	0,675	213
Lớp 11	0,722	218
Lớp 12	1	199
Học lực		
Không phải HSG	1,483	189
Học sinh giỏi	1	441
Học vấn bố		
<Cấp 3	0,735	292
Đại học	0,608	194
>Đại học	1	144
Mức độ nhắc nhở học tập của bố với con		
Thường xuyên nhắc nhở	2,298***	424
Không/ít thường xuyên nhắc nhở	1	206

Phong cách giáo dục gia đình		
Gia đình áp đặt	1,903**	399
Gia đình không áp đặt	1	231
Chi tiêu/Hệ số 2LL (-2 Log likelihood)		
Nagelkerke R Square	.118	
Phần trăm dự đoán đúng (Overall Percentage)	71,6	

*Mức ý nghĩa thống kê: *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$; ***: $p < 0,001$*

Ghi chú: Mẫu phân tích hồi quy chỉ bao gồm những học sinh THPT hiện sống cùng với cả cha và mẹ.

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020

Tóm lại, kết quả nghiên cứu cho thấy học tập là một trong những nguyên nhân phổ biến nhất dẫn đến mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái ở lứa tuổi học sinh trung học phổ thông và trong số bốn khía cạnh của học tập là điểm số, việc học thêm, chọn trường lớp và việc học ở nhà, thì việc học ở nhà là khía cạnh nảy sinh mâu thuẫn giữa vị thành niên và cha mẹ cao nhất (với trên dưới 60% đối với mâu thuẫn với mẹ và với bố).

Xét đến các yếu tố liên quan đến cha mẹ cho thấy yếu tố học vấn có liên hệ chặt chẽ với việc xảy ra mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái. Cha mẹ có học vấn càng cao thì có tỉ lệ gặp mâu thuẫn với con cái về học tập càng lớn. Mâu thuẫn nảy sinh cha mẹ con cái do học tập có khác biệt theo đặc điểm cá nhân của vị thành niên như giới tính, học lực, số anh chị em. Nam vị thành niên, nhóm học sinh lớp 12, nhóm học lực giỏi và có ít anh chị em hơn thường gặp mâu thuẫn với bố mẹ nhiều hơn. Kết quả phân tích hồi quy đa biến xác nhận các vai trò của các yếu tố đặc trưng gia đình, đặc trưng nhân khẩu của người mẹ và người cha và của vị thành niên, phong cách giáo dục của cha mẹ có ảnh hưởng đến mâu thuẫn giữa vị thành niên và cha, mẹ liên quan đến vấn đề học tập.

3.2. Mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái về đời sống cá nhân và những yếu tố ảnh hưởng

Tìm hiểu về mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái liên quan đến hoạt động trong đời sống cá nhân của học sinh Trung học phổ thông, Luận án tập trung nghiên cứu

vào ba nội dung đó là: 1) Việc sử dụng thiết bị công nghệ/Internet: thời gian sử dụng Internet/TBCN và nội dung các trang mạng hay truy cập; 2) Quan hệ bạn bè: chọn bạn và thời gian giao lưu cùng bạn; và) Hình thức bề ngoài: về cách ăn mặc, kiểu tóc của con cái). Đây là ba vấn đề được cho là đặc điểm nổi trội trong đời sống cá nhân của lứa tuổi vị thành niên ở giai đoạn giữa.

3.2.1. Mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái về việc sử dụng Internet/Thiết bị công nghệ và các yếu tố ảnh hưởng

3.2.1.1. Thực trạng sử dụng Internet/Thiết bị công nghệ của vị thành niên

Mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái có thể xuất phát từ mong muốn “tự do”, “tự chủ” và điều tiết lại ranh giới với cha mẹ của con cái. Một số nghiên cứu về ý nghĩa của điện thoại di động cho thấy, việc sở hữu điện thoại di động đóng vai trò hỗ trợ cho việc phát triển tính tự chủ của trẻ vị thành niên, và đối với trẻ, điện thoại di động được coi là lãnh địa tự do của chính mình. Một số nghiên cứu nước ngoài cũng chỉ ra mối liên hệ giữa việc sở hữu thiết bị công nghệ với mâu thuẫn cha mẹ con cái (Beyens, 2017), việc trẻ càng dành nhiều thời gian với thiết bị công nghệ thì càng ít thời gian dành cho gia đình, do đó, mối quan hệ cha mẹ - con cái càng gặp nhiều nguy cơ mâu thuẫn (Moawad, 2016). Phần lớn nghiên cứu cũng chỉ ra rằng mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái về chủ đề này thường liên quan đến bất đồng về việc sử dụng. Tương tự như lo ngại về tác động tiêu cực của trò chơi điện tử, truyền hình hoặc Internet đối với trẻ em, lo ngại về tác động tiêu cực liên quan đến việc sử dụng điện thoại di động quá mức là một lo lắng lớn đối với các bậc cha mẹ (Radesky và cộng sự, 2016). Những lo ngại như vậy có thể là nguyên nhân dẫn đến sự bất đồng giữa cha mẹ và trẻ vị thành niên vì cha mẹ có xu hướng đặt ra các quy tắc nghiêm ngặt về việc sử dụng điện thoại di động của con cái họ để bảo vệ chúng khỏi những tác động tiêu cực, điều này có thể làm tăng căng thẳng giữa cha mẹ và con cái vì trẻ em sẽ muốn bảo vệ thế giới riêng của trẻ và có những phản kháng của cha mẹ (Beyens, 2017).

Trước khi đi vào phân tích mâu thuẫn cha mẹ - con cái về việc sử dụng thiết bị công nghệ và Internet của trẻ, Luận án sẽ có những mô tả khái quát về thực trạng sở hữu, sử dụng Internet/TBCN của trẻ một số góc độ như sau: thực trạng sở hữu thiết

bị công nghệ và khả năng truy cập Internet của vị thành niên, mục đích sử dụng thiết bị công nghệ/ Internet của các em.

Nhằm mô tả việc sở hữu thiết bị công nghệ của vị thành niên hiện nay, đề tài lọc ra bảy thiết bị có thể kết nối Internet, giúp vị thành niên thuận lợi giao tiếp, kết nối với bạn bè, tra cứu thông tin trên mạng cũng như thực hiện các hoạt động giải trí khác, đó là: điện thoại thông minh, máy tính xách tay, máy tính để bàn, máy tính bảng, sách điện tử, và đồng hồ đeo tay thông minh. Theo đó, tỉ lệ sở hữu điện thoại thông minh là cao nhất, đạt 90,4%, sau đó đến máy tính xách tay (47%), máy tính để bàn (23,8%), máy tính bảng (17,7%), đồng hồ đeo tay thông minh (5,7%) và cuối cùng là sách điện tử (3,7%). Xấp xỉ 52% các em sở hữu từ 02 thiết bị công nghệ trở lên, điều này cho thấy việc sở hữu thiết bị công nghệ ở độ tuổi vị thành niên hiện nay tương đối phổ biến. Tuy nhiên, số liệu cũng cho thấy tỉ lệ sở hữu các thiết bị công nghệ chủ yếu tập trung ở khu vực đô thị- nơi có mức sống tốt hơn và giả định rằng cũng là nơi mà trẻ vị thành niên được hưởng sự chăm sóc về mặt vật chất tốt hơn so với khu vực nông thôn. Điều này có thể được giải thích bởi sự đối lập trong hai chia sẻ đến từ hai vị thành niên ở nông thôn và đô thị dưới đây, khi mà ở việc sở hữu các thiết bị công nghệ của trẻ em ở đô thị là rất phổ biến và dễ dàng.

“Em dùng iphone 11, em có laptop hồi thi cấp III đồ ông nội tặng. Ở nhà có máy tính để bàn nhưng em không dùng vì em có laptop rồi. Em có Apple Watch (đồng hồ đeo tay thông minh), cái này là em xin mẹ mua hồi sinh nhật em... À, em cũng không cần lắm, nó tiện thôi, nhưng mà đẹp. Em không nhớ bao nhiêu tiền đâu ạ. Máy tính bảng thì 2 anh em em mỗi người 1 cái, bố mẹ cũng có nhưng xin hơn của bọn em. Bố mẹ mua máy mới thì cho em máy cũ bố mẹ dùng. Xem phim thì em dùng ipad còn bình thường dùng điện thoại tiện hơn ạ”.

(Nữ, lớp 11, đô thị)

Còn ở khu vực nông thôn, do những khó khăn nhất định về mặt kinh tế, việc sở hữu những thiết bị công nghệ hiện đại có phần hạn chế hơn:

“Em có điện thoại Iphone, nhưng máy cũ của anh họ em cho em. Em cũng từng xin bố mua cho em laptop để em tiện làm bài, thỉnh thoảng bọn em cũng phải thuyết trình nhưng nói chung hơi đắt nên nếu em đỗ Đại học bố mới mua cho em được, còn

giờ em cần thì em sang nhà chị em em dùng tạm. Em cũng không thấy bất tiện lắm, nói chung cũng ít bạn trong lớp có laptop a, nếu có thì có máy tính để bàn thôi”.

(Nam, lớp 12, nông thôn)

Ngoài việc sở hữu các thiết bị công nghệ, việc kết nối mạng Internet cũng trở nên vô cùng thuận tiện đối với vị thành niên trong xã hội ngày nay. Số liệu điều tra cho thấy, tuyệt đại đa số, tức 99,5% vị thành niên trong diện khảo sát trả lời rằng khi ở nhà, các em được kết nối mạng Internet. Để đo lường mức độ tự do sử dụng Internet theo ý muốn cá nhân, đề tài sử dụng thang đo 5 mức: 0) Không tự do đến 4) Rất tự do. Theo đó, tỉ lệ vị thành niên trả lời ở mức không tự do hoặc ít tự do sử dụng Internet theo ý muốn chỉ chiếm 8,2%. Còn lại, tuyệt đại đa số là ở mức tự do đến rất tự do, trong đó tỉ lệ cảm thấy rất tự do chiếm đến 37,4%. Điều này không chỉ cho thấy mức độ phổ biến của Internet mà còn là mức độ tự do, thoải mái tiếp cận mạng xã hội, Internet của vị thành niên hiện nay và dù ở nông thôn hay đô thị thì khả năng truy cập Internet của vị thành niên đều khá thuận tiện.

Việt Nam là quốc gia sự phát triển mạnh mẽ về hạ tầng Internet cũng như có tỷ lệ dân số dùng Internet cao 12 trên thế giới⁴. Số liệu điều tra Luận án cho thấy việc sở hữu các thiết bị có kết nối Internet trong nhóm trẻ vị thành niên rất cao, gần 45% có ít nhất từ 1 thiết bị công nghệ, phổ biến là có điện thoại di động chiếm 90,1% và hơn gần 52% số trẻ em có ít nhất từ 2 thiết bị công nghệ trở lên. Cho đến nay ở Việt Nam, mạng Internet đã được phủ sóng ở hầu hết các khu vực và ở các hộ gia đình. Kết quả phân tích cho thấy tuyệt đại đa số các gia đình trong mẫu nghiên cứu này đều có kết nối mạng Internet và con cái đều được tự do sử dụng (98,7% vị thành niên cho biết gia đình có kết nối mạng Internet và 91,6% trẻ vị thành niên cho biết được tự do sử dụng mạng Internet theo ý muốn khi ở nhà).

Tuy nhiên, mức độ sở hữu thiết bị công nghệ và khả năng tiếp cận Internet của vị thành niên có khác biệt theo khu vực sống. 5,2% trẻ vị thành niên ở nông thôn hiện không sở hữu bất cứ một thiết bị công nghệ nào so với 2,4% trẻ em ở đô thị. Tính trung bình trong mẫu nghiên cứu này mỗi vị thành niên sở hữu 1,8 thiết bị

⁴ Tính tới tháng 9/2022, Việt Nam có 72,1 triệu người sử dụng Internet (đạt tỷ lệ 73,2% dân số) trong cuộc sống hàng ngày. Với con số này, Việt Nam là quốc gia có lượng người dùng Internet cao thứ 12 trên toàn thế giới. <https://ictvietnam.vn/viet-nam-trong-top-20-nuoc-co-so-nguoi-su-dung-internet-cao-nhat-the-gioi-29931.html>

công nghệ, trong đó trung bình mỗi em ở khu vực đô thị hiện sở hữu 2,1 thiết bị và ở nông thôn là 1,4 thiết bị công nghệ. Gia đình các em ở nông thôn hiện không có mạng Internet cũng cao so với thành thị (2,4% và 0,3%), và mức độ không được tự do sử dụng mạng Internet theo ý muốn khi ở nhà của trẻ em nông thôn cao hơn so với trẻ em thành thị là 11,2% so với 5,8%.

Như vậy, nhìn chung, trong bối cảnh đại đa số trẻ vị thành niên đều sở hữu ít nhất một thiết bị công nghệ và được tự do truy cập Internet theo ý muốn nên những mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái về chủ đề này cũng trở nên phổ biến hơn. Nhiều nghiên cứu đi trước cho thấy, việc sử dụng Internet/TBCN của trẻ vị thành niên có thể ảnh hưởng đến các mối quan hệ trong gia đình, ví dụ như nhiều gia đình đã phải đưa ra các biện pháp kiểm soát cứng rắn để giám sát, giới hạn thời gian sử dụng Internet của trẻ, từ đó dẫn đến những mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái trong gia đình (dẫn theo Yang, 2021).

3.2.1.2 Tần suất xảy ra mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái về việc sử dụng Internet/TBCN

Không chỉ có chức năng giải trí, một trong những chức năng của của truyền thông đại chúng nói chung và Internet nói riêng, đó là nhận diện văn hóa giới trẻ, tạo cho vị thành niên cảm giác được kết nối với mạng lưới văn hóa, hệ thống giá trị và mối quan tâm bạn đồng lứa rộng hơn. Có thể nói, những gì trẻ thu nhận từ Internet có thể tác động đến quan hệ cha mẹ con cái theo cả xu hướng tích cực và tiêu cực (Đặng Bích Thủy, 2012). Có thể thấy dữ liệu trên không gian mạng là vô cùng rộng lớn. Chỉ cần trang bị Internet, một thiết bị thông minh và một cú nhấp/click chuột, trẻ có thể dễ dàng truy cập vào kho tàng phim ảnh trên toàn thế giới, thử nghiệm những trò chơi điện tử mới lạ. Nguồn dữ liệu mạng phong phú là kho tàng tri thức nhưng cũng là con dao hai lưỡi bởi trên Internet, trẻ có thể tiếp cận chủ động hoặc thụ động tới các hình thức văn hóa phẩm đồ trụy, khiêu dâm, trẻ có thể trở thành thủ phạm hoặc/và nạn nhân của bạo lực mạng, tập nhiễm với những hành vi lệch chuẩn, lối sống không lành mạnh.

Trước hết, số liệu Bảng 3.8 cho thấy tỉ lệ trẻ vị thành niên có mâu thuẫn với cha mẹ trong hoạt động sử dụng Internet là khá cao. Đại đa số các em được phỏng

vấn đều cho biết có gặp mâu thuẫn với bố và với mẹ về thời gian sử dụng Internet/TBCN trong một tháng qua. Tỷ lệ trẻ hàng tuần/hàng ngày gặp mâu thuẫn với bố là 36,6% và tỷ lệ này ở nhóm có mâu thuẫn với mẹ là 44,1%. Ở mức độ mâu thuẫn vài lần một tháng, tỷ lệ mâu thuẫn với bố về thời gian sử dụng Internet/ TBCN là 38,3% và với mẹ là 37,8%.

Bảng 3.8: Tần suất xảy ra mâu thuẫn giữa con cái và cha mẹ về sử dụng Internet trong 01 tháng qua (%)

	Tần suất mâu thuẫn với bố			Tần suất mâu thuẫn với mẹ		
	Không MT	Vài lần một tháng	Hàng tuần/hàng ngày	Không MT	Vài lần một tháng	Hàng tuần/hàng ngày
Thời gian sử dụng Internet/TBCN	25,0	38,3	36,7	18,1	37,8	44,1
Nội dung trang mạng truy cập	69,8	23,2	7,0	66,6	25,2	8,2

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020

Tuy nhiên, tỷ lệ gặp mâu thuẫn với bố, mẹ về nội dung sử dụng Internet/TBCN thì thấp hơn. Cụ thể, tỷ lệ trẻ vị thành niên có mâu thuẫn với bố về nội dung này là 30,2%, trong đó, tỷ lệ mâu thuẫn ở tần suất hàng tuần/hàng ngày chỉ chiếm 7%. Tương tự như vậy, tỷ lệ trẻ có mâu thuẫn với mẹ về việc nội dung trang mạng truy cập là 33,4%. Theo nhận định của vị thành niên, do bố mẹ không nắm rõ con cái xem, nghe, đọc/giải trí nội dung gì trên mạng mà chỉ đưa ra quy kết căn cứ vào thời gian con cái sử dụng thiết bị công nghệ là lý do thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái trẻ em.

“Bố mẹ cũng không biết em dùng máy tính làm gì. Cứ thấy em dùng thì lại bảo suốt ngày chơi, mà rõ ràng em học đấy chứ, thỉnh thoảng thì chơi game, nhưng cũng chẳng làm gì vớ vẩn, em không bao giờ xem phim lãng nhãng hoặc đọc mấy thứ vô bổ đâu. Nhưng tóm lại, cứ cầm ipad, ngồi máy tính là bố mẹ em lại bảo suốt ngày ôm rịt lấy cái máy cho mù mắt đầu óc”.

(Nam, lớp 10, đô thị).

Việc các em sở hữu nhiều thiết bị công nghệ nối mạng và dễ dàng truy cập Internet cũng là lí do khiến cha mẹ và các em thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về chủ đề này. Dữ liệu định tính cho thấy, bố mẹ và các em thường xuyên mâu thuẫn về thời gian sử dụng TBCN vì “*bố mẹ tưởng em nghiện game*”, “*bố mẹ cứ thấy dùng nhiều thì thắc mắc thôi*”, “*bố mẹ sợ mãi chơi quên học*”. Theo tâm sự của trẻ vị thành niên, đôi khi cha mẹ không cần biết mục đích mà các em sử dụng điện thoại/ máy tính, chỉ cần thấy các em sử dụng thường xuyên là “*la mắng*”, “*quát tháo*”, “*bóng gió*”, hoặc như tâm sự của nữ vị thành niên dưới đây, em cảm thấy sự khác biệt thế hệ quá lớn trong việc học tập và sự thiếu thấu hiểu của cha mẹ cũng khiến em thấy mệt mỏi:

“Bây giờ học online nhiều, bài tập cũng giao trên các ứng dụng. Em viết luận thì phải tìm tài liệu trên mạng chứ có phải như thời xưa là ra thư viện đâu ạ. Mẹ em còn hiểu chứ bố em cứ bảo chả thấy sách vở gì suốt ngày cắm mặt vào máy tính, mà có biết là em đang học đâu ạ. Thế nên em thấy mình có đang chat hay đang học cũng chả khác gì trong mắt bố nên kiểu gì học cũng cho mình thôi, phải xác định như vậy, em phải tập bỏ ngoài tai kiểu bố cần nhàn”.

(Nữ, lớp 11, nông thôn)

Hoặc ở một số trường hợp, mâu thuẫn không biểu hiện ở lời nói mà một số phụ huynh còn sử dụng các biện pháp khá cực đoan như “*Bố em bắt xóa game vì nó làm em cứ thức muộn để chơi, thế là hôm đó bố em lên phòng thấy rồi giật máy xong rồi bắt xóa game luôn, bố còn đập nát máy của em*” (Nam, lớp 11, đô thị), hoặc “*hôm đấy em bị điểm kém xong bố bảo ‘tại mày suốt ngày dán mắt vào máy tính’ nên bố cầm máy của em ném một phát thẳng ra sân luôn”*

(Nam, lớp 10, nông thôn).

Như vậy, có thể thấy, việc trẻ vị thành niên dành nhiều thời gian cho các hoạt động online, Internet và đây là nguyên do nảy sinh mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái, và từ góc nhìn của trẻ vị thành niên, điều này một phần bắt nguồn từ việc cha mẹ chưa thấu hiểu về cuộc sống riêng tư của các em nên thường có những kết luận chưa đúng từ đó dẫn đến những hiểu nhầm và nảy sinh xung đột giữa cha mẹ và con cái.

3.2.1.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến mâu thuẫn giữa con cái và cha mẹ về việc sử dụng Internet/TBCN

Số liệu Bảng 3.9 cho thấy, nhìn chung, *không có khác biệt giới* đáng kể trong mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái về việc sử dụng TBCN/Internet cũng như nội dung các trang mạng trẻ vị thành niên truy cập. Điều này cũng chỉ ra rằng, ở cả nam và nữ vị thành niên, mâu thuẫn về việc sử dụng TBCN/Internet đều ở mức khá cao.

Bảng 3.9: Tỷ lệ trẻ có mâu thuẫn với cha mẹ trong việc sử dụng Internet/TBCN theo các nhóm xã hội

	Mâu thuẫn với bố		Mâu thuẫn với mẹ	
	MT về thời gian sử dụng Internet /TBCN	MT về nội dung sử dụng Internet /TBCN	MT về thời gian sử dụng Internet /TBCN	MT về nội dung sử dụng Internet /TBCN
Chung	75,0	30,2	81,8	33,3
Đặc điểm trẻ vị thành niên				
Giới tính	*			
Nam	78,7	31,2	81,3	33,8
Nữ	72	29,5	82,2	33
Khu vực sinh sống		**		***
Nông thôn	73,3	24,5	83,8	25,6
Đô thị	76,4	35,0	79,6	40,1
Khối lớp				*
Lớp 10	75,2	28,9	83,5	29,8
Lớp 11	76	26,9	81,9	30,6
Lớp 12	73,5	35,3	80	40,5
Học lực		*		**
Không phải HSG	75	25	81	27
Học sinh giỏi	74,7	32,6	82,3	36,4

	Mâu thuẫn với bố		Mâu thuẫn với mẹ	
	MT về thời gian sử dụng Internet /TBCN	MT về nội dung sử dụng Internet /TBCN	MT về thời gian sử dụng Internet /TBCN	MT về nội dung sử dụng Internet /TBCN
Đặc điểm bố mẹ				
Tuổi bố				
<45	77,2	31,2		
45-50	76,4	25,6		
>50	70,4	33		
Học vấn bố		***		
<Cấp 3	73,7	26,9		
Đại học	71,8	26,8		
>Đại học	81,8	43,9		
Tuổi mẹ				
<45			83,2	34,2
45-50			82,4	30,3
>50			72,8	34,6
Học vấn mẹ				***
<Cấp 3			79,6	30,2
Đại học			82,2	29,2
>Đại học			60	52,7

Mức ý nghĩa thống kê: *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$; ***: $p < 0,001$

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020

Xét đến *khu vực sinh sống*, nếu mâu thuẫn về thời gian sử dụng TBCN/Internet không khác biệt giữa nông thôn và đô thị, thì ở nội dung trang mạng mà vị thành niên truy cập, có sự khác biệt trong tỉ lệ mâu thuẫn cha mẹ - con cái dựa theo khu vực sinh sống. Cụ thể, ở đô thị, tỉ lệ mâu thuẫn cha mẹ - con cái về nội dung các

trang mạng trẻ truy cập cao hơn đáng kể so với ở nông thôn. 49,1% trẻ vị thành niên mâu thuẫn với bố về nội dung trang mạng truy cập, và tỉ lệ mâu thuẫn với mẹ ở đô thị là 40,1%, tuy nhiên, tỉ lệ này ở nông thôn lần lượt chỉ là 24,5% và 25,6%.

Phân tích biến số **học lực** cho thấy, *học sinh giỏi thì thường mâu thuẫn với bố và mẹ về nội dung trang mạng Internet mà trẻ hay truy cập cao hơn nhóm không phải học sinh giỏi.*

Bên cạnh đó, *học vấn của bố, mẹ* tuy không có ảnh hưởng đến việc xảy ra mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái về thời gian sử dụng Internet/TBCN nhưng lại có ảnh hưởng mạnh mẽ đến mâu thuẫn về nội dung các trang mạng trẻ hay truy cập. Nhóm cha mẹ có học vấn cao thì có mâu thuẫn về chủ đề này nhiều hơn nhóm cha mẹ có học vấn thấp. Điều này có thể được giả định rằng, cha mẹ có học vấn cao sẽ có hiểu biết sâu rộng hơn về những nguy cơ trẻ gặp phải trong không gian mạng, từ đó có những biện pháp thắt chặt, quản lý nội dung sử dụng Internet hơn nhóm cha mẹ có học vấn thấp.

Số liệu Bảng 3.10 cho thấy tương quan giữa mâu thuẫn cha mẹ-con cái về hoạt động sử dụng Internet với số thiết bị công nghệ trẻ sở hữu và mức độ tự do sử dụng Internet. Để phục vụ phân tích tương quan, biến số mức độ tự do sử dụng Internet được recode thành ba giá trị: 1) Ít tự do (được xây dựng từ giá trị Không tự do + Ít tự do), 2) Tự do (nhận giá trị tương ứng Tự do và Khá tự do), 3) Rất tự do (nhận giá trị là Rất tự do). Có thể thấy, tỉ lệ gặp mâu thuẫn với cha mẹ về thời gian sử dụng Internet và nội dung trang mạng truy cập ở nhóm trẻ ít tự do truy cập Internet không khác biệt so với nhóm tự do và rất tự do truy cập Internet. Tương tự như vậy, việc trẻ sở hữu ít hay nhiều thiết bị công nghệ không ghi nhận mối liên hệ với việc có xảy ra mâu thuẫn với cha mẹ về các chủ đề này không.

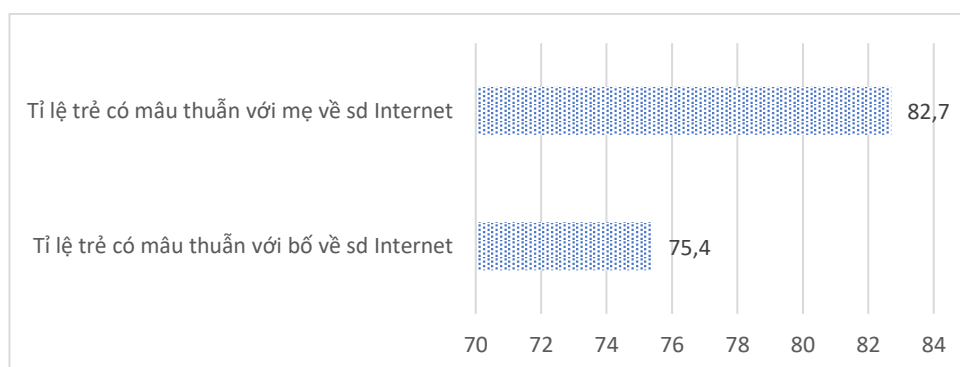
Bảng 3.10: Tỷ lệ trẻ có mâu thuẫn với cha mẹ trong việc sử dụng Internet/TBCN theo thực trạng sở hữu/sử dụng Internet/TBCN của trẻ

	Mâu thuẫn với bố		Mâu thuẫn với mẹ	
	MT về thời gian sử dụng Internet /TBCN	MT về nội dung sử dụng Internet /TBCN	MT về thời gian sử dụng Internet /TBCN	MT về nội dung sử dụng Internet /TBCN
Chung	75,2	24,8	81,9	33,4
Mức độ tự do sử dụng Internet của trẻ vị thành niên				
Ít tự do	76,3	32,2	81,4	33,9
Tự do	77,5	31,5	82,6	35,9
Rất tự do	73,3	30,2	81,4	31,5
Số thiết bị công nghệ trẻ sở hữu				
0 thiết bị	88,5	38,5	96,2	38,5
1 thiết bị	75,8	31,2	81,2	33,4
Từ 2 thiết bị trở lên	73,8	30,1	81,4	33,1

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020.

Số liệu ở Biểu đồ 3.4 cho thấy tỷ lệ xảy ra mâu thuẫn giữa học sinh trung học phổ thông với người mẹ liên quan đến việc sử dụng Internet nói chung cao hơn so với người cha 7,3 điểm phần trăm (82,7% so với 75,4%).

Biểu đồ 3.4: Tỷ lệ con cái gặp mâu thuẫn với bố và với mẹ về việc sử dụng Internet (%)



Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020.

Tóm lại, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của Internet, việc sở hữu các thiết bị công nghệ phổ biến ở trẻ vị thành niên và mức độ tự do truy cập Internet theo ý muốn như hiện nay thì đây là lĩnh vực dễ xảy ra mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái hơn so với việc học tập cũng như các vấn đề khác liên quan đến đời sống cá nhân. Kết quả nghiên cứu cho thấy đại đa số vị thành niên có gặp mâu thuẫn với bố và với mẹ về thời gian sử dụng Internet/TBCN trong một tháng qua, và không có khác biệt theo giới tính của vị thành niên, như vậy cả nam và nữ vị thành niên, mâu thuẫn với cha mẹ về việc sử dụng TBCN/Internet đều ở mức khá cao.

Kết quả phân tích về mục đích sử dụng Internet của học sinh trung học phổ thông cho thấy chỉ có khoảng $\frac{1}{4}$ số vị thành niên sử dụng Internet phục vụ cho việc học tập và tìm hiểu vấn đề quan tâm (17,7% và 8,9%), trong khi gần một nửa số vị thành niên (41,4%) dùng cho mục đích giải trí (phổ biến ở nam vị thành niên), 31,5% để giao lưu với bạn bè qua mạng xã hội (trong đó tập trung nhiều nhóm trẻ vị thành niên hiện sống ở đô thị và ở nhóm nữ). Ngoài ra, đa số các em cho biết mức độ thường xuyên gặp gỡ bạn bè là qua mạng xã hội (73,5%). Shah (2016) đã cho rằng VTN thường sử dụng công nghệ thông tin như là cầu nối cho các hoạt động hẹn hò với bạn bè và điều này được coi là một vấn đề khá nghiêm trọng trong mối quan hệ giữa cha mẹ - con cái. Điều này giải thích vì sao mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái liên quan đến việc sử dụng Internet nhiều hơn, và trong bối cảnh công nghệ đang ngày càng phát triển như hiện nay dự báo về mâu thuẫn cha mẹ - con cái liên quan đến việc sử dụng Internet nguy cơ tiếp tục xảy ra ở mức phổ biến hơn.

Số liệu ở Bảng 3.9 cho thấy, tỉ lệ mâu thuẫn giữa cha – con và mẹ - con cái về nội dung sử dụng Internet/TBCN dù thấp hơn so với tỉ lệ mâu thuẫn về thời gian sử dụng, nhưng con số này vẫn chiếm khoảng $\frac{1}{3}$ mẫu nghiên cứu. Các phân tích tương quan cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê theo khu vực sống, học lực của trẻ, học vấn của bố, mẹ. Tỷ lệ có xảy ra mâu thuẫn giữa cha và con, giữa mẹ và con ở khu vực đô thị, nhìn chung, đều cao hơn đáng kể so với ở nông thôn (trên dưới 1,5 lần); trẻ ở nhóm học lực giỏi cũng có mâu thuẫn với cha hoặc với mẹ cao hơn 1,3 lần so với nhóm trẻ học lực không giỏi. Yếu tố học vấn của cha, của mẹ ảnh

hưởng đến tỷ lệ nảy sinh mâu thuẫn ở khía cạnh nội dung các trang mạng mà trẻ em truy cập sử dụng Internet. Trẻ ở nhóm có bố và nhóm có mẹ có trình độ học vấn càng cao thì tỷ lệ nảy sinh mâu thuẫn ở khía cạnh này càng nhiều. Ngoài ra, khi so sánh với so với người cha, vị thành niên có mâu thuẫn liên quan đến vấn đề sử dụng Internet với mẹ cũng cao hơn so với người bố.

Bảng 3.11 chỉ ra rằng các biến số liên quan đến đặc điểm cá nhân của con cái, của bố mẹ và biến số cộng đồng đều không có tác động đến mâu thuẫn cha mẹ - con cái trong hoạt động Internet. Điều này hàm ý rằng dù là nam hay nữ, sinh sống ở đô thị hay nông thôn và cha mẹ có học vấn cao hay thấp thì thời gian cũng như nội dung sử dụng Internet/TBCN của trẻ đều là chủ đề gây bất đồng giữa cha mẹ, con cái trong gia đình.

Bảng 3.11: Kết quả mô hình hồi quy logistic về tác động của các biến số chọn lọc đến mâu thuẫn giữa học sinh THPT và bố, mẹ liên quan đến vấn đề sử dụng Internet/TBCN

Mâu thuẫn với mẹ			Mâu thuẫn với bố	
Các biến số	Tỷ số chênh lệch (OR)*	N=687	Tỷ số chênh lệch (OR)*	N=680
Khu vực sinh sống				
Đô thị	1,447	377	1,350	377
Nông thôn	1	310	1	303
Giới tính				
Nam	0,941	273	1,483	273
Nữ	1	414	1	407
Khối lớp				
Lớp 10	7,279	231	3,085	213
Lớp 11	3,076	235	1,706	218
Lớp 12	1	221	1	199
Học lực				
Không phải HSG	1,137	212	1,019	206
Học sinh giỏi	1	475	1	474

Học vấn bố/mẹ				
<Cấp 3	0,631	316	0,761	312
Đại học	0,600	236	0,575	220
>Đại học	1	135	1	148
Gia đình áp đặt con cái				
Có	1,175	434	1,370	432
Không	1	253	1	248
Chỉ tiêu/Hệ số 2LL (-2 Log likelihood)	732.918 ^a		732.918 ^a	
Nagelkerke R Square	.026		.034	
Phần trăm dự đoán đúng (Overall Percentage)	82,8		75,7	

Mức ý nghĩa thống kê: *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$; ***: $p < 0,001$

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020.

Trẻ em cũng có thể gặp rủi ro bởi nạn bắt nạt, lạm dụng, khai thác và buôn bán trẻ em trên các web đen và các phương tiện truyền thông xã hội (UNICEF, 2017; Trương Thị Thu Thủy, 2020), với kết quả ghi nhận sự hiện diện phổ biến của các thiết bị di động, cũng như thiết bị công nghệ, và mức độ tự do trong việc sử dụng mạng Internet của vị thành niên trong nghiên cứu này cho thấy cha mẹ sẽ gặp khó khăn hơn trong giám sát, kiểm soát việc truy cập trực tuyến của con cái do đó khả năng trẻ gặp các nguy cơ rủi ro về lộ thông tin cá nhân, truy cập vào nội dung độc hại, bị bắt nạt trực tuyến, bị lừa đảo hoặc các hậu quả không mong muốn khác, đặc biệt ở lứa tuổi vị thành niên, các em vốn chưa có đầy đủ nhận thức, kỹ năng tự bảo vệ bản thân trên môi trường mạng.

3.2.2. Mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái về hoạt động giao lưu bạn bè và những yếu tố ảnh hưởng

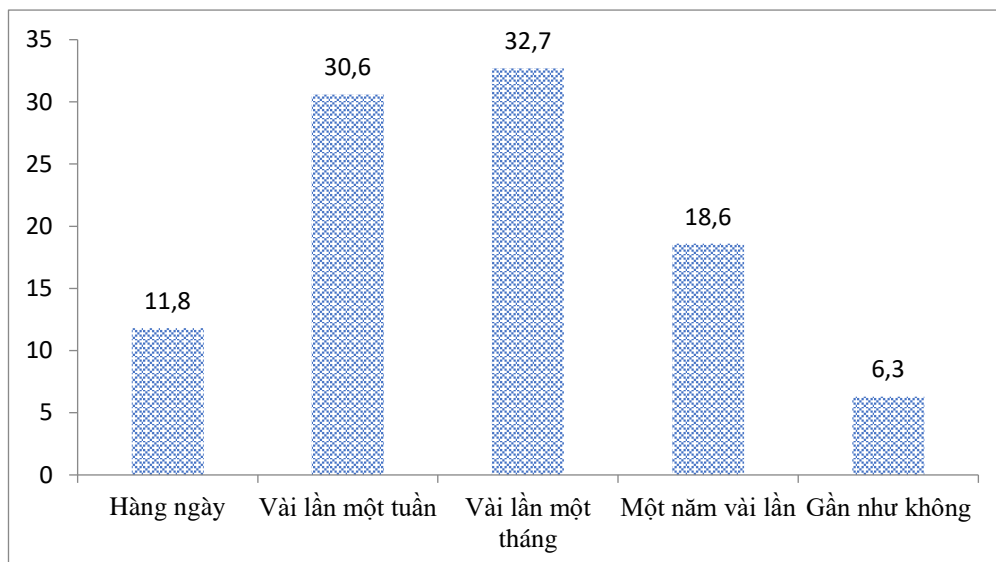
3.2.2.1. Một số đặc điểm về hoạt động giao lưu bạn bè của học sinh trung học phổ thông

Hoạt động giao lưu với bạn bè được đo lường trong một năm qua, được hiểu là các hoạt động đến nhà nhau chơi, đi dạo, đi cà phê trà chanh, đi chơi game...

(không tính các hoạt động trong khuôn viên trường học/nơi học thêm...) Thang đo được sử dụng trong câu hỏi này là thang đo 5 mức, từ 1) Hàng ngày, 2) Vài lần một tuần, 3) Vài lần một tháng, 4) Một năm vài lần, 5) Gần như không.

Với ba lựa chọn: 1) Gặp gỡ, giao lưu cùng bạn bè, 2) Làm các hoạt động cá nhân một mình, và 3) Tham gia các hoạt động giải trí cùng bố mẹ, số liệu điều tra cho thấy, dù là ngày đi học hay ngày nghỉ cuối tuần, phần lớn các em vẫn sử dụng thời gian rỗi để thực hiện các hoạt động cá nhân của mình như online, chơi game, đọc sách/báo/truyện. Hoạt động phổ biến thứ hai đó là gặp gỡ, giao lưu với các bạn với tỉ lệ 36,9% vào ngày đi học và 36% vào ngày cuối tuần.

Biểu đồ 3.5: Tần suất giao lưu cùng bạn bè



Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020

Như vậy có thể thấy, tỉ lệ vị thành niên gặp gỡ - giao lưu với bạn ở mức hàng ngày là khá thấp, điều này có thể được lý giải là do thời gian học tập trong ngày chiếm phần lớn thời gian, đôi khi các em còn phải đi học thêm ngay sau các ca học chính nên khó có thể đều đặn hàng ngày đi chơi với nhau, thậm chí là cả với các bạn trai bạn gái có tình cảm với nhau - việc này cũng không dễ sắp xếp:

“Bọn em đi chơi tuần vài lần thôi. Kiểu như hôm nào có ca học thêm thì học về tranh thủ đi trà chanh hoặc lượn vòng vèo, chứ bố mẹ nó (bạn gái) cũng quản lắm. Bọn em học khác ban nên gặp nhau cũng không tiện, vì lớp em ban A học sáng cơ”.

(Nam, lớp 12, đô thị)

Hoặc như một số VTV giải thích rằng việc gặp gỡ hàng ngày không cần thiết, vì đã có điện thoại di động và Internet làm cầu nối cho việc giao lưu bạn bè đều đặn:

“Không phải bọn em thiếu chuyện nói, mà là vì về nhà vẫn zalo nhóm với nhau được mà. Thi thoảng mới đi chơi thôi. Còn thi thoảng cũng đi xem phim, chém gió các thứ nhưng thỉnh thoảng tháng vài lần chứ gặp nhau suốt mà”.

(Nam, lớp 11, đô thị)

Nhóm VTN gần như không giao lưu với bạn bè chiếm một tỉ lệ rất nhỏ, là 6,8%. Do lứa tuổi vị thành niên, việc giao lưu - kết bạn - gặp gỡ bạn bè vẫn là một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần của các em nên trên hết, tỉ lệ gặp gỡ bạn bè phổ biến ở mức từ vài lần một tuần đến vài lần một tháng.

Để thuận tiện trong quá trình phân tích, tần suất đi chơi cùng bạn bè được nhóm gộp thành ba nhóm: thường xuyên (42,4%), thỉnh thoảng (32,7%), ít khi (24,9%). Số liệu điều tra cho thấy, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa khu vực sinh sống, giới tính trong việc gặp gỡ bạn bè. Tuy nhiên khi xét đến yếu tố khối lớp, có thể thấy, tỉ lệ gặp gỡ bạn bè ở mức thường xuyên của khối lớp 11 là cao nhất, và lớp 10 là nhóm có tỉ lệ hiếm khi gặp bạn bè cao nhất.

Trong bối cảnh đó, việc liên hệ giữa bạn bè được đề tài xem xét ở bốn hình thức: 1) Gặp mặt trực tiếp, 2) Gọi điện thoại hoặc gửi tin nhắn điện thoại (không qua Internet), 3) Qua mạng xã hội (Zalo, facebook, instagram..), 4) Gần như không liên lạc với bạn. Theo đó, vị thành niên sẽ lựa chọn ra cách thức liên lạc phổ biến nhất với bạn bè.

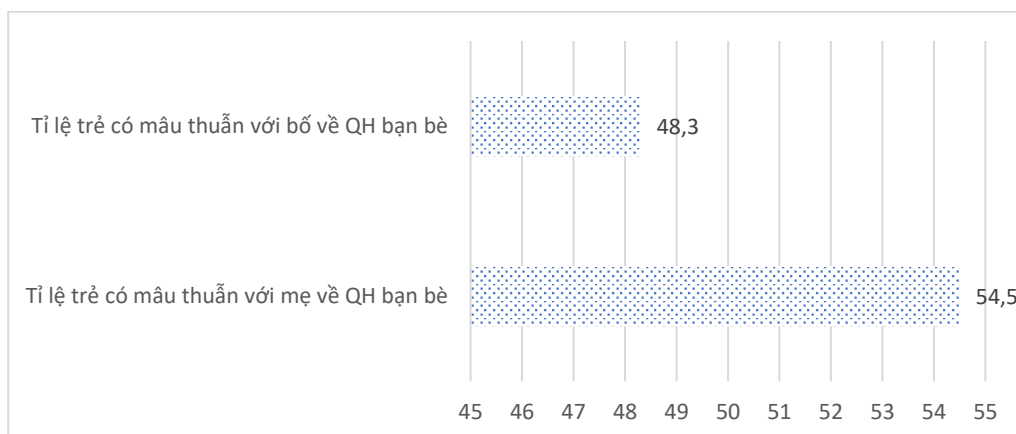
Phân tích số liệu điều tra cho thấy, các cách thức liên hệ truyền thống như gặp mặt trực tiếp và gọi điện thoại/ gửi tin nhắn (không qua Internet) chiếm tỉ lệ khá nhỏ, tương ứng lần lượt là 17,4% và 5,2%. Trong khi đó, 76,2% vị thành niên sử dụng mạng xã hội để kết nối với bạn bè. Điều này khẳng định tính thiết yếu của việc giao lưu bạn bè của VTN và góp phần củng cố luận điểm về sự tiếp xúc công nghệ, mạng xã hội của vị thành niên ngày càng phát triển trong giai đoạn hiện nay. 3.2.2.2. *Thực trạng diễn ra mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái liên quan đến hoạt động giao lưu bạn bè*

Trong bối cảnh như đã trình bày ở phần trên, tìm hiểu về mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái về hoạt động giao lưu với bạn bè, kết quả phân tích số liệu cho thấy phần lớn vị thành niên mâu thuẫn với bố, mẹ về thời gian giao lưu với bạn hơn là việc chọn bạn. 43,1% vị thành niên cho biết có mâu thuẫn với bố về thời gian giao lưu với bạn và tỉ lệ có mâu thuẫn với mẹ về chủ đề này xấp xỉ 50%. Trong khi đó, đối với việc chọn bạn, tỉ lệ vị thành niên gặp mâu thuẫn với bố và với mẹ thấp hơn đáng kể, lần lượt là 28,2% và 33,6%. Số liệu điều tra cũng cho thấy, gần 45% vị thành niên cho biết bố mẹ hoàn toàn không can thiệp vào việc chọn bạn, tỉ lệ can thiệp ít cũng chiếm xấp xỉ 40% và tỉ lệ can thiệp nhiều chỉ dao động 15%. Điều này cho thấy mức độ tự chủ của trẻ vị thành niên giai đoạn 15-17 tuổi trong việc thiết lập các mối quan hệ xã hội của bản thân mình.

Ngược lại với việc chọn bạn, tỉ lệ mâu thuẫn với bố mẹ về thời gian giao lưu với bạn lại nhiều hơn. Điều này có thể bắt nguồn từ tầm quan trọng của giai đoạn trung học phổ thông là giai đoạn chuẩn bị cho các kỳ thi quan trọng, nên các gia đình thường đặt nặng vấn đề học tập dẫn đến việc cha mẹ thường giám sát chặt chẽ hơn về thời gian giao lưu với bạn bè. Bên cạnh đó, mâu thuẫn cha mẹ - con cái xuất phát từ đòi hỏi sinh học của trẻ vị thành niên - đối tượng đang mong muốn và có nhu cầu giao lưu với bạn bè, xã hội ngoài gia đình nhiều hơn với cha mẹ, chính vì vậy khả năng xảy ra mâu thuẫn do ngăn cản con cái đi chơi với bạn bè giữa cha mẹ và vị thành niên nhiều hơn, điều này được ghi nhận trong nghiên cứu này. Kết quả phân tích số liệu cho thấy, với câu hỏi "*Trong học kỳ vừa qua, bố/mẹ có ngăn cản em đi chơi với bạn không?*", hơn 60% trẻ vị thành niên cho biết các em bị bố mẹ ngăn cản em đi chơi với bạn, trong đó ở mức độ thỉnh thoảng đến thường xuyên chiếm gần 30%.

Kết quả phân tích sâu chỉ ra rằng việc nảy sinh mâu thuẫn giữa học sinh THPT với người mẹ liên quan đến vấn đề bạn bè cao hơn so với mâu thuẫn với bố. Số liệu thể hiện ở Biểu đồ 3.6 cho thấy tỷ lệ mâu thuẫn giữa học sinh THPT với người mẹ liên quan đến vấn đề bạn bè cao hơn so với người cha 6,2 điểm phần trăm.

Biểu đồ 3.6: Tỷ lệ có mâu thuẫn giữa học sinh THPT với cha và mẹ về bạn bè (%)



Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020.

Bên cạnh đó, thông tin khảo sát định tính cũng cho thấy một thực trạng, đó là, dù các em không có mâu thuẫn với cha mẹ cũng không có nghĩa là VTN và bố mẹ đạt được sự đồng thuận, chia sẻ và thấu hiểu trong lĩnh vực này. Mà thực ra, việc các em không mâu thuẫn với cha mẹ chỉ là vì các em không chia sẻ với cha mẹ, và cha mẹ không biết hoặc không có nhu cầu can thiệp vào quan hệ giữa VTN với bạn bè. Như trường hợp sau, đối tượng được phỏng vấn là một nam học sinh lớp 12 có học lực giỏi. Em cho biết em không có mâu thuẫn với cha mẹ vì cha mẹ em hầu như không biết rõ về các bạn bè của em:

“Em không nói chuyện với bố mẹ về bạn bè của em Thì bố mẹ em kiểu cảm thấy các mối quan hệ bạn bè hay là chuyện bạn bè của em rất là nhảm nhí, nên mấy cái đấy em cũng chẳng tâm sự. Bố cũng biết về mấy bạn hội đội tuyển hoá, còn deskmate của em thì bố em có nghe danh qua thôi. Thì kiểu thật ra ngồi chung với nhau thân thì chuyện bình thường, ngồi chung hơn 1 năm với nhau rất là bình thường. Bố mẹ em chỉ nghe danh chứ không biết mặt ý, bố mẹ em thật ra chỉ biết biệt danh của bọn nó chứ bố em cũng không biết tên cơ. Như bạn ngồi cạnh em biệt danh của nó là Ngựa, nên bố mẹ em chỉ biết à mày đi chơi với con Ngựa đúng không, mày lại đèo con Ngựa về đúng không. Trong khi bố mẹ em không biết con Ngựa là con nào, bố mẹ em không biết tên thật không biết mặt như thế nào chỉ biết em chơi với một con tên là Ngựa”.

(Nam, lớp 12, ô thị)

Có thể khẳng định rằng quan hệ bạn bè của con cái VTN cũng là nguồn cơn gây ra xung đột giữa cha mẹ - con cái, với một nửa số vị thành niên có mâu thuẫn với bố, mẹ, và với người mẹ nhiều hơn đã được ghi nhận trong nghiên cứu này. Nhiều nghiên cứu khác cũng đã ghi nhận rất rõ điều này. Hoạt động kết bạn, giao tiếp/đi chơi với bạn bè, kết bạn khác giới... ở lứa tuổi VTN giai đoạn 15-17 tuổi là rất cần thiết không chỉ thỏa mãn về nhu cầu giao tiếp và giúp VTN phát triển nhân cách mà còn đánh dấu sự phát triển và hình thành đạo đức xã hội không thể thiếu của trẻ ở giai đoạn này nhưng nhiều cha mẹ lại chỉ mong muốn con cái tập trung dành thời gian vào việc học hoặc lo lắng con cái sẽ ham chơi... nên kiểm soát khắt khe quan hệ bạn bè, điều đó làm cho mức độ tự chủ của VTN trong thiết lập các mối quan hệ xã hội của bản thân bị hạn chế.

3.2.2.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến mâu thuẫn giữa vị thành niên và cha mẹ trong quan hệ bạn bè

Bảng 3.12 trình bày tỉ lệ trẻ gặp mâu thuẫn với cha mẹ về quan hệ bạn bè của trẻ theo các nhóm xã hội.

Trước hết, xét theo **giới tính của học sinh THPT**, tỉ lệ mâu thuẫn với cha mẹ về việc chọn bạn hay giao lưu với bạn giữa nhóm nam và nữ là tương đương nhau. Tỉ lệ học sinh nam mâu thuẫn với bố về thời gian giao lưu với bạn bè là 46,8%, với học sinh nữ, tỉ lệ này cũng nằm ở mức 40,5%. Tương tự như vậy, 34% học sinh nữ có mâu thuẫn với mẹ về việc chọn bạn và ở nội dung này, có 33,1% học sinh nam có mâu thuẫn với mẹ.

Bảng 3.12: Tỷ lệ trẻ có mâu thuẫn với cha mẹ trong quan hệ bạn bè theo các nhóm xã hội (%)

	<i>Mâu thuẫn với bố</i>		<i>Mâu thuẫn với mẹ</i>	
	MT về thời gian giao lưu với bạn bè	MT về việc chọn bạn	MT về thời gian giao lưu với bạn bè	MT về việc chọn bạn
Chung	43,1	28,2	48,5	33,6
Đặc điểm trẻ vị thành niên				
Giới tính				
Nam	46,8	30,5	46,8	33,1
Nữ	40,5	26,6	49,6	34
Khu vực sinh sống	***	***	***	***
Nông thôn	36,0	18,6	40,2	21,3
Đô thị	49,1	36,3	55,7	44,8
Khối lớp	*		***	
Lớp 10	38,8	26,9	42,6	30,2
Lớp 11	40,9	26	45,2	31,9
Lớp 12	50,2	28,2	59,1	39,5
Học lực		**	**	***
Không phải HSG	40,0	20,5	42	23,5
Học sinh giỏi	44,6	31,6	51,8	38,3
Đặc điểm bố mẹ				
Tuổi bố				
<45	41,9	26,2		
45-50	40,5	28,2		
>50	47,1	31,1		
Học vấn bố	*	***		
<Cấp 3	40,4	21,8		
Đại học	40,9	27,7		
>Đại học	53,4	44,6		

	<i>Mâu thuẫn với bố</i>		<i>Mâu thuẫn với mẹ</i>	
	MT về thời gian giao lưu với bạn bè	MT về việc chọn bạn	MT về thời gian giao lưu với bạn bè	MT về việc chọn bạn
Tuổi mẹ				
<45			46,8	32
45-50			52,7	35,2
>50			49,4	39,5
Học vấn mẹ			**	***
<Cấp 3			43,4	26,1
Đại học			49,2	34,3
>Đại học			60,0	52,7

*Mức ý nghĩa thống kê: *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$; ***: $p < 0,001$*

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020.

Phân tích theo yếu tố ***khu vực sinh sống*** cho thấy, ở đô thị, *tỉ lệ trẻ vị thành niên gặp mâu thuẫn với cha mẹ về việc chọn bạn, thời gian giao lưu với bạn cao hơn so với ở nông thôn*. Cụ thể, có hơn 49% vị thành niên ở đô thị gặp mâu thuẫn với bố về thời gian giao lưu với bạn, trong khi đó tỉ lệ này ở nông thôn là 36%. Tỉ lệ vị thành niên ở đô thị gặp mâu thuẫn với mẹ về việc chọn bạn cao gấp đôi so với tỉ lệ này ở nông thôn. Điều này có thể được giải thích vì ở khu vực đô thị, trẻ phải đối diện với nhiều “cám dỗ” hơn, quan hệ bạn bè ở đô thị cũng mở rộng hơn so với ở nông thôn, vì vậy cha mẹ đô thị cũng có nhiều mối lo hơn và gia tăng sự kiểm soát hơn so với cha mẹ ở nông thôn.

Xét theo ***khối lớp***, dù không có sự khác biệt giữa các khối lớp trong việc xảy ra mâu thuẫn cha mẹ - con cái về việc chọn bạn nhưng về thời gian giao lưu với bạn thì trẻ vị thành niên ở khối lớp 12 gặp mâu thuẫn với cha mẹ nhiều hơn ở khối 10, 11. Trong khi chỉ có 38,8% trẻ vị thành niên khối 10 có mâu thuẫn với bố về thời gian giao lưu với bạn bè thì tỉ lệ này ở khối 12 lên tới 50,2%, tương tự như vậy, tỉ lệ mâu thuẫn với mẹ ở khối lớp 10-11 chỉ 42-45%, thì ở khối 12 là 59%. Điều này có

thể giải thích vì lớp 12 là giai đoạn học tập nước rút trước kỳ thi đại học, do đó các em cũng phải hạn chế thời gian gặp gỡ bạn bè, điều này có thể dẫn đến mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái vì đây cũng là giai đoạn các em có nhu cầu được gặp gỡ, chia tay với bạn bè. Chia sẻ của nữ vị thành niên sau cũng ủng hộ cho giả thuyết này:

“Thì bố mẹ cũng lo là cứ lâu lóng, hẹn hò nhiều thì không tập trung học í chị. Nhưng cuối cấp, lại học chia ban nên nhiều khi tối mới gặp được, mà tối thì bố mẹ cứ canh canh em thành ra khó chịu”.

(Nữ, lớp 12, đô thị)

Biến số **học lực** cho thấy, nhóm học sinh giỏi gặp mâu thuẫn với bố mẹ về quan hệ bạn bè cao hơn nhóm không phải học sinh giỏi. Chỉ 20,5% nhóm học sinh không phải học sinh giỏi có mâu thuẫn với bố về việc chọn bạn, trong đó tỉ lệ này ở nhóm học sinh giỏi là 31,6%. Tương tự như vậy, 42% vị thành niên trong nhóm không phải học sinh giỏi có mâu thuẫn với mẹ về thời gian giao lưu với bạn, và tỉ lệ này ở nhóm học sinh giỏi xấp xỉ 52%. Trong khi đó, số liệu lại chỉ ra rằng, tỉ lệ trẻ có học giỏi bị bố mẹ thỉnh thoảng/thường xuyên ngăn cản giao lưu với bạn bè thấp hơn đáng kể so với nhóm trẻ có học lực thấp. Mặc dù số liệu định lượng và định tính của Luận án chưa thể giải thích một cách chặt chẽ về thực trạng này, tuy nhiên, số liệu phân tích nêu trên có thể đưa ra gợi ý rằng, với học sinh giỏi, dù không bị bố mẹ ngăn cản trong việc đi chơi, nhưng bản thân các em cũng gặp những áp lực khác liên quan để cân bằng việc học tập - vui chơi nên dễ dẫn đến mâu thuẫn hơn?

Học vấn của bố mẹ có mối liên hệ chặt chẽ với việc mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái trong mối quan hệ bạn bè của con. Số liệu điều tra cho thấy, cha mẹ càng có học vấn cao thì tỉ lệ mâu thuẫn với con về thời gian giao lưu với bạn hay việc chọn bạn càng cao.

Kết quả mô hình hồi quy logistic ở Bảng 3.12 về tác động của các biến số chọn lọc đến mâu thuẫn giữa học sinh THPT và mẹ liên quan đến quan hệ bạn bè đã xác nhận sự ảnh hưởng của các yếu tố như khu vực sống, khối lớp, tần suất đi chơi với bạn của con cái, học vấn của người mẹ, sự áp đặt của cha mẹ tới con cái đến khả năng xảy ra mâu thuẫn giữa mẹ-con.

Bảng 3.13: Kết quả mô hình hồi quy logistic về tác động của các biến số chọn lọc đến mâu thuẫn giữa học sinh THPT và mẹ liên quan đến vấn đề bạn bè

Các biến số	Tỷ số chênh lệch (OR)*	N=687
Khu vực sinh sống		
Đô thị	2,062**	377
Nông thôn(biến so sánh)	1	310
Giới tính con cái		
Nam	0,873	273
Nữ (biến so sánh)	1	414
Khối lớp		
Lớp 10	0,609**	231
Lớp 11	0,782	235
Lớp 12 (biến so sánh)	1	221
Học lực		
Không phải HSG	1,082	215
Học sinh giỏi (biến so sánh)	1	475
Đi chơi với bạn		
Thường xuyên	1,457*	280
Không/ít thường xuyên (biến so sánh)	1	407
Học vấn mẹ		
<=Cấp 3	0,740	316
Đại học	0,555*	236
>Đại học (biến so sánh)	1	135
Phong cách giáo dục gia đình		
Gia đình áp đặt	2,039***	434
Gia đình không áp đặt (biến so sánh)	1	253
Nagelkerke R Square	.116	
Phần trăm dự đoán đúng (Overall Percentage)	63,5	

Mức ý nghĩa thống kê: *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$; ***: $p < 0,001$

Ghi chú: Mẫu phân tích hồi quy chỉ bao gồm những học sinh THPT hiện sống cùng với cả cha và mẹ.

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020.

Đáng chú ý nhất là yếu tố cách giáo dục gia đình, biến số này có ảnh hưởng mạnh đến khả năng xảy ra mâu thuẫn liên quan đến quan hệ bạn bè ở nhóm vị thành niên. Khả năng xảy ra mâu thuẫn trong những gia đình thường áp đặt đối với con cái cao gấp 2 lần so với nhóm vị thành niên gia đình cha mẹ không áp đặt con cho cái. Ngoài ra, nhóm trẻ thường xuyên đi chơi với bạn có khả năng xảy ra mâu thuẫn cao hơn khoảng 1,5 lần so với nhóm ít đi chơi. Trong quá trình trưởng thành, đặc biệt ở độ tuổi vị thành niên, trẻ có xu hướng dành nhiều thời gian cho bạn bè hơn, và điều này có thể làm suy giảm vai trò ảnh hưởng của cha mẹ tới đời sống của trẻ. Các yếu tố khu vực sống, khối lớp, học vấn là ba biến số có ảnh hưởng đến khả năng xảy ra mâu thuẫn giữa người mẹ và vị thành niên liên quan quan hệ bạn bè. Khả năng xảy ra mâu thuẫn giữa vị thành niên và người mẹ cao hơn ở nhóm ở đô thị, và khả năng xảy ra mâu thuẫn về bạn bè giữa vị thành niên với người mẹ giảm đi ở nhóm học sinh ở 2 khối lớp thấp là lớp 10 và 11 cho thấy áp lực quản lý con cái vị thành niên ở độ tuổi gần ngưỡng được coi là trưởng thành. Kết quả phân tích hồi quy đã xác nhận các yếu tố khu vực sống, khối lớp, học vấn của bố, và cách giáo dục của gia đình có ảnh hưởng đến việc xảy ra mâu thuẫn giữa học sinh THPT và người bố với xu hướng tương tự như với người mẹ (Xem Bảng 1, phần Phụ lục).

Tóm lại, thời gian giao lưu với bạn và việc lựa chọn bạn bè cũng nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái vị thành niên và có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê theo khu vực sống, theo khối lớp, lực học của trẻ em, số anh chị em trong gia đình, theo học vấn. Trẻ vị thành niên ở đô thị có xảy ra mâu thuẫn với cha và với mẹ ở cả việc thời gian chơi với bạn và trong lựa chọn bạn bè nhiều hơn, trẻ ở khối lớp 12, có học lực giỏi có tỷ lệ xảy ra mâu thuẫn với cha và với mẹ ở thời gian chơi với bạn cao hơn nhóm còn lại, trẻ vị thành niên có ít anh chị em có tỷ lệ mâu thuẫn với cha mẹ cao hơn. Đặc biệt, học vấn của cha, mẹ đều có liên quan đến việc nảy sinh mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái ở cả thời gian đi chơi với bạn và việc lựa chọn bạn bè. Kết quả mô hình hồi quy logistic về tác động của các biến số chọn lọc đến mâu thuẫn giữa học sinh THPT với bố, mẹ liên quan đến quan hệ bạn bè đã xác nhận sự ảnh hưởng của các yếu tố khu vực sống, khối lớp, học vấn của người mẹ, bố, cách giáo dục gia đình đến khả năng xảy ra mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái.

3.2.3. Mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái về hình thức bề ngoài của trẻ và các yếu tố ảnh hưởng

Mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái liên quan hình thức bên ngoài của vị thành niên là vấn đề được ghi nhận ở một số nghiên cứu đi trước. Kết quả nghiên cứu này cho thấy có hơn 1/3 số vị thành niên ở nhóm tuổi trung học phổ thông có mâu thuẫn với bố/mẹ liên quan hình thức bề ngoài như cách ăn mặc, kiểu tóc của con cái, tỷ lệ có mâu thuẫn với mẹ cũng cao hơn so với bố (37,0 và 30,5%). Trong đó mức độ có xảy ra hàng ngày đến một vài lần một tuần đối với bố là 5% và tỷ lệ mâu thuẫn với mẹ ở mức độ này 8,4%.

Bảng 3.14: Tương quan tỷ lệ cha mẹ- con cái có mâu thuẫn về hình thức bề ngoài của con (%)

	Mâu thuẫn với bố về cách ăn mặc, kiểu tóc		Mâu thuẫn với mẹ về cách ăn mặc, kiểu tóc	
	Tỷ lệ	N	Tỷ lệ	N
Chung	30,5	699	37,0	706
Khu vực sinh sống	***		***	
Đô thị	39,8	377	46,4	377
Nông thôn	19,6	322	26,1	329
Khối lớp				
Lớp 10	28,1	231	38,1	231
Lớp 11	27,5	247	32,3	254
Lớp 12	36,2	221	41,2	221
Học lực	***		***	
Không phải HSG	20,0	220	22,9	227
Học sinh giỏi	35,2	475	43,8	475
Số ACE	**		***	
1-2 ACE	34,3	432	28,6	318
3 ACE trở lên	24,3	267	39,8	236
Học vấn mẹ/ bố	***		54,1	135
<=Cấp 3	23,7	312	***	

	Mâu thuẫn với bố về cách ăn mặc, kiểu tóc		Mâu thuẫn với mẹ về cách ăn mặc, kiểu tóc	
	Tỷ lệ	N	Tỷ lệ	N
Đại học	30,5	220	41,6	445
>Đại học	47,3	148	28,8	260
Gia đình áp đặt con cái	**			
Có	34,4	442		
Không	23,4	256		

Mức ý nghĩa thống kê: *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$; ***: $p < 0,001$

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020.

Kết quả phân tích tương quan ở Bảng 3.13 cho thấy có mối liên hệ chặt chẽ giữa các biến số khu vực sống, học lực, số anh chị em, học vấn cha mẹ và kiểu gia đình áp đặt/độc đoán với tỷ lệ nảy sinh mâu thuẫn giữa con cái vị thành niên với cha/mẹ liên quan đến hình thức bề ngoài của trẻ. Tỷ lệ xảy ra mâu thuẫn với bố/mẹ liên quan đến hình thức bề ngoài của vị thành niên sống ở đô thị, ở nhóm học sinh giỏi, gia đình ít anh chị em (1-2 ACE), bố/mẹ ở nhóm học vấn cao nhất (trên đại học), và ở kiểu gia đình có phong cách độc đoán/ áp đặt con cái cũng có xu hướng xảy ra mâu thuẫn nhiều hơn so với các nhóm còn lại từ 1,3 đến 2 lần. Các khác biệt này có ý nghĩa thống kê. Trẻ ở đô thị mâu thuẫn với cha mẹ về hình thức bề ngoài nhiều hơn có thể được giải thích một phần là bởi đô thị là nơi du nhập nhiều làn sóng văn hóa mới, chịu ảnh hưởng của các trào lưu thời trang ngoại nhập, trẻ dễ dàng tiếp cận và mong muốn về những yếu tố mới lạ mạnh mẽ hơn so với nhóm trẻ ở nông thôn, vì vậy cũng dễ dàng nảy sinh những khác biệt với cha mẹ và tạo nên mâu thuẫn. Bên cạnh đó, trong giai đoạn vị thành niên, khi trẻ đang mong muốn, khao khát khẳng định cái tôi, quyền tự chủ và coi việc ăn mặc như một bằng chứng cho sự “trưởng thành”, “người lớn” của mình thì việc cha mẹ sử dụng phương pháp giáo dục mang tính áp đặt có thể tạo nên nhiều mâu thuẫn hơn.

Kết quả từ mô hình hồi quy logistic về tác động của các biến số đến mâu thuẫn giữa học sinh THPT và bố/mẹ liên quan đến cách ăn mặc, kiểu tóc (chi tiết xem

Bảng 1 và Bảng 2, phần Phụ lục) đã xác nhận một số biến số tác động đến khả năng xảy ra mâu thuẫn giữa học sinh THPT với bố và với mẹ.

Kết quả phân tích ở mô hình hồi quy logistic ở Bảng 3.15 về tác động của các biến số chọn lọc đến mâu thuẫn giữa học sinh THPT và mẹ liên quan đến hình thức bề ngoài đã chỉ ra sự tác động của biến số kiểu/phong cách giáo dục gia đình tới mâu thuẫn giữa vị thành niên và người mẹ liên quan đến hình thức bề ngoài, khả năng xảy ra mâu thuẫn với mẹ về vấn đề này cao hơn 1,5 lần so với nhóm trẻ em ở gia đình không có áp đặt.

Bảng 3.15: Kết quả mô hình hồi quy logistic về tác động của các biến số chọn lọc đến mâu thuẫn giữa học sinh THPT và mẹ liên quan đến hình thức bề ngoài

Các biến số	Tỷ số chênh lệch (OR) [*]	N=633
Khu vực sinh sống		
Đô thị	1,730*	349
Nông thôn	1	284
Khối lớp		
Lớp 10	1,093	213
Lớp 11	0,870	221
Lớp 12	1	199
Học lực		
Không phải HSG	0,648	191
Học sinh giỏi	1	442
Học vấn mẹ		
<=Cấp 3	0,584*	295
Đại học	0,624*	217
>Đại học	1	121
Gia đình áp đặt con cái		
Có	1,504*	401
Không	1	232
Hệ số 2LL (-2 Log likelihood)	791.659 ^a	
Nagelkerke R Square	.104	
Phần trăm dự đoán đúng (Overall Percentage)	64,1	

Mức ý nghĩa thống kê: *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$; ***: $p < 0,001$

Ghi chú: Mẫu phân tích hồi quy chỉ bao gồm những học sinh THPT hiện sống cùng với cả cha và mẹ.

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020

Tương tự, vị thành niên sống ở đô thị cũng có khả năng xảy ra mâu thuẫn với mẹ cao hơn 1,7 lần so với vị thành niên ở nông thôn. Vị thành niên có mẹ thuộc hai nhóm học vấn thấp hơn có khả năng xảy ra mâu thuẫn chỉ bằng khoảng 60% so với vị thành niên có mẹ ở nhóm học vấn trên đại học.

Mâu thuẫn giữa học sinh THPT và bố liên quan đến hình thức bên ngoài từ kết quả mô hình hồi quy logistic đã xác nhận tác động của biến số khu vực sống, kiểu giáo dục gia đình, học vấn của người bố đến khả năng xảy ra mâu thuẫn với con cái vị thành niên (xem Bảng 2, phần Phụ lục). Vị thành niên sống ở đô thị cũng có khả năng xảy ra mâu thuẫn với bố cao hơn 2,6 lần so với trẻ em ở nông thôn. Vị thành niên có bố ở hai nhóm học vấn thấp hơn có khả năng xảy ra mâu thuẫn chỉ bằng khoảng 0,6 lần so với vị thành niên có bố ở nhóm học vấn trên đại học. Và khả năng xảy ra mâu thuẫn với bố cao hơn 1,6 lần so với nhóm vị thành niên ở gia đình có bố mẹ không áp đặt. Như vậy, với kết quả phân tích hồi quy này đã xác nhận vai trò của các yếu tố cộng đồng (đô thị và nông thôn), yếu tố gia đình (học vấn của người mẹ và cách giáo dục gia đình) là các yếu tố có tác động đến mâu thuẫn giữa cha mẹ - VTN liên quan hình thức bên ngoài của vị thành niên.

3.3. Mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái về việc tự lập tài chính và các yếu tố ảnh hưởng

3.3.1. Một vài nét về sự tự lập tài chính của học sinh trung học phổ thông hiện nay

Trong giai đoạn thơ ấu và vị thành niên sớm, việc chi tiêu và sở hữu tiền của trẻ được cha mẹ kiểm soát gần như tuyệt đối. Ở Việt Nam, việc quản lý tài sản riêng của con cái được quy định trong Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, trong đó ghi rõ con từ đủ 15 tuổi trở lên có thể tự mình quản lý tài sản riêng hoặc nhờ cha mẹ quản lý, tài sản của con dưới 15 tuổi, con mất năng lực hành vi dân sự do cha mẹ quản lý. Trên thực tế, ở Việt Nam việc quản lý và tự lập tài chính của trẻ vị thành niên vốn là chủ đề khá nhạy cảm và còn ít được đề cập đến do định kiến xã hội cho rằng việc trẻ em được sử dụng tiền (như muốn có khoản tiền riêng, muốn được tự quyết định việc mua

sớm cho nhu cầu cá nhân...), hoặc việc trẻ đi làm thêm để kiếm tiền vào thời gian rảnh là bóc lột sức lao động của con cái, khiến con cái mất tuổi thơ khi phải đi làm sớm, v.v. hoặc cha mẹ lo ngại nếu để trẻ quản lý tiền hoặc đi kiếm tiền quá sớm ảnh hưởng đến việc học, hoặc tạo cho trẻ cách sống nghiêng về hướng thực dụng, có phần đề cao vật chất, v.v. Dù chưa có nghiên cứu hay số liệu cụ thể về thực trạng học sinh đi làm thêm trong kỳ nghỉ hè và việc để trẻ tự quản lý, giữ tiền được mừng tuổi, được cho hay tiền kiếm được từ việc đi làm thêm, nhưng từ các thảo luận của các bậc cha mẹ ở một số mạng xã hội cho thấy một số cha mẹ đã có tư tưởng cởi mở hơn về việc cho con đi làm thêm lúc rảnh rỗi hoặc tự được giữ tiền với hy vọng con rèn được kỹ năng, kinh nghiệm sống thông qua làm thêm, tiếp đến là học cách tôn trọng giá trị đồng tiền và một phần nhỏ mong con tăng thu nhập cho bản thân.

Số liệu điều tra từ nghiên cứu này cho thấy đa số trẻ vị thành niên ở nhóm tuổi trung học phổ thông cho biết có khoản tiền tiêu vặt của riêng mình (71%) và có khác biệt đáng kể theo khu vực sống đại đa số trẻ em ở đô thị có tiền tiêu vặt (83,6%) so với hơn ½ số trẻ ở nông thôn (56,5%).

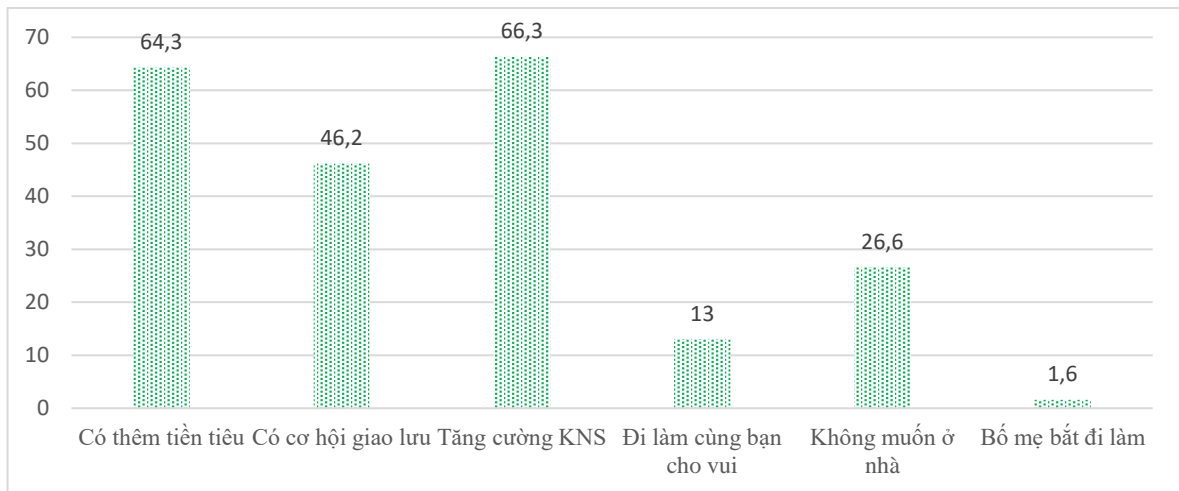
Tương tự, xấp xỉ 80% vị thành niên bày tỏ quan điểm rằng, ở độ tuổi của các em, các em có quyền sở hữu và tự quyết định việc chi tiêu của bản thân. Trên thực tế, 74,3% vị thành niên cho biết rằng các em có khoản tiền tiêu vặt của riêng mình, chỉ có 25,7% là không có. Khoản tiền này có thể do bố mẹ/ông bà cho, học tiền học bổng, tiền các em tự kiếm được. Xét theo khối lớp, tỉ lệ vị thành niên ở khối lớp 10 có tiền tiêu vặt thấp nhất so với khối 11 và khối 12.

Trong khi có 67,4% các em cho rằng số tiền tiêu vặt mình có là đủ hoặc thừa, thì có 32,6% cho rằng mình ở trong tình trạng thiếu/rất thiếu tiền tiêu vặt. Tỉ lệ vị thành niên ở nông thôn thấy thiếu tiền tiêu vặt chiếm 42,2%, trong khi con số này ở khu vực đô thị chỉ ở mức 29,1%. Sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê này cũng cho thấy, ở nông thôn, tỉ lệ vị thành niên có tiền tiêu vặt thấp hơn so với tỉ lệ này ở khu vực đô thị, và các em cũng tự cảm nhận rằng khoản tiền mình có là thiếu/ít so với nhu cầu bản thân. Tuy nhiên, cũng có 42,4% các em cho rằng nếu cần thêm tiền tiêu thì các em cảm thấy không thoải mái hoặc rất không thoải mái khi phải xin thêm tiền bố mẹ.

Bên cạnh đó, đi làm thêm là một nhu cầu khá phổ biến ở lứa tuổi học sinh Trung học phổ thông. Số liệu điều tra cho thấy có 30,1% các em trong diện khảo sát

có hoạt động đi làm thêm (làm thêm nhận lương và làm thêm không có lương như các công việc tình nguyện). Lựa chọn đi làm thêm có thể xuất phát từ nhiều lí do. Để tìm hiểu về động lực khiến các em vị thành niên ở độ tuổi này lựa chọn đi làm thêm, đề tài đưa ra câu hỏi nhiều lựa chọn, bao gồm các lí do như: để có thêm tiền tiêu, để có cơ hội giao lưu nhiều hơn, tăng cường kỹ năng sống- kỹ năng giao tiếp, đi làm cho vui, đi làm vì không muốn ở nhà hoặc bố mẹ bắt em đi làm. Theo đó, kết quả điều tra cho thấy, lựa chọn đi làm để tăng cường kỹ năng sống chiếm tỉ lệ cao nhất, là 66,3%, sau đó đến mục đích nhằm có thêm tiền tiêu vật (chiếm 64,3%) và 46,2% chọn đi làm vì để có thêm cơ hội giao lưu. Tỉ lệ đi làm do yêu cầu của bố mẹ chiếm rất thấp, chỉ có 1,6%- tương đương 3 trường hợp trong toàn mẫu.

Biểu đồ 3.7: Lí do khiến vị thành niên mong muốn đi làm thêm (%)



Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020.

Tuy nhiên, so với nhóm VTN có đi làm thêm thì nhóm không đi làm thêm vẫn chiếm đa số, tương đương với 70% trong diện khảo sát. Lí giải về nguyên nhân khiến các em không đi làm thêm là do bản thân hay do gia đình, số liệu khảo sát cho thấy tỉ lệ không đi làm vì không được sự đồng ý của bố mẹ chiếm 55%, còn 45% là xuất phát từ bản thân các em không có nhu cầu đi làm thêm. Số liệu điều tra cũng cho thấy sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê trong mối liên hệ giữa yếu tố khu vực/ giới tính của vị thành niên với lí do không đi làm thêm. Theo đó, tỉ lệ chủ động không muốn đi làm thêm ở khu vực đô thị cao hơn ở khu vực nông thôn (51,2% so với 30,3%), còn ở khu vực nông thôn, lí do phổ biến dẫn đến việc không đi làm thêm là do bố mẹ không cho đi làm (chiếm 69,7%). Điều này phần nào cho thấy, ở

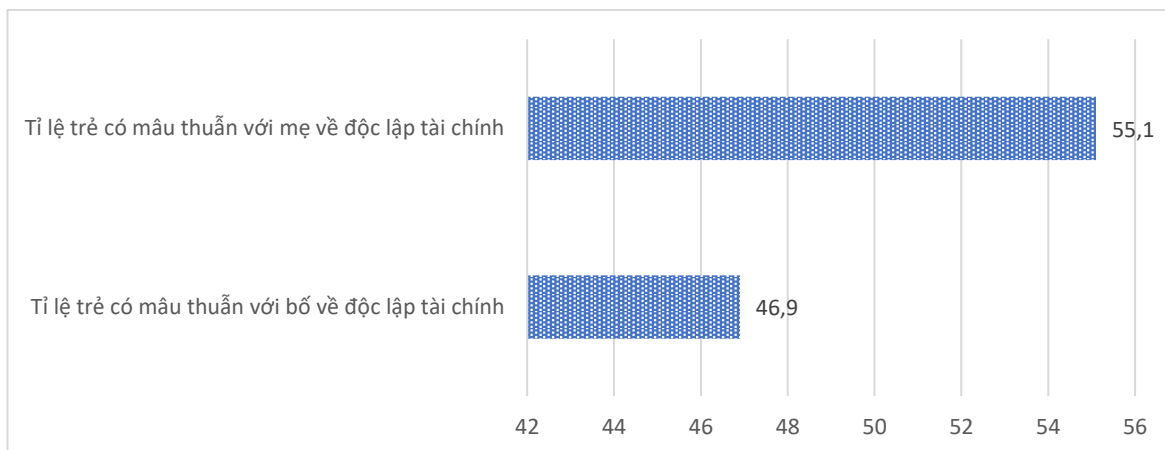
khu vực đô thị, cuộc sống kinh tế khá ổn định và sự chu cấp về kinh tế của bố mẹ dành cho con cái cũng có phần đầy đủ hơn, do đó nhu cầu đi làm thêm của trẻ sẽ thấp hơn. Trong khi đó, ở nông thôn, cơ hội công việc làm thêm dành cho trẻ vị thành niên không phong phú như ở đô thị, bên cạnh đó, trong gia đình, trách nhiệm của trẻ không chỉ học tập mà còn hỗ trợ công việc nhà, hoặc đồng áng giúp bố mẹ, nên bản thân bố mẹ cũng không muốn con cái đi làm thêm nhiều. Xét theo yếu tố giới, tỉ lệ nam vị thành niên không muốn đi làm thêm cũng cao hơn so với nữ (53,7% so với 38,2%), còn đối với nữ vị thành niên, lí do phổ biến dẫn đến việc không đi làm thêm xuất phát từ việc bố mẹ không đồng ý (61,8%). Cũng có thể giả định rằng, đối với con gái, bố mẹ có tâm lý bao bọc cao hơn, và e ngại nhiều hơn trong việc cho con tham gia sớm vào thị trường lao động.

3.3.2. Tần suất xảy ra mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái về việc tự lập tài chính

Tìm hiểu về mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái về liên quan đến hoạt động quản lý và tự lập tài chính, có thể thấy, trong ba nội dung là mâu thuẫn về việc đi làm thêm, về việc sở hữu tiền và việc tiêu tiền thì, vị thành niên thường xảy ra xung đột với cha mẹ về việc tiêu tiền là nhiều nhất, tiếp đến là mâu thuẫn về việc sở hữu/cầm tiền và thấp nhất là về việc đi làm thêm. Tỉ lệ vị thành niên có mâu thuẫn với bố về việc tiêu tiền là 40,9%, và tỉ lệ gặp mâu thuẫn với mẹ về chủ đề này là 49,9%. Tương tự như vậy, lần lượt 31,8% và 36,8% gặp mâu thuẫn với bố, mẹ về việc sở hữu tiền.

Kết quả phân tích sâu cho thấy việc nảy sinh mâu thuẫn giữa học sinh THPT liên quan đến hoạt động quản lý và tự lập tài chính với người mẹ nhiều hơn so với mâu thuẫn với bố. Số liệu ở Biểu đồ 3.5 cho thấy tỷ lệ mâu thuẫn giữa học sinh THPT với người mẹ liên quan đến việc kiếm tiền, giữ và chi tiêu cá nhân cao hơn đáng kể so với tỷ lệ có mâu thuẫn với người cha là 8,2 điểm phần trăm.

Biểu đồ 3.8: Tỷ lệ có mâu thuẫn giữa học sinh THPT với cha và mẹ về tự lập tài chính (%)



Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020.

Trong gia đình, việc quản lý chi tiêu của các em cũng gặp phải ý kiến trái chiều từ bố và mẹ. Ở một số trường hợp, bố thường xuyên gửi tiền cho VTN chi tiêu, nhưng ở nhà thì mẹ lại hạn chế chi tiêu:

“Em là con gái nên cũng được cung, bố đi xa là hay cho em tiền, lúc tiền việt lúc tiền đô hoặc bảng. Nhưng mẹ cứ thấy là tích thu của em, em tức lắm. Em có làm gì sai trái đâu, là tiền bố cho em cơ mà, nhiều khi em muốn mua đồ cá nhân đáng lẽ có tiền mình mình tự mua, giờ lại phải xin mẹ... Em cũng có mách bố, bố có nói với mẹ nhưng lúc nào bố cũng thua mẹ, chỉ có những lần bố cho em ít ít, mẹ không phát hiện ra thì còn giữ mà tiêu”.

(Nữ, lớp 10, đô thị)

Ở một trường hợp khác, nam vị thành niên sau có gia cảnh khó khăn, dù em muốn đi làm nhưng bố mẹ vẫn xác định em còn ở độ tuổi đi học, không được đi làm. Thiếu thốn về kinh tế khiến em không có đủ học liệu để học tập:

“Bố mẹ em thì không có tiền, máy tính thì là các cô chú cho. Em muốn đi làm để kiếm thêm tiền, chỉ 2-3 tiếng buổi tối thôi nhưng bố mẹ không cho. Máy phân mềm đấy phải trả tiền, bố mẹ em nhà quê không hiểu phần mềm gì đâu mà làm gì có tiền, em xin cũng không có mà còn làm bố mẹ buồn. Em đành có gì hỏi mượn bạn.”

(Nam, lớp 12, nông thôn)

Tâm sự trên cũng cho thấy hình ảnh trẻ vị thành niên khá chững chạc, biết lo lắng cho cha mẹ. Em cũng thường xuyên có “mâu thuẫn ở mức vừa phải” với cha mẹ về nguyện vọng đi làm thêm của mình. Tuy nhiên, có thể thấy, trong trường hợp

này, mâu thuẫn xuất phát từ sự lo lắng hai bên dành cho nhau. Một mặt, cha mẹ muốn em tập trung học tập. Một mặt, em muốn đỡ đần cho cha mẹ. Liệu có thể coi mâu thuẫn ở đây là biểu hiện của tình cảm giữa cha mẹ và con cái?

3.3.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái về việc tự lập tài chính

Tìm hiểu về các yếu tố ảnh hưởng đến mâu thuẫn giữa vị thành niên và cha mẹ về hoạt động tài chính, số liệu điều tra cho thấy, **không có khác biệt giới** trong mâu thuẫn giữa vị thành niên và cha mẹ ở cả ba lĩnh vực. Tỷ lệ nam vị thành niên và nữ vị thành niên mâu thuẫn với cha mẹ gần như tương đương nhau. Ví dụ, 24,1% nam vị thành niên mâu thuẫn với bố về việc đi làm thêm, thì tỷ lệ này ở nhóm nữ vị thành niên là 23,5%. Ở nội dung mâu thuẫn về việc tiêu tiền, 48,2% nam vị thành niên mâu thuẫn với mẹ và nhóm nữ gặp mâu thuẫn với mẹ là 51,1%.

Bảng 3.16: Tỷ lệ trẻ vị thành niên có mâu thuẫn với cha mẹ về việc tự lập tài chính (%)

	Mâu thuẫn với bố			Mâu thuẫn với mẹ		
	MT về đi làm thêm	MT về việc sở hữu tiền	MT về việc tiêu tiền	MT về đi làm thêm	MT về việc sở hữu tiền	MT về việc tiêu tiền
Chung	23,7	31,8	40,9	24,4	36,8	49,9
Đặc điểm vị thành niên						
Giới tính						
Nam	24,1	34,1	41,5	25,5	36,7	48,2
Nữ	23,5	29,5	40,5	23,6	36,8	51,1
Khu vực sinh sống	**	***		***	***	
Nông thôn	18,9	24,5	38,5	18,2	31,2	50
Đô thị	27,9	37,9	43	29,7	41,6	49,9
Khối lớp		**				
Lớp 10	21,9	32,2	39,7	22,7	37,2	53,3

	Mâu thuẫn với bố			Mâu thuẫn với mẹ		
	MT về đi làm thêm	MT về việc sở hữu tiền	MT về việc tiêu tiền	MT về đi làm thêm	MT về việc sở hữu tiền	MT về việc tiêu tiền
Lớp 11	24,4	25,2	38	24,5	32,4	45,6
Lớp 12	25,1	38,6	45,6	26	41,4	51,2
Học lực		**		*		
Không phải HSG	19,1	24,5	38,2	19,3	32	49,1
Học sinh giỏi	25,7	35,2	42,3	26,5	39,2	50,3
Đặc điểm bố mẹ						
Tuổi bố						
<45	25,5	34,2	44,6			
45-50	21	28,2	34,9			
>50	23,8	31,6	41,3			
Học vấn bố	***	**	*			
<=Cấp 3	22,1	28,5	41,3			
Đại học	18,2	31,8	36,4			
>Đại học	35,8	42,9	51,4			
Tuổi mẹ						
<45				24,1	38,1	52,9
45-50				23,8	32,3	43,6
>50				27,2	38,3	45,7
Học vấn mẹ				***	**	
<Cấp 3				19,6	33,6	48,7
Đại học				23,9	34,9	49,2
>Đại học				37,8	49,6	56,3

Mức ý nghĩa thống kê: *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$; ***: $p < 0,001$

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020

Xét theo *khu vực sinh sống* thì có sự khác biệt giữa nông thôn - thành thị trong tỉ lệ gặp mâu thuẫn với cha mẹ về việc đi làm thêm và sở hữu tiền, theo đó, tỉ

lệ gặp mâu thuẫn với cha mẹ ở khu vực đô thị cao hơn so với ở nông thôn, Gần 30% vị thành niên ở đô thị gặp mâu thuẫn với bố về việc kiếm tiền, trong khi đó tỉ lệ này ở nhóm vị thành niên sống tại nông thôn chỉ gần 20%. Đối với nguyên nhân về việc sở hữu tiền, 37,9% vị thành niên đô thị gặp mâu thuẫn với bố, còn ở nông thôn, tỉ lệ này chỉ dừng ở 24,5%. Đối với mẹ, sự khác biệt này diễn ra cũng tương tự. Tuy nhiên, yếu tố khu vực sinh sống không có mối liên hệ với tỉ lệ mâu thuẫn về việc tiêu tiền. Ở nông thôn hay đô thị, tỉ lệ mâu thuẫn với bố mẹ về chủ đề này đều tương đương nhau.

Về yếu tố **học lực**, nhóm học sinh giỏi có mâu thuẫn với bố và mẹ về việc sở hữu tiền nhiều hơn là nhóm không phải học sinh giỏi.

Xét theo các yếu tố liên quan đến đặc điểm của cha mẹ, có thể thấy **yếu tố học vấn** là yếu tố có mối liên hệ chặt chẽ với tỉ lệ gặp mâu thuẫn ở cả ba chủ đề. Tương tự như với ở nhóm nguyên nhân về học tập, đời sống riêng, nhóm cha mẹ có học vấn cao thì tỉ lệ mâu thuẫn lại nhiều hơn so với nhóm cha mẹ có học vấn thấp. Tỉ lệ gặp mâu thuẫn về việc đi làm thêm ở nhóm có bố đạt học vấn trên đại học xấp xỉ 36%, trong khi tỉ lệ này ở nhóm bố có học vấn từ cấp 3 trở xuống chỉ ở mức 22%. Tương tự như vậy, gần 50% vị thành niên ở nhóm có mẹ đạt học vấn trên đại học cho biết có mâu thuẫn với mẹ về việc sở hữu tiền, còn ở nhóm có mẹ có học vấn từ cấp 3 trở xuống thì tỉ lệ này chỉ hơn 33%.

Tóm lại, kết quả nghiên cứu cho thấy có tồn tại mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái về liên quan đến hoạt động quản lý và tự lập tài chính, trong đó mâu thuẫn về việc tiêu tiền phổ biến hơn so với những xung đột liên quan đến việc trả sở hữu tiền và tiêu tiền, về cơ bản, xu hướng xảy ra mâu thuẫn ở cả 3 nội dung liên quan đến hoạt động quản lý và tự lập tài chính tương tự mâu thuẫn giữa cha – con và giữa mẹ và con, tuy nhiên, điểm khác biệt là tần suất xảy ra mâu thuẫn giữa mẹ và con ở việc trả tiêu tiền và giữ/sở hữu tiền cao hơn so giữa cha – con. Những xung đột mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái về vấn đề này là tất yếu khi mà đa số trẻ vị thành niên ở nhóm tuổi trung học phổ thông trong mẫu nghiên cứu hiện đều có khoản tiền tiêu vặt riêng và phổ biến ở vị thành niên sống đô thị, cho thấy việc kiểm soát và giám sát việc chi tiêu tiền của con từ cha mẹ cũng là nguồn cơn cho mâu thuẫn.

Kết quả phân tích tương quan cho thấy vai trò của các yếu tố như khu vực sống, khối lớp, có làm cán bộ lớp, học lực của vị thành niên và biến số học vấn của người bố mỗi liên hệ có ý nghĩa thống kê với việc đi làm thêm và sở hữu tiền của con cái. Trẻ vị thành niên ở khu vực thành thị có mâu thuẫn với bố về việc đi làm thêm và sở hữu tiền cao hơn ở nông thôn (chênh lệch từ 9 đến 13 điểm phần trăm), xảy ra nhiều hơn ở nhóm vị thành niên có làm cán bộ lớp, có học lực giỏi. Đáng chú ý, biến số học vấn của người bố cho thấy mối tương quan chặt chẽ với tỷ lệ có mâu thuẫn ở cả ba nội dung liên quan hoạt động quản lý và tự lập tài chính, theo đó những người cha có ở nhóm học vấn cao nhất (nhóm trên đại học) là nhóm có mâu thuẫn nhiều hơn đáng kể so với những người cha ở nhóm học vấn thấp hơn.

Xét các yếu tố tác động đến mâu thuẫn giữa mẹ và con về hoạt động quản lý và tự lập tài chính cho thấy vai trò của các yếu tố khu vực sống, khối lớp, học lực của vị thành niên và học vấn của người mẹ có mối liên hệ có ý nghĩa thống kê với việc đi làm thêm và việc sở hữu tiền của con cái. Trẻ vị thành niên ở khu vực thành thị có mâu thuẫn với mẹ về việc đi làm thêm và sở hữu tiền cao hơn ở nông thôn; nhóm vị thành niên có học lực giỏi có tỷ lệ mâu thuẫn với người mẹ ở việc đi làm thêm nhiều hơn. Giống như người cha, kết quả phân tích tương quan cũng cho thấy có mối liên hệ chặt chẽ giữa yếu tố học của người mẹ với việc mâu thuẫn với con trong hoạt động quản lý và tự lập tài chính, những người mẹ có học vấn càng cao thì càng hay xảy ra mâu thuẫn với con liên quan đến ở cả đi làm thêm, sở hữu tiền và việc tiêu tiền.

Tiểu kết Chương 3

Chương này trình bày các kết quả phân tích thực trạng mâu thuẫn cha mẹ - VTN ở ba lĩnh vực và các yếu tố ảnh hưởng. Kết quả nghiên cứu ghi nhận có xung đột, mâu thuẫn trong quan hệ cha mẹ - con cái vị thành niên. Những xung đột làm nảy sinh mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái thường xoay quanh các vấn đề liên quan cuộc sống cá nhân hàng ngày của trẻ và việc bố mẹ quản lý khía cạnh đời sống nào của trẻ vị thành niên cũng đều có thể ảnh hưởng đến tần suất xảy ra mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái. Nếu xem xét việc lý giải các mâu thuẫn trên cách tiếp cận sinh

học và phát triển coi mâu thuẫn cha mẹ- con cái là sự bất hoà không thể tránh được trong quá trình dậy thì. Các vấn đề học tập, các vấn đề liên quan bạn bè và giải trí/sử dụng Internet và các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý và tự lập tài chính như đi làm thêm, tiêu tiền và giữ tiền đều là vấn đề gây ra những xung đột và nảy sinh mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái đang học trung học phổ thông, và mâu thuẫn phổ biến có tần suất diễn ra nhiều nhất liên quan đến việc sử dụng Internet của vị thành niên, tiếp đến là khía cạnh liên quan đến đời sống học tập tiếp đến là mâu thuẫn liên quan đến quan hệ bạn bè). Đáng chú ý đối với hoạt động quản lý và tự lập tài chính ở lứa tuổi vị thành niên cũng là vấn đề làm nảy sinh mâu thuẫn cha mẹ - con cái, trong đó phổ biến hơn mâu thuẫn liên quan đến việc tiêu tiền của con cái (gần 41% có mâu thuẫn với người cha và 50% có mâu thuẫn với mẹ), kết quả này chỉ ra rằng việc bố mẹ quản lý khía cạnh đời sống nào của trẻ vị thành niên cũng đều có thể ảnh hưởng đến tần suất xảy ra mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái, đặc biệt là các hoạt động cá nhân của trẻ. Điều này đã được một số nghiên cứu đi trước chứng minh và nhấn mạnh việc kiểm soát của bố mẹ lên các lĩnh vực hoạt động cá nhân liên quan, dù có thể thường ít dẫn đến mâu thuẫn cha mẹ - con cái hơn, nhưng lại có nguy cơ tác động xấu đến sự phát triển tính cá nhân - độc lập của trẻ. Các dạng thức mâu thuẫn phân tích ở Chương này chính là các chỉ báo cho thấy nhu cầu độc lập và tự quyết ngày càng mạnh mẽ của trẻ vị thành niên. Mặt khác, mâu thuẫn cha mẹ - con cái nảy sinh vừa thể hiện nỗ lực của các bậc cha mẹ trong việc thiết lập các nội quy gia đình cho trẻ vị thành niên, nhưng ngược lại cũng sẽ tạo ra những căng thẳng không thể tránh được giữa người xã hội hóa là cha mẹ và người bị xã hội hóa là con cái.

Xem xét từ lý thuyết xung đột về giả thuyết xảy ra mâu thuẫn giữa các cá nhân/ nhóm, cụ thể là giữa cha mẹ - con cái vị thành niên thấy rằng khi cha mẹ và con cái có những mong muốn khác nhau ở các khía cạnh về học tập, quan hệ bạn bè, thời gian sử dụng Internet, việc vị thành niên tự quản lý và tự lập tài chính, mâu thuẫn có thể xảy ra một cách tự nhiên. Trong những tình huống này, các cá nhân có những mục tiêu, giá trị, nhu cầu không giống nhau và thậm chí là trái ngược nên loại tình huống mâu thuẫn này được xem là có hại cho quan hệ gia đình, mà cụ thể

ở đây là các kỳ vọng về điểm số mà cha mẹ muốn ở con, bắt con cái đi học thêm, hạn chế thời gian sử dụng Internet và giao lưu với bạn bè của trẻ, trong khi đây là hoạt động ưa thích của độ tuổi này.

Kết quả phân tích sâu hơn nhằm so sánh mâu thuẫn giữa vị thành niên với cha so với mâu thuẫn với mẹ cho thấy xu hướng nảy sinh mâu thuẫn giữa học sinh THPT với người mẹ cao hơn so với bố ở tất cả các nội dung được nghiên cứu. Tỷ lệ mâu thuẫn giữa học sinh THPT với người mẹ đều cao hơn đáng kể so với người cha từ với cách biệt từ 6,2 đến 12,3 điểm phần trăm (hoặc từ 1 đến 1,2 lần), chênh lệch nhiều nhất là học tập, tiếp đến là tự lập tài chính, sử dụng Internet, hình thức bề ngoài và quan hệ bạn bè. Kết quả này một lần nữa tiếp tục khẳng định vai trò khác biệt người mẹ và người bố trong hoạt động chăm sóc con cái hàng ngày, từ đó khả năng xảy ra mâu thuẫn giữa con cái và người mẹ là cao hơn với người cha. Kết quả này góp phần khẳng định sự khác biệt theo giới trong mâu thuẫn cha mẹ - con cái, thể hiện qua giới tính người chăm sóc là người bố (nam) và người mẹ (nữ), với xu hướng xảy ra mâu thuẫn giữa mẹ và con nhiều hơn.

Kết quả mô hình hồi quy logistic về tác động của các biến số chọn lọc đến mâu thuẫn giữa học sinh THPT và bố và mâu thuẫn với mẹ ghi nhận một số đặc trưng cá nhân và gia đình có ảnh hưởng đến mâu thuẫn giữa học sinh THPT và bố/mẹ liên quan việc học tập, quan hệ bạn bè và hình thức bề ngoài của con cái. Cụ thể, các yếu tố khu vực sống, khối lớp, học lực của vị thành niên, học vấn của người mẹ, kiểu giáo dục gia đình có ảnh hưởng mạnh đến khả năng xảy ra mâu thuẫn ở cả ba hoặc từng nội dung khác nhau giữa vị thành niên và mẹ. Trong đó yếu tố kiểu/cách giáo dục gia đình có ảnh hưởng mạnh và nhất quán ở các mâu thuẫn giữa vị thành niên và người mẹ liên quan đến học tập, hình thức bề ngoài và quan hệ bạn bè. Khả năng xảy ra mâu thuẫn giữa vị thành niên với mẹ ở gia đình thường áp đặt đối với con cái cao hơn trên dưới 1,7 lần so với nhóm vị thành niên ở các gia đình cha mẹ không sự độc đoán/áp đặt. Ở lĩnh vực học tập và quan hệ bạn bè, kết quả hồi quy xác nhận ba yếu tố khu vực sống, khối lớp, học vấn có ảnh hưởng mạnh đến khả năng xảy ra mâu thuẫn giữa người mẹ và vị thành niên. Khả năng xảy ra mâu thuẫn giữa vị thành niên và người mẹ cao hơn ở nhóm ở đô thị, nhóm học sinh không phải học sinh

giỏi, và khả năng xảy ra mâu thuẫn về vấn đề học tập và bạn bè giảm đi ở nhóm học sinh ở 2 khối lớp thấp là lớp 10 và 11 cho thấy áp lực học tập và việc quản lý con cái vị thành niên ở độ tuổi gần ngưỡng được coi là trưởng thành.

Đối với mâu thuẫn học sinh THPT và bố, kết quả phân tích hồi quy logistic đã xác nhận có sự ảnh hưởng của yếu tố là khu vực sống, học vấn của người bố và kiểu giáo dục gia đình đến khả năng xảy ra mâu thuẫn với vị thành niên ở cả ba hoặc ở từng nội dung. Trong đó yếu tố cộng đồng là khu vực sống và kiểu/phong cách giáo dục gia đình có ảnh hưởng mạnh và nhất quán ở cả mâu thuẫn về học tập, hình thức bề ngoài và quan hệ bạn bè giữa vị thành niên. Khả năng xảy ra mâu thuẫn giữa vị thành niên và người bố cũng cao hơn ở nhóm ở đô thị, khả năng xảy ra mâu thuẫn ở cả lĩnh vực giữa vị thành niên và bố ở khu vực đô thị cao hơn từ 2,2 đến 2,6 lần so với nhóm vị thành niên ở nông thôn. Tương tự như mâu thuẫn với mẹ, khả năng xảy ra mâu thuẫn ở các lĩnh vực giữa vị thành niên và bố ở gia đình thường có sự áp đặt với con cái cao hơn từ 1,5 đến 1,7 lần so với nhóm trẻ ở gia đình không có sự độc đoán/áp đặt con. Nhìn chung, các yếu tố ảnh hưởng cũng thể hiện tính đặc thù theo lĩnh vực mâu thuẫn giữa VTN với người cha hoặc người mẹ. Điều này hàm ý rằng đây là các nhân tố có tác động đến chất lượng mối quan hệ giữa VTN và cha mẹ cần được lưu ý cải thiện. Như vậy kết quả từ nghiên cứu ở Chương 3 đã ghi nhận việc mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái vị thành niên là vấn đề thường xuyên nảy sinh trong gia đình và ở nhiều khía cạnh liên quan đến con cái; mâu thuẫn cha mẹ và con cái cũng có khác biệt theo yếu tố cộng đồng, theo các đặc trưng cá nhân và gia đình, khác biệt giữa cha và con, giữa người mẹ và con, trong đó đặc biệt nổi lên vai trò của yếu tố kiểu giáo dục gia đình thể hiện qua hai chiều cạnh: sự áp đặt và sự tôn trọng. Các gia đình mà cha mẹ áp dụng cách thức giáo dục quản lý con tiêu cực là độc đoán, thường áp đặt con cái làm tăng khả năng nảy sinh mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê theo khu vực sống cho thấy mâu thuẫn cha mẹ con cái ở đô thị đang chịu tác động mạnh mẽ của đô thị hóa và hiện đại hơn. Kết quả này vừa là cơ sở/gợi ý đề xuất khuyến nghị tăng cường nâng cao nhận thức cho cha mẹ về lợi ích của việc áp dụng các biện/phương pháp giáo dục con cái tích cực cũng như vai trò của sự gắn kết gia đình, tôn trọng giữa cha mẹ - con cái trong

giải quyết xung đột mẫu thuẫn quan hệ cha mẹ - con cái hướng tới việc nuôi dưỡng con cái tốt hơn đồng thời góp phần xây dựng gia đình hòa thuận và hạnh phúc.

Chương 4. HỆ QUẢ CỦA MÂU THUẤN VÀ CÁCH THỨC PHẢN ỨNG, XỬ LÝ MÂU THUẤN GIỮA CHA MẸ VÀ CON CÁI

Dẫn nhập

Kết quả nghiên cứu ở Chương 3 đã làm rõ thực trạng mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái VTN ở ba lĩnh vực học tập, đời sống cá nhân và tự lập tài chính. Vậy câu hỏi đặt ra là mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái đã gây ra những hệ quả gì? Cách thức phản ứng và xử lý khi mâu thuẫn xảy ra? Để trả lời cho câu hỏi này, nội dung Chương này sẽ tập trung mô tả về: 1) Các mâu thuẫn xảy ra gần đây nhất giữa cha mẹ và trẻ vị thành niên và phản ứng của vị thành niên và cha mẹ khi gặp mâu thuẫn; 2) Cách giải quyết/xử lý mâu thuẫn giữa trẻ vị thành niên và cha mẹ; và 3) Hệ quả từ mâu thuẫn cha mẹ - con cái. Các mâu thuẫn xảy ra gần đây nhất giữa cha mẹ và trẻ vị thành niên cũng dựa trên 11 chỉ báo thuộc ba nhóm lĩnh vực là học tập, đời sống cá nhân, tự lập tài chính đã trình bày chi tiết ở phần phương pháp nghiên cứu.

Theo Shantz (1987), mâu thuẫn được mô tả với các đặc điểm: tần suất, mức độ nghiêm trọng, chủ đề của mâu thuẫn, hành vi khởi nguồn mâu thuẫn, cách giải quyết và hệ quả của mâu thuẫn. Tác giả ví mâu thuẫn như một bộ phim, một cuốn tiểu thuyết mà ở đó mâu thuẫn diễn ra theo một trình tự có tổ chức, với các bên tham gia mâu thuẫn, chủ đề mâu thuẫn, tính phức tạp (complication-initial opposition), hành động gia tăng, cao trào, giải quyết xung đột và hệ quả (dẫn theo Laursen, 1994). Trong phạm vi của Luận án, mặc dù Luận án chưa thể đưa ra những mô tả chi tiết về những chiều cạnh liên quan đến chu trình diễn ra mâu thuẫn như trên, nhưng Luận án cũng kế thừa tư tưởng coi mâu thuẫn là một quá trình. Liên quan đến cách ứng phó với mâu thuẫn, chu trình mâu thuẫn có thể được nhìn nhận là:

Mâu thuẫn nảy sinh (mâu thuẫn với ai/về vấn đề gì), hệ quả của mâu thuẫn

Phản ứng ban đầu của cha mẹ con cái với mâu thuẫn Ứng phó với mâu thuẫn.

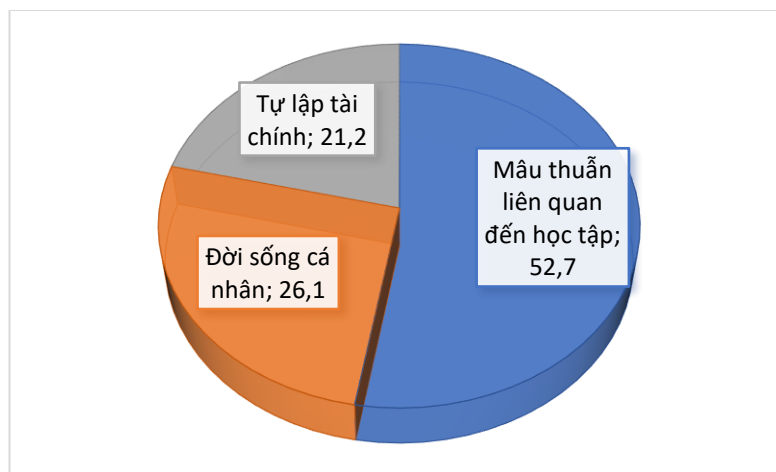
4.1. Hệ quả của mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái

4.1.1. Một vài nét về đặc điểm của lần mâu thuẫn xảy ra gần đây nhất giữa cha mẹ và con cái

Kết quả số liệu lần xảy ra mâu thuẫn gần đây nhất giữa cha mẹ và trẻ vị thành niên cho thấy chủ yếu liên quan đến nội dung về học tập (52,7%), tiếp đến là về đời

sống các cá nhân của vị thành niên (26,1%) và thấp nhất là vấn đề tự lập tài chính (21,2%). Kết quả này cũng tương đồng với thực trạng mâu thuẫn giữa cha mẹ và vị thành niên diễn ra trong học kỳ vừa qua.

Biểu đồ 4.1: Nội dung liên quan đến mâu thuẫn gần đây nhất giữa cha mẹ và trẻ vị thành niên (%)



Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020.

Phân tích số liệu trong lần mâu thuẫn gần đây nhất cho thấy VTN có mâu thuẫn với bố liên quan đến đời sống cá nhân cao hơn so với mẹ, ngược lại mẹ và VTN có mâu thuẫn về vấn đề học tập cao hơn. Xét theo giới tính vị thành niên, kết quả phân tích cho thấy không khác biệt giữa về nội dung mâu thuẫn giữa nam và nữ vị thành niên.

Bảng 4.1: Tỷ lệ các vấn đề liên quan đến mâu thuẫn gần đây nhất giữa vị thành niên với bố, mẹ (%)

Mâu thuẫn với ai	Nội dung mâu thuẫn			N = 649
	Học tập	Đời sống cá nhân	Tự lập tài chính	
Bố	45,5	29,5	25,0	88
Mẹ	53,8	24,1	22,2	212
Bố và mẹ	54,4	24,9	20,6	349

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020.

Nghiên cứu này ghi nhận nội dung học tập là vấn đề liên quan nhiều nhất đến mâu thuẫn giữa vị thành niên và cha mẹ, nhưng khi đánh giá về mức độ nghiêm

trọng của mâu thuẫn gần đây nhất giữa vị thành niên với bố, mẹ theo từng lĩnh vực lại cho thấy vấn đề tự lập tài chính được vị thành niên đánh giá ở mức nghiêm trọng và rất nghiêm trọng chiếm tỷ lệ cao nhất 27% so với khoảng 23% ở lĩnh vực học tập và đời sống cá nhân.

Bảng 4.2: Đánh giá về mức độ nghiêm trọng về mâu thuẫn gần đây nhất giữa vị thành niên với bố, mẹ theo từng lĩnh vực (%)

	Mức độ nghiêm trọng của mâu thuẫn *			N = 649
	Không nghiêm trọng	Ít nghiêm trọng	Nghiêm trọng/Rất nghiêm trọng	
Học tập	35, 5	41, 6	23, 0	164
Đời sống cá nhân	23, 8	53, 7	22, 6	344
Tự lập tài chính	29, 1	44, 0	27, 0	141

Mức ý nghĩa thống kê: *: $p < 0,05$

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020.

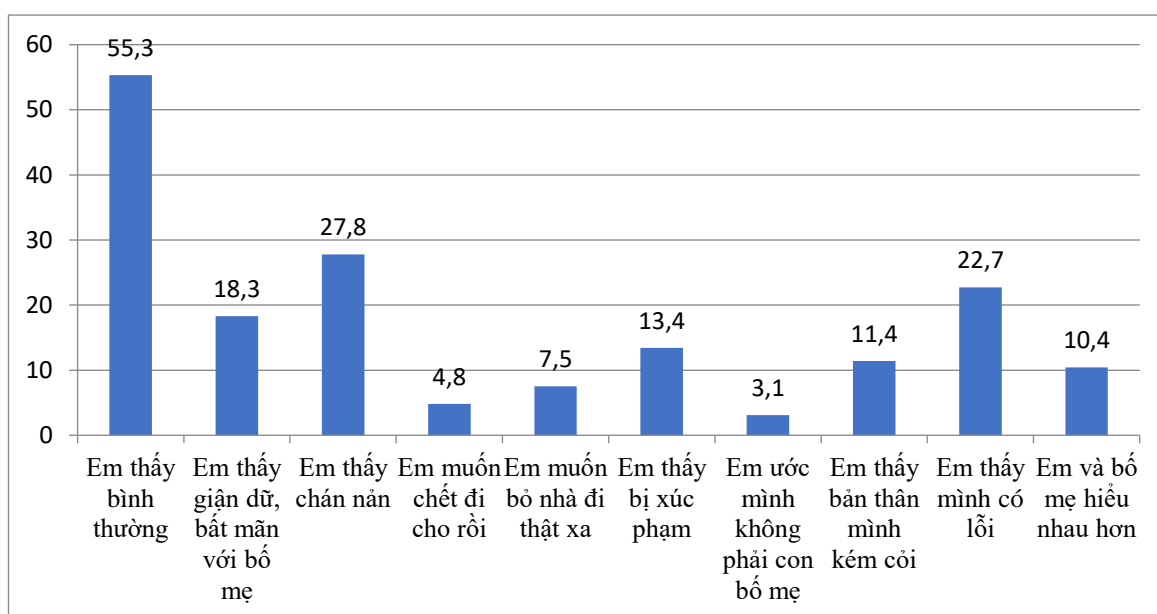
4.1.2. Hệ quả của mâu thuẫn

Một số nghiên cứu trên thế giới tiến hành khảo sát tác động của mâu thuẫn đến vị thành niên nói riêng và mối quan hệ cha mẹ - con cái nói chung đã dựa trên ba chiều cạnh: 1) Những ảnh hưởng về mặt tâm lý; 2) Tăng nguy cơ đối đầu trong quan hệ; và 3) Khiến mối quan hệ gần gũi hơn (Elvira Cicognani và cs, 2010).

Trong nội dung này, những ảnh hưởng của mâu thuẫn được mô tả dựa trên những nhận định của vị thành niên về tâm lý của các em (em cảm thấy chán nản, kém cỏi, bị xúc phạm...), sự đối kháng giữa em và bố mẹ (giận dữ, bất mãn với bố mẹ), cũng như tính tích cực của mâu thuẫn (em và bố mẹ hiểu nhau hơn). Đánh giá này của các em dựa trên *lần mâu thuẫn gần đây nhất với cha mẹ*. Số liệu điều tra cũng cho thấy tính hai mặt của mâu thuẫn giữa cha mẹ- con cái, một mặt, mâu thuẫn có thể làm nảy sinh những cảm giác tiêu cực, mặt khác, mâu thuẫn cũng có thể là cách thức giúp cha mẹ- con cái hiểu nhau hơn. Cụ thể, Biểu đồ 4.2 trình bày ảnh hưởng của mâu thuẫn tới các chiều cạnh tâm lý, đời sống của vị thành niên và mối quan hệ giữa cha mẹ- con cái. Trước hết, số liệu cũng cho thấy, có 10,4% vị thành

niên cho rằng mâu thuẫn khiến em và cha mẹ hiểu nhau hơn. Con số này phần nào minh họa cho nhận định “Mâu thuẫn là động lực của phát triển”. Tuy nhiên, bên cạnh đó, nói về tính gây hại của mâu thuẫn, Shek (1998)⁵ chỉ ra rằng, mâu thuẫn cha mẹ- con cái có thể dẫn đến các vấn đề về sức khỏe tâm thần, sự tuyệt vọng. Mâu thuẫn thường xuyên với cha mẹ cũng làm giảm sự gắn bó, gần gũi giữa con cái vị thành niên và cha mẹ cũng như hình thành các tư tưởng tiêu cực về chức năng gia đình ở trẻ. Biểu đồ 4.2 cho thấy, tỉ lệ các em gặp những cảm xúc âm tính của mâu thuẫn đều ở khoảng dưới 30%.

Biểu đồ 4.2: Ảnh hưởng của mâu thuẫn tới các chiều cạnh tâm lý, đời sống của trẻ và mối quan hệ giữa cha mẹ- con cái (%)



Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020.

Tỉ lệ vị thành niên cảm thấy mâu thuẫn tạo nên nguy cơ đối đầu với cha mẹ thông qua nhận định “*em cảm thấy giận dữ, bất mãn với bố mẹ*” chiếm 18,3%. Trong khi đó, các cảm xúc tiêu cực khác như “*chán nản*”, “*muốn chết đi*”, “*bỏ nhà đi thật xa*”, “*cảm thấy bị xúc phạm*”, “*thấy bản thân kém cỏi*”... có tỷ lệ dao động ở khoảng 11,4% đến 27,8%, trong đó, cảm xúc phổ biến nhất là sự chán nản. Dữ liệu phỏng vấn sâu cũng ghi nhận những mô tả kỹ hơn về trạng thái của vị thành

⁵ Daniel T. L. Shek (1998) A Longitudinal Study of the Relations Between Parent-Adolescent Conflict and Adolescent Psychological Well-Being, The Journal of Genetic Psychology, 159:1, 53-67, DOI: [10.1080/00221329809596134](https://doi.org/10.1080/00221329809596134)

niên với những ảnh hưởng của mâu thuẫn. Những ảnh hưởng đó có thể tạo nên sự xa cách giữa cha mẹ - con cái khi bản chất của mâu thuẫn chưa được giải quyết, khiến bản thân con cái không thể nắm bắt được mong muốn của cha mẹ và coi những mong muốn đó là “phi lý”:

“Kiểu cảm thấy bị phi lý ý ạ. Kiểu bây giờ ngành con học, đòi con hay là đòi bố. Sao bố không tự thi lại đại học, bây giờ ông 90 tuổi ông còn thi được nói gì đến. Bố cày một năm bố vẫn thi được mà, bố thông minh ngày xưa bố còn được giải quốc gia cơ mà đấy sao không thi lại, đấy thế thôi”.

(Nam, lớp 12, đô thị)

Dù đều là các cảm xúc có tính âm tính, nhưng các nhận định “Em muốn chết đi cho rồi”, “muốn bỏ nhà đi thật xa”, “ước mình không phải con của bố mẹ” lại là những cảm xúc có thể để lại những hậu quả nghiêm trọng, thể hiện sự “tuyệt vọng” trong mối quan hệ với cha mẹ và khiến trẻ muốn giữ bỏ, thoát ly khỏi gia đình. Trong thời gian gần đây, các phương tiện truyền thông đã đăng tải những trường hợp trẻ vị thành niên lựa chọn tự tử như một cách thức chấm dứt mâu thuẫn với gia đình và chạy trốn khỏi hoàn cảnh, khó khăn thực tại (Hộp 2). Điều này phần nào cho thấy tính chất gây hại của mâu thuẫn đến mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái. Và câu hỏi đặt ra là, vậy mâu thuẫn có hại được cấu thành bởi hình thức giải quyết mâu thuẫn, bản chất của mâu thuẫn hay quá trình tương tác giữa cha mẹ và con cái?

Hộp 2: Một số trường hợp trẻ vị thành niên tự tử và tự làm hại bản thân khi gặp mâu thuẫn với cha mẹ

Trường hợp 1: Một học sinh lớp 10, trường chuyên Hà Nội đã nhảy lầu tự tử. Theo những dòng chữ cuối cùng nam sinh để lại, cậu đã chịu nhiều áp lực từ việc học tập cũng như không nhận được sự động viên, cảm thông đúng mực từ phía bố mẹ. Nhiều hôm cậu đã phải học tới tận 3 -4 giờ sáng (Báo Tiền Phong, 2022, đăng vào 06/04/2022, 06:34).

Trường hợp 2: Nam học sinh lớp 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo cơ quan chức năng, trước khi tự tử, nam sinh có để lại bức thư tuyệt mệnh với nội dung áp lực về học tập từ gia đình (Báo Pháp luật, 2022, đăng vào 23/03/2022, 11:10).

Việc hiểu về những hệ quả của mâu thuẫn đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm soát nguy cơ, tìm kiếm các biện pháp để duy trì, bảo đảm và nâng cao chất lượng mối quan hệ cha mẹ - con cái nói riêng và gia đình nói chung. Gia đình, xã hội cũng không thể phủ nhận những hệ quả đau lòng mà mâu thuẫn có thể để lại. Tuy nhiên, nhìn tổng thể, những trường hợp thương tâm kể trên không diễn ra ở diện rộng. Dựa trên số liệu điều tra, tỷ lệ các em cảm thấy bản thân đã trải qua những trải nghiệm tâm lý nặng nề này khá ít, con số dao động từ 3-7%, điều này phần nào chứng tỏ trong gia đình Việt Nam hiện nay, cụ thể là ở địa bàn khảo sát, mâu thuẫn cha mẹ - con cái vẫn được kiểm soát và chưa để lại nhiều hệ quả nghiêm trọng.

Bên cạnh đó, số liệu thể hiện ở Biểu đồ 4.2 cũng cho thấy tỉ lệ vị thành niên đánh giá mâu thuẫn là một hiện tượng bình thường chiếm tỉ lệ khá lớn. Bên cạnh một bộ phận trẻ “bình thường hóa” những tác động của mâu thuẫn vì coi mâu thuẫn chỉ là những câu chuyện của vấn đề tương tác, thế hệ và hoàn toàn nằm trong khả năng kiểm soát, không để lại các hệ quả nghiêm trọng thì trong phần câu hỏi mở, đề cập đến nhận định này, nhiều vị thành niên đã đưa ra những mô tả “sống động” vì sao em thấy bình thường, đó là “*chuyện như cơm bữa*”, “*có tức cũng đã quá quen thuộc*”, “*chẳng có gì làm thay đổi được*”, “*chán đến mức thấy bình thường*”, “*em chẳng quan tâm*”, “*hồi bé bị mắng nhiều nên giờ thấy bình thường*”.. Vậy nên, ngay cả tính chất “bình thường” của hậu mâu thuẫn cũng chưa đủ cơ sở để nhận định liệu mâu thuẫn có thực sự không mang lại tác động đến tâm lý của vị thành niên, hay thực ra, vẫn tiềm tàng trong đó nguy cơ gây hại cho quan hệ cha mẹ- con cái.

Bảng 4.3 thể hiện số lượng các cảm xúc tiêu cực khi gặp mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái, theo đó, có 03 cảm xúc mang tính trung tính/tích cực được loại ra và nghiên cứu chỉ phân tích ở 7 cảm xúc tiêu cực. Phân tích số liệu bảng dưới đây cho thấy, xấp xỉ 40% vị thành niên cho biết các em có ít nhất một trải nghiệm cảm giác tiêu cực khi gặp mâu thuẫn với cha mẹ. Tỉ lệ các em có hai cảm xúc tiêu cực chiếm 8,6% và từ 03 cảm xúc tiêu cực trở lên chiếm khoảng 10%.

Bảng 4.3: Số lượng cảm xúc tiêu cực khi gặp mâu thuẫn

Số lượng cảm xúc tiêu cực khi gặp mâu thuẫn	Tỷ lệ (%)	Số lượng
0	62,7	443
1	19,0	134
2	8,6	61
3	5,8	41
4	1,6	11
5	0,7	5
6	0,4	3
7	1,1	8
Tổng cộng	100	706

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020.

Trên cơ sở tính toán số lượng các cảm xúc tiêu cực, số lượng các cảm xúc tiêu cực được chia thành hai nhóm: 1) Nhóm VTN có ít nhất từ một cảm xúc tiêu cực trở lên và; 2) Không có bất cứ cảm xúc tiêu cực nào sau lần xảy ra mâu thuẫn gần đây nhất, kết quả phân tích cho thấy có 37,3% trẻ em có ít nhất từ một cảm xúc tiêu cực trở lên (chi tiết xem Bảng 4.3).

Bảng 4.4 thể hiện tỉ lệ trẻ có cảm xúc tiêu cực sau mâu thuẫn với cha mẹ theo các nhóm xã hội. Dựa trên đặc điểm cá nhân của trẻ, có thể thấy nhóm trẻ có cảm xúc tiêu cực tập trung phần lớn ở nhóm đô thị, nhóm nữ vị thành niên, nhóm học sinh giỏi và nhóm học sinh lớp 12. Như vậy có thể nói, các gia đình ở đô thị không chỉ ghi nhận tần suất xảy ra mâu thuẫn cha mẹ - con cái nhiều hơn nông thôn mà hệ quả tiêu cực về mặt cảm xúc để lại cho trẻ vị thành niên sau mâu thuẫn cũng nhiều hơn so với nông thôn. Bên cạnh đó, so với nam vị thành niên, nữ vị thành niên có đời sống cảm xúc phong phú, nhạy cảm và dễ xúc động hơn, vì thế các em cũng dễ chịu sự tác động bởi mâu thuẫn hơn.

Trong nghiên cứu này, hệ quả của mâu thuẫn được đánh giá dựa ở lần mâu thuẫn gần đây nhất, vậy nên Luận án cũng tiến hành xem xét ảnh hưởng của đặc

điểm mâu thuẫn tới khả năng trẻ VTN gặp cảm xúc tiêu cực. Trước hết, xét theo lĩnh vực xảy ra mâu thuẫn, có thể thấy khi gặp mâu thuẫn về học tập, tỉ lệ trẻ VTN gặp cảm xúc tiêu cực khá cao, khoảng 43%. Trong khi đó, nếu mâu thuẫn về đời sống cá nhân hoặc việc tự lập tài chính thì tỷ lệ phần trăm VTN gặp cảm xúc tiêu cực thấp hơn, lần lượt là 32% và 30%. Có thể thấy, học tập là lĩnh vực xảy ra mâu thuẫn thường xuyên nhất và cũng là nguyên nhân lớn nhất để lại các cảm xúc tiêu cực ở trẻ VTN.

Bảng 4.4: Tỷ lệ trẻ có cảm xúc tiêu cực sau mâu thuẫn theo đặc điểm cá nhân và đặc điểm mâu thuẫn (%)

Các đặc trưng	Tỷ lệ
Khu vực sinh sống***	.
Đô thị	43,8
Nông thôn	29,8
Giới tính con cái***	
Nam	29,5
Nữ	42,5
Khối lớp**	
Lớp 10	40,7
Lớp 11	28,7
Lớp 12	43,4
Học lực***	
Không phải HSG	26,4
Học sinh giỏi	42,7
Nguyên nhân gây ra mâu thuẫn**	
Mâu thuẫn về đời sống cá nhân	32,1
Mâu thuẫn về học tập	42,7
Mâu thuẫn về tự lập kinh tế	30
Tính nghiêm trọng của mâu thuẫn***	
Không nghiêm trọng	21,4

Ít nghiêm trọng	36,8
Nghiêm trọng/ rất nghiêm trọng	58,9
Cách thức giải quyết mâu thuẫn ***	
Em nghe theo lời bố mẹ	34,4
Bố mẹ thuận theo ý em	25,9
Em và bố mẹ đồng thuận giải quyết	27,5
Nhờ người thứ ba phân xử	50
Em và bố mẹ lảng tránh	51,5
Phong cách giáo dục gia đình***	
Gia đình áp đặt	45,6
Gia đình không áp đặt	23,1

Mức ý nghĩa thống kê: *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$; ***: $p < 0,001$

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020.

Xét theo cách thức giải quyết mâu thuẫn thì số liệu điều tra cho thấy VTN ở nhóm có cách giải quyết mâu thuẫn “Em và bố mẹ lảng tránh” có tỷ lệ có cảm xúc tiêu cực chiếm tỷ lệ cao nhất ở (51,5%), tiếp đến là nhóm có nghe theo lời bố mẹ (34,4%) và nhóm đồng thuận giải quyết (27,5%), cảm xúc tiêu cực thấp nhất ở nhóm bố mẹ thuận theo ý em (25%). Điều này phần nào khẳng định lảng tránh không phải là lựa chọn tốt nhất để đối mặt với mâu thuẫn. Lảng tránh có thể khiến mâu thuẫn không “bùng nổ”, dường như tránh được cảnh “giận quá mất khôn”, nhưng lại khiến vấn đề không được giải quyết và trẻ mất đi cơ hội nói lên tâm sự của mình. Ở nhóm gia đình áp đặt- nhóm xảy ra tần suất mâu thuẫn cao thì tỉ lệ trẻ VTN gặp cảm xúc tiêu cực cũng cao hơn so với ở gia đình cha mẹ không áp đặt. Điều này cũng gợi ý rằng, phong cách giáo dục gia đình không chỉ ảnh hưởng đến khả năng xảy ra mâu thuẫn mà còn có thể để lại những hệ quả khác nhau cho trẻ VTN.

Như vậy có thể thấy, mâu thuẫn có thể để lại nhiều hệ quả cho mối quan hệ cha mẹ- con cái. Mâu thuẫn có thể giúp cha mẹ - con cái gần gũi nhau hơn, tuy nhiên, bên cạnh đó, mâu thuẫn cũng để lại nhiều cảm xúc có hại với sức khỏe tâm thần của trẻ vị thành niên cũng như chất lượng mối quan hệ cha mẹ - con cái.

4.2. Phản ứng của con cái và cha mẹ khi gặp mâu thuẫn

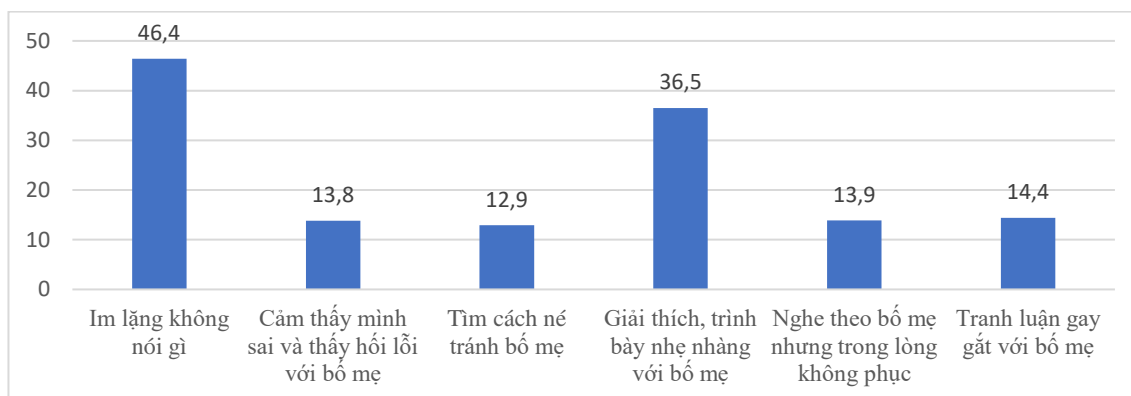
4.2.1. Phản ứng của con cái

Ngay khi gặp mâu thuẫn với cha mẹ, trẻ vị thành niên và cha mẹ đều có thể có những phản ứng với mâu thuẫn. Phản ứng đó có thể tích cực thông qua hình thức lắng nghe, đối thoại nhẹ nhàng, cũng có thể dẫn tới tranh luận gay gắt, hoặc cũng có thể các em sẽ im lặng, né tránh. Trong phạm vi của luận án, luận án đưa ra sáu lựa chọn về phản ứng khi gặp mâu thuẫn, bao gồm: 1) Im lặng, 2) Né tránh, 3) Trình bày nhẹ nhàng quan điểm của mình để bố mẹ hiểu, 4) Nghe theo lời bố mẹ nhưng trong lòng không phục, 5) Tranh luận gay gắt, và 6) Cảm thấy sai và hối lỗi.

Trong các phản ứng trên, các phản ứng (1) và (2) thuộc dạng phản ứng phi-giải-pháp, tức là trẻ không có nhu cầu tìm kiếm cách thức nhằm đạt được sự đồng thuận giữa cha mẹ và con cái trong vấn đề mà hai bên đang mâu thuẫn, và cũng thể hiện phần nào đó sự không tín nhiệm của trẻ với bố mẹ. Phương án (3) và (5) thuộc về nhóm phản ứng giải quyết, trong đó phương án (3) là giải pháp có tính tự chủ cũng như hợp tác cao nhất, phản ứng (5) thể hiện thái độ phản kháng của vị thành niên với bố mẹ. Nhóm phản ứng (4) và (6) là các phản ứng có tính thụ động theo nghĩa trẻ sẽ thuận theo bố mẹ, và thậm chí ở dạng phản ứng (6), trẻ thể hiện tinh thần tuân thủ cao nhất với bố mẹ khi trẻ cảm thấy sai trái và hối hận vì đã có mâu thuẫn với bố mẹ.

Biểu đồ 4.3 trình bày các phản ứng của vị thành niên khi có mâu thuẫn với bố mẹ. Kết quả phân tích dữ liệu điều tra cho thấy, trong sáu lựa chọn về phản ứng khi gặp mâu thuẫn với cha mẹ, lựa chọn nhiều nhất tập trung vào phương án “Im lặng không nói gì”. Các phương án “né tránh”, “tranh luận gay gắt”, “cảm thấy sai, hối lỗi” đều nằm ở mức dao động 10%. Như vậy, có tới gần 45% vị thành niên lựa chọn phương án né tránh và im lặng. Lưu ý rằng khảo sát hỏi về phương án ‘phản ứng phổ biến nhất’, nên các con số 10% tuy nhỏ nhưng khá ý nghĩa vì nó thể hiện xu hướng chủ đạo trong cách thức ứng phó của vị thành niên đối với mâu thuẫn với cha mẹ mình.

Biểu đồ 4.3: Phản ứng của trẻ vị thành niên khi gặp mâu thuẫn với cha mẹ lần gần đây nhất (%)



Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020.

Phân tích các dữ liệu định tính cho thấy có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến sự lựa chọn im lặng/lảng tránh của các em khi gặp mâu thuẫn với cha mẹ. Các em im lặng vì muốn né tránh và không muốn “làm to chuyện” để tránh mâu thuẫn trở nên gay gắt nặng nề; hoặc cũng có lúc vì không muốn làm ảnh hưởng đến người khác:

“Thực ra cũng là những chuyện lặp đi lặp lại, em nghĩ cũng không cần bé xé ra to làm gì. Tốt nhất cứ tránh đi lại hay”.

(Nam, lớp 11, nông thôn)

“Mỗi lần cãi nhau với mẹ thì mẹ lại lôi bố vào, mà em rất thương bố, bố đi làm cả ngày về tối lại nghe mẹ than thở, thì thế em cũng nghĩ mình đừng có bật lại làm gì”.

(Nam, lớp 12, đô thị)

Lựa chọn việc đối thoại nhẹ nhàng với cha mẹ khi gặp mâu thuẫn cũng là phản ứng của hơn 1/3 số trẻ vị thành niên (36,5%). Đây được coi là phương án tích cực nhất vì vừa có thể nói lên suy nghĩ của hai bên, trong khi đó vẫn giữ được “hòa khí” giữa cha mẹ và con cái. Nhưng đây cũng là phương án đòi hỏi có sự chủ động của hai bên, vì nếu như bố mẹ phản ứng quá gay gắt, bản thân trẻ vị thành niên cũng khó có thể chia sẻ một cách cởi mở và tích cực, như chia sẻ của nữ vị thành niên dưới đây:

“Nhiều khi em cũng muốn được chia sẻ với mẹ, có phải lúc nào em cảm điện thoại cũng là chơi đâu ạ. Nhưng chị hiểu không, kiểu mẹ cứ xưng cô lên, chưa gì đã ầm ĩ, lần trước em còn chả hiểu gì, đang ngồi trong phòng thấy mẹ cứ rầm rầm hóa ra là câu em, thế thì em nói được gì nữa”.

(Nữ, lớp 12, đô thị)

Chỉ có hơn 10% trẻ vị thành niên có phản ứng tranh luận gay gắt với bố mẹ, và cũng hơn 10% lựa chọn việc nghe theo lời bố mẹ nhưng trong lòng không phục và cũng có tỷ lệ tương tự các em cảm thấy “hối lỗi với bố mẹ” (10%). Việc “cảm thấy hối lỗi” có thể bắt nguồn từ cảm giác “sai trái” khi làm “tổn thương” cha mẹ:

“Em cũng không cãi lại vì hôm đấy em sai mà, không hiểu sao em lại văng tục trước mặt ông bà, mẹ cũng không nói gì nhiều nhưng em biết mình làm mẹ xấu hổ.”

(Nữ, lớp 10, đô thị)

Nhưng trên thực tế, phản ứng của trẻ khi đối mặt với mâu thuẫn với cha mẹ còn đa dạng hơn khá nhiều so với những gì số liệu định lượng chỉ ra. Quá trình phỏng vấn sâu cho thấy, không chỉ cha mẹ mà con cái cũng có thể có những hành động cực đoan trong mâu thuẫn, đặc biệt ở thời điểm xảy ra mâu thuẫn. Trẻ có thể “bỏ nhà đi vì em không chịu được giọng mẹ”, hay “em ngồi ở cửa sổ, dù em không biết mình có gan tự tử không nhưng em muốn làm thế để mẹ im lặng”, hoặc như trường hợp dưới đây, em mô tả về “trận chiến” với bố như sau:

“Chửi nhau đánh nhau xong em xuống em cầm dao lên, em mới là người cầm dao lên xong bố em cướp lại được. Thế cuối cùng bố em cướp lại được thật ra đấy là phút sai lầm khi em chọn nhầm dao, em chọn nhầm dao chặt gà. Thế là bố em đập tay em vào tường thì tay em có mô hôi hoặc là dao đấy tron thì nó xướt phần lưỡi dao bắt buộc em phải buông cái dao ra ý ra thôi không thì bị đứt tay. Xong bố em cầm lại xong em kiêu giỏi thì chém đi thôi tất nhiên là thôi rồi. Tại vì con Phương ý nó đập cửa hét hàng xóm, nó ra bảo mọi người ơi chị Trang sắp giết bố rồi xong rồi sang nhà bà Bình gọi hét tất cả mọi người. Thế bố em nghe con Phương hét to quá thôi bỏ xuống nhà”.

(Nữ, lớp 11, đô thị)

Theo tâm sự của nữ sinh trên, đây không phải là lần đầu tiên em và bố xảy ra những “trận chiến” như trên, nhưng là lần đầu tiên em sử dụng đến vật có thể gây sát thương như dao. Trong trường hợp này, mối quan hệ của em và bố như một vòng tròn luẩn quẩn, ở đó, em và bố không thể tâm sự với nhau, hay cãi nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, và khi có mâu thuẫn thì cả bố và em đều sử dụng bạo lực để đối kháng.

Do bản chất của các tương tác xã hội ở đây là tính qua lại nên phản ứng của vị thành niên với bố mẹ không chỉ phụ thuộc vào tính cách bẩm sinh của các em, mà

còn phụ thuộc vào phản ứng của bố mẹ với các em. Vì vậy, nghiên cứu của chúng tôi cũng tìm hiểu cách thức bố mẹ phản ứng với con cái khi gặp mâu thuẫn qua chính con mắt của vị thành niên.

Các phân tích tương quan cho thấy phản ứng của vị thành niên khi xảy ra mâu thuẫn với bố mẹ trong lần gần đây nhất không có khác biệt theo giới tính của vị thành niên, và cha, mẹ.

Phân tích nội dung mâu thuẫn theo cách thức và thái độ phản ứng với bố, mẹ trong lần mâu thuẫn gần đây nhất cho thấy thái độ “Im lặng không nói gì” chiếm tỷ lệ cao nhất 46,4%, trong đó hơn ½ phản ứng liên quan đến vấn đề học tập 54%. Cách thức phản ứng phổ biến của VTN khi nảy sinh mâu thuẫn với bố mẹ là “giải thích, trình bày nhẹ nhàng với bố mẹ” (36,5%) và tiếp đến là tranh luận gay gắt với bố mẹ (14,4% và cả hai cách thức phản ứng này tập trung nhiều ở mâu thuẫn liên quan đến đời sống cá nhân của trẻ như sử dụng Internet, quan hệ bạn bè và cách ăn mặc, để tóc (Bảng 4.5).

Bảng 4.5: Phản ứng của VTN trong lần mâu thuẫn với bố, mẹ gần đây nhất theo nội dung mâu thuẫn (%)

Phản ứng của VTN	Nội dung mâu thuẫn			N = 668
	Học tập	Đời sống cá nhân	Tự lập tài chính	
Im lặng không nói gì*	54,0	45,4	40,0	46,4
Cảm thấy mình sai và thấy hối lỗi với bố mẹ	18,6	11,8	13,3	13,8
Tìm cách né tránh bố mẹ	12,4	14,2	9,6	12,9
Giải thích, trình bày nhẹ nhàng với bố mẹ*	27,3	40,9	35,6	36,5
Nghe theo bố mẹ nhưng trong lòng không phục	13,0	14,5	13,3	13,9
Tranh luận gay gắt với bố mẹ	11,8	16,9	10,4	14,4

Mức ý nghĩa thống kê: *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$; ***: $p < 0,001$

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020.

Số liệu Bảng 4.6 cho thấy VTN ở khối lớp 12 có thái độ phản ứng im lặng không nói gì và có cách thức phản ứng tranh luận gay gắt với bố mẹ khi có mâu thuẫn cao hơn đáng kể so với 2 khối lớp thấp hơn (chênh lệch trên dưới 10 điểm phần trăm). Việc tranh luận gay gắt với bố mẹ khi nảy sinh mâu thuẫn ở nhóm VTN tăng lên ở độ tuổi cuối cấp THPT cho thấy sự thay đổi tâm sinh lý và mong muốn chứng tỏ sự trưởng thành của vị thành niên.

Bảng 4.6: Phản ứng của VTN trong lần mâu thuẫn với bố, mẹ gần đây nhất theo khối lớp (%)

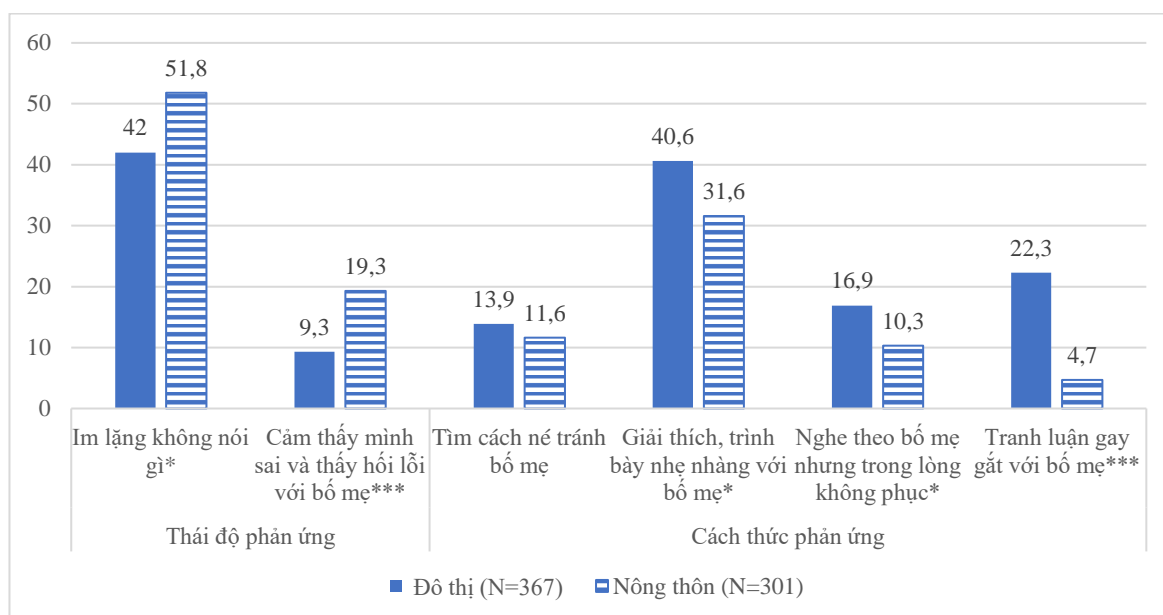
Phản ứng của VTN	Khối lớp (N=668)		
	Khối lớp 10	Khối lớp 11	Khối lớp 12
Im lặng không nói gì	43,4	43,6	52,9
Cảm thấy mình sai và thấy hối lỗi với bố mẹ	13,6	14,0	13,7
Tìm cách né tránh bố mẹ*	8,8	12,7	17,6
Giải thích, trình bày nhẹ nhàng với bố mẹ	40,8	35,6	32,8
Nghe theo bố mẹ nhưng trong lòng không phục	15,4	13,6	12,7
Tranh luận gay gắt với bố mẹ***	8,3	12,3	23,5

Mức ý nghĩa thống kê: *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$; ***: $p < 0,001$

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020.

Phản ứng của vị thành niên khi gặp mâu thuẫn với cha mẹ trong lần gần đây nhất cũng có khác biệt theo khu vực sống. Trong khi thái độ phản ứng của vị thành niên ở nông thôn là im lặng và cảm thấy hối lỗi với bố mẹ cao hơn đáng kể so với nhóm vị thành niên ở đô thị; thì ngược lại, cách thức phản ứng của vị thành niên ở đô thị lại thường tìm cách né tránh, giải thích trình bày nhẹ nhàng, nghe theo bố mẹ nhưng trong lòng không phục, đặc biệt là tranh luận gay gắt với bố mẹ đều cao hơn so với nhóm ở VTN sống ở nông thôn (Biểu đồ 4.4).

Biểu đồ 4.4: Phản ứng của trẻ vị thành niên khi gặp mâu thuẫn với cha mẹ trong lần gần đây nhất theo khu vực sống (%)



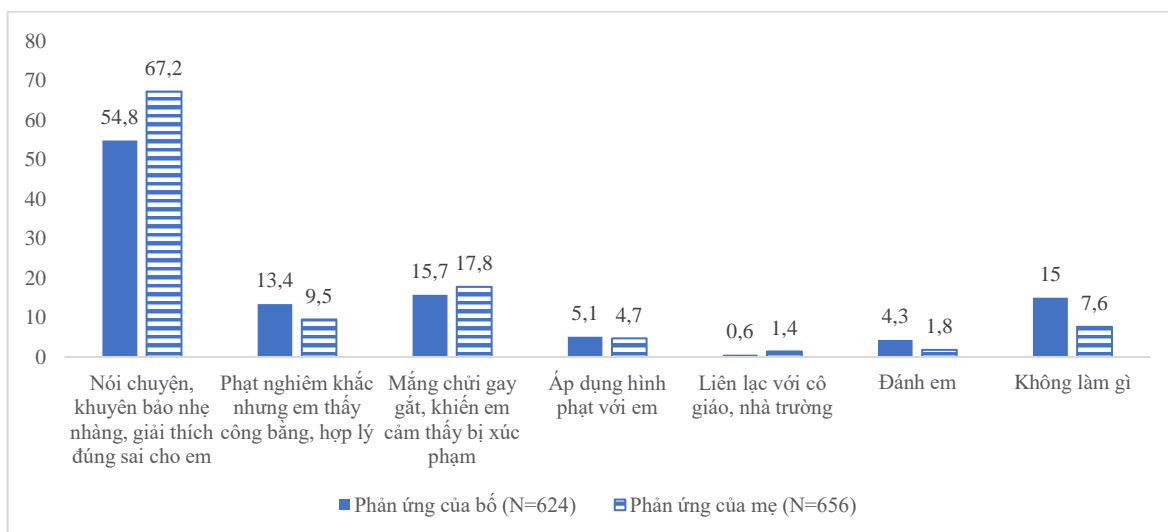
Mức ý nghĩa thống kê: *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$; ***: $p < 0,001$

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020

4.2.2. Phản ứng của cha mẹ

Nhìn chung, theo đánh giá của trẻ vị thành niên, khi đối diện với mâu thuẫn, phần lớn cha và mẹ đều lựa chọn phương án “nói chuyện nhẹ nhàng”, đây cũng được coi là phản ứng tích cực nhất để giảm thiểu nguy cơ đẩy mâu thuẫn lên cao và mở ra cơ hội lắng nghe, chia sẻ giữa cha mẹ - con cái. Rất ít cha mẹ sử dụng phương án liên lạc với cô giáo, nhà trường khi gặp mâu thuẫn với con cái. Mặc dù đây chỉ là cái nhìn từ phía vị thành niên, và có thể sẽ có những trường hợp cha mẹ liên lạc với thầy cô giáo mà các em không biết, nhưng con số trên cũng phần nào gợi ý về sự cần thiết của vai trò tham vấn từ bên thứ ba, đặc biệt là nhà trường, trong giải quyết mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái.

Biểu đồ 4.5: Phản ứng của cha mẹ trong lần mâu thuẫn gần đây nhất với trẻ (%)



Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020.

Đa số cha mẹ trong mẫu nghiên cứu này chỉ có một hình thức/kiểu phản ứng (trong tổng số 7 phản ứng đã được nêu ra trong khảo sát) ở lần mâu thuẫn gần đây nhất với trẻ, và tỷ lệ cha mẹ có 2 phản ứng trở lên khoảng 10%. Ví dụ, trong mẫu nghiên cứu này có 70,1% có người bố có 1 loại phản ứng, có khoảng 7% người bố có hai phản ứng, 3% có từ 3-6 phản ứng. Có 76,5% có người mẹ có 1 loại phản ứng, có khoảng 8,9% có hai phản ứng, 3% có từ 3-4 phản ứng trong lần mâu thuẫn gần đây nhất với trẻ. Như vậy, có thể thấy rằng, mâu thuẫn có thể tạo nên nhiều phản ứng đa dạng đối với người trong cuộc và làm thế nào để xử lý mâu thuẫn một cách nhất quán, hiệu quả, tích cực vẫn luôn là thách thức đối với bậc cha mẹ trong quá trình nuôi dạy con.

Số liệu điều tra cũng cho thấy, trong khi tỉ lệ người mẹ chọn cách phản ứng nhẹ nhàng khi gặp mâu thuẫn với con cao hơn so với người cha, thì ở các lựa chọn “mắng chửi gay gắt”, “áp dụng hình phạt”, “đánh”, “phạt nghiêm khắc” thì tỉ lệ người cha có các phản ứng này cao hơn so với người mẹ. Mặc dù sự khác biệt chưa quá đáng kể, nhưng cũng phản ánh rằng ở một chừng mực nào đó, người mẹ tuy thường gặp mâu thuẫn với con nhiều hơn, nhưng vẫn giữ vai trò “điều hòa” trong gia đình với sự ứng xử ôn hòa hơn. Trích đoạn phỏng vấn sâu dưới đây cũng cho thấy sự phối hợp “cương - nhu” của cha mẹ, theo đó, người bố giữ vai trò kỷ luật còn người mẹ thì thể hiện sự ôn hòa:

“Chị biết các bố cái thế nào mà. Thì máng em các thứ xong rồi kiểu chì chiết xong rồi đấy kiểu mà không học thì bây giờ mà làm thế nào, mà không chú tâm vào học hành xong rồi mà thế nọ thế kia đấy. Ôi mẹ em thì mẹ em ngồi nghe thôi chứ biết làm thế nào. Xong rồi khi nào đợi bố người thì mẹ em lại nói là kiểu nói đỡ cho em, nói là rồi con sẽ cố gắng các thứ”.

(Nữ, lớp 12, đô thị)

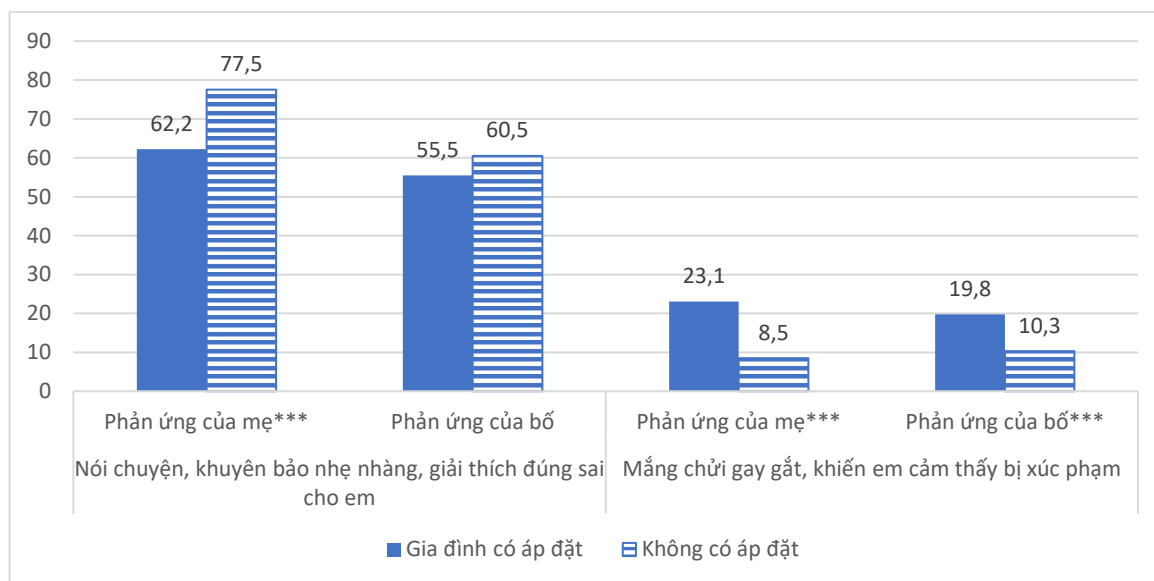
Phòng vấn sâu vị thành niên cho thấy ở một số gia đình, phản ứng của người bố có tính bạo lực thể chất khá nghiêm trọng, thể hiện bằng một chuỗi các hành động “chửi”, “cầm bát đũa choảng nhau”, “bố cầm chân bố kéo thế là đập đầu xuống đất”. Đôi khi, sự nóng nảy của người bố để lại các hậu quả về mặt thể chất như “Bố đánh em đến mức mà thật ra không đến mức nhập viện đâu nhưng mà em phải vào viện em kiểm tra nhưng mà không bị sao cả”.

Tóm lại, số liệu khảo sát cho thấy phản ứng của vị thành niên khi có mâu thuẫn với bố mẹ thường thiên về các phản ứng có né tránh, phản kháng hoặc thụ động. Tỷ lệ nhóm vị thành niên có cách phản ứng tích cực (hướng tới giải quyết vấn đề, trên cơ sở để bố mẹ và con cái hiểu nhau hơn) tương đối thấp. Đối chiếu với phản ứng của các vị phụ huynh qua phản ánh của chính vị thành niên thì thấy phụ huynh có xu hướng phản ứng tích cực hơn con cái. Tỷ lệ phụ huynh có phản ứng có tính xây dựng và tôn trọng con cái khá cao, cao hơn rất nhiều so với của con cái đối với bố mẹ, điều này có thể lý giải là do ở độ tuổi vị thành niên, với những biến đổi tâm lý và nhu cầu khẳng định cái tôi, mong muốn được độc lập, trẻ dễ có những phản ứng mang tính bộc phát, cảm xúc tiêu cực với cha mẹ. Nhưng thông tin định tính cũng cho thấy một vấn đề nổi cộm đó là một số phụ huynh, đặc biệt là người bố, vẫn áp dụng các cách giải quyết có tính bạo lực và trấn áp con cái. Tỷ lệ phụ huynh có phản ứng này, qua phản hồi của chính vị thành niên, không quá cao, nhưng dữ liệu định tính lại cho thấy mức độ nghiêm trọng của hành vi này.

Các phân tích tương quan cho thấy không có khác biệt về các phản ứng của cha mẹ theo đặc điểm cá nhân của bố và mẹ, nhưng có khác biệt theo một số đặc điểm gia đình như cách giáo dục gia đình, bố mẹ tôn trọng con cái. Ví dụ, trong các gia đình bố mẹ tôn trọng con cái cho thấy 62,4% người mẹ sử dụng biện pháp tích

cực là nói chuyện, khuyên bảo, giải thích đúng sai so với 40,4% ở nhóm gia đình bố mẹ không tôn trọng con (Biểu đồ 4.5); kết quả cũng tương tự với phản ứng này của người cha, 72,2% ở người cha ở gia đình bố mẹ tôn trọng con so với 53% ở nhóm còn lại. Sự khác biệt này có ý nghĩa về thống kê ($p < 0,000$).

Biểu đồ 4.6: Phản ứng của cha mẹ trong lần mâu thuẫn gần đây nhất với trẻ theo cách giáo dục gia đình (%)



Mức ý nghĩa thống kê: *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$; ***: $p < 0,001$

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020

4.3. Cách thức giải quyết mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái và các yếu tố ảnh hưởng

4.3.1. Cách thức giải quyết mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái

Tìm hiểu và phân tích cách thức giải quyết là vấn đề quan trọng trong nghiên cứu mâu thuẫn cha mẹ - con cái nhằm có đánh giá toàn diện mối quan hệ này. Trong nội dung này, Luận án sẽ phân tích cụ thể hơn cách giải quyết mâu thuẫn của các cặp bố mẹ và con cái khi nảy sinh mâu thuẫn. Các hình thức giải quyết mâu thuẫn của cặp bố mẹ-con cái được tìm hiểu trong khảo sát này như sau:

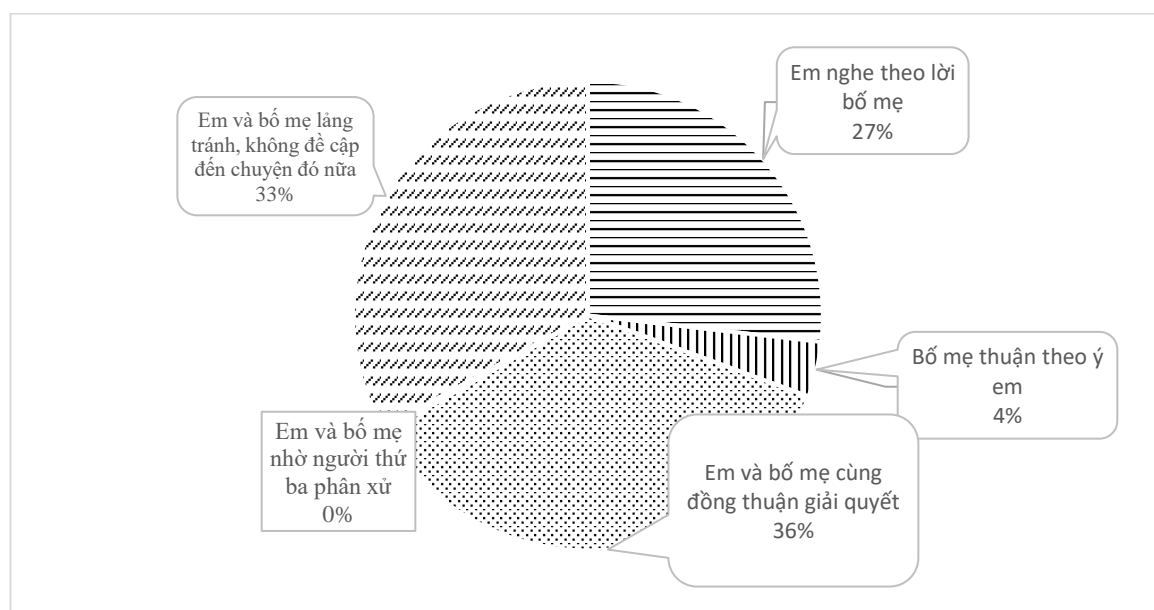
- 6) Em và bố mẹ lảng tránh, không đề cập đến chuyện mâu thuẫn đó
- 7) Em nghe theo lời bố mẹ
- 8) Bố mẹ thuận theo ý em
- 9) Em và bố mẹ cùng đồng thuận giải quyết
- 10) Em và bố mẹ nhờ người thứ ba phân xử

Các số liệu trình bày ở Biểu đồ 4.7 cho thấy hai phương án giải quyết mâu thuẫn phổ biến nhất giữa cha mẹ và trẻ vị thành niên, đó là “em và cha mẹ đồng thuận giải quyết” chiếm 36,1% và “em và bố mẹ lảng tránh, không đề cập đến chuyện đó nữa” chiếm 33%. Tuy nhiên đây là hai phương án có hai ý nghĩa khác biệt nhau. Nếu phương án “đồng thuận giải quyết” được coi là phương án tích cực cho mối quan hệ giữa cha mẹ - con cái nói chung cũng như với bản thân trẻ vị thành niên nói riêng, thì phương án “lảng tránh” lại là phương án tuy không gây ra những xung đột tại thời điểm, nhưng lại là một phương án bất lợi cho mối quan hệ cha mẹ - con cái khi vấn đề không được giải quyết và khiến người trong cuộc cảm giác bị “bỏ rơi”, như chia sẻ sau đây của một nam vị thành niên:

“Nói chung vấn đề gì cũng cứ nói đi nói lại thế thôi, chuyện đấy có phải chuyện mới mẻ gì đâu ạ, nhưng em với bố em cứ mặc kệ. Bố em cũng gắt gỏng một lúc xong thôi, cũng không bao giờ hỏi lại em nghĩ gì hay muốn gì đâu. Em với bố cũng không đề cập đến chuyện đó nữa, đôi lúc em thấy như kiểu bị bỏ rơi ấy, vì là mình không được lắng nghe và muốn nói chuyện hăng hoi với bố nhưng cứ lờ đi”.

(Nam, lớp 12, đô thị).

Biểu đồ 4.7: Các hình thức giải quyết mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái tuổi vị thành niên (N=706)



Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020.

Bên cạnh đó, số liệu điều tra cũng cho thấy có xấp xỉ 27% vị thành niên giải quyết mâu thuẫn với bố mẹ bằng cách là “nghe theo lời bố mẹ”. Điều này phần nào phản ánh vị thế mang tính “quyền lực” của cha mẹ trong mối quan hệ với con cái. Tuy nhiên, cách giải quyết này cũng có thể để lại những cảm xúc tiêu cực cho vị thành niên bởi ở độ tuổi đang khao khát sự độc lập, quyền tự quyết thì các em vẫn chưa nhận được sự tin tưởng của cha mẹ, mà theo ý kiến các em giống như là chưa tìm được “chỗ đứng và tiếng nói trong lòng bố mẹ”.

“Lần đó em và bố mẹ cãi nhau về chuyện học thêm. Em không thích học thêm cô chủ nhiệm, nhưng bố mẹ nhất quyết bảo là phải học cô vì cô là trưởng khối, trưởng ban gì đó, học chỉ có lợi không có hại. Em đã muốn để khi nào bình tĩnh thì nói lại với bố mẹ, nhưng rốt cuộc cách giải quyết mà chị hỏi em ấy, nó là em phải theo lời bố mẹ chứ sao. Tuần hai buổi đến nhà cô. Tóm lại, bố mẹ chẳng nghe em nói và em thấy mình chả có chỗ đứng và tiếng nói trong lòng bố mẹ. Chả nhẽ có việc học ai mà 16 tuổi còn phải để bố mẹ quyết. Hài vãi”.

(Nữ, lớp 11, đô thị)

“Kiểu em nghĩ cái suy nghĩ của bố em là kiểu phụ huynh thì sẽ luôn trên cơ các con ý xong rồi sẽ luôn là người luôn đúng ý nên là bố em chẳng bao giờ nghe em tâm sự hay là nghe em ấy. Bố em bảo thôi con đừng có lí do nữa thế thôi em không nói nữa”.

(Nữ, lớp 12, đô thị)

Song song với cách giải quyết con cái nghe theo lời bố mẹ, phân tích số liệu cho thấy vẫn có một tỉ lệ nhỏ các bố mẹ phải lùi về phía sau để lắng nghe hoặc phải nghe theo lời con cái. Xấp xỉ 4% các em cho biết mâu thuẫn được giải quyết bằng cách bố mẹ nghe theo lời các em. Con số này phần nào đại diện cho một nhóm cha mẹ có phong cách nuôi dạy con cái theo hướng “nuông chiều”, hoặc cũng có thể, trong trường hợp con đúng, bố mẹ sẵn sàng nhận lỗi và lắng nghe ý kiến của con.

Nhìn từ góc độ Lý thuyết hành động xã hội, quá trình phỏng vấn định tính cho thấy việc lựa chọn cách thức giải quyết mâu thuẫn là một quá trình đan xen giữa sự tính toán, tình cảm và các giá trị truyền thống. Có những trường hợp, sự lựa chọn phương án giải quyết mâu thuẫn hướng tới một mục đích duy lý, đó là khi:

“Em thấy cũng không hẳn là hài lòng nhưng đó là lựa chọn tốt nhất. Em nộp lại điện thoại và máy tính, chỉ dùng máy tính để bàn ở nhà khi học thôi. Nếu không làm thế thì bố mẹ còn có các hình phạt khác khó dễ hơn”.

(Nam, lớp 11, đô thị)

Nhưng có những trường hợp, các em lựa chọn nghe theo lời mẹ vì tình yêu mẹ - con như trường hợp sau, một điển hình của mô hình hành động hướng tới giá trị:

“Mẹ em không thích bạn ấy (bạn trai của em), nên sau lần cãi nhau, em cũng cắt quan hệ với bạn í. Mẹ cũng từng đổ vỡ với bố nên em rất thương mẹ, tương lai còn dài, tình yêu tuổi bọ xít cũng chỉ thế thôi, còn em không muốn làm tổn thương mẹ”.

(Nữ, lớp 10, đô thị)

Một điểm đáng chú ý khác, đó là gần như không có trẻ vị thành niên nào sử dụng phương pháp “nhờ bên thứ 3 can thiệp” trong quá trình xử lý mâu thuẫn với cha mẹ. Những nguồn lực từ gia đình (ông bà, họ hàng...) hay nhà trường, cộng đồng đều không tham gia vào trong quá trình xử lý mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái. Một mặt, theo các em thì chuyện “không có gì đáng phải nói” nên chưa cần thiết nhờ đến bên thứ 3, một số ý kiến khác thì nghĩ “chuyện (mâu thuẫn) có gì tốt đẹp đâu mà kể cho người khác”. Có những em sống ở gia đình ba thế hệ nhưng các em cũng không nhờ ông bà giúp đỡ khi gặp mâu thuẫn với cha mẹ vì các khác biệt thế hệ như “đến bố mẹ còn không hiểu mình chứ ông bà”. Điều này cũng phần nào đặt câu hỏi về hỗ trợ của gia đình, nhà trường đối với đời sống tâm lý của trẻ vị thành niên.

4.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến cách giải quyết mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái

Trước hết có thể thấy, sự khác biệt trong cách giải quyết mâu thuẫn dựa theo yếu tố **khu vực sinh sống** là khá rõ nét. Nếu ở nông thôn, xu hướng chính trong giải quyết mâu thuẫn, đó là con cái nghe lời cha mẹ, thì ở đô thị, phần lớn trẻ cho rằng mâu thuẫn được giải quyết bằng sự đồng thuận giữa cha mẹ và con cái. Bên cạnh đó, số liệu cũng chỉ ra rằng, tỉ lệ vị thành niên giải quyết mâu thuẫn bằng cách nghe lời bố mẹ ở đô thị thấp gần bằng một nửa so với ở nông thôn (19,4% so với 35,3%), ngược lại, tỉ lệ bố mẹ thuận theo ý của trẻ ở đô thị cao hơn so với ở nông thôn

(4,2% so với 3,3%). Điều này có thể đặt ra giả thuyết rằng ở nông thôn, quyền lực của cha mẹ vẫn có tính áp đảo hơn, trong khi đó, ở đô thị, với sự du nhập của văn hóa phương tây và ảnh hưởng của lối sống hiện đại, vị thế, tiếng nói của con cái tuổi vị thành niên trong gia đình đã được củng cố hơn.

Xét theo *giới tính của vị thành niên*, có thể thấy, trong khi nam vị thành niên thường giải quyết mâu thuẫn bằng cách đồng thuận với cha mẹ thì nữ vị thành niên lại lựa chọn phương án lảng tránh. Một điều thú vị, đó là tỉ lệ nam vị thành niên chọn phương án nghe lời bố mẹ cao hơn so với nữ vị thành niên (30,9% so với 24%), và tỉ lệ nam vị thành niên được bố mẹ thuận ý cũng cao hơn so với nữ vị thành niên. Điều này gợi ý rằng mối quan hệ giữa cha mẹ và con trai thường “êm đềm” hơn và con trai có xu hướng được chiều hơn.

Nếu như số liệu chỉ ra rằng, vị thành niên đạt học lực giỏi thường gặp mâu thuẫn với cha mẹ nhiều hơn so với nhóm không đạt học lực giỏi, thì ở đây, Bảng số liệu dưới đây cho thấy trong bốn cách giải quyết mâu thuẫn, ở nhóm học sinh giỏi, cách giải quyết mâu thuẫn phổ biến chính là đồng thuận với cha mẹ. Điều này cho thấy, dù hay gặp mâu thuẫn với cha mẹ, nhưng các em đều đã có những cách giải quyết khá tích cực. Bên cạnh đó, có thể thấy, đối với nhóm không phải học sinh giỏi, tỉ lệ nghe theo lời cha mẹ cao hơn đáng kể so với nhóm là học sinh giỏi (33,9% so với 23,2%), nhóm học sinh giỏi cũng được bố mẹ chiều theo ý muốn nhiều hơn so với nhóm không phải học sinh giỏi. Lý giải ban đầu có thể là khi các em đạt được học lực giỏi, đồng nghĩa với việc các em đã đáp ứng được một phần nào đó kỳ vọng của cha mẹ nên tiếng nói, nhu cầu của các em trong gia đình sẽ được ghi nhận và khẳng định hơn?

Bảng 4.7: Các yếu tố ảnh hưởng đến cách thức giải quyết mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái (%)

	Cách thức giải quyết mâu thuẫn			
	Em nghe theo lời bố mẹ	Bố mẹ thuận theo ý em	Bố mẹ và em cùng đồng thuận giải quyết	Em và bố mẹ cùng lờ chuyện đó đi
Khu vực sinh sống***				
Đô thị	19,4	4,2	41,6	34,7
Nông thôn	35,3	3,3	30,4	31
Giới tính***				
Nam	30,9	6	36,1	27
Nữ	24	2,4	36,6	37,1
Khối lớp				
Lớp 10	28,1	3,7	38,4	29,8
Lớp 11	29,3	2,4	36,9	31,3
Lớp 12	22,3	5,6	33,5	38,6
Học lực*				
Không phải HS giỏi	33,9	2,6	33	30,4
Học sinh giỏi	23,2	4,4	38,1	34,3
Lĩnh vực xảy ra mâu thuẫn***				
Học tập	20,2	3	41,7	35,2
Đời sống cá nhân	40,8	4,9	27,2	27,2
Tự lập tài chính	26	4,7	34,7	34,7
Mức độ NT của mâu thuẫn ***				
Không nghiêm trọng	27,7	2,7	42,3	27,3
Ít nghiêm trọng	27,7	2,8	38,4	31,1
Nghiêm trọng/Rất NT	23,8	7,1	25	44
Đối tượng xảy ra MT				
Bố	29,2	4,2	36,1	30,6
Mẹ	25,3	2	36,9	35,9
Bố và mẹ	19,6	3,3	43,1	34,1

Mức ý nghĩa thống kê: *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$; ***: $p < 0,001$

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020.

Phân tích cách thức giải quyết mâu thuẫn lần gần đây nhất giữa cha mẹ và con cái trong theo đặc điểm mâu thuẫn cho thấy ở nhóm mâu thuẫn có liên quan đời sống cá nhân có tỷ lệ đồng thuận giải quyết chiếm tỷ lệ cao nhất (41,7% so với 34,7% ở nội dung tự lập tài chính và 27,2% ở nhóm nội dung đời sống cá nhân), trong khi ở cách giải quyết nghe lời bố mẹ tập trung cao hơn ở nhóm liên quan đến vấn đề học tập (40,8% cao gấp 2 lần so với hai nhóm còn lại là tự lập tài chính 26,0% và 20,2% ở nhóm nội dung đời sống cá nhân) (Bảng 4.7).

Số liệu nghiên cứu không cho thấy có mối liên hệ ý nghĩa thống kê giữa cách thức giải quyết mâu thuẫn và đối tượng xảy ra mâu thuẫn. Dù trẻ vị thành niên thường có mâu thuẫn với mẹ nhiều hơn, nhưng điều đó không có nghĩa là tồn tại sự khác biệt trong cách giải quyết mâu thuẫn với bố và với mẹ.

Tuy nhiên, cách giải quyết mâu thuẫn lại bị ảnh hưởng bởi chính mức độ nghiêm trọng của mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn không diễn ra nghiêm trọng hoặc ít nghiêm trọng thì cách giải quyết phổ biến đó là đồng thuận, tuy nhiên, khi mâu thuẫn ở mức độ nghiêm trọng - rất nghiêm trọng, xu hướng giải quyết chính là lảng tránh. Điều này cho thấy không phải lúc nào mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái trong gia đình cũng được xử lý một cách đồng nhất, đặc biệt khi mâu thuẫn ở mức độ cao trào, vị thành niên thường có xu hướng sợ đối mặt và không muốn đối diện, như chia sẻ dưới đây:

“Em với mẹ em cãi nhau suốt. Mẹ em cứ thích can thiệp vào mọi chuyện của em. Nhưng có lần em với mẹ cãi nhau rất to về chuyện bạn gái em. Cuối cùng chuyện đấy không ai nói gì với ai, em không muốn xin lỗi vì em không sai. Mẹ em cũng không nhắc lại, em cũng không biết mẹ nghĩ gì, em càng không muốn biết vì nói ra tiếp lại cãi nhau”.

(Nam, lớp 12, đô thị)

Như vậy có thể thấy, các yếu tố ghi nhận ảnh hưởng tới cách thức giải quyết mâu thuẫn là yếu tố giới, khu vực sinh sống và đặc điểm của mâu thuẫn.

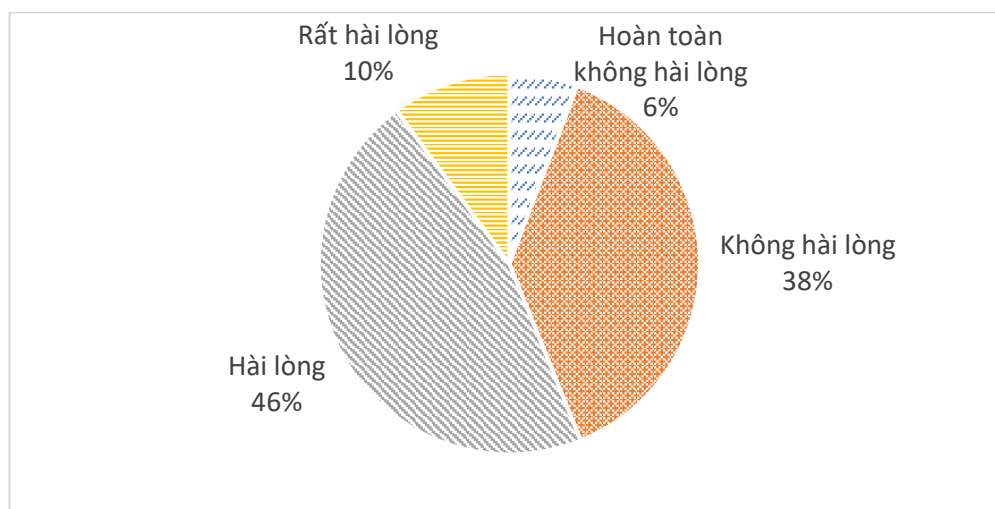
4.3.3. Đánh giá của con cái về cách thức giải quyết mâu thuẫn

Để có thể đánh giá hệ quả của mâu thuẫn tới mối quan hệ cha mẹ - con cái, Trong phạm vi của Luận án sẽ đo lường hai chiều cạnh: 1) Sự hài lòng của trẻ vị

thành niên với cách giải quyết mâu thuẫn, và 2) nhận định của trẻ vị thành niên về ảnh hưởng của cách giải quyết mâu thuẫn lên mối quan hệ cha mẹ- con cái.

Biểu đồ 4.8 cho thấy, tỉ lệ vị thành niên cảm thấy không hài lòng hoặc rất không hài lòng là gần như tương đương với tỉ lệ hài lòng/rất hài lòng. Theo đó, tỉ lệ rất hài lòng chỉ chiếm 10%, tỉ lệ hài lòng là 46%, trong khi đó tỉ lệ không hài lòng chiếm 38% và 6% cho biết hoàn toàn không hài lòng.

Biểu đồ 4.8: Sự hài lòng của vị thành niên với cách giải quyết mâu thuẫn với cha mẹ

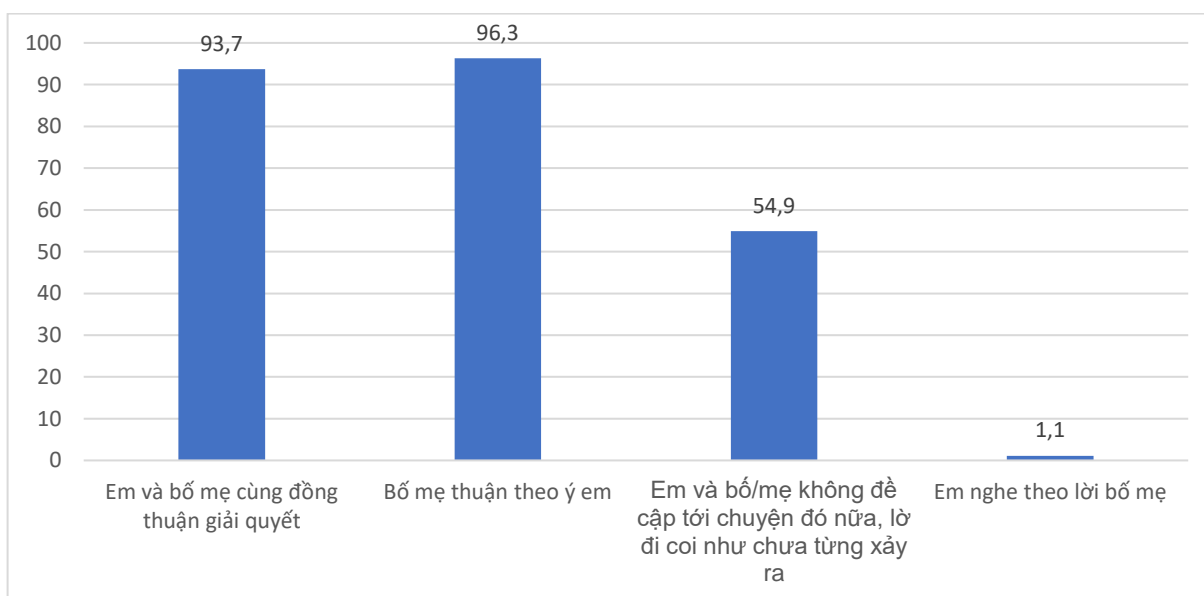


Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020

Phân tích theo cách thức giải quyết mâu thuẫn cho thấy tỉ lệ con cái “hài lòng” về hai cách giải quyết mâu thuẫn với cha mẹ là đồng thuận giải quyết và bố mẹ thuận theo ý kiến chiếm tỷ lệ tuyệt đại đa số (trên dưới 96%); trong khi chỉ có hơn ½ số trẻ hài lòng ở cách giải quyết là không đề cập tới việc mâu thuẫn đó, chỉ có khoảng 1% trẻ cho rằng mình hài lòng với cách giải quyết áp đặt là phải nghe theo lời bố mẹ, và tất cả các em đều hài lòng với cách giải quyết là mình và bố/mẹ nhờ người thứ ba phân xử (2/2 trường hợp). Kết quả này đặt ra hai vấn đề đó là, khi có mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái, việc giải quyết mâu thuẫn bằng sự đồng thuận sẽ đem lại cảm giác vui vẻ hài lòng đối với con cái; nhưng ngược lại nếu trong trường hợp khi có bất kỳ mâu thuẫn nào mà cha mẹ đều thuận theo con cái cũng có khả năng làm giảm hiệu quả giáo dục khi mà những mâu thuẫn đó liên quan đến các lỗi cần phải uốn nắn của con cái.

Xét theo nội dung nảy sinh mâu thuẫn, phân tích tương quan mức độ hài lòng về cách giải quyết sau lần mâu thuẫn gần đây cho thấy tỉ lệ con cái có hài lòng với cách giải quyết liên quan đến vấn đề học tập chiếm tỷ lệ cao nhất (62,4%), tiếp đến 55,3% về vấn đề tự lập tài chính và 44,6% về vấn đề liên quan đến đời sống cá nhân trẻ.

Biểu đồ 4.9: Tỷ lệ VTN có hài lòng với cách giải quyết của cha mẹ trong mâu thuẫn lần gần đây nhất theo cách thức giải quyết mâu thuẫn (%)



Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020.

Nếu xét theo khu vực sinh sống, tỉ lệ vị thành niên ở nông thôn có cảm giác “không hài lòng” với cách giải quyết mâu thuẫn với cha mẹ là cao hơn nhóm trẻ ở khu vực đô thị (51,1% so với 37,4%). Số liệu điều tra cho thấy không có sự khác biệt giữa nam và nữ, giữa các khối lớp trong việc hài lòng với cách giải quyết mâu thuẫn. Tuy nhiên, khi xét theo học lực của trẻ thì nhóm trẻ không đạt học lực giỏi có cảm giác “không hài lòng” cao hơn nhóm có học lực giỏi.

Bảng 4.8: Mức độ hài lòng của con cái với cách giải quyết mâu thuẫn với cha mẹ (%)

	Mức độ hài lòng với cách giải quyết mâu thuẫn		N
	Không hài lòng	Hài lòng	
Khu vực sinh sống***			
Đô thị	37,4	62,6	377
Nông thôn	51,1	48,9	329
Giới tính			
Nam	43,5	56,5	
Nữ	43,9	56,1	
Khối lớp			
Lớp 10	41,7	58,3	242
Lớp 11	47,8	52,2	249
Lớp 12	41,4	58,6	215
Học lực*			
Không phải HS giỏi	49,8	50,2	227
Học sinh giỏi	40,8	59,2	475
Mức độ NT của mâu thuẫn *			
Không nghiêm trọng	40,9	59,1	220
Ít nghiêm trọng	41,2	58,8	318
Nghiêm trọng/Rất NT	52,4	47,6	168
Đối tượng xảy ra MT			
Bố	41,7	58,3	96
Mẹ	44,9	55,1	256
Bố và mẹ	43,5	56,5	354
Cách thức giải quyết mâu thuẫn***			
Em nghe theo bố mẹ	98,9	1,1	189
Bố mẹ chiều theo ý em	3,7	96,3	27
Đồng thuận giải quyết	6,2	93,8	257
Lảng tránh	45,1	54,9	233

Mức ý nghĩa thống kê: *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$; ***: $p < 0,001$

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020.

Tuy nhiên, khi xem xét đặc điểm của mâu thuẫn, kết quả phân tích số liệu cho thấy tồn tại mối liên hệ có ý nghĩa thống kê giữa mức độ nghiêm trọng của mâu thuẫn và mức độ hài lòng của trẻ vị thành niên. Cụ thể, khi mâu thuẫn ở mức không nghiêm trọng hoặc ít nghiêm trọng thì tỉ lệ hài lòng cao hơn đáng kể. Xấp xỉ 60% trẻ vị thành niên cảm thấy hài lòng với cách giải quyết mâu thuẫn trong trường hợp mâu thuẫn ở mức độ không nghiêm trọng hoặc ít nghiêm trọng. Trong khi đó, khi mâu thuẫn ở mức nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng, tỉ lệ không hài lòng với cách giải quyết lại cao hơn (52,4% so với 47,6%), điều này đặt ra vấn đề là, khi mâu thuẫn càng trở nên nghiêm trọng thì càng khó tìm cách giải quyết phù hợp và càng khó để đem lại cảm giác “hài lòng” với phương án giải quyết đạt được.

Một yếu tố có mối liên hệ chặt chẽ với cảm giác “hài lòng” của trẻ vị thành niên, đó là cách thức giải quyết mâu thuẫn. Nếu như có đến gần 100% trẻ vị thành niên cảm thấy không hài lòng khi phải nghe theo bố mẹ thì tương tự như vậy, hơn 96% trẻ cảm thấy hài lòng khi mâu thuẫn được giải quyết theo chiều hướng bố mẹ thuận theo ý em. Dữ liệu định tính ghi nhận quan điểm của trẻ vị thành niên trong việc phải nghe theo lời bố mẹ như sau:

“Nhưng mà con phải nghe theo bố mẹ thì là sai, em nghĩ là bây giờ có nhiều bố mẹ cũng bỏ cái ý kiến đấy đi rồi. Thì bố mẹ em cũng bỏ rồi, em thấy là đa phần lớp em không có ý kiến con phải đi theo bố mẹ. Bây giờ bố mẹ cũng hiện đại mà cũng không kiểu có thể có một số nhà bố mẹ áp đặt con phải đi theo bố mẹ thì lúc đấy có thể có cãi nhau. Nhưng mà năm 2020 rồi thì em nghĩ là có ít chuyện đấy xảy ra, bố mẹ còn trẻ trung bố mẹ còn lên facebook có nhiều cái vấn đề bố mẹ đọc bố mẹ sẽ hiểu ý”.

(Nam, lớp 11, đô thị)

Phương án đồng thuận giải quyết là cách giải quyết mâu thuẫn phổ biến và cũng nhận được sự hài lòng đông đảo của vị thành niên. Trong khi đó, ở phương án “lảng tránh”, tỉ lệ hài lòng và không hài lòng khá tương đương nhau (lần lượt là 54,9% và 45,1%).

Điều này cho thấy, với phương án giải quyết mâu thuẫn bằng cách nghe lời bố mẹ hoặc bố mẹ chiều theo ý em thì trẻ vị thành niên có xu hướng hài lòng khi được bố mẹ thuận theo ý các em và không hài lòng nếu phải nghe theo bố mẹ. Phương án

đồng thuận giải quyết là phương án đặt tiếng nói của trẻ ngang bằng với bố mẹ và trẻ được đón nhận cảm giác “lắng nghe”, “tôn trọng”, do đó phương án này được coi là một lựa chọn tích cực trong giải quyết mâu thuẫn, và phần lớn trẻ vị thành niên cảm thấy “hài lòng” với phương án này. Dữ liệu định tính cũng cho thấy, bản thân trẻ vị thành niên cũng kỳ vọng mâu thuẫn với cha mẹ được giải quyết trong sự đồng thuận, theo đó, thay vì áp đặt, bố mẹ sẽ lắng nghe ý kiến của các em vì hơn ai hết, các em là những người đang nhận được sự giáo dục đầy đủ, hiểu được sự vận hành của nhịp sống thời hiện đại, cũng như ý thức được trách nhiệm và quyền của bản thân trong việc quyết định cuộc sống cá nhân:

“Em nghĩ là hai bên nên tranh luận một cách công bằng để tìm ra hướng giải quyết tốt nhất chứ không nên mà phải thế này phải thế kia. Tại vì mỗi người có một quan điểm riêng tất nhiên là cái quan điểm đấy sẽ có phần đúng và phần sai. Nếu mà hai bên tranh luận công bằng với nhau để tìm ra được cái khuyết điểm và cái ưu điểm của quan điểm đấy thì sẽ hoà hợp lại để tìm được ra hướng đi ổn nhất em nghĩ là vậy. Tại vì là đây là một cái quan điểm khá là cũ tại vì mọi người thường nghĩ là bố mẹ là những người lớn tuổi là những người đã từng trải qua nhiều thì sẽ biết được cuộc sống như nào và sẽ đưa ra những cái lời khuyên hay là những cái định hướng đúng đắn cho con. Nhưng mà bây giờ kiểu xã hội thay đổi rồi ý nó không còn vận hành theo thời của bố mẹ nữa cho nên là có nhiều thay đổi chắc chắn bố mẹ không thể bắt kịp được tại vì đấy thì bọn em là những người tiếp xúc với công nghệ, những người tiếp xúc với cái mới ý thì bọn em sẽ hiểu những cái đấy hơn. Bọn em cũng có những chính kiến riêng của bọn em, tất nhiên những lời khuyên của bố mẹ cũng sẽ có những phần đúng nhưng mà bọn em có quyền được sáng tạo được bay nhảy chứ đúng không”.

(Nữ, lớp 12, đô thị)

Bên cạnh đó, việc giải quyết mâu thuẫn một cách đồng thuận còn giúp củng cố mối quan hệ giữa cha mẹ - con cái:

“Em nghĩ là nếu mà đang mâu thuẫn thì nên chờ một chút. Hôm nay có một chút cãi nhau, cãi nhau buổi sáng thì có thể buổi tối hai bố mẹ với con ngồi lại với nhau để nói chuyện nếu không thì có thể để đến hôm sau. Thì nói chung là em thấy

cả bố cả mẹ và con đều phải có thiện chí trong cái việc nói chuyện như thế, đều phải có cái mong muốn giải quyết chuyện một cách tốt đẹp nhất và sẵn sàng lắng nghe nhau thì như thế mới quan hệ sẽ vững chắc. Em nghĩ là một số bố mẹ cũng nghĩ là mình nên áp đặt con bởi vì mình là người đã trải đời còn con chỉ là người mới lớn nên nhiều điều không biết. Nhưng xã hội bây giờ nó thay đổi nhiều điều với ngày trước thế nên em nghĩ là bố mẹ nên lắng nghe con cái và cùng con cái giải quyết thì như thế không những giải quyết được cái vấn đề đấy tốt mà nó còn củng cố mối quan hệ giữa con cái và bố mẹ nữa”.

(Nam, lớp 11, đô thị)

Với lựa chọn phương án giải quyết mâu thuẫn là “lảng tránh”, tỉ lệ hài lòng và không hài lòng là tương đối bằng nhau. Theo quan điểm của một số em thì việc lảng tránh và giữ im lặng không phải là phương án tốt vì nó sẽ làm gia đình xa cách nhau:

“Tức là như kiểu nhà em thì mâu thuẫn nó nhỏ thì có thể bỏ qua nó hoặc cả hai cùng quên nó vào dĩ vãng cũng được. Thế nhưng mà những mâu thuẫn lớn, mâu thuẫn mà có khả năng thay đổi cả mối quan hệ thì em nghĩ sự im lặng là một giải pháp rất là tệ. Bởi vì sau những cái lần im lặng đấy quá nhiều thì mối quan hệ của cả nhà sẽ lạnh nhạt hơn tức là ít quan tâm đến nhau hơn”.

(Nam, lớp 11, đô thị)

Một số khác thì cho rằng “lảng tránh” là một lựa chọn tốt vì “*em sợ những cuộc nói chuyện dài hàng tiếng của bố mẹ, toàn là diễn văn đạo đức”.*

Dữ liệu định tính cũng chỉ ra những ảnh hưởng của cách thức ứng phó với mâu thuẫn lên mối quan hệ cha mẹ - con cái. Câu chuyện ở dưới đây sẽ minh họa cho sự khác biệt trong ứng phó với mâu thuẫn đã ảnh hưởng như thế nào tới mối quan hệ cha mẹ - con cái. Trong câu chuyện này, em học sinh chia sẻ câu chuyện của chính mình với bố mẹ, theo đó, em đánh giá mối quan hệ với mẹ rất thân thiết, gắn bó, nhưng ngược lại, mối quan hệ giữa em và bố lại gặp nhiều khủng hoảng. Theo như em nói, “*dù thân thiết hay không thì bát đĩa còn có lúc xô nhau, em thấy vợ chồng cũng thế, bạn bè hay bố mẹ con cái cũng phải gặp nhiều mâu thuẫn”*, nhưng điều quan trọng ở đây, đó chính là góc nhìn của mỗi người về mâu thuẫn và cách thức ứng phó với mâu thuẫn. Không phải vì mối quan hệ giữa em và bố

“không tốt” nên mới gặp nhiều mâu thuẫn, mà kể cả với mẹ- người em rất gắn bó, em cũng trải qua nhiều mâu thuẫn với mẹ. Nhưng dù mâu thuẫn có xảy ra thường xuyên, và có thể ở mức độ “tương đối nghiêm trọng”, thậm chí có những lần hai mẹ con giận nhau đến 2 tuần, thì sau tất cả, em vẫn cảm nhận được tình cảm mẹ dành cho em. Ngay cả trong thời gian “chiến tranh lạnh”, mẹ vẫn âm thầm dành sự quan tâm, chăm sóc tới em:

“Với mẹ thì kiểu mẹ cũng thường xuyên đưa đón, chăm sóc học hành nên em biết mẹ muốn tốt cho em nên cũng áp đặt, thành ra cũng cãi nhau nhiều. Kiểu như chuyện học trường gì ấy, mẹ cứ áp đặt và muốn em học ngân hàng nhưng em không thích làm theo bố mẹ, em thích học marketing hơn. Em với mẹ cũng chiến tranh lạnh nhiều lắm. Nhưng dù thế em vẫn biết mẹ rất thương em. Kiểu như cãi nhau nhưng đến giờ vẫn gọi em dậy dù giọng hơi hằn học. Xong biết em thích ăn món gì cũng cố làm cho em như kiểu để làm lành í. Lại còn mua quần áo mới. Nên dù mẹ chưa bao giờ xin lỗi em nếu mẹ sai, hoặc kể cả em và mẹ cãi nhau thế nào cũng thấy rồi sẽ qua í chị”.

(Nữ, lớp 12, đô thị)

Chính cách mẹ luôn cố gắng “ôn hòa” khi có mâu thuẫn với em nên em chưa bao giờ cảm nhận “tiêu cực” trong mâu thuẫn với mẹ, và ngược lại, em còn thấy mình “được thấu hiểu”. Nhưng ngược lại, những mâu thuẫn giữa em và bố phần lớn đều rất căng thẳng, “khó hòa giải” và “không tìm được tiếng nói chung”. Em với bố thường xuyên mâu thuẫn về chuyện em có bạn trai, chuyện ăn mặc và giờ giấc sinh hoạt.

“Chị ơi bây giờ là thế kỷ nào, thời đại nào mà bố bảo mặc áo crop top và nhuộm tóc là “cave” hả chị. Bố nói về con gái bố như thế thì chị nghĩ có được không? Em có bạn trai thì sao, bạn trai em giải này giải nọ em giỏi theo còn chẳng kịp, thì bố em bảo cả lũ đổ đốn, mất dạy. Có hôm trong mâm cơm bố ném cả cái bát về phía em. Có lần gặp bạn trai em mà bố nói làm em xấu hổ luôn. Như thế theo chị thì hàn gắn thế nào, mà quan trọng là bố luôn nghĩ bố làm đúng và bố dùng uy quyền của bố để đàn áp em”.

(Nữ, lớp 12, nông thôn)

Trong câu chuyện của em, bố thường xuyên dùng những lời đay nghiến, có đôi khi là mạt sát để phê phán em. Với em, những tổn thương bằng lời nói mà bố gây ra cùng việc bố không chịu lắng nghe, chia sẻ với cuộc sống của em khiến quan hệ giữa hai bố con ngày càng xa cách. Những lần em với bố có mâu thuẫn, phần lớn em đều im lặng hoặc *“có cãi nhau thì em cũng là người thua, chẳng qua ức quá thì phải gào lên”*, và mỗi lần cãi nhau hay mâu thuẫn, em đều hiểu rằng *“bố em nghĩ rằng để giải quyết mâu thuẫn, bố sẽ đàn áp em, em sẽ nghe lời, thế là xong, nhưng bố không hiểu một điều rằng, với em, mâu thuẫn giữa em với bố sẽ không bao giờ được giải quyết”*.

Câu chuyện của nữ học sinh bên trên chỉ ra rằng, dù trong một mái nhà, nhưng trẻ vị thành niên sẽ có những đánh giá khác biệt về bố và về mẹ. Dù môi quan hệ có xảy ra mâu thuẫn nhiều hay ít, điều quan trọng vẫn là cách thức giải quyết mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn được giải quyết một cách tích cực, trẻ vị thành niên cảm nhận được rằng các em được yêu thương, lắng nghe, chia sẻ thì môi quan hệ vẫn bền chặt dù có mâu thuẫn, thậm chí, trong nhiều trường hợp, mâu thuẫn lại là chất xúc tác giúp cha mẹ - con cái hiểu nhau hơn. Ngược lại, khi mâu thuẫn được giải quyết dưới sự *“đàn áp”*, đặc biệt khi cha mẹ có những lời xúc phạm, để lại tổn thương cho con cái thì môi quan hệ cha mẹ - con cái có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Như vậy có thể thấy, theo chia sẻ của nhóm vị thành niên trong diện khảo sát, cách giải quyết mâu thuẫn phổ biến nhất giữa các em và bố mẹ, đó là đồng thuận giải quyết, tiếp đến là lắng tránh. Đối với các mâu thuẫn ở mức độ không nghiêm trọng hoặc ít nghiêm trọng, tỉ lệ giải quyết bằng cách đồng thuận khá cao, tuy nhiên, khi mâu thuẫn ở mức độ nghiêm trọng trở lên, phần lớn trường hợp trong đó lại được giải quyết bằng cách lắng tránh. Tỉ lệ các em hài lòng với cách giải quyết mâu thuẫn không quá lớn so với tỉ lệ không hài lòng. Theo đó, phần lớn các em đều hài lòng với cách giải quyết bằng việc lắng nghe, đồng thuận.

Đánh giá mức độ hài lòng của vị thành niên về cách giải quyết khi có mâu thuẫn với bố mẹ, có thể nói, mang ý nghĩa quan trọng, việc cha mẹ biết vị thành niên cảm thấy như thế nào về cách giải quyết khi nảy sinh mâu thuẫn để cha mẹ có nhận thức đầy đủ hơn từ đó có thể cải thiện, thay đổi biện pháp giáo dục con cái

đúng hướng nhằm giảm nhẹ xung đột và các phản ứng tiêu cực. Chính vì vậy, chỉ báo đo lường mức độ hài lòng không chỉ góp thêm bằng chứng đánh giá chất lượng quan hệ cha mẹ con cái mà còn là cơ sở đề xuất các khuyến nghị để cải thiện chất lượng quan hệ cha mẹ - con cái trong gia đình. Kết quả phân tích nghiên cứu này cho thấy hơn 1/2 số vị thành niên không cho biết hài lòng với cách giải quyết cha mẹ (56%) và có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê theo khu vực sống, mức độ nghiêm trọng của mâu thuẫn, và theo cách thức giải quyết mâu thuẫn, vị thành niên ở nông thôn có mức độ hài lòng với cách giải quyết của cha mẹ cao hơn 1,3 lần so với ở thành thị; mâu thuẫn ở mức không hoặc ít nghiêm trọng thì tỉ lệ hài lòng cách giải quyết của vị thành niên cũng cao hơn đáng kể. Cách giải quyết mang tính tích cực hoặc làm vừa lòng con cái cũng khiến trẻ em có sự hài lòng cao hơn, rõ ràng, khi mâu thuẫn càng trở nên nghiêm trọng càng khó tìm cách giải quyết phù hợp, cũng như việc chiều lòng con cái và đồng thuận giải quyết cũng làm tăng mức độ hài lòng là những vấn đề cần giải thích sâu sắc hơn.

Tiểu kết Chương 4

Chương này tập trung phân tích các hệ quả của mâu thuẫn, phản ứng của con cái và cha mẹ khi gặp mâu thuẫn, cách thức giải quyết và các yếu tố ảnh hưởng. Kết quả phân tích cho thấy vấn đề tự lập tài chính được vị thành niên đánh giá ở mức nghiêm trọng và rất nghiêm trọng chiếm tỷ lệ cao nhất, tiếp đến là ở lĩnh vực học tập và đời sống cá nhân. Kết quả nghiên cứu cho thấy hệ quả của mâu thuẫn cha mẹ - con cái tác động đến vị thành niên ở cả ba chiều cạnh: (1) ảnh hưởng về mặt tâm lý; (2) tăng nguy cơ đối đầu trong quan hệ; và (3) tạo mối quan hệ gần gũi hơn giữa cha mẹ và con cái. Chỉ có 1/10 số trẻ vị thành niên cho rằng mâu thuẫn khiến em và cha mẹ hiểu nhau hơn; trong khi có đến gần 1/5 số trẻ vị thành niên cảm thấy mâu thuẫn tạo nên nguy cơ đối đầu với cha mẹ, cảm thấy giận dữ, bất mãn với bố mẹ”, và có từ 1/10 đến 1/3 số vị thành niên cho biết các em có những ảnh hưởng về mặt tâm lý với các cảm xúc tiêu cực như chán nản, muốn chết, muốn bỏ nhà đi thật xa, cảm thấy bị xúc phạm hoặc thấy bản thân kém cỏi... và sự chán nản là cảm xúc phổ biến ở nhiều vị thành niên. Các tính toán, phân tích sâu cho thấy gần 40% vị thành

niên đã từng trải qua ít nhất một cảm giác tiêu cực khi gặp mâu thuẫn với cha mẹ. Kết quả này gợi ra rằng việc mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái dù nảy sinh ở khía cạnh nào đều có thể gây tác động tiêu cực hoặc làm gây tổn hại đến chất lượng quan hệ cha mẹ - con cái. Lý thuyết xung đột nhấn mạnh rằng mâu thuẫn tồn tại bên trong từng gia đình và việc gia đình quản lý khủng hoảng, xung đột về sự khác biệt như thế nào để giữ vững sự ổn định và thống nhất.

Nghiên cứu này đã ghi nhận có sự khác biệt trong phản ứng của cha mẹ và trẻ vị thành niên khi nảy sinh mâu thuẫn. Nếu phản ứng của vị thành niên khi có mâu thuẫn với bố mẹ thường thiên về các phản ứng có né tránh, phản kháng hoặc thụ động thì cha mẹ lại có xu hướng phản ứng mang tính xây dựng và tôn trọng con cái. Điểm đáng chú ý, so với người mẹ, người bố có xu hướng áp dụng các cách giải quyết mang tính tiêu cực, có tính bạo lực và trấn áp con cái nhiều hơn. Điều này cho thấy, trong cùng một gia đình với cùng một dạng mâu thuẫn xảy ra, nhưng phản ứng của bố và của mẹ có thể khác nhau, và cách bố mẹ phản ứng với những người con cũng khác nhau, nói cách khác có sự tương tác với những hệ thống xung quanh cá nhân không đồng đều và cá biệt hóa cho từng trường hợp xảy ra mâu thuẫn.

Cách giải quyết mâu thuẫn phổ biến nhất giữa các em và bố mẹ đó là đồng thuận giải quyết, tiếp đến là lảng tránh. Đối với các mâu thuẫn ở mức độ không nghiêm trọng hoặc ít nghiêm trọng, việc giải quyết bằng cách đồng thuận khá cao, tuy nhiên, khi mâu thuẫn ở mức độ nghiêm trọng trở lên, phần lớn trường hợp trong đó lại được giải quyết bằng cách lảng tránh.

Kết quả nghiên cứu ở Chương này ghi nhận nhiều điểm tương đồng với các nghiên cứu đi trước (như thảo luận ở Chương 1), góp phần thừa nhận tính gây hại của mâu thuẫn mà hệ quả của nó sẽ mang lại những ảnh hưởng tiêu cực tới các chiều cạnh tâm lý, đời sống của VTN và chất lượng của mối quan hệ giữa cha mẹ - con cái tuổi VTN.

KẾT LUẬN, KHUYẾN NGHỊ

A. Kết luận

Với mục đích đánh giá thực trạng mâu thuẫn giữa con cái vị thành niên với cha mẹ, phản ứng của cha mẹ và con cái khi nảy sinh mâu thuẫn, phân tích hệ quả, cách giải quyết mâu thuẫn của cha mẹ, con cái và xác định các yếu tố tác động đến mâu thuẫn cha mẹ - con cái trong gia đình, Luận án này dựa trên dữ liệu của nghiên cứu mâu thuẫn cha mẹ - con cái ở lứa tuổi học sinh trung học phổ thông tại hai trường trung học phổ thông, đại diện cho hai khu vực đô thị và nông thôn ở Hà Nội, cùng với kết quả phân tích tài liệu thứ cấp cũng như trên cơ sở vận dụng một số các lý thuyết cho phép NCS đưa ra một số kết luận sau:

Thứ nhất về thực trạng mâu thuẫn cha mẹ - con cái, các vấn đề học tập, các vấn đề liên quan đến đời sống cá nhân và tự lập tài chính như đi làm thêm, tiêu tiền và giữ tiền đều là chủ đề gây ra những xung đột và nảy sinh mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái đang học trung học phổ thông. Mâu thuẫn phổ biến xoay quanh việc sử dụng Internet, tiếp đến là vấn đề liên quan đến việc học tập.

Thứ hai, có sự khác biệt trong phản ứng, cách ứng xử của cha mẹ và trẻ vị thành niên và hệ quả khi nảy sinh mâu thuẫn. Nếu phản ứng của vị thành niên khi có mâu thuẫn với bố mẹ thường thiên về các phản ứng có né tránh, phản kháng hoặc thụ động thì cha mẹ có xu hướng phản ứng có tính xây dựng và tôn trọng con cái.

Cách giải quyết mâu thuẫn phổ biến nhất giữa con cái và bố mẹ là đồng thuận giải quyết. Tuy nhiên, khi mâu thuẫn ở mức độ nghiêm trọng thì cách giải quyết thường gặp là lảng tránh. Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của vị thành niên về cách giải quyết mâu thuẫn với bố mẹ cho thấy có tới hơn một nửa số vị thành niên không hài lòng với cách giải quyết và có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê theo khu vực sống, mức độ nghiêm trọng của mâu thuẫn. Theo đó, vị thành niên ở nông thôn có mức độ hài lòng với cách giải quyết mâu thuẫn cao hơn so với ở thành thị; mâu thuẫn càng nghiêm trọng thì tỉ lệ không hài lòng với cách giải quyết mâu thuẫn càng cao; bên cạnh đó, khi mâu thuẫn được giải quyết tích cực hoặc theo hướng vừa lòng con cái cũng khiến trẻ em có sự hài lòng cao hơn.

Kết quả nghiên cứu này cho thấy các tác động của mâu thuẫn cha mẹ - con cái đến vị thành niên có tính hai mặt. Một mặt, mâu thuẫn có thể mang đến những cảm xúc tiêu cực như chán nản, thậm chí một bộ phận trẻ còn nghĩ đến việc muốn chết, muốn bỏ nhà đi thật xa, cảm thấy bị xúc phạm hoặc thấy bản thân kém cỏi; tiếp đến mâu thuẫn cha mẹ con cái còn làm tăng nguy cơ đối đầu trong quan hệ cha mẹ - con cái khi trẻ cảm thấy giận dữ, bất mãn. Bên cạnh đó, mâu thuẫn cũng có những tác động tích cực làm tăng sự gần gũi và hiểu biết lẫn nhau giữa cha mẹ - con cái. Kết quả này gợi ra rằng cách thức đối diện và giải quyết sự mâu thuẫn đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm soát các yếu tố nguy cơ gây hại đến quan hệ cha mẹ- con cái.

Thứ ba là việc xác định các yếu tố tác động tới mâu thuẫn cha mẹ và con cái vị thành niên. Phân tích số liệu cũng ghi nhận một số yếu tố về đặc trưng cá nhân vị thành niên, của người cha và của người mẹ có liên quan đến các mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái ở các lĩnh vực học tập, việc sử dụng Internet, về quan hệ bạn bè và các hoạt động quản lý và tự lập tài chính. Trong đó yếu tố khu vực sống, yếu tố học vấn của cha mẹ, phong cách giáo dục gia đình có mối liên hệ chặt chẽ và đồng đều một số khía cạnh mâu thuẫn. Mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái xảy ra nhiều hơn ở gia đình ở khu vực thành thị, nhóm cha mẹ có học vấn cao và nhóm gia đình có phong cách giáo dục áp đặt.

Thứ tư, về việc vận dụng các lý thuyết và cách tiếp cận trong nghiên cứu mâu thuẫn, vận dụng lý thuyết xung đột đã tỏ ra phù hợp với nghiên cứu mâu thuẫn cha mẹ và con cái vị thành niên. Việc vận dụng những lý thuyết và cách tiếp cận này không chỉ cho phép tìm hiểu được bản chất của mâu thuẫn dựa trên mối quan hệ đặc thù giữa cha mẹ và con cái, mà còn cho phép nhận diện và lý giải những ảnh hưởng và tác động từ mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái đến vấn đề phát triển của trẻ ở giai đoạn vị thành niên. Theo lý thuyết xung đột việc xảy ra mâu thuẫn giữa cha mẹ - con cái vị thành niên là do cha mẹ và con cái có những mong muốn khác nhau thậm chí là trái ngược nhau ở các lĩnh vực học tập, quan hệ bạn bè, thời gian sử dụng Internet, về quản lý và tự lập tài chính của trẻ vì đây là hoạt động ưa thích của trẻ em ở lứa tuổi này, vì vậy khi mâu thuẫn nảy sinh thường gây ra hệ quả tiêu cực cho mối quan hệ cha mẹ - con cái.

Và cuối cùng, với những kết luận được đúc rút từ kết quả nghiên cứu của đề tài và được đối chiếu với giả thuyết nghiên cứu đặt ra cho phép NCS kết luận rằng, các giả thuyết nghiên cứu của luận án đã phần nào được kiểm chứng, và những phát hiện của nghiên cứu đã cung cấp những cơ sở để có thể bước đầu khẳng định rằng: (1) mâu thuẫn cha mẹ và con cái vị thành niên là một vấn đề không tránh khỏi và đang tồn tại trong các gia đình với tần suất và mức độ phổ biến, đa dạng khác nhau; (2) trẻ vị thành niên có xu hướng mâu thuẫn với mẹ nhiều hơn với bố (3) cha mẹ và con cái vị thành niên có các phản ứng và cách giải quyết khác nhau khi nảy sinh mâu thuẫn, việc giải quyết mâu thuẫn cha mẹ và con cái vị thành niên là một vấn đề quan trọng trong khi nhiều cha mẹ vẫn chưa thực sự quan tâm để giải quyết mâu thuẫn một cách thấu đáo, và có xu hướng sử dụng biện pháp tiêu cực, đặc biệt là người cha cho thấy có nhiều thách thức trong việc hạn chế mâu thuẫn cha mẹ và con cái ở lứa tuổi này; và (4) có mối liên hệ chặt chẽ giữa mâu thuẫn cha mẹ - con cái với một số yếu tố liên quan đến khu vực sống, liên quan đến các đặc trưng cá nhân của trẻ và cha mẹ, đáng chú ý là các gia đình sống môi trường đô thị hiện đại, nhóm cha mẹ càng có học vấn cao hơn thì trong gia đình càng có xu hướng nảy sinh mâu thuẫn với con cái; tương tự trẻ em có học lực giỏi cũng là nhóm có xu hướng có mâu thuẫn với cha mẹ nhiều hơn, dường như điều này có liên quan đến cha mẹ có quá nhiều kỳ vọng về việc học tập và quản lý con, và ở chiều ngược lại, ở nhóm trẻ này cũng đang nhận/hoặc phải chịu nhiều áp lực về thành tích học và sự kiểm soát của cha mẹ nhiều hơn. Bên cạnh đó đặc biệt nổi lên vai trò của yếu tố phong cách giáo dục gia đình, theo đó, trong các gia đình mà cha mẹ thường áp đặt độc đoán, tỉ lệ mâu thuẫn cha mẹ- con cái cao hơn so với gia đình cha mẹ không áp đặt. Tuy nhiên, ở một số khía cạnh, tác động của các biến số cá nhân, gia đình và cộng đồng không có ý nghĩa rõ rệt, đặc biệt trong lĩnh vực sử dụng Internet/TBCN, điều này cho thấy tính chất đồng nhất trong bản chất của mâu thuẫn trong quan hệ cha mẹ và con cái VTN, sự ảnh hưởng sự công nghệ đối sự phát triển xã hội nói chung và ảnh hưởng tới quan hệ gia đình nói riêng.

B. Khuyến nghị

Dựa trên các kết quả nghiên cứu, NCS xin đề xuất một số khuyến nghị hướng tới việc hạn chế, giảm nhẹ mâu thuẫn, xung đột mâu thuẫn cha mẹ - con cái độ tuổi vị thành niên, góp phần nâng cao nhận thức của cha mẹ trong việc giáo dục con cái và nâng cao chất lượng quan hệ cha mẹ và con cái cũng như thực hiện quyền trẻ em được hiệu quả và tốt hơn.

1) Đối với các bậc cha mẹ và con cái

Cha mẹ cần chủ động nâng cao nhận thức và hiểu biết về tâm sinh lý độ tuổi vị thành niên. Kết quả từ nghiên cứu này một lần nữa khẳng định rằng mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái vị thành niên là vấn đề thường xuyên nảy sinh trong gia đình, ở nhiều khía cạnh liên quan đến con cái. Trong mẫu nghiên cứu này chưa đến một nửa số vị thành niên tự đánh giá hài lòng với cách giải quyết khi nảy sinh mâu thuẫn với cha mẹ, điều này gợi ra rằng cha mẹ cần có nhận thức đầy đủ về mối quan hệ với con cái ở lứa tuổi vị thành niên từ đó có những cải thiện, thay đổi biện pháp giáo dục con cái đúng hướng và giảm nhẹ xung đột và các phản ứng tiêu cực. Mâu thuẫn có thể hạn chế nếu người lớn thấu hiểu sự biến đổi trong quá trình phát triển thể chất và tinh thần của trẻ em, bởi ở lứa tuổi vị thành niên là giai đoạn con cái có nhiều xu hướng muốn tự khẳng định bản thân, muốn được tôn trọng và được ứng xử giống như người trưởng thành. Khi nảy sinh các mâu thuẫn nghiêm trọng không thể hóa giải, các bậc cha mẹ cần chủ động nhờ đến sự hỗ trợ của nhà trường, các chuyên gia tâm lý để hiểu được tâm sinh lý con cái ở lứa tuổi vị thành niên từ đó có các giải pháp phù hợp với gia đình mình.

Về cách giáo dục gia đình, các bậc cha mẹ không nên độc đoán, áp đặt bắt con cái phải nghe theo mà cần áp dụng các biện pháp giáo dục tích cực. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy cha mẹ áp đặt làm tăng khả năng mâu thuẫn với con cái, vì vậy việc cha mẹ cần lắng nghe và tôn trọng ý kiến của con cái cũng như kiểm soát cảm xúc bản thân và chủ động giải quyết mâu thuẫn một cách thỏa đáng, để tránh cho mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng. Việc cha mẹ nóng giận hoặc to tiếng với con sẽ làm cho mâu thuẫn trở nên nghiêm trọng hơn và tác động tiêu cực đến con cái.

Trong gia đình, cha mẹ cần thống nhất về biện pháp và quy tắc ứng xử để giáo dục và nuôi dưỡng trẻ. Bởi kết quả của Luận án đã ghi nhận sự khác biệt giới trong mâu thuẫn, trong phản ứng cũng như cách giải quyết khác nhau giữa người cha - con và người mẹ - con. Việc cha mẹ có cùng chung quan điểm và nhận thức về việc giải quyết mâu thuẫn với con cái sẽ làm giảm mâu thuẫn xung đột trong gia đình một cách hiệu quả. Đặc biệt là quy định nguyên tắc cho việc học tập, vui chơi giải trí đặc biệt là việc sử dụng Internet và thiết bị công nghệ do nghiên cứu này đã ghi nhận sự hiện diện phổ biến của các thiết bị di động và mức độ tự do trong việc sử dụng mạng Internet ở trẻ vị thành niên, đồng thời là nguyên nhân phổ biến nảy sinh mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái ở cả nông thôn và đô thị.

2) Đối với nhà trường

Nhà trường cần tăng cường các buổi học ngoại khóa trang bị các kiến thức liên quan đến kỹ năng sống trong các em học sinh trung học phổ thông. Tăng cường các hoạt động kết nối với phụ huynh và tổ chức các buổi nói chuyện, chia sẻ để kịp thời nắm bắt nhu cầu và giải quyết các vấn đề mâu thuẫn giữa cha em - con cái, các căng thẳng tâm lý - xã hội của học sinh. Điều này sẽ giúp cho học sinh có cơ hội được bày tỏ và giải tỏa cảm xúc tiêu cực với những người có kinh nghiệm. Từ đó, tăng cường vai trò của phụ huynh trong quá trình hỗ trợ và giáo dục con cái một cách có hiệu quả và phù hợp. Đồng thời, góp phần rất quan trọng vào việc đẩy mạnh và tăng cường sự tương tác, kết nối giữa học sinh, phụ huynh và gia đình trong môi trường học đường.

3) Đối với trẻ vị thành niên

Trước hết, có thể thấy mâu thuẫn cha mẹ - con cái có thể bắt đầu từ những bất đồng nhỏ trong cuộc sống. Để giảm thiểu mâu thuẫn, con cái có thể chủ động, tăng cường giao tiếp tích cực với cha mẹ. Số liệu điều tra cho thấy, tỉ lệ mâu thuẫn cha mẹ - con cái về học tập khá cao, phần lớn các em cho biết đều gặp áp lực lớn về học tập từ phía cha mẹ, vì vậy, để tránh những nguy cơ về sức khỏe tâm thần cho chính bản thân mình và tìm kiếm một lịch trình học phù hợp, các em cần chủ động chia sẻ với cha mẹ tình hình học tập của mình, những khó khăn còn vướng mắc và khả năng đáp ứng kì vọng học tập mà cha mẹ dành cho các em. Tương tự như vậy, mặc

dù mục đích chính của các em khi sử dụng Internet/TBCN là để tăng cường học hỏi, nhưng trong mắt cha mẹ, đôi khi cha mẹ vẫn rất e sợ các em gặp những rủi ro nguy hại trong không gian mạng và vô hình chung dẫn đến mâu thuẫn cha mẹ- con cái trong việc sử dụng Internet. Vì vậy, để bố mẹ hiểu mình, các em nên chủ động chia sẻ các thông tin mạng cho cha mẹ cũng như những điều làm các em cảm thấy Internet/TBCN đang mang lại tác động tích cực cho em.

Số liệu Luận án cũng cho thấy tỉ lệ giải quyết mâu thuẫn bằng sự hỗ trợ của bên thứ ba là gần như không có. Điều này gợi ý rằng, khi các em gặp mâu thuẫn với cha mẹ và cảm thấy khó khăn trong việc cởi mở và mở lời, các em đừng nghĩ mình cô đơn và hãy tận dụng những nguồn lực xung quanh như ông bà, họ hàng, anh chị em... hoặc thầy cô giáo và các chuyên gia thuộc phòng tham vấn học đường tại nơi các em học.

4) Đối với Nhà nước và xã hội

Nhà nước cũng cần đầu tư ngân sách tăng cường các chương trình dạy kỹ năng sống trường học, bởi đây cũng là nền tảng để giúp trẻ em nâng cao nhận thức và năng lực giải quyết vấn đề mâu thuẫn trong gia đình cũng như trong môi trường học đường.

Các cơ quản lý nhà nước về vấn đề gia đình và trẻ em, các tổ chức xã hội dân sự cần quan tâm đến việc truyền thông nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng quan hệ cha mẹ - con cái trong gia đình; tuyên truyền và tổ chức các hoạt động tạo sự gắn kết cha mẹ và con cái tại cộng đồng.

Cuối cùng, cơ cấu gia đình và quan hệ qua lại giữa các thành viên vốn là vấn đề phức tạp, đa dạng và nhạy cảm vì vậy cần tiếp tục có những nghiên cứu phân tích sâu và ở phạm vi rộng hơn để làm rõ thực trạng mâu thuẫn cha mẹ - con cái, cũng như mối liên quan giữa mâu thuẫn, xung đột trong quan hệ cha mẹ và con cái với vấn đề rối loạn tâm lý, sự lệch chuẩn về hành vi và nhân cách trong quá trình phát triển tuổi vị thành niên. Các nghiên cứu tiếp theo cần tập trung làm rõ các nguồn lực hỗ trợ cha mẹ và con cái cũng như vai trò quan trọng của nhà trường trong việc hỗ trợ trẻ vị thành niên vượt qua những khó khăn và thách thức trong quá trình học tập, giao tiếp xã hội và trưởng thành.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Hanh, N. T. H. (2023), “Some solutions to resolve conflicts between parents and teenagers”. *Technium Social Sciences Journal*, 45(1), pp.372–381.
<https://doi.org/10.47577/tssj.v45i1.9170>
2. Hanh, N. T. H. (2023), “The current situation of conflict between parents and teenage children”, *East African Scholars Journal of Psychology and Behavioural Sciences*, 5(4), pp.70-76. DOI:10.36349/easjpbs.2023.v05i04.001
3. Nguyen Thi Hong Hanh (2021), “Barriers to Parent-adolescent communication: What do Insiders say?”, *Vietnam Journal of Family and Gender Studies*, 16(2), pp.49-59
4. Nguyen Thi Hong Hanh (2020), “Intergenerational conflict between adolescents and their parents (Case study in Hanoi)”, *Vietnam Journal of Family and Gender Studies*, 15(2), tr.24-35
5. Nguyễn Thị Hồng Hạnh (2020), “Mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái tuổi vị thành niên: Nghiên cứu tại hai trường Trung học phổ thông tại Hà Nội”, *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, 30(4), tr.104-114.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bùi Hữu Mô, Châu Thị Hồng Nhự (2016), “Thực trạng và biện pháp khắc phục mâu thuẫn trong giao tiếp ứng xử giữa trẻ em lứa tuổi thiếu niên với cha mẹ”, *Tạp chí Giáo dục*, 2(374), tr.17-20.
2. Đặng Cảnh Khanh, Lê Thị Quý (2007), *Gia đình học*, NXB Lí luận chính trị, Hà Nội.
3. Đỗ Thị Lệ Hằng (2013), *Căng thẳng của học sinh Trung học phổ thông*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
4. Hồ Thị Luân, 2008, *Ảnh hưởng của trò chơi trực tuyến đối với học sinh trung học phổ thông ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay*, Đề tài tiềm lực, Viện nghiên cứu Xã hội.
5. Lê Minh Nguyệt (2009), “Một số yếu tố ảnh hưởng đến sự tương tác giữa cha mẹ và con cái”, *Tạp chí Tâm lý học*, 9 (126), tr. 41-46.
6. Lê Minh Nguyệt (2009), “Thực trạng sự cảm nhận về nhau trong quá trình tương tác giữa cha, mẹ với con ở tuổi thiếu niên”, *Tạp chí Tâm lý học*, 10(127), tr. 58-63
7. Lê Ngọc Hùng (2002), *Lịch sử và lý thuyết xã hội học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Lê Thị Lan (2020), “Thực trạng một số khó khăn tâm lí của học sinh trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Thanh Hóa hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục*, 10(87), tr. 136-139.
9. Mai Huy Bích (2011), *Xã hội học gia đình*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Nguyễn Hữu Minh (2006), “Gia đình - Nguồn hỗ trợ tình cảm cho thanh niên và vị thành niên”, *Tạp chí Xã hội học*, 3(95), tr 25-38.
11. Nguyễn Hữu Minh (2013), “Một số đặc điểm cần quan tâm về các mối quan hệ trong gia đình Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, 7(367), tr.3-10.

12. Nguyễn Thị Minh Phương, Nguyễn Thái Quỳnh Chi (2001), *Nghiên cứu ảnh hưởng của Internet đến trẻ em (Nghiên cứu trường hợp Hà Nội- Việt Nam)*, Đề tài cấp Viện, Viện Xã hội học. Mã số: TL 2750.
13. Nguyễn Thị Nguyệt (2007), “Sự lựa chọn ứng xử của cha mẹ đối với con”, *Tạp chí Tâm lý học*, 9(102), tr. 60-63.
14. Trần Thị Vân Anh, Nguyễn Hữu Minh, Hà Thị Minh Khương (2011), “Quan hệ cha mẹ và con cái chưa trưởng thành”, Trong sách *Các mối quan hệ trong gia đình Việt Nam (Một số kết quả phân tích sâu Điều tra Gia đình Việt Nam*, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới và UNICEF Việt Nam.
15. Vũ Mạnh Lợi (1996), *Những nghiên cứu xã hội về gia đình Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

Tiếng Anh

16. Ashraf, Farzana & Najam, Najma (2011), “Age and Gender Differences in Parent-Adolescent Conflict”, *Journal of Behavioral Sciences* (21) pp.77-92.
17. Bi X., Yang Y., Li H., Wang M., Zhang W., & Deater-Deckard K. (2018), “Parenting Styles and Parent-Adolescent Relationships: The Mediating Roles of Behavioral Autonomy and Parental Authority”, *Frontiers in psychology* (9), 2187. <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2018.02187>.
18. Billieux J. (2012), “Problematic use of the mobile phone: a literature review and a pathways model”, *Curr. Psychiatry Rev.* 8(4), pp.299–307.
19. Bornstein M. H., Bradley R. H. (2003), *Socioeconomic status, parenting, and child development*. Routledge.
20. Chen-Gaddini M. (2012), “Chinese Mothers and Adolescents’ Views of Authority and Autonomy: A Study of Parent-Adolescent Conflict in Urban and Rural China”, *Child Development* 83(6), 1846–1852, doi:10.1111/j.1467-8624.2012.01823.x
21. Cicognani E., Zani B. (2010), “Conflict Styles and Outcomes in Families with Adolescent Children”, *Social Development* 19(2), pp. 427-436.

22. Ciupińska B. (2014, “Determinants of conflicts with Parents in the view of young adolescents”. *Pedagogika Rodziny* (4), pp.117-127.
23. Collins W. A., & Russell G. (1991), “Mother-child and father-child relationships in middle childhood and adolescence: A developmental analysis”, *Developmental Review* 11(2), pp.99-136.
24. Comstock J. (1994), “Parent-Adolescent Conflict: A Developmental Approach”, *Western Journal of Communication* (58), pp. 263-282.
25. Crosnoe R. (2000), “Friendships in Childhood and Adolescence: The Life Course and New Directions”, *Social Psychology Quarterly* 63(4), pp. 377–391. <https://doi.org/10.2307/2695847>.
26. De Goede I. H., Branje S. J., & Meeus W. H. (2009), “Developmental changes in adolescents' perceptions of relationships with their parents”, *Journal of youth and adolescence* 38(1), pp. 75–88, <https://doi.org/10.1007/s10964-008-9286-7>.
27. Deković M. (1999), “Parent–adolescent conflict: Possible determinants and consequences”, *International Journal of Behavioral Development* 23(4), pp.977–1000.
28. Dotterer A. M., Hoffman L., Crouter A. C., & McHale S. M. (2008), “A Longitudinal Examination of the Bidirectional Links Between Academic Achievement and Parent–Adolescent Conflict”, *Journal of Family Issues* 29(6), 762–779, <https://doi.org/10.1177/0192513X07309454>.
29. Duan, Wenjie & Guan, Yuan & Bu, He. (2018), “The Effect of Parental Involvement and Socioeconomic Status on Junior School Students’ Academic Achievement and School Behavior in China”, *Frontiers in Psychology* 9. 952, [10.3389/fpsyg.2018.00952](https://doi.org/10.3389/fpsyg.2018.00952).
30. Erikson E. H., Erikson J. M. (1998), *The life cycle completed*.
31. Gadallah M., Hassan A., Kotb S., Abd El-Hameed N. (2016), “Parent-Adolescents conflicts and its relation with their school achievement and Self-esteem”, *Assiut Scientific Nursing Journal* 4(9), pp.186-196.
32. Hofer M., Sassenberg K., & Pikowsky B. (1999), “Discourse Asymmetries in Adolescent Daughters’ Disputes with Mothers”, *International Journal of Behavioral Development* 23(4), pp.1001–1022.

33. Holmes T. R., Bond L. A., & Byrne C. (2012), "The role of beliefs in mother-adolescent conflict: An application of the theory of planned behavior", *Current Psychology: A Journal for Diverse Perspectives on Diverse Psychological Issues* 31(2), pp.122–143.
34. Krishnan U. D. (2004), *Parent-adolescent conflict and adolescent functioning in a collectivist, ethnically heterogenous culture: Malaysia* [Doctoral dissertation, Ohio State University], OhioLINK Electronic Theses and Dissertations Center, http://rave.ohiolink.edu/etdc/view?acc_num=osu1079038747.
35. Laursen B. (2005), "Conflict Between Mothers and Adolescents in Single-Mother, Blended, and Two-Biological-Parent Families", *Parenting, Science and Practice* 5(4), pp.347-370.
36. Laursen B., & Collins W. A. (1994), "Interpersonal conflict during adolescence", *Psychological bulletin* 115(2), pp.197–209.
37. Lee S.J. (2009), Online communication and adolescent social ties: who benefits more from internet use? *Journal of Computer-Mediated Communication* 14(3), 509–531. 10.1111/j.1083-6101.2009.01451.x.
38. Mastrotheodoros S., Van der Graaff J., Deković M., Meeus W. H. J., & Branje S. (2020), "Parent-Adolescent Conflict across Adolescence: Trajectories of Informant Discrepancies and Associations with Personality Types", *Journal of youth and adolescence* 49(1), pp. 119–135.
39. Missotten L. C., Luyckx K., Branje S. J. T., Hale W. W., & Meeus W. H. (2017), "Examining the longitudinal relations among adolescents' conflict management with parents and conflict frequency", *Personality and Individual Differences* (117), pp. 37–41.
40. Moed A., Gershoff E. T., Eisenberg N., Hofer C., Losoya S., Spinrad T. L., & Liew J. (2015), "Parent-Adolescent Conflict as Sequences of Reciprocal Negative Emotion: Links with Conflict Resolution and Adolescents' Behavior Problems", *Journal of youth and adolescence* 44(8), pp.1607–1622.
41. Montemayor R. (1983), "Parents and adolescents in conflict: All families some of the time and some families most of the time", *The Journal of Early Adolescence* 3(1-2), pp.83–103.

42. Montemayor R., & Hanson E. (1985), "A naturalistic view of conflict between adolescents and their parents and siblings", *The Journal of Early Adolescence* 5(1), pp.23–30.
43. Morales-Castillo M., Meza Rodríguez A. E., & Murcia Piñeros L. M. (2023), "Parental Involvement With Early Adolescents: Variations Related to the Gender in Rural and Urban Areas", *SAGE Open* 13(1).
44. Onongha G.I. (2015), *Influence of Parent-Adolescent Conflict on Adolescent Academic Performance in Oriade Local Government Area, Osun State, Nigeria*.
45. Phinney J. S., & Ong A. D. (2002), "Adolescent-parent disagreements and life satisfaction in families from Vietnamese- and European-American backgrounds", *International Journal of Behavioral Development* 26(6), pp. 556–561.
46. Renk K., Liljequist L., Simpson J. E., & Phares V. (2005), "Gender and Age Differences in the Topics of Parent-Adolescent Conflict", *The Family Journal* 13(2), pp.139–149.
47. Riesch S. K., Bush L., Nelson C. J., Ohm B. J., Portz P. A., Abell B., Wightman M. R., & Jenkins P. (2000), "Topics of conflict between parents and young adolescents", *Journal of the Society of Pediatric Nurses* 5(1), pp.27–40.
48. Rohrbeck C.A. (2003), Peer Relationships, Adolescence, 10.1007/978-1-4615-0195-4_118.
49. Saxena R., Srivastava N., Naithani R. (2011), "Disagreements in Parent-Adolescent Relationship: A Comparison in Middle Class Families and Lower Class Families", *Studies on Home and Community Science* (5), pp.104 - 99.
50. Shah R., Chauhan N., Gupta A. K., Sen M. S. (2016), "Adolescent-parent conflict in the age of social media: Case reports from India", *Asian journal of psychiatry* (23), pp.24–26.
51. Shearman S. M., Dumlao R., Kagawa N. (2011), "Cultural variations in accounts by American and Japanese young adults: Recalling a major conflict with parents" *Journal of Family Communication* 11(2), pp. 105-125.
52. Smetana J. G. (1995), "Parenting styles and conceptions of parental authority during adolescence", *Child development* 66(2), pp. 299-316.

53. Smetana J. G., Yau J., Restrepo A., & Braeges J. L. (1991), “Adolescent-parent conflict in married and divorced families”, *Developmental Psychology* 27(6), pp.1000–1010.
54. Sorkhabi N. (2010), “Sources of parent-adolescent conflict: Content and form of parenting”, *Social Behavior and Personality: An International Journal* 38(6), pp. 761–782.
55. Steinberg L. (1987), “Recent research on the family at adolescence: The extent and nature of sex differences”, *Journal of youth and adolescence* 16(3), pp.191–197.
56. Yau J., & Smetana J. (2003), “Adolescent-Parent conflict in Hong Kong and Shenzhen: A comparison of youth in two cultural contexts”, *International Journal of Behavioral Development* 27(3), pp.201–211.
57. Yau J., & Smetana J. G. (1996), “Adolescent-Parent Conflict among Chinese Adolescents in Hong Kong”, *Child Development* 67(3), pp.1262–1275.
58. Zhao H., Xu Y., Wang F., Jiang J., Zhang X., & Wang X. (2015), “Chinese adolescents' coping tactics in a parent-adolescent conflict and their relationships with life satisfaction: the differences between coping with mother and father”, *Frontiers in psychology* (6)1572, <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2015.01572>.

Website

1. <https://tienphong.vn/hoc-sinh-tu-tu-vi-ap-luc-hoc-tap-do-nguoi-lon-stress-post1428466.tpo>
2. <https://phapluat.suckhoedoisong.vn/dau-long-nhung-vu-hoc-sinh-tu-tu-vi-ap-luc-hoc-tap-162220323104444524.htm>

PHỤ LỤC

1. Bảng hỏi của đề tài của Luận án

Mã số phiếu:.....

Mã Trường học:.....

Mã lớp:

BẢNG HỎI

Chào em!

Trước hết, cảm ơn em vì đã cùng tham gia cuộc khảo sát này!

Trên tay em là bảng hỏi phục vụ cho nghiên cứu về chủ đề Mối quan hệ cha mẹ và con cái độ tuổi THPT. Gửi đến em bảng hỏi này, chúng tôi mong muốn nhận được những thông tin, chia sẻ của các em về mối quan hệ với cha mẹ, về đời sống tinh thần của em. Mong em đừng nghĩ Liệu mình trả lời thế này là nên hay không nên, là tốt hay không tốt..Điều quan trọng duy nhất là **câu trả lời chân thật của chính em**. Và không một ai trong trường hay gia đình biết em trả lời như thế nào, và không ai được xem phần trả lời của em, trừ các nghiên cứu viên thuộc Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới.

Mặc dù đây không phải bài thi, nhưng rất mong em sẽ trả lời chân thật và càng nhanh càng tốt. **Em vui lòng không bỏ trống các câu hỏi vì mọi thông tin đều có ý nghĩa rất lớn với nghiên cứu.**

Một lần nữa, trân trọng cảm ơn sự cộng tác của các em!

ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Phòng Nghiên cứu Các vấn đề Xã Hội

Viện NC Gia đình và Giới, Viện HLKHXH Việt Nam

SĐT Liên hệ: 0902090005

Email: hanhnguyen.dnl@gmail.com

PHẦN A: THÔNG TIN CHUNG

Xin em vui lòng cho biết một số thông tin sau, hãy khoanh tròn vào phương án đúng với em:

A1. Em là: 1. Nam 2. Nữ 3. LGBT

A2. Em học lớp: 1. Lớp 10 2. Lớp 11 3. Lớp 12

A3. Em vui lòng cho biết hoàn cảnh gia đình mình hiện nay:

1. Em vẫn sống với cả bố và mẹ
2. Em chỉ sống với bố hoặc mẹ
3. Em sống với bố và mẹ kế
4. Em sống với mẹ và bố dượng

A4. Trong gia đình, em có mấy anh chị em (tính cả em) :.....

A5. Em là người con thứ mấy trong gia đình?:

A6. Gia đình em có mấy thế hệ (tính cả em):..... thế hệ

B. VIỆC HỌC TẬP

B1. Xin em cho biết điểm tổng kết của mình trong học kỳ vừa qua?

1. Dưới 5,9
2. Từ 6,0 đến 6,9
3. Từ 7,0 đến 7,9
4. Từ 8,0 trở lên

B2. Hạnh kiểm trong Học kỳ qua của em là:

1. Hạnh kiểm trung bình trở xuống
2. Hạnh kiểm Khá
3. Hạnh kiểm tốt

B3. Ở trường lớp, em có đảm nhiệm vai trò nào dưới đây không?

(em có thể chọn nhiều phương án)

1. Cán bộ lớp
(lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng,
tổ phó)
2. Thư ký lớp
3. Cán bộ Đoàn
4. Cờ đỏ
5. Thành viên BCH Đoàn trường
6. Thành viên CLB trường
7. Không đảm nhiệm vai trò nào
nêu trên

B4. Trong giai đoạn đi học (không tính nghỉ hè), trung bình một tuần em dành bao nhiêu thời gian để học tập?(ví dụ: tuần em học thêm 5 ca, em nhân 5 với khoảng thời gian mỗi ca, em có thể phép nhân, đề tài sẽ tự điền kết quả)

- | | |
|--------------------------------|-----------------------------------|
| 1. Học thêm/ Học gia sư: | 3. Học chính thức ở trường: |
| tiếng | tiếng |
| 2. Học năng khiếu: | 4. Tự học tại nhà:..... |
| tiếng | tiếng |

B4.1. Với em, việc học thêm như vậy là vừa đủ hay bị ít/ nhiều?

- | | | | |
|-----------|---------------|--------------|---------------------------------|
| 1. Học ít | 2. Học vừa đủ | 3. Học nhiều | 99. KAD(nếu em không học thêm) |
|-----------|---------------|--------------|---------------------------------|

B4.2 Với em, việc học năng khiếu như vậy là vừa đủ hay bị ít/ nhiều?

- | | | | |
|-----------|---------------|--------------|---------------------------------------|
| 1. Học ít | 2. Học vừa đủ | 3. Học nhiều | 99. KAD(nếu em không học năng khiếu) |
|-----------|---------------|--------------|---------------------------------------|

B5. Nhìn chung, ai quyết định việc học thêm của em? Em khoanh tròn vào ô số tương ứng với lựa chọn của mình:

	Người quyết định việc học thêm/học gia sư/ học năng khiếu				
	Em tự quyết định hoàn toàn	Em quyết định là chính, nhưng có hỏi ý kiến bố mẹ	Em và bố mẹ cùng bàn bạc và quyết định	Bố mẹ quyết định nhưng có hỏi ý kiến em	Bố mẹ hoàn toàn quyết định
Việc học thêm/học gia sư các môn chính khoá	1	2	3	4	5
Việc học năng khiếu	1	2	3	4	5

B6. Khi ở nhà, bố có hay nhắc nhở em chuyện học tập không?

88. KAD- nếu em không ở cùng bố

- | | | | |
|-------------------|----------------|--------------------------|--------------------------|
| 1. Không nhắc nhở | 2. Ít nhắc nhở | 3. Thỉnh thoảng nhắc nhở | 4. Thường xuyên nhắc nhở |
|-------------------|----------------|--------------------------|--------------------------|

B7. Khi ở nhà, mẹ có hay nhắc nhở em chuyện học tập không?

88. KAD- nếu em không ở cùng mẹ

1. Không nhắc nhở 2. Ít nhắc nhở 3. Thỉnh thoảng nhắc nhở 4. Thường xuyên nhắc nhở

B8. Em có hay chia sẻ với bố các khó khăn trong học tập không?

88. KAD- nếu em không ở cùng bố

1. Không chia sẻ 2. Ít chia sẻ 3. Thỉnh thoảng chia sẻ 4. Thường xuyên chia sẻ

B9. Em có hay chia sẻ với mẹ các khó khăn trong học tập không?

88. KAD- nếu em không ở cùng mẹ

1. Không chia sẻ 2. Ít chia sẻ 3. Thỉnh thoảng chia sẻ 4. Thường xuyên chia sẻ

B10. Bố mẹ có ép em phải học kể cả khi em mệt không?

1. Không bao giờ 2. Có, Ít khi 3. Có, Thỉnh thoảng 4. Có, Thường xuyên

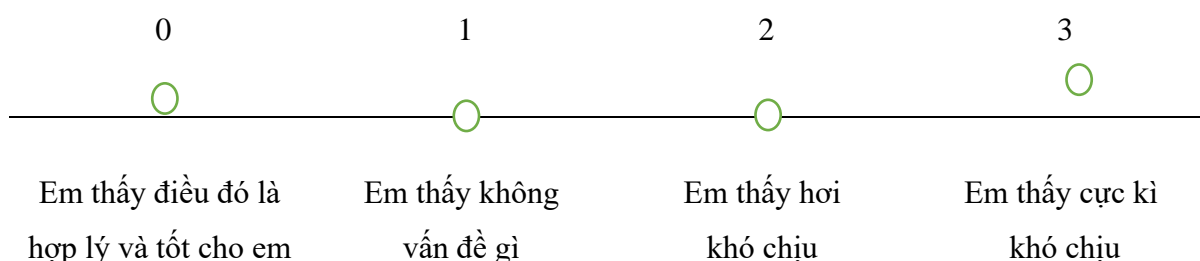
B11. Em có bị bố mẹ gây áp lực về việc đạt điểm cao không?

1. Không bao giờ 2. Có, Ít khi 3. Có, Thỉnh thoảng 4. Có, Thường xuyên

B12. Xin em cho biết, bố mẹ tham gia như thế nào vào việc chọn trường/lớp/ban học (ban A, ban D) của em?

1. Bố/mẹ quyết định hoàn toàn
2. Bố/mẹ quyết định có hỏi ý kiến em
3. Bố/mẹ và em cùng quyết định
4. Em quyết định có hỏi ý kiến Bố/mẹ
5. Em hoàn toàn quyết định

B13. Khi bố/mẹ đóng vai trò quyết định chính trong việc chọn trường lớp của em, em có cảm nhận như thế nào?



PHẦN C: SỬ DỤNG THỜI GIAN RỖI

C1. Nếu hiểu Thời gian rỗi là khoảng thời gian em không phải đi học, không phải làm bài tập, cũng không phải làm các công việc bố mẹ/gia đình giao, mà là thời gian để nghỉ ngơi giải trí (không tính thời gian ngủ) thì trung bình, vào những ngày đi học, em có bao nhiêu thời gian rảnh rỗi?..... tiếng/01 ngày

C2. Trung bình, vào ngày nghỉ cuối tuần, em có bao nhiêu thời gian rảnh rỗi?..... tiếng

C3. Em thường làm gì khi rảnh rỗi ?- em hãy khoanh tròn 01 phương án phổ biến nhất.

Vào những ngày đi học	Vào những ngày nghỉ cuối tuần
1. Gặp gỡ, giao lưu với các bạn (<i>đi chơi, đi trà chanh, trà sữa, đi dạo, sang nhà nhau chơi.....</i>)	1. Gặp gỡ, giao lưu với các bạn (<i>đi chơi, đi trà chanh, trà sữa, đi dạo, sang nhà nhau chơi.....</i>)
2. Làm các hoạt động cá nhân một mình (<i>online, chơi game, đọc sách báo truyện</i>)	2. Làm các hoạt động cá nhân một mình (<i>online, chơi game, đọc sách báo truyện</i>)
3. Tham gia các hoạt động giải trí cùng bố/mẹ	3. Tham gia các hoạt động giải trí cùng bố/mẹ

C4. Em thấy khoảng thời gian rỗi của mình là ít, vừa đủ hay nhiều?

1 điểm



2 điểm



3 điểm



Em có ít thời gian rỗi

Em có vừa đủ thời gian rỗi

Em có nhiều thời gian rỗi

C5. Vào những lúc rảnh rỗi, em có được toàn quyền làm điều mình thích không?

1. Em được hoàn toàn tự do làm điều mình muốn
2. Em được làm điều mình muốn, nhưng bố mẹ vẫn can thiệp
3. Em cảm thấy không được tự do lắm, bố mẹ vẫn can thiệp nhiều.
4. Bố mẹ can thiệp chặt chẽ vào khoảng thời gian riêng tư của em.

C6. Em có các thiết bị dưới đây của riêng mình không?

(Em có thể chọn nhiều phương án)

1. Điện thoại di động (chỉ có chức năng nghe- gọi)
2. Điện thoại di động thông minh (kết nối được Internet)

3. Máy tính xách tay
4. Máy tính để bàn
5. Máy tính bảng
6. Sách điện tử
7. Đồng hồ đeo tay thông minh

C7. Khi ở nhà, em có kết nối mạng Internet không? 1. Có. 2. Không

C8. Khi ở nhà, em có được tự do sử dụng Internet theo ý muốn không?

0	1	2	3	4
<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>
Không tự do	Ít tự do	Tự do	Khá tự do	Rất tự do

C9 Em thường sử dụng Internet để làm gì nhiều nhất? (chỉ chọn MỘT phương án)

1. Phục vụ việc học tập
2. Giao lưu với bạn bè qua mạng xã hội: nhắn tin, viết thư, comment facebook, chat..
3. Giải trí: xem phim, nghe nhạc, chơi game..
4. Tìm hiểu vấn đề mình quan tâm (thời sự, hội hoạ, âm nhạc...)
5. Khác (em ghi rõ):.....

D. HOẠT ĐỘNG CHI TIÊU

D1. Em có khoản tiền tiêu vặt của riêng mình không? 1. Có → câu D2 2. Không → chuyển câu D5

D2. Em thấy khoản tiền tiêu vặt đó có đủ cho nhu cầu tiêu dùng của em không?

1. Rất thiếu
2. Hơi thiếu
3. Đủ
4. Thừa

D3. Trong 01 năm qua, đối với tiền tiêu vặt của mình, em có được quyền quyết định trong việc chi tiêu của mình không?

1. Em hoàn toàn tự quyết định(*chuyển đến câu D7*)
2. Em quyết định là chính, bố mẹ chỉ tham gia 1 phần
3. Em với bố mẹ cùng bàn bạc và quyết định việc chi tiêu
4. Bố mẹ quyết định là chính, em chỉ tham gia 1 phần
5. Em không có quyền quyết định việc chi tiêu.

D4. Nếu bố mẹ có tham gia vào việc chi tiêu của em, em có thấy hợp lý không?

1. Hoàn toàn không hợp lý 2. Hợp lý 3. Rất hợp lý

D5. Nếu cần thêm tiền tiêu, em có thấy thoải mái khi xin bố mẹ không?

0. Hoàn toàn không thoải mái 1. Không thoải mái 2. Thoải mái 3. Rất thoải mái

D6. Em có nghĩ ở tuổi mình, học sinh được quyền cầm và tự quyết định việc chi tiêu với số tiền mình có/mình được cho không?

- 0 1 2 3
-
-

Hoàn toàn không đồng ý Không đồng ý Đồng ý Hoàn toàn đồng ý

D7. Trong 01 năm qua, em có đi làm thêm không

(tính cả việc làm trong nhà được bố mẹ trả công)?

1. Có, em làm thêm và nhận lương(chuyển đến D9)
2. Có, em làm thêm nhưng không có lương (công việc tình nguyện..)(chuyển đến D9)
3. Không

D8. Em có thể cho biết lí do em không đi làm thêm?

1. Em không muốn đi làm thêm (chuyển đến phần E)
2. Bố mẹ không cho em đi làm thêm (chuyển đến D11)
3. Khác, em vui lòng ghi rõ:.....

D9. Vì sao em quyết định đi làm thêm?(em có thể chọn nhiều phương án)

1. Có thêm tiền tiêu 5. Em đi làm cùng bạn cho vui
2. Có cơ hội giao lưu nhiều hơn 6. Bố mẹ bắt em đi làm
3. Không muốn ở nhà nhiều 7. Khác: em vui lòng ghi
4. Tăng cường kỹ năng sống, kỹ năng giao rõ:.....
tiếp

D10. Bố mẹ ủng hộ em đi làm thêm ở mức độ nào?

1. Bố mẹ **không** ủng hộ 2. Bố mẹ ủng hộ nhưng 3. Bố mẹ hoàn toàn ủng
chút nào không thoải mái lắm hộ cho em đi làm

D11. Em có biết vì sao bố/mẹ không cho hoặc không ủng hộ em đi làm thêm?

(Em có thể chọn nhiều phương án)

1. Bố/mẹ lo ảnh hưởng đến học tập
2. Bố/mẹ lo ảnh hưởng đến sức khỏe
3. Bố/mẹ sợ em giao du với người xấu
4. Bố/mẹ sợ mất thể diện
5. Khác- em vui lòng ghi rõ:

E. QUAN HỆ BẠN BÈ

E1. Nếu hiểu bạn thân là người mà em tin tưởng, thường xuyên liên lạc và có thể chia sẻ các suy nghĩ và cảm xúc thầm kín của mình, nhận định nào dưới đây mô tả đúng nhất mối quan hệ bạn bè của em

1. Em có rất nhiều bạn, nhưng hầu như không có bạn thân
2. Em có rất nhiều bạn, một số trong đó là bạn thân
3. Em có ít bạn, nhưng hầu hết là bạn thân
4. Em có ít bạn, và cũng không thân với ai
5. Em gần như không chơi với ai

E2. Trong năm vừa qua, Em có hay đi chơi cùng các bạn không?

(đến nhà nhau chơi, đi dạo, đi cà phê trà chanh, đi chơi game...)

- | | | | | |
|--------------|---------------------|----------------------|--------------------|------------------|
| 1. Hàng ngày | 2. Vài lần một tuần | 3. Vài lần một tháng | 4. Một năm vài lần | 5. Gần như không |
|--------------|---------------------|----------------------|--------------------|------------------|

E3 Trong học kỳ vừa qua, bố/mẹ có thường xuyên ngăn cản em đi chơi với bạn không?

1. Có, thường xuyên
2. Có, thỉnh thoảng
3. Có, ít khi
4. Không bao giờ

E4. Ngoài giờ đi học, em thường liên hệ với các bạn của mình như thế nào? Hãy chọn 1 cách liên lạc mà em hay dùng nhất:

1. Gặp mặt trực tiếp (đến nhà nhau chơi, đi chơi cùng nhau...)
2. Gọi điện thoại hoặc gửi tin nhắn điện thoại
3. Qua mạng xã hội (facebook, zalo, tiktok...)
4. Em gần như không liên lạc với các bạn
5. Khác.....

E5. Bố/mẹ có biết rõ về bạn thân của em không?

0. Hoàn toàn không biết 1. Biết một ít 2. Biết khá rõ 3. Biết rõ

E6. Em đánh giá mức độ can thiệp của bố mẹ vào việc lựa chọn bạn bè của mình như thế nào?

1. Bố/mẹ không can thiệp (em chuyển sang câu E8)
2. Bố/mẹ can thiệp ít
3. Bố/mẹ khá can thiệp nhưng vẫn để em tham gia quyết định
4. Bố/mẹ can thiệp hoàn toàn

E7. Nếu bố/mẹ có can thiệp vào chuyện lựa chọn bạn bè của em, thì em có cảm nhận gì?

0	1	2	3
<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>

Em thấy điều đó là hợp lý và tốt cho em	Em thấy không có vấn đề gì	Em thấy hơi khó chịu	Em thấy cực kì khó chịu
---	----------------------------	----------------------	-------------------------

E8. Em có hay chia sẻ với bố về các mối quan hệ bạn bè của mình không?

88. KAD- nếu em không ở cùng bố

1. Không chia sẻ
2. Ít chia sẻ
3. Thỉnh thoảng chia sẻ
4. Thường xuyên chia sẻ

E9. Em có hay chia sẻ với mẹ về các mối quan hệ bạn bè của mình không?

88. KAD- nếu em không ở cùng mẹ

1. Không chia sẻ
2. Ít chia sẻ
3. Thỉnh thoảng chia sẻ
4. Thường xuyên chia sẻ

F. QUAN HỆ GIỮA EM VÀ BỐ MẸ

F1. Khi có tâm sự, em có hay chia sẻ với bố không? 88. KAD- nếu em không ở cùng bố

1. Không chia sẻ
2. Ít chia sẻ
3. Thỉnh thoảng chia sẻ
4. Thường xuyên chia sẻ

F2. Khi có tâm sự, em có hay chia sẻ với mẹ không? 88. KAD- nếu em không ở cùng mẹ

1. Không chia sẻ
2. Ít chia sẻ
3. Thỉnh thoảng chia sẻ
4. Thường xuyên chia sẻ

F3. Giữa bố và mẹ, ai thường xuyên nhắc nhở, sát sao với em trong cuộc sống hàng ngày hơn?

1. Bố
 2. Mẹ
88. KAD nếu em không ở cùng cả bố và mẹ

F4. Giữa bố và mẹ, em cảm thấy gần gũi về mặt tình cảm với ai nhiều hơn?

1. Bố
 2. Mẹ
88. KAD nếu em không ở cùng cả bố và mẹ

F5. Dưới đây là các nhận định về mối quan hệ giữa bố và mẹ em , em đồng ý ở mức độ nào với các nhận định này?

	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý lắm	Đồng ý	Khá đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	KAD- nếu em không ở cùng cả bố và mẹ
1. Gia đình em hoà thuận	0	1	2	3	4	88
2. Bố mẹ em thường xuyên tranh luận to tiếng	0	1	2	3	4	88
3. Bố mẹ em thương yêu nhau	0	1	2	3	4	88
4. Bố mẹ thường xuyên tâm sự, trò chuyện với nhau	0	1	2	3	4	88
5. Trong gia đình em, mẹ luôn nghe lời bố	0	1	2	3	4	88
6. Bố mẹ em thường xuyên đánh chửi nhau	0	1	2	3	4	88

F6.Em đồng ý như thế nào với các nhận định dưới đây?

	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý lắm	Đồng ý	Khá đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1. Nghĩa vụ của con cái là nghe lời cha mẹ hoàn toàn	0	1	2	3	4
2. Những điều bố mẹ xếp đặt cho con cái chưa chắc đã là điều con muốn	0	1	2	3	4
3. Nhìn chung, khi quan điểm giữa con cái và bố mẹ khác nhau, con cái có quyền nói lên ý kiến của mình	0	1	2	3	4

4. Con cái cần có được quyết định hoàn toàn các việc cá nhân của mình	0	1	2	3	4
5. Con cái có thể cãi lại bố mẹ trong một vài trường hợp đặc biệt	0	1	2	3	4

F7. Trong mối quan hệ với cha mẹ, em đồng ý như thế nào với các nhận định dưới đây?

	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý lắm	Đồng ý	Khá đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	KAD- nếu em không ở cùng cả bố và mẹ
1. Em coi bố mẹ là những người bạn của mình	0	1	2	3	4	88
2. Bố mẹ thường lắng nghe và tôn trọng ý kiến của em	0	1	2	3	4	88
3. Bố mẹ chưa hiểu rõ về tính cách của em	0	1	2	3	4	88
4. Bố mẹ hay áp đặt cho cuộc sống của em	0	1	2	3	4	88
5. Em chỉ cần phản đối ý kiến của bố mẹ là bị gọi là “hỗn”, “trúng khôn hơn vịt”...	0	1	2	3	4	88
6. Nghe bố mẹ nhắc nhở, khuyên bảo nhiều khiến em mệt mỏi	0	1	2	3	4	88

F8. Nếu hiểu mâu thuẫn là sự khác biệt, bất đồng trong quan điểm, lời nói, hành vi thì trong 01 tháng vừa qua, em và bố mẹ có thường xảy ra mâu thuẫn ở các lĩnh vực này không?

	Với bố					Với mẹ				
	Hàng ngày	Vài lần một tuần	Vài lần một tháng	Không có mâu thuẫn	KAD: nếu em không ở cùng bố	Hàng ngày	Vài lần một tuần	Vài lần một tháng	Không có mâu thuẫn	KAD: nếu em không ở cùng mẹ
1.Chuyện ăn mặc, kiểu tóc của em	1	2	3	4	88	1	2	3	4	88
2.Thời gian em giao lưu với bạn bè	1	2	3	4	88	1	2	3	4	88
3.Điểm số học tập	1	2	3	4	88	1	2	3	4	88
4.Việc đi học thêm của em	1	2	3	4	88	1	2	3	4	88
5.Việc chọn trường lớp	1	2	3	4	88	1	2	3	4	88
6.Việc học ở nhà của em	1	2	3	4	88	1	2	3	4	88
7.Chuyện đi làm thêm của em	1	2	3	4	88	1	2	3	4	88
8.Việc sở hữu tiền của em	1	2	3	4	88	1	2	3	4	88
9.Cách em tiêu tiền	1	2	3	4	88	1	2	3	4	88
10.Thời gian sử dụng Internet/thiết bị công nghệ của em	1	2	3	4	88	1	2	3	4	88
11.Nội dung các trang mạng em hay truy cập	1	2	3	4	88	1	2	3	4	88
12.Việc chọn bạn của em	1	2	3	4	88	1	2	3	4	88

F9. Trong 01 tháng vừa qua, em đánh giá mâu thuẫn giữa em và bố mẹ thường diễn ra ở mức độ nào? Em có thể hiểu mức độ ng nghiêm trọng là mức độ căng thẳng giữa em và bố mẹ trong lần mâu thuẫn đó.

	Với bố				Với mẹ			KAD nếu em không ở với mẹ
	Không nghiêm trọng	Bình thường	Ng nghiêm trọng	KAD nếu em không ở với bố	Không nghiêm trọng	Bình thường	Ng nghiêm trọng	
1.Chuyện ăn mặc, kiểu tóc của em	0	1	2	88	0	1	2	88
2.Thời gian em giao lưu với bạn bè	0	1	2	88	0	1	2	88
3.Điểm số ở trường	0	1	2	88	0	1	2	88
4.Việc đi học thêm của em	0	1	2	88	0	1	2	88
5.Việc chọn trường lớp	0	1	2	88	0	1	2	88
6.Việc học ở nhà của em	0	1	2	88	0	1	2	88
7.Chuyện đi làm thêm của em	0	1	2	88	0	1	2	88
8.Việc sở hữu tiền của em	0	1	2	88	0	1	2	88
9.Cách em tiêu tiền	0	1	2	88	0	1	2	88
10.Thời gian sử dụng Internet/ thiết bị công nghệ của em	0	1	2	88	0	1	2	88
11.Nội dung các trang mạng em hay truy cập	0	1	2	88	0	1	2	88
12.Việc chọn bạn của em	0	1	2	88	0	1	2	88

Trong số các chủ đề : Học tập, Quan hệ bạn bè, Sử dụng thiết bị công nghệ/Internet, Cách em sử dụng tiền... được đề cập bên trên, em hãy nhớ lại lần mâu thuẫn gần đây nhất giữa em và bố/mẹ liên quan đến chủ đề trên, và cho biết:

G1 . Mâu thuẫn đó là về chuyện gì:.....

G2. Lần đó, em mâu thuẫn với : 1. Bố/bố dượng 2. Mẹ/mẹ kế 3. Cả bố và mẹ

G3 Em có thể vui lòng mô tả đôi chút về lần mâu thuẫn đó?.....

G4 Em đánh giá mức độ mâu thuẫn của lần đó như thế nào?

1. Không nghiêm trọng 2. Ít nghiêm trọng 3. Nghiêm trọng 4. Rất nghiêm trọng

G5. Khi xảy ra mâu thuẫn, em đã phản ứng ra sao?

(em có thể chọn nhiều phương án)

1. Im lặng không nói gì
2. Tìm cách né tránh bố mẹ
3. Giải thích, trình bày nhẹ nhàng với bố mẹ
4. Nghe theo bố mẹ nhưng trong lòng không phục
5. Tranh luận gay gắt với bố mẹ
6. Cảm thấy mình sai và thấy hối lỗi với bố mẹ
7. Khác:.....

G6. Khi xảy ra mâu thuẫn, bố mẹ em đã phản ứng như thế nào?

(em có thể chọn nhiều PA)

Phản ứng của bố	Phản ứng của mẹ
1. Nói chuyện, khuyên bảo nhẹ nhàng, giải thích đúng sai cho em	1. Nói chuyện, khuyên bảo nhẹ nhàng, giải thích đúng sai cho em
2. Phạt nghiêm khắc nhưng em thấy công bằng, hợp lý	2. Phạt nghiêm khắc nhưng em thấy công bằng, hợp lý
3. Mắng chửi gay gắt, khiến em cảm thấy bị xúc phạm	3. Mắng chửi gay gắt, khiến em cảm thấy bị xúc phạm
4. Áp dụng hình phạt với em	4. Áp dụng hình phạt với em
5. Liên lạc với cô giáo, nhà trường	5. Liên lạc với cô giáo, nhà trường
6. Đánh em	6. Đánh em
7. Không làm gì	7. Không làm gì
8. Khác:.....	8. Khác:.....
9. KAD(khi em ko ở cùng bố/ bố không ở nhà trong thời điểm đó)	9. KAD(khi em ko ở cùng mẹ/ mẹ không ở nhà trong thời điểm đó)

G7: Em và bố mẹ đã mất bao lâu để trở lại bình thường:..... ngày

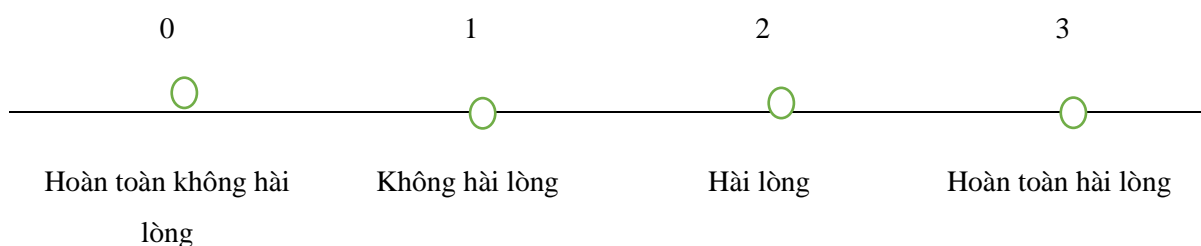
G8.Em cảm thấy như thế nào khi chuyện đó xảy ra?(em có thể chọn nhiều phương án)

1. Em thấy bình thường, chuyện này cũng nhỏ
2. Em cảm thấy giận dữ, bất mãn với bố mẹ
3. Em thấy chán nản
4. Em muốn chết đi cho rồi
5. Em muốn bỏ nhà đi thật xa
6. Em thấy bị xúc phạm
7. Em ước mình không phải con của bố mẹ
8. Em thấy bản thân mình thật kém cỏi
9. Em thấy mình có lỗi
10. Em và bố/mẹ hiểu và gần gũi với nhau hơn
11. Khác:.....

G9. Em và bố mẹ giải quyết mâu thuẫn đó như thế nào?

1. Em nghe theo lời bố mẹ
2. Bố mẹ thuận theo ý em
3. Em và bố mẹ cùng đồng thuận giải quyết
4. Em và bố/mẹ nhờ người thứ ba phân xử
5. Em và bố/mẹ không đề cập tới chuyện đó nữa, lờ đi coi như chưa từng xảy ra

G10. Em hài lòng như thế nào về cách giải quyết lần đó?



G11. Em và bố mẹ đã làm gì để hàn gắn sau lần mâu thuẫn đó

Em đã.....

Bố mẹ đã.....

Cuối cùng, xin em vui lòng cho biết một số thông tin về bố mẹ của mình nhé.

	Bố	Mẹ
G12.Tuổi (nếu em nhớ năm sinh của Bố mẹ, em điền năm sinh. Nếu em nhớ tuổi/ khoảng tuổi của bố mẹ thì em điền vào dòng tuổi)	Tuổi:.....	Tuổi:.....
	Năm sinh:.....	Năm sinh:.....
G13.Học vấn	1. Cấp I	1. Cấp I
	2. Cấp 2	2. Cấp 2
	3. Cấp 3	3. Cấp 3
	4. Cao đẳng/ Đại học	4. Cao đẳng/Đại học
	5. Trên đại học	5. Trên đại học
	6. Không biết	6. Không biết
G14.Nghề nghiệp	1.Làm cơ quan NN, công ty, doanh nghiệp	1.Làm cơ quan NN, công ty, doanh nghiệp
	2.Công nhân, lao động tự do	2.Công nhân, lao động tự do
	3.Buôn bán, kinh doanh, dịch vụ	3.Buôn bán, kinh doanh, dịch vụ
	4.Nội trợ/Hưu trí/Không làm việc	4.Nội trợ/Hưu trí/Không làm việc
	5.Khác	5.Khác
	6.Không biết	6.Không biết

Chân thành cảm ơn em đã dành thời gian hỗ trợ nghiên cứu!

SĐT của em (nếu có):.....

Em có nhu cầu nói chuyện thêm về chủ đề này không?

(nếu có, tôi sẽ chủ động liên lạc với em)

1. Có

2. Không

2. Kết quả phân tích hồi quy logistic

Mô hình hồi quy logistic được sử dụng để xác định sự ảnh hưởng của các biến số độc lập đối với khả năng xảy ra mâu thuẫn giữa học sinh trung học phổ thông và cha/mẹ ở ba nội dung là học tập, bạn bè và hình thức bên ngoài của vị thành niên - là những nội dung có khác biệt theo các đặc điểm cá nhân và gia đình của trẻ.

Mô hình phân tích hồi quy trong nghiên cứu này chỉ bao gồm các biến số độc lập, theo giả thuyết, có khả năng ảnh hưởng đến mâu thuẫn giữa học sinh THPT với cha/mẹ mới đưa vào phân tích hồi quy và số lượng biến số độc lập ở mô hình phân tích cũng khác nhau giữa mâu thuẫn với bố và với mẹ.

Dựa vào kết quả kiểm định tương quan, Luận án này chỉ thực hiện tính toán mô hình hồi quy logistic về tác động của các biến số chọn lọc đến mâu thuẫn giữa học sinh THPT và bố, mẹ ở ba nội dung liên quan đến học tập, hình thức bên ngoài và quan hệ bạn bè.

Nghiên cứu chỉ lựa chọn những học sinh THPT hiện sống cùng với cả cha và mẹ với tổng mẫu phân tích hồi quy là 649 trường hợp. Về cách thức tiến hành phân tích hồi quy, đề tài sử dụng phương pháp đưa vào bắt buộc (Enter) tức là các biến trong khối biến độc lập được đưa vào trong một bước, mà không sử dụng phương pháp đưa dần vào theo điều kiện (Forward Conditional) hoặc phương pháp đưa dần vào kiểm tra thống kê Wald (Forward: Wald) hay hồi quy từng bước (Stepwise). Việc giải thích, diễn giải về kết quả mô hình hồi quy logic sẽ thể hiện tương ứng với các phân loại của mỗi biến số là tỷ số chênh lệch giữa tác động của các loại đặc trưng đến việc có xảy ra mâu thuẫn giữa học sinh THPT với cha/mẹ so với tác động của loại đặc trưng dùng để làm đối chứng. Tỷ số cho loại dùng để đối chứng luôn nhận giá trị bằng 1. Nếu tỷ số chênh lệch của một loại đặc trưng trong biến số đó lớn hơn 1, nghĩa là nhóm cha mẹ và học sinh trung học phổ thông mang loại đặc trưng đó có khả năng xảy ra mâu thuẫn liên quan đến 3 nội dung/chủ đề (học tập, đời sống cá nhân và hoạt động quản lý và tự lập tài chính) cao hơn nhóm mang loại đặc trưng dùng để đối chứng. Ngược lại, nếu tỷ số chênh lệch của loại đặc trưng nào đó nhỏ hơn 1 thì nhóm mang đặc trưng đó có khả năng xảy ra mâu thuẫn thấp hơn so với nhóm mang loại đặc trưng dùng làm nhóm đối chứng, v.v.

Các dấu sao (*, **, ***) ghi bên cạnh tỷ số chênh lệch thể hiện sự tác động của loại đặc trưng đó có ý nghĩa thống kê hay không có ý nghĩa thống kê, căn cứ vào giá trị P, với mức ý nghĩa từ 95% trở lên ($P < 0,05$). Tỷ số được gắn càng nhiều dấu * có nghĩa là tác động của loại đặc trưng/biến số độc lập đó với biến phụ thuộc càng quan trọng và ngược lại. Tỷ số không kèm theo dấu sao cho thấy không có bằng chứng để khẳng định tác động của loại đặc điểm trong biến số độc lập đang xét đến là đáng kể về mặt thống kê (Vũ Mạnh Lợi, 1996; Nguyễn Hữu Minh, 2011).

Bảng 1. Kết quả mô hình hồi quy logistic về tác động của các biến số chọn lọc đến mâu thuẫn giữa học sinh THPT và bố liên quan đến vấn đề bạn bè

Các biến số	Tỷ số chênh lệch (OR)*	N=630
Khu vực sinh sống		
Đô thị	2,177**	349
Nông thôn	1	281
Khối lớp		
Lớp 10	0,758	213
Lớp 11	0,670	218
Lớp 12	1	199
Học lực		
Không phải HSG	1,220	189
Học sinh giỏi	1	441
Đi chơi với bạn		
Thường xuyên	1,620**	264
Không/ít thường xuyên	1	366
Học vấn bố		
<Cấp 3	1,018	292
Đại học	0,606*	194
>Đại học	1	144
Số ACE		
1-2 ACE	1,319	390
3 ACE trở lên	1	240
Gia đình áp đặt con cái		
Có	1,517*	399
Không	1	231
Cha mẹ tôn trọng con		
Có	0,737	488
Không	1	142
Chỉ tiêu/Hệ số 2LL (-2 Log likelihood)	824,916 ^a	
Nagelkerke R Square	,099	
Phân trăm dự đoán đúng (Overall Percentage)	60,3	

Mức ý nghĩa thống kê: *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$; ***: $p < 0,001$

Ghi chú: Mẫu phân tích hồi quy chỉ bao gồm những học sinh THPT hiện sống cùng với cả cha và mẹ.

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020.

Bảng 2. Kết quả mô hình hồi quy logistic về tác động của các biến số chọn lọc đến mâu thuẫn giữa học sinh THPT và bố liên quan đến vấn đề cách ăn mặc, kiểu tóc

Các biến số	Tỷ số chênh lệch (OR)*	N=630
Khu vực sinh sống		
Đô thị	2,605***	349
Nông thôn	1	281
Khối lớp		
Lớp 10	0,789	213
Lớp 11	0,722	218
Lớp 12	1	199
Học lực		
Không phải HSG	0,917	189
Học sinh giỏi	1	441
Học vấn bố		
<Cấp 3	0,606*	292
Đại học	0,501**	194
>Đại học	1	144
Gia đình áp đặt con cái		
Có	1,606*	399
Không	1	231
Cha mẹ tôn trọng con		
Có	0,954	488
Không	1	142
Chỉ tiêu/Hệ số 2LL (-2 Log likelihood)	732.918 ^a	
Nagelkerke R Square	.122	
Phân trăm dự đoán đúng (Overall Percentage)	69,4	

Mức ý nghĩa thống kê: *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$; ***: $p < 0,001$

Ghi chú: Mẫu phân tích hồi quy chỉ bao gồm những học sinh THPT hiện sống cùng với cả cha và mẹ.

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020.

Bảng 3: Kết quả mô hình hồi quy logistic về tác động của các biến số chọn lọc đến mâu thuẫn giữa học sinh THPT và bố liên quan đến vấn đề sử dụng Internet/TBCN

Các biến số	Tỷ số chênh lệch (OR)*	N=680
Khu vực sinh sống		
Đô thị	1,350	377
Nông thôn	1	303
Giới tính		
Nam	1,483	
Nữ	1	
Khối lớp		
Lớp 10	3,085	213
Lớp 11	1,706	218
Lớp 12	1	199
Học lực		
Không phải HSG	1,019	206
Học sinh giỏi	1	474
Học vấn bố		
<Cấp 3	0,761	312
Đại học	0,575	220
>Đại học	1	148
Gia đình áp đặt con cái		
Có	1,370	432
Không	1	248
Chỉ tiêu/Hệ số 2LL (-2 Log likelihood)	732.918 ^a	
Nagelkerke R Square	.034	
Phần trăm dự đoán đúng (Overall Percentage)	75,7	

Mức ý nghĩa thống kê: *: $p < 0,05$; **: $p < 0,01$; ***: $p < 0,001$

Ghi chú: Mẫu phân tích hồi quy chỉ bao gồm những học sinh THPT hiện sống cùng với cả cha và mẹ.

Nguồn: Kết quả khảo sát của Luận án, 2020.